

Phật Tích 2550

Đại Thừa
VÔ LƯỢNG THỌ
Kinh

(Giản Chú Dịch Giải)

Biên soạn: Pháp sư TỊNH KHÔNG

Người dịch: NGUYỄN TRÙNG



TỊNH TÔNG HỌC HỘI
ẤN TỐNG

Printed for free distribution by
The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation
11F., 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.
Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415

Email: overseas@budaedu.org

Website: <http://www.budaedu.org>

This book is strictly for free distribution, it is not for sale.

KINH AN TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN

LỜI GIỚI THIỆU

Kinh Vô Lượng Thọ (Sukhàvati-Vyùha) là một trong 3 bộ Thánh điển chủ yếu của tông Tịnh Độ. Kinh kể chuyện vị Quốc vương Pháp Tạng xuất gia, nguyện nếu thành Phật Ngài sẽ đưa những ai tin tưởng trì niệm danh hiệu Ngài đến quốc độ Cực Lạc của Ngài. Ngài đã thành chánh quả, tức Đức Phật A-di-đà, Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Công Đức đang chờ đón hết thảy chúng sanh đến cõi Tây phương Cực Lạc của Ngài.

Ở Trung Quốc, từ đời Hán đến đời Tống, tương truyền có 12 bản Hán dịch; sau đời Tống Nguyên, người ta xác định có 5 bản là: 1/Vô Lượng Thọ Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh do Chi-lâu-ca-sâm đời Hậu Hán dịch; 2/A-di-đà Kinh do Chi Khiêm đời Ngô (thời Tam Quốc) dịch; 3/Vô Lượng Thọ Kinh do Khương Tăng Khải đời Tào Ngụy dịch; 4/Vô Lượng Thọ Như Lai Hội do Bồ-đề Lưu Chí đời Đường dịch; và 5/Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh do Pháp Hiền đời Triệu Tống dịch.

Các bản Hán dịch trên có nội dung chủ yếu giống nhau nhưng cũng có nhiều chi tiết khác biệt nhau như cách chia chương đoạn, số mục, danh xưng chư Bồ-tát, Đại Tỳ-kheo, chúng nhân dự hội, vị trí, độ dài ngắn của các kệ tụng... Điều này chứng tỏ các bản Hán dịch không phải chỉ dựa vào một Phạn bản duy nhất và rằng có nhiều Phạn bản và không

biết bản nào là bản nguyên gốc. Năm 1883, Max Muller (người Đức) và Nam Điền Văn Hùng (người Nhật) cho xuất bản một Phạn bản Kinh Vô Lượng Thọ và Max Muller dịch ra Anh ngữ, năm 1908 Nam Điền Văn Hùng dịch ra Nhật ngữ. Năm 1917 Dịch Nguyên Văn Lai dựa theo một Phạn bản khác và một bản Tạng dịch của Kinh được tìm thấy ở Nepal, đính chính Phạn bản đã công bố trước đó rồi dịch ra Anh ngữ và Nhật ngữ.

Trước kia đã có 3 bản Kinh Vô Lượng Thọ do 3 vị Cư sĩ ở 3 thời khác nhau tập hợp các bản Hán dịch mà biên soạn lại thành một bản riêng; khởi đầu là năm 1160, Cư sĩ Vương Nhật Hutu, sau đó là Cư sĩ Bành Nhị Lâm, rồi đến Cư sĩ Ngụy Mặc Thâm. Đến năm 1932, tức sau khi hai Phạn bản được công bố và dịch ra Anh ngữ và Nhật ngữ, Cư sĩ Hạ Liên Cư tập hợp các bản Hán dịch, nghiên cứu, so sánh đối chiếu giữa các dịch phẩm và Phạn bản Kinh Vô Lượng Thọ đã có từ trước đến nay, soạn thành một bản Kinh, lấy tên là “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh” và cho xuất bản lần đầu vào năm 1936 tại Đài Loan.

“Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giản Chú Dịch Giải” là một công trình diễn giải bằng văn Bạch Thoại, rất trong sáng, gãy gọn và căn bản về “Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh” của Cư sĩ Hạ Liên Cư do Pháp sư Tịnh Không thực hiện, được đem giảng dạy cho Hội chúng cư sĩ tại Singapore và sau đó được phổ biến rộng rãi, được quần chúng Phật tử hân hoan đón

nhận và tán thán.

Tại Việt Nam, “Thiền Tịnh song tu” đã từ lâu trở thành một truyền thống thực hiện giải thoát của Tăng Ni Phật tử. Nói cho cùng, tự lực hay tha lực chỉ có ranh giới rất mong manh trong ý niệm. Hướng đến Đức Phật A-di-đà là sự thể hiện, sự đáp ứng lời nguyện vô lượng từ bi, vô lượng quang minh; hướng đến Cực Lạc quốc là tiến trình đi đến cảnh giới của Pháp thân thanh tịnh mà tận cùng rốt ráo chính là cái Tâm giải thoát vậy.

Cư sĩ Nguyễn Trùng là một Huynh trưởng Gia đình Phật tử, suốt 50 năm gắn bó với các sinh hoạt của thanh thiếu niên Phật tử cũng như giới thiệu nghiên cứu, tu tập Phật pháp. Ngoài các bài dịch thuật, thơ, truyện ngắn... đã được in trên các tập san Phật giáo từ nhiều chục năm nay, Cư sĩ còn có một vài công trình dài hơn nhưng chưa có dịp công bố, trong đó có bản Việt dịch “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Chú Dịch Giải” của Pháp sư Tịnh Không mà Cư sĩ dự định sẽ xin xuất bản. Đây là một bản dịch nghiêm túc, sáng sửa về một nội dung phù hợp và cần thiết cho đông đảo người tu học Phật ở Việt Nam, yếu chỉ của tông Tịnh độ.

Tôi cảm kích sự tận tâm tận lực của Cư sĩ Nguyễn Trùng đối với Phật giáo, cũng như tình cảm mà Cư sĩ dành cho tôi, nên khi Cư sĩ đề nghị tôi viết lời giới thiệu về dịch phẩm này, tôi đã không ngại ý tứ, lời văn thô thiển, xin có đôi dòng trình bày cùng chut đọc giả.

Tịnh xá Trung Tâm, Trạng Xuân Nhâm Ngọ 2002.

T.T. THÍCH GIÁC TOÀN

TUA

Đạo Phật thì có nhiều tông phái, nội dung và phương pháp tu tập của mỗi tông phái tuy có khác nhau nhưng mục đích chỉ có một. Đó là loại trừ mọi phiền não, khổ đau đạt đến an vui giải thoát. Mỗi tông phái đều được vị sáng lập lấy một bộ kinh để làm tông chỉ như tông Hoa Nghiêm lấy Kinh Hoa Nghiêm làm tông chỉ; tông Thiên Thai lấy Kinh Pháp Hoa làm tông chỉ; tông Tịnh Độ lấy Kinh Vô Lượng Thọ làm tông chỉ...

Hiện nay Phật giáo Việt Nam chúng ta hầu như đại đa số Phật tử tại gia đều tu học theo pháp môn Tịnh Độ, do đó chúng tôi cố gắng phiên dịch bộ Kinh Vô Lượng Thọ Gian Chi Dịch Giải do Pháp sư Tịnh Không biên soạn rất rõ ràng, đầy đủ để góp phần cung cấp tài liệu cho các giới Phật tử tại gia tìm hiểu, nghiên cứu, tu tập đúng như nội dung phương pháp mà Kinh đã nói đến.

Trong quá trình phiên dịch, thực hiện, chúng tôi xin tán thán công đức của các đạo hữu đã có công đọc lại bản thảo, hỗ trợ in ấn để có được kết quả mỹ mãn như ngày hôm nay.

Nếu Phật sự này có được chút công đức nào, chúng tôi xin nguyện lấy công đức ấy hồi hướng, cầu nguyện cho cha mẹ, quyến thuộc nhiều đời quá cố được vãng sanh; cha mẹ hiện còn được khỏe mạnh an vui.

Mặc dù chúng tôi đã cố gắng hết sức trong quá trình phiên dịch thực hiện, nhưng chắc chắn không tránh khỏi khiếm khuyết nhất định. Kính mong chư Tôn thiên đức, chư vị thiện tri thức, các nhà Phật học thương tưởng chi giáo.

*Trung thu năm Canh Thìn, dương lịch 2000
Cư sĩ Nguyễn Trường
Kính tựa*

TỰA

Mấy năm gần đây, Cư sĩ Hàn Anh ở Cựu-kim-sơn, Mỹ quốc từng dựa vào cuốn “Di Đà Kinh Bạch Thoại Giải” của Cư sĩ Hàn Trí Hải viết lại thành cuốn “Di Đà Kinh Dịch Giải”. Sau khi xuất bản, quần chúng Phật tử vô cùng hoan nghênh bởi nó khế hợp với con người thời đại.

Năm 1995, trong một pháp hội mùa đông của tổ chức, Cư sĩ ở Tân-gia-ba được gặp lại Trưởng lão Hòa thượng Danh Sơn, ngài trực tiếp giao phó cho Cư sĩ họ Hàn: Nên dịch giải Kinh Vô Lượng Thọ phổ biến rộng rãi, công đức vô lượng. Cư sĩ họ Hàn hoan hỷ nhận lời. Sau đó vì lý do sức khỏe nên Cư sĩ chưa thể nào chấp bút, một ngày trước khi mất, do mỗi niệm không quên công việc ấy nên Cư sĩ lại phó thác cho Tịnh Không hoàn thành nguyện lớn ấy và còn thỉnh cầu: Tốt nhất là dịch giải Kinh Đại Hoa Nghiêm. Tịnh Không tôi nhận lời, thế là Cư sĩ họ Hàn liền vãng sanh trong Thường Tịch Quang của Đức Phật A-di-đà.

Hai năm trước khi vãng sanh, Cư sĩ đã đem Phật sự hộ trì Chánh pháp giao phó lại cho Cư sĩ Quý Mộc Nguyên ở Tinh Châu; Cư sĩ Quý Mộc Nguyên không phụ lòng giao phó nên đã thành lập “Tịnh Tông Học Hội” và “Tịnh Tông Hoàng Pháp Nhân Tài Bồi Huấn Ban” ở Tân-gia-ba và mời Tịnh Không chủ trì giảng dạy. Nhân đó tôi đem cuốn “Vô Lượng Thọ Kinh Khoa Hội” làm khóa trình trọng điểm cho khóa 2 bồi dưỡng rồi lại đưa cuốn “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Chú Dịch Giải” làm giáo trình cho khóa 3 do toàn thể học tăng ghi chép thành bản thảo, sau đó Tịnh Không sửa chữa, thêm bớt thành sách. Nay thì sách đã thành, tất cả mọi người đều lấy Phật sự này để kỷ niệm ngày tạ thế của Hàn Cư sĩ.

Tháng 5 năm nay, khóa bồi dưỡng giảng sư thứ 4 sẽ giảng toàn Kinh Hoa Nghiêm, lần này cũng do học tăng ghi chép viết thành cuốn “Hoa Nghiêm Kinh Khoa Chú Dịch Giải”, hy vọng trong vòng 3 năm sẽ hoàn thành. Tịnh Không lấy việc hoàn thành Phật sự này để báo đáp ơn thầy (Đông Mỹ) tiếp dẫn. Đại sư Chương Gia, Tuyết Lô (Lý Bính Nam) đã từ bi dạy dỗ tôi suốt 13 năm, và ân sâu 30 năm hộ trì của Cư sĩ họ Hàn.

Rất mong cuốn sách này sẽ được phổ biến rộng rãi để được lợi ích cho hàng sơ học. Tập sách này bỏ quyền trước tác và hoan nghênh việc phiên dịch, in ấn hướng dẫn đại chúng trên toàn cầu để phổ biến giới thiệu pháp

môn đệ nhất của chư Phật Như Lai rộng độ chúng sanh đời này thành tựu viên mãn.

Mong rằng quý vị độc giả có duyên như người nghèo được châu báu, như Kinh nói: “Nơi nào mà nội dung giáo dục của Đức Phật được phổ cập, từ quốc gia đến thôn ấp không nơi nào không nhuần thấm, thiên hạ hòa thuận, trời trăng trong sáng, mưa gió đúng thời, tai ách không khởi, nước giàu dân yên, không có chiến tranh, sùng bái sự nhân từ đức độ; đất nước không có giặc giả, mạnh không hiếp yếu, ai có phận nấy”. Phở nguyện người người đều có được hạnh phúc trọn đời, gia đình tốt đẹp, mỗi mỗi sự nghiệp đều thuận lợi thành công, xã hội hòa mục, mọi người thân thiện với nhau, giúp đỡ lẫn nhau để cộng tồn, cộng hưởng. Đất nước giàu mạnh, thế giới hòa bình lâu dài. Đó là những lợi ích chân thật mà Kinh này mang đến cho chúng sanh.

Trân trọng ghi lại đây duyên khởi trước khi xuất bản tập sách này. Rất mong chư vị hiền giả chỉ giáo.

Trân trọng !

Tháng 4 năm 1998 tại Tân-gia-ba

Tịnh Không kính tựa

ĐỀ KINH
PHẬT (1) THUYẾT ĐẠI THỪA (2)
VÔ LƯỢNG THỌ (3) TRANG NGHIÊM (4)
THANH TỊNH (5) BÌNH ĐẲNG GIÁC (6)
KINH (7)

Giải: Đức Phật Thích-ca-mâu-ni vì hết thấy chúng sanh mà nói pháp, trong pháp Đại thừa, hoàn cảnh sinh hoạt ở thế giới Tây phương của Đức Phật Vô Lượng Thọ là tốt đẹp, không thể nói hết, tất cả nhân dân ở đó, người người đều thành tựu tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, giác ngộ triệt để, biết rõ cái chân tướng của vũ trụ nhân sinh; đồng thời là bộ Kinh dạy chúng ta cầu sanh Tịnh độ như thế nào.

Chú: 1) *Phật:* Ấn Độ gọi là Phật-đà-da gọi tắt là Phật đà, phiên dịch ra tiếng Trung Quốc là giác ngộ, là vị biết rõ tự thân và hoàn cảnh sinh hoạt của tự thân, vị ấy được gọi là Phật. Ở đây chỉ Đức Phật Thích-ca-mâu-ni.

2) *Đại thừa:* Là cỗ xe lớn có khả năng chuyên chở nhiều người từ nơi này đến nơi khác. Ở đây thí dụ nội dung giáo dục của Đức Phật có thể giúp cho con người hiểu rõ con người như một con người.

3) Vô Lượng Thọ: Là cái chân tâm bản tính của tự thân vốn đầy đủ hết thảy vô lượng: trí tuệ vô lượng, hào quang vô lượng, thọ mạng vô lượng, tài nghệ các thứ đều vô lượng. Những thứ vô lượng ấy đều đạt đến, ở đây chỉ lấy vô lượng thọ làm đại biểu: do vì trong tất cả vô lượng, thọ mạng là tối trọng yếu, có thọ mạng vô lượng thì mới thọ dụng các vô lượng khác.

4) Trang nghiêm: Là nói đến hoàn cảnh cuộc sống và thân tướng đều đầy đủ vô lượng tốt đẹp, không thiếu một mảy may.

5) Thanh tịnh: Là viên ly tâm tham, tâm sân, tâm kiêu mạn, nghi hoặc, rời khỏi mọi ô nhiễm ở thân tướng và hoàn cảnh.

6) Bình đẳng giác: “Bình đẳng” là không sai biệt, không có tâm phân biệt; “Giác” là giác ngộ. Vì thế “thanh tịnh bình đẳng giác” là Đức Phật giúp cho chúng ta trong sinh hoạt đời thường cần lấy cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác ngộ để đối xử với tất cả mọi người, mọi sự, mọi vật.

7) Kinh: Là chỉ giáo lý, phương pháp mà Phật đã tuyên nói không bị hạn chế bởi bất cứ thời gian không gian nào, mãi mãi là những sách giáo khoa chính xác.

*

PHẨM MỘT
PHÁP HỘI (1) THÁNH (2) CHÚNG (3)

Giải: Đây là phẩm Kinh trình bày Thánh chúng thù thắng thời bấy giờ đến tham gia đại hội nghe Đức Phật Thích-ca-mâu-ni giảng Kinh nói pháp.

Chú: 1) *Pháp hội:* Là đại hội giảng Kinh nói pháp của Đức Phật Thích-ca.

2) *Thánh:* Là chỉ đến chư vị Thanh văn (La-hán) Bồ-tát.

3) *Chúng:* Một số đại chúng.

KINH

NHƯ THỊ NGÃ VẤN (1). NHẤT THỜI (2) PHẬT (3) TẠI VƯƠNG XÁ THÀNH, KỲ XÀ QUẠT SƠN TRUNG. DỮ ĐẠI (4) TỶ KHEO (5) CHÚNG VẠN NHỊ THIÊN NHƠN CÂU (6). NHẤT THIẾT ĐẠI THÁNH (7) THẦN THÔNG DĨ ĐẠT (8).

Giải: Đây là bộ Kinh dựa vào sự thật chân tướng mà nói, tự thân A-nan nghe Đức Phật Thích-ca nói. Lúc bấy giờ Đức Phật ở tại trong núi Kỳ-xà-quật, phía ngoài thành Vương Xá, gồm có một vạn hai ngàn vị Đại Tỳ-kheo tham gia pháp hội lần này cùng vào hội họp một nơi. Chư vị đều thuộc hàng Đại Bồ-tát, bậc Thánh, đều có năng lực, trí tuệ vượt hơn người thường, đối với tất cả mọi người thế gian, mọi vật, mọi sự, mọi lý đều thông đạt.

Chú: 1) *Như thị ngã văn*: “*Như*” là từ đại biểu cho sự thật chân tướng; “*Thị*” y cứ vào sự thật chân tướng mà nói thì gọi là “*thị*”; “*Ngã*” là từ Tôn giả A-nan tự xưng; “*Văn*” là chỉ Kinh này do tự thân Tôn giả A-nan nghe Phật nói.

2) *Nhất thời*: Là thời gian Đức Phật giảng nói bộ Kinh này, cũng chính là lúc mà căn tính, cơ duyên của chúng sanh đã thành thực.

3) *Phật*: Là Đức Phật Thích-ca-mâu-ni.

4) *Đại*: Là sanh đại giải, phá đại ác, chứng đại quả.

5) *Tỳ-kheo*: Có 3 nghĩa: a/ *Khất sĩ*: xin ăn để nuôi thân, xin pháp để nuôi tâm. b/ *Phá ác*: phá mọi phiền não ác tham, sân, si. c/ *Bố ma*: kiêu mạn ma – tâm tật đố quá nặng, luôn luôn mang cái tâm sợ người khác vượt hơn mình; vị Tỳ-kheo phát tâm tu đạo, một lòng mong cầu ra khỏi ba cõi vì thế nên loài ma sanh tâm sợ hãi...

6) *Câu*: Cùng hội họp.

7) *Đại thánh*: Là vị đã loại trừ vọng tưởng, phân biệt và chấp trước.

8) *Thần thông dĩ đạt*: Là năng lực, trí tuệ rộng lớn vô biên, mọi sự lý đều hiểu biết không chướng ngại.

KINH

KỲ DANH VIẾT, TÔN GIẢ (1) KIỀU TRẦN NHƯ (2), TÔN GIẢ XÁ LỢI PHÁT (3), TÔN GIẢ ĐẠI MỤC KIỀM LIÊN (4), TÔN

GIẢ CA DIẾP (5), TÔN GIẢ A NAN (6), ĐẰNG (7), NHI VỊ THƯỢNG THỦ (8).

Giải: Tên của chư vị là tôn kính, Trưởng lão Kiều-trần-như, là vị đại biểu cho đệ nhất pháp môn của Kinh này; tôn kính Trưởng lão Xá-lợi-phất, vị đại biểu cho trí tuệ đệ nhất; tôn kính Trưởng lão Đại Mục-kiền-liên, vị đại biểu thần thông đệ nhất; tôn kính Trưởng lão Ca-diếp, vị đại biểu cho Thiền tông; tôn kính Trưởng lão A-nan, vị đại biểu nghe nhiều đệ nhất, đại biểu cho “giáo hạ” ngoài Thiền tông.

Chú: 1) Tôn giả: Có ý nghĩa là tôn kính, cách xưng gọi đối với các vị có trí tuệ, có đạo đức. Ngày nay người ta gọi là tôn kính.

2) Kiều-trần-như: Đây là tiếng Ấn Độ, phiên dịch Trung văn là “Minh Liâu”, người đệ tử đầu tiên thành tựu khi Đức Phật mới bắt đầu nói pháp. Trong bộ Kinh này tên Tôn giả đứng đầu, tiêu biểu cho bộ Kinh này Phật nói trước tiên trong hết thảy Kinh.

3) Xá-lợi-phất: tiếng Ấn Độ “Xá-lợi” có nghĩa thân tướng đẹp đẽ; “Phất” có nghĩa là con cái, “Xá-lợi-phất” có nghĩa là vị có thân tướng đẹp đẽ là con của mẹ Ngài; Tôn giả là đệ tử của Đức Phật có trí tuệ đệ nhất, ở đây biểu thị có trí tuệ đệ nhất thì mới hiểu Kinh này.

4) Đại Mục-kiền-liên: Tiếng Trung Hoa là “Thải

tiêu”, tiêu là dòng họ Đậu, thuyết minh rằng gia đình Tôn giả trải qua nhiều đời sống bằng nghề nông, vì thế nên lấy họ là “Thải tiêu”; Tôn giả có thần thông đệ nhất trong số đệ tử Phật, đại biểu cho việc học tập Kinh này đạt đến sức mạnh vô cùng.

5) Ca-diếp: Là tiếng Ấn Độ, Trung Hoa dịch là “Âm Quang”, là tán thán hào quang của Tôn giả vượt qua hào quang người khác; Ngài sanh ra trong một gia đình giàu có là đại biểu cho khổ hạnh đệ nhất trong số đệ tử của Đức Phật, Tôn giả cũng là Sơ tổ Thiền tông, tại đây đại biểu cho việc niệm “A-di-đà Phật” là Thiền tông tối cao.

6) A-nan: Là tiếng Ấn Độ, Trung Hoa dịch là “Khánh Hỷ”, là chúc mừng hoan hỷ, nhân nhận được tin Đức Phật thành đạo cũng là lúc Tôn giả chào đời, vì thế nên đặt tên cho Tôn giả là “Khánh Hỷ” (chúc mừng). Tôn giả là bào đệ của Đức Phật, sau khi xuất gia là thị giả của Thế Tôn, Tôn giả là vị nghe nhiều đệ nhất, ở đây Tôn giả đại biểu cho “giáo hạ” (trong 10 tông phái Phật giáo ở Trung Quốc) ngoại trừ Thiền tông.

7) Đẳng: Là chỉ ở đó còn có rất nhiều vị thượng thủ khác.

8) Thượng thủ: Vị trí cao tại đại hội, cũng chính là thủ tịch của thánh chúng.

KINH

HỢU HỮU PHỔ HIỆN BỒ TÁT (1), VĂN THÙ SỬ LỢI BỒ TÁT

**(2), DI LẶC BỒ TÁT (3), CẬP HIỀN KIẾP (4) TRUNG NHẤT
THIỆT BỒ TÁT GIAI LAI TẬP HỘI.**

Giải: Còn có Bồ-tát Phổ Hiền ở trong pháp hội này đại biểu cho Tịnh, Mật không hai; Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đại biểu cho Thiên, Tịnh không hai; Bồ-tát Di-lặc đại biểu cho việc thừa truyền ở tương lai; cho đến chư vị trong thế kỷ lớn của hiền kiếp đó, trước sau gồm 996 vị là chư vị Bồ-tát sẽ ra đời và thành Phật tại cõi đời này đều tham gia pháp hội này.

Chú: 1) Bồ-tát Phổ Hiền: “Phổ” là có khắp tất cả mọi nơi, “Hiền” là tối hậu, tối hỷ. Tâm nguyện hành cho đến thân, miệng, ý của vị Bồ-tát này không chỗ nào không bình đẳng, vả lại còn phổ biến đến tất cả mọi người, sự, vật đều chân thành và thuần nhất diệu hỷ, vì thế nên xưng gọi là “Phổ Hiền”. “Bồ-tát” là tiếng Ấn Độ, vị biết rõ cái chân tướng của vũ trụ nhân sinh thì gọi là Bồ-tát. Bồ-tát Phổ Hiền ở đây đại biểu cho Mật, Tịnh không hai.

2) Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: “Văn-thù-sư-lợi” là tiếng Ấn Độ, Trung văn gọi là “Diệu Cát Tường” là vị đầy đủ minh tâm, thấy tánh. Ngài đại biểu cho trí tuệ đệ nhất trong hàng chư Bồ-tát, biểu thị đầy đủ hoan hỷ, niềm tin vào giáo lý và sự thật mà Kinh này nói, là vị có trí

tuệ lớn. Tại Kinh này, Ngài đại biểu cho Thiên, Tịnh không hai.

3) Bô-tát Di-lặc: “Di-lặc” là tiếng Ấn Độ, Trung văn gọi là “Tù Thị”, là họ của Ngài; Ấn Độ gọi tên Ngài là “A-dật-đa”, Trung văn dịch là “Vô Năng Thắng”, gọi là “Tâm từ bi không có ai vượt hơn Ngài”, đầy đủ đại từ, đại bi không ai vượt qua được. Hiện tại Ngài là vị Bô-tát, trải qua 57 ức 600 vạn năm trở về sau sẽ thị hiện thành Phật trong cuộc đời của chúng ta. Ngài cũng là thánh chúng chủ yếu của Kinh này, vì thế trong tương lai khi thành Phật chắc chắn là Ngài sẽ hoằng dương bộ Kinh này.

4) Hiền kiếp: “Kiếp” là đơn vị chỉ thời gian của xã hội cổ Ấn Độ, có ba cách tính là tiểu kiếp, trung kiếp, đại kiếp. Lấy tiêu chuẩn con người thế gian chúng ta sống lâu nhất là 84.000 tuổi, mỗi 100 năm giảm 01 tuổi, giảm cho đến 10 tuổi; rồi lại bắt đầu từ 10 tuổi, mỗi 100 năm tăng 01 tuổi, tăng cho đến 84.000 tuổi; giảm tăng như vậy gọi là một tiểu kiếp. Hai mươi tiểu kiếp thành một trung kiếp. Bốn trung kiếp thành một đại kiếp. Kiếp ở đây là chỉ đại kiếp, chúng ta gọi là thời đại lớn.

“Hiền kiếp” trong “thời đại lớn” ấy có 1000 vị Phật nối tiếp nhau ra đời. Đã xuất hiện ở đời có Câu-lưu-tôn Phật, Câu-na-hàm-mâu-ni Phật, Ca-diếp Phật,

Thích-ca-mâu-ni Phật; tương lai Đức Phật Di-lặc sẽ ra đời, cho đến chư vị Bồ-tát tham gia pháp hội sẽ ra đời như trên đã nói; ngoài ra còn có 996 vị Phật tiếp nối xuất hiện ở đời này. Trong thời đại lớn ấy có nhiều Phật ra đời, hiện tượng ấy vô cùng hy hữu vì thế nên gọi là “Hiền kiếp”.

*

PHẨM HAI ĐỨC TÔN PHỔ HIỀN

Giải: Đức hạnh của chư Bồ-tát đều tôn thủ, y chiếu vào 10 cương lĩnh lớn tu hành (10 đại nguyện vương), vào sâu một cửa, tu hành huân tập lâu đời, hoàn toàn lấy việc trở về Cực Lạc làm mục đích.

KINH

HỤY HIỀN HỘ ĐẰNG THẬP LỤC CHÍNH SĨ (1), SỞ VỊ THIỆN TƯ DUY BỒ TÁT (2), QUÁN VÔ TRỤ BỒ TÁT (3), THẦN THÔNG HOA BỒ TÁT (5), QUANG ANH BỒ TÁT (6), BẢO TRÀNG BỒ TÁT (7), TRÍ THƯỢNG BỒ TÁT (8), TỊCH CĂN BỒ TÁT (9), TÍN TUỆ BỒ TÁT (10), NGUYỆN TUỆ BỒ TÁT (10), HƯƠNG TƯỢNG BỒ TÁT (10), BẢO ANH BỒ TÁT (11), TRUNG TRỤ BỒ TÁT (12), CHẾ HẠNH BỒ TÁT (13), GIẢI THOÁT BỒ TÁT (14), NHI VỊ THƯỢNG THỦ (15).

Giải: Bồ-tát Hiền Hộ là vị Bồ-tát cùng thời đại với Đức Phật Thích-ca ở thế giới này, còn 15 vị Bồ-tát kia đều ở thế giới khác đến tham gia pháp hội. Do ý nghĩa của 14 vị Bồ-tát giúp cho chúng ta nhận thức rõ về sự thù thắng của Kinh này, vị Bồ-tát thứ 15 “Chế Hạnh Bồ-tát” dạy chúng ta phương pháp tu hành “trì danh niệm Phật”, còn vị Bồ-tát sau cùng đại biểu cho quả báo tu hành; 16 vị Bồ-tát này đều là thượng thủ của hàng Bồ-tát tại gia.

Chú: 1) *Hiền Hộ:* Là có khả năng giữ gìn mọi tư tưởng,

hành vi thuần chính của tự thân, lại còn có khả năng vui vẻ giữ gìn ý tứ của người khác. Ngài là vị đệ tử tu học Tịnh độ của Đức Phật Thích-ca, giống như địa vị của Phổ Hiền, Văn-thù. “Đẳng thập lục” chính là 15 vị ở thế giới khác có học vấn, có đạo đức. “Chính sĩ” chính là chánh tri, chánh kiến, sĩ là những phân tử tri thức. Những vị có tri kiến như Phật gọi là chính, cũng gọi là Đại sĩ, là danh hiệu khác của Bồ-tát.

2) Bồ-tát Thiện Tư: Tư tưởng, kiến giải của Ngài đều thuần thiện... đại biểu cho hàng chuyên tu Tịnh độ có đầy đủ kiến giải, tư tưởng chính xác, tương ứng với Phật A-di-đà.

3) Tuệ-Biện Tài Bồ-tát: Có trí tuệ, có khâu tài, có khả năng đem giáo lý tông Tịnh nói khiến cho người khác tin tưởng.

4) Quán Vô Trụ Bồ-tát: Quán sát tất cả các pháp của thế gian này đều vô thường. Ở đây đại biểu cho người tu Tịnh độ đối với tất cả các pháp, tâm không chấp trước, không lưu luyến, niệm Phật thì mới có thể vãng sanh.

5) Thần Thông Hoa Bồ-tát: Tiêu biểu cho ứng dụng linh hoạt. Ngài có rất nhiều năng lực khéo giáo dục, giới thiệu pháp môn Niệm Phật thành Phật cho quảng đại quần chúng, khiến cho mọi người hiểu rõ tiếp nhận.

6) Quang Anh Bồ-tát: Tiêu biểu cho hào quang

anh phát: hào quang là trí tuệ, anh phát là phát huy; biểu tượng cho bộ Kinh này có khả năng làm cho trí tuệ của chúng ta hiển lộ sâu rộng.

7) Bảo Tràng Bồ-tát: “Tràng” là lá cờ hình tròn lớn. Tại các đạo tràng xa xưa khi có giảng Kinh thì lá cờ này treo vào cột cờ ngoài tự viện để thông báo cho mọi người biết mà đến nghe Kinh. Vì thế “Tràng” là biểu trưng cho việc tuyên dương Phật pháp. Bảo Tràng là biểu trưng cho Phật pháp tuyên dương là tối thù thắng; ở đây biểu trưng cho pháp duyên tuyên dương Kinh này là thù thắng không thể nào so sánh.

8) Trí Thượng Bồ-tát: “Trí” là trí tuệ, “Thượng” là đệ nhất tối thượng; ở đây biểu trưng cho việc học Kinh này có khả năng đạt đến trí tuệ vô thượng.

9) Tịch Căn Bồ-tát: “Tịch” là tịnh tĩnh; “Căn” là chỉ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Lục căn tịch tĩnh là căn bản của tu hành; ở đây đại biểu cho việc dựa vào Kinh này tu học thì có khả năng thân tâm thanh tịnh.

10) Tín Tuệ Bồ-tát: Biểu trưng cho việc tin tưởng sâu xa Kinh này.

- Nguyện Tuệ Bồ-tát: Biểu trưng thái độ khẳng quyết phát nguyện tu học cầu sanh Tịnh độ.

- Hương Tượng Bồ-tát: Là thí dụ cho sức mạnh lớn lao của niệm Phật có thể giúp cho chúng ta vượt lên trên 10 pháp giới. Đây là vị Bồ-tát đại biểu cho 3 điều

kiện tất yếu để được vãng sanh: Tín – Nguyện – Hành.

11) Bảo Anh Bồ-tát: “Bảo” là kho báu trí tuệ, “Anh” là tinh anh; Bảo Anh là đại biểu cho 48 nguyện của Phật A-di-đà. 48 nguyện chính là tinh hoa trong tất cả diệu pháp, có khả năng giúp cho hạng phàm phu ở trong một kiếp có thể đắc vãng sanh, không thối chuyển thành Phật.

12) Trung Trụ Bồ-tát: “Trung” là trung đạo, “Trụ” là an trú. Đem cái tâm an trú ở Kinh này, trong danh hiệu Phật có khả năng đạt đến trung đạo, chân lý đệ nhất.

13) Chế Hành Bồ-tát: “Chế hành” là chỉ vào sự không chế hành vi, tư tưởng của chúng ta. Niệm Phật chính là không chế; ở đây đại biểu cho giữ giới niệm Phật.

14) Giải Thoát Bồ-tát: “Giải” là giải trừ phiền não, “Thoát” là thoát khỏi 6 đường, 10 pháp giới; biểu thị cho việc căn cứ vào nội dung Kinh này mà tu hành thì có thể vãng sanh Tịnh độ, mãi mãi rời khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đạt đến tự tại.

15) Nhi vi thượng thủ: 16 vị Bồ-tát là đại biểu thượng thủ của hàng Bồ-tát tại gia.

KINH

HÀM CỘNG TÔN TU (1), PHỔ HIỀN ĐẠI SĨ CHI ĐỨC (2), CỤ

TÚC VÔ LƯỢNG HÀNH NGUYỆN (3), AN TRÚ NHẤT THIẾT CÔNG ĐỨC PHÁP TRUNG (4), DU BỘ (5), THẬP PHƯƠNG, HÀNH QUYỀN PHƯƠNG TIỆN (6), NHẬP PHẬT PHÁP TẠNG (7), CỨU CÁNH BỈ NGẠN (8).

Giải: Đoạn Kinh văn này là nói đến đại chúng có mặt trong pháp hội đều lấy Bồ-tát Phổ Hiền làm điển hình, học tập 10 cương lĩnh lớn tu học của Ngài (nguyện vương), phát nguyện vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Chư vị đều tuân tu 10 nguyện lớn của Bồ-tát Phổ Hiền thì tự nhiên cũng đầy đủ vô lượng hạnh nguyện lớn như Bồ-tát Phổ Hiền. Dem cái tâm an trú vào một danh hiệu A-di-đà Phật cũng có khả năng thành tựu quả Như Lai, hết thảy pháp công đức đều rớt ráo tròn đầy; chư vị đều hiểu rõ, thông đạt cái chân tướng sự lý của vũ trụ và nhân sinh, thành tựu quả vị Phật.

Chú: 1) *Hàm:* Là đều – *Cộng:* Là cộng đồng – *Tôn:* Là tuân giữ – *Tu:* Là tu hành.

2) *Phổ Hiền Đại sĩ chi đức:* Đức vô lượng của Bồ-tát Phổ Hiền, nói không hết được; tóm lại là quy nạp vào 10 đại nguyện vương dưới đây:

1. Lễ kính chư Phật
2. Xưng tán Như Lai
3. Rộng tu cúng dường
4. Sám hối nghiệp chướng

5. Tùy hỷ công đức
6. Thỉnh chuyển bánh xe Chánh pháp
7. Thỉnh Phật trụ thế
8. Thường tùy Phật học
9. Hằng thuận chúng sanh
10. Phổ giai hội hướng.

3) *Cụ túc vô lượng hành nguyện: Chư vị Bồ-tát tham gia pháp hội, người người đều tuân tu theo 10 đại nguyện vương của Bồ-tát Phổ Hiền. Vì thế cũng đầy đủ vô lượng hành nguyện như Bồ-tát Phổ Hiền.*

4) *An trú nhất thiết công đức pháp trung: “An trú” là an trú chẳng động, “Nhất thiết công đức pháp” là công đức tròn đầy của Bồ-tát tu hành thành Phật trở về sau. Tại đây dạy chúng ta rằng chỉ cần đem cái tâm an trú vào một câu danh hiệu Phật chính là an trú trong tất cả pháp công đức.*

5) *Du bộ: Thần thông du hí.*

6) *Hành quyền phương tiện: Rất khéo hướng dẫn, thường tùy theo trình độ khác nhau của chúng sanh mà áp dụng phương pháp giáo dục, đó là chỉ thần thông du hí của chư Bồ-tát tự tại di chuyển đó đây để cảm hóa cứu độ hết thảy chúng sanh trong 10 phương, tùy thuận vào các nhu cầu của chúng sanh để giúp đỡ giáo hóa họ.*

7) *Nhập Phật pháp tạng: Đối với chân tâm tự tánh*

của chúng sanh, bên trong hàm tàng khả năng thông hiểu hết thấy Phật pháp. “Phật” là giác ngộ, sáng suốt thông hiểu, “Pháp” là tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian, “Tàng” là hàm tàng.

8) Cứu cánh bỉ ngạn: Đạt đến quả vị Phật rốt ráo tròn đầy.

KINH

NGUYỆN (1) Ư VÔ LƯỢNG THẾ GIỚI THÀNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC (2)

Giải: Chư vị Bồ-tát có đầy đủ năng lực với trí tuệ như đã nói ở trên, vì thế đều phát nguyện đến vô lượng vô biên thế giới, thị hiện thành Phật, phổ độ hết thấy chúng sanh.

Dưới đây là những tình huống mà chư Bồ-tát thị hiện. Chư vị đều tùy thuận nguyện vọng của chúng sanh, thành phần nào muốn được độ, chư vị liền hiện ra thành phần ấy vì chúng sanh mà nói pháp. Ở đây chỉ đưa ra trường hợp thị hiện thân Phật tối thù thắng, do vậy mà thường hiện thân Phật còn các thành phần khác thì không thị hiện.

Chú: 1) Nguyện: Là thế nguyện.

2) Thành đẳng chánh giác: Chính là thị hiện thành Phật.

KINH

XÁ ĐÂU SUẤT (1), GIÁNG VƯƠNG CUNG (2), KHÍ VỊ XUẤT GIA, KHỔ HẠNH HỌC ĐẠO, TÁC TƯ THỊ HIỆN, THUẬN THẾ GIAN CỐ (3), DĨ ĐỊNH TUỆ LỰC (4) HÀNG PHỤC MA OÁN (5), ĐẮC VI DIỆU PHÁP (6), THÀNH TỐI CHÁNH GIÁC (7).

Giải: Chư vị Bồ-tát thị hiện thành Phật, trước hết là từ nội viện ở cung trời Đâu-suất hạ sanh vào cuộc đời, chư vị đều tuyên chọn giáng sanh tại cung vua, làm thái tử; như vậy là tất cả giàu sang phú quý mà mọi người mong cầu vị ấy đều có đầy đủ. Nhưng những giàu sang phú quý ấy không giải quyết được vấn đề sống chết, vì thế nên lại hiện ra tướng xuất gia, tu hành cần khổ, tìm cầu chân lý để giải quyết vấn đề sanh tử.

Những sự kiện thị hiện đều chỉ vì độ hết thảy chúng sanh, chư Bồ-tát lấy sức mạnh của định tuệ để hàng phục vô số ma oán, cho đến triệt để sau cùng duy chỉ còn nhất tâm niệm Phật vãng sanh Tịnh độ, thân gần với Phật A-di-đà thì mới có khả năng trong một kiếp thành tựu quả vị Phật tròn đầy vô thượng. Ý tứ là bảo với chúng ta rằng mọi vinh hoa phú quý của người đời đều chưa phải tốt nhất, thành Phật mới là tốt đẹp nhất, hết thảy chúng sanh cũng có thể thành Phật như vậy.

Chú: 1) Đâu-suất: Đây là tiếng Ấn Độ, chữ Trung Hoa là biết đủ, người biết đủ thì vô tranh, vô cầu; vô tranh

vô cầu thì mới là hạnh phúc chân chính. Bồ-tát tu hành tất cần biết đủ thì mới gọi là tròn đầy. Cõi trời Đâu-suất là cõi trời thứ tư của Dục giới, được chia thành nội viện và ngoại viện, nội viện là nơi nói pháp của Bồ-tát Di-lặc, ngoại viện là chỗ ở của chư thiên, nơi hưởng thọ hạnh phúc.

“Xả Đâu-suất” là Bồ-tát thị hiện làm Phật, là một trong tám tướng thành đạo (thứ nhất là thị hiện), tướng “Hạ sanh” là Bồ-tát bỏ xứ từ cõi trời Đâu-suất giáng sanh xuống cuộc đời, đó là hình ảnh của hết thầy chư Phật thị hiện thành Phật.

2) Giáng vương cung: Đó là bao quát tướng thứ hai “đầu thai” vào gia đình vua chúa; tướng thứ ba là sanh ra làm thái tử. Những giàu sang phú quý mà mọi người đời mong cầu thì vị ấy đều có đủ cả.

3) Khí vị xuất gia, khổ hạnh học đạo, tác tu thị hiện, thuận thế gian cố: Bốn câu này là tướng xuất gia thứ tư; tại đây trình bày là tất cả giàu sang hết mực thế gian cũng không thể giải quyết vấn đề sanh tử vì thế nên mới bỏ địa vị vua chúa xuất gia khổ hạnh học đạo.

- “Khổ hạnh”: Là hạnh tu tập gian khổ tìm cầu để hiểu rõ cái chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

- “Tác tu thị hiện, thuận thế gian cố”: Bồ-tát thị hiện đầu thai, sinh ra, sau đó xuất gia tu khổ hạnh, những hình ảnh ấy đều tùy thuận căn tính của chúng

sanh mà diên hiện.

4) *Định Tuệ lực: Định lực là đối với nhiều loại ma oán vẫn không bị chúng dụ hoặc. Tuệ lực là thấy rõ chân tướng của hết thấy sự lý nhân quả.*

5) *Hàng phục ma oán: Có định, có tuệ thì mới có khả năng hàng phục ma oán, “Ma” có nghĩa là những chướng ngại. Tâm lý có các phiền não tham, sân, si; bên ngoài thì có vô số ác duyên dụ dỗ. Phàm bất cứ những gì gây chướng ngại cho việc tu học của chúng ta tức là ma chướng.*

6) *Vi diệu pháp: Tiến sâu vào một cửa tu hành, huân tập lâu dài, niệm Phật vãng sanh không thôi chuyển, phương pháp tu tập một kiếp thành Phật.*

7) *Tôi giác chánh: Vô thượng chánh đẳng chánh giác là thành tựu quả vị Phật tối tròn đầy, hiểu biết một cách triệt để cái chân tướng của vũ trụ nhân sanh.*

KINH

THIÊN NHƠN (1), QUY NGƯỖNG (2), THỈNH CHUYỂN PHÁP LUÂN (3), THƯỜNG DĨ PHÁP ÂM (4), GIÁC CHƯ THỂ GIAN (5).

Giải: Chư Thiên biết Bồ-tát thị hiện thành Phật, chư vị hết sức ngưỡng mộ, hoan hỷ, mãn thành cung thỉnh Phật-đà diễn nói Chánh pháp. Đức Phật tiếp nhận lời cầu thỉnh của chư thiên, cũng giống như Đức Phật Thích-ca-mâu-ni vì mọi người mà nói pháp 49 năm giúp

cho hết thấy chúng sanh giác ngộ. Bốn câu ấy là tổng tướng của sự kiện chuyển bánh xe Chánh pháp. Đoạn Kinh kế tiếp thuyết minh rõ ràng về sự kiện chuyển bánh xe Chánh pháp.

Chú: 1) *Thiên nhơn*: Là chư Thiên ở cõi trời.

2) *Ngưỡng*: Là ngưỡng mộ.

3) *Chuyển pháp luân*: “Luân” là thứ võ khí của vị vua chuyển luân; ở đây thí dụ uy đức của Phật pháp có khả năng hàng phục hết thấy ngoại đạo, phá trừ hết thấy phiền não của chúng sanh. Vì thế diễn nói Phật pháp thì gọi là chuyển pháp luân.

4) *Thường*: Là không gián đoạn – *Pháp âm*: Là tất cả giáo pháp của Phật.

5) *Chư thể gian*: Là chỉ hết thấy chúng sanh bao gồm phàm, thánh, thực vật, khoáng vật và các hiện tượng tự nhiên.

KINH

PHÁ PHIÊN NÃO THÀNH (1), HOẠI CHƯ DỤC THỰ (2), TẢY QUÁN CẦU UẾ (3), HIỂN MINH THANH BẠCH (4).

Giải: Giáo lý Đức Phật tuyên nói có thể giúp cho chúng sanh phá trừ mọi phiền não kiên cố của tham, sân, si; hàng phục mọi dục vọng sai lầm của chúng sanh; loại trừ cầu uế của tâm lý, tư tưởng, kiến giải để hiển lộ cái tự tánh thanh tịnh vốn có. Đó là mục đích giảng Kinh

nói pháp giáo hóa chúng sanh của Đức Phật.

Chú:

1) *Phiền não*: Chỉ ba độc tham, sân, si – Thành: Ví dụ phiền não kiên cố như thành trì.

2) *Chư dục*: Là chỉ vô số dục vọng – Thụ: hào sâu quanh thành, thí dụ cho ái dục tình thâm.

3) *Tây quán*: Là trừ khử – Cầu uế: Ô nhiễm của tâm.

4) *Hiển minh*: Trừ tà hiển chính - Thanh bạch: Là tự tính thanh tịnh không cầu nhiễm.

KINH

ĐIỀU (1) CHÚNG SANH, TUYÊN DIỆU LÝ (2), TRỮ CÔNG ĐỨC (3), THỊ PHƯỚC ĐIỀN (4), DĨ CHƯ PHÁP ĐƯỢC (5), CỨU LIỆU TAM KHỔ (6).

Giải: Điều hòa, hướng dẫn chúng sanh, vì mọi người mà trình bày, thuyết minh cái chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Đạo Phật chúng ta đoạn trừ tham, sân, si, tu giới, định, tuệ, xa rời hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tinh cần nỗ lực tích lũy công đức chỉ cho chúng sanh phương pháp và đạo lý tu phước. Đức Phật nói hết thấy các pháp cũng như thuốc hay có thể cứu trị hết thấy các bệnh của chúng sanh.

Chú: 1) *Điều*: Điều phục hướng dẫn.

2) *Tuyên*: Diễn nói – *Diệu lý*: Là chân lý của vũ

trụ nhân sanh.

3) *Trữ: Là tích trữ – Công đức: Là chỉ việc tu giới, định, tuệ đạt đến tâm thanh tịnh.*

4) *Thị: Chỉ thị – Phước điền: Ý tứ là nơi sản sinh phước đức.*

5) *Chư pháp: Hết thảy pháp mà Đức Phật đã tuyên nói – Dụ: Là thí dụ.*

6) *Tam khổ:*

1. *Khô khô: Do khô mà phát sinh khổ não.*

2. *Hoại khô: Do niềm vui bị mất mà phát sinh khổ não.*

3. *Hành khô: Do thay đổi vô thường mà phát sinh khổ não.*

KINH

THĂNG QUÁN ĐẢNH GIAI (10), THỌ BỒ ĐỀ KÝ VI GIÁO (2), BỒ TÁT TÁC A-XÀ-LÊ (3), THƯỜNG TẬP TƯƠNG ƯNG (4), VÔ BIÊN CHỨ HÀNH, THÀNH THỰC (5), BỒ TÁT VÔ BIÊN THIÊN CĂN (6), VÔ LƯỢNG (7), CHỨ PHẬT HÀM CỘNG HỘ NIỆM (8).

Giải: Phương pháp tu học và giáo lý mà Kinh này nói giúp cho phàm phu chúng ta trong một đời này có thể thành quả vị Phật, đem cuộc sống khổ đau trước mắt thay đổi thành cuộc sống đại tự tại tròn đầy của Phật và chư Bồ-tát, đồng thời dự báo cho chúng ta thời điểm thành Phật.

Vì muốn hướng dẫn Bồ-tát nên mới biểu hiện pháp lành làm một A-xà-lê sư phạm thường thường không ngừng học tập Phật pháp, giác mà không mê, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm, đồng thời vận dụng trong tất cả cuộc sống đời thường. Đó là tán thán chư vị Bồ-tát ấy có khả năng thành tựu căn lành vô biên cho chư Bồ-tát hàng sơ học; vì vậy, được sự hộ niệm của chư Phật trong mười phương.

Chú: 1) *Thăng quán đánh giai*: Lấy cái tâm đại từ đại bi đưa ra phương pháp tu học tối cao truyền thọ cho chúng ta. “Thăng” là lên, “Quán” là chỉ sự hộ niệm của cái tâm đại từ bi, “Đánh giai” là chỉ phương pháp tu học tối cao.

2) *Giáo*: Là dạy.

3) *A-xà-lê*: Là tiếng Ấn Độ, tiếng Trung Quốc là “Quĩ phạm sư”, vị thầy hướng dẫn các pháp lành.

4) *Thường tập*: Thường học tập không ngừng –
Tương ưng: Là sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.

5) *Thành thực*: Thành tựu.

6) *Thiện căn*: “Thiện” là 3 nghiệp thân, miệng, ý không sai phạm; “Căn” là thí dụ, ý tứ là có thể sanh trưởng pháp lành.

7) *Vô lượng*: Không thể hạn lượng.

8) *Hộ*: Là bảo hộ – “Niệm” là ức niệm.

KINH

THÔNG CHƯ PHÁP TÍNH (1), ĐẠT CHỨNG SANH TƯỚNG (2), CÚNG DƯƠNG (3), CHƯ PHẬT, KHAI ĐẠO QUẦN SANH (4), HÓA HIỆN KỶ THÂN (5), DO NHƯ ĐIỆN QUANG (6), LIỆT MA KIẾN VÕNG (7), GIẢI CHƯ TRIỀN PHƯỚC (8), VIỄN SIÊU THANH VĂN BÍCH CHI PHẬT (9), ĐỊA, NHẬP KHÔNG VÔ TƯỚNG VÔ NGUYỆN (10) PHÁP MÔN. BỒ LẬP PHƯƠNG TIỆN (11), HIỂN THỊ TAM THỪA (12).

Giải: Chư Bồ-tát ở trong pháp hội, đối với các hiện tượng tác dụng bản thể của vạn sự vật đều hiểu rõ thông đạt. Lại lấy tâm đại từ bi vì chúng sanh mà hiện ra tướng mô phạm của vị thầy trong sự cung kính cúng dường để dắt dẫn chúng sanh ngộ nhập cảnh giới trí giác; chư vị tùy thuận tâm ý của chúng sanh, biến hóa ra nhiều thành phần khác nhau nhanh như làn điện chớp, lại không chấp dính để phá ma tà, ác kiến, giải trừ hết thảy trói buộc của phiền não.

Thành tựu của chư vị vượt qua cả A-la-hán và Bích-chi Phật. Chư vị đều đã chứng ba loại pháp môn giải thoát; Không – Vô tướng – Vô nguyện, đồng thời khéo xây dựng phương pháp giáo dục. Nhân vì căn tính khác nhau của chúng sanh vì thế nên chư vị mới kiến lập ra 3 phương pháp giáo dục: Bồ-tát, Thanh văn và Duyên giác.

Chú: 1) Chư pháp tính: Bản thể của tất cả pháp.

2) Chúng sanh tướng: Hiện tướng của hết thảy pháp.

3) Cúng dường – Tài cúng dường: Dùng của cải, tiền bạc để trang nghiêm đạo tràng, phổ biến Phật pháp, cung cấp những nhu cầu sinh hoạt cho hành giả tu tập thì gọi là cúng dường tài – Pháp cúng dường: Là y giáo phụng hành làm điển hình cho chúng sanh, là cúng dường pháp.

4) Khai đạo: Là khai thị hướng dẫn – Quân sanh: Tất cả chúng sanh.

5) Hóa hiện kỳ thân: Hiện ra nhiều loại thân hình, chính là một con người ở trong xã hội nhưng lại có nhiều thân phận khác nhau, như người Trung Quốc nói “Ngũ luân thập nghĩa”.

6) Do như điện quang: Thí dụ về hiện tượng hóa thân nhanh chóng của Bồ-tát, hình dáng đẹp đẽ, thể tính không tịch.

7) Ma kiến: Là tà kiến, tà kiến cũng chính là những kiến giải không chính xác – “Võng”: thí dụ nhiều, nhỏ.

8) Triền phược: Ý là dùng dây mà trói buộc, thí dụ phiền não.

9) Viễn siêu: Vượt qua rất xa – Thanh văn: Là hạng người nghe âm thanh giáo hóa của Phật mà giác ngộ thì gọi là Thanh văn – Bích-chi Phật: Là tiếng Ấn Độ, ý nghĩa của Bích-chi Phật chính là “Duyên giác” là hạng người nghe Phật nói giáo lý 12 nhân duyên mà giác ngộ thì gọi là Bích-chi Phật.

10) Không, Vô tướng, Vô nguyện: Thông thường gọi là 3 giải thoát môn. Khi tu học dựa vào bất cứ giải thoát môn nào cũng có thể đoạn trừ phiền não, giải thoát sống chết, rốt ráo thành Phật.

- Không: Là trên lý thể mà nói, tất cả các pháp là do hòa hợp nhiều điều kiện mà thành, hoàn toàn không có tự thể thực tại, đương thể tức không, vì thế nên nói thể không (Không tự tính).

- Vô tướng: Về mặt sự tướng mà nói, tất cả sự tướng đều do nhiều điều kiện hòa hợp mà sản sinh, không ngừng thay đổi, hư vọng không thật vì thế nên nói Vô tướng (không có hiện tướng nhất định, bất biến).

- Vô nguyện: Cũng gọi là vô tác, là từ tác dụng mà nói, khi quan sát hiện tượng khởi lên tác dụng tương ứng với không tính không mảy may phân biệt, chấp trước thì gọi là Vô nguyện.

11) Thiên lập: Khéo lập nên – Phương tiện: Phương pháp tiện dụng.

12) Tam thừa: Bồ-tát – Thanh văn – Duyên giác là ba loại đệ tử của Đức Phật giáo hóa.

KINH

ĐẮC VÔ SANH VÔ DIỆT CHỮ TAM-MA-ĐỊA (1), CẬP ĐẮC NHẤT THIẾT ĐÀ-LA-NI MÔN (2), TÙY THỜI NGỘ NHẬP HOA NGHIÊM TAM-MUỘI (3), CỤ TÚC TỔNG TRÌ BÁCH THIÊN TAM MUỘI (4), TRÚ THÂM 'I HIỀN ĐỊNH (5), TẮT QUÁN (6),

VÔ LƯỢNG CHƯ PHẬT, Ư NHẤT NIỆM KHOẢNH (7), BIÊN DU (8), NHẤT THIẾT PHẬT ĐỘ.

Giải: Tuy chư vị Bồ-tát thị hiện diệt độ nhưng trên thực tế thì chư vị đã chứng đắc cảnh giới không sanh, không diệt, đồng thời chư vị đều nắm vững mọi cương lĩnh của tất cả sự vật, có khả năng tùy lúc mà hiểu rõ cái bản tâm của tự thân, đầy đủ vô lượng vô biên tam-muội. Chư vị an trú trong thiền định rất sâu, cũng chính là an trú trong niệm Phật tam-muội, có khả năng thấy chư Phật vô lượng vô biên, có khả năng chỉ trong một thời gian rất ngắn có thể đến quan sát vô lượng cõi nước Phật, lễ bái cúng dường chư Phật.

Chú: 1) Vô sanh vô diệt: Không sanh không diệt – Tam-ma-địa là tiếng Ấn Độ, thời xưa cũng gọi là “Tam-muội”, nghĩa Trung văn là chánh định, chánh thọ, không phân biệt, chấp trước, không buồn lo bởi mọi phiền não.

2) Đà-la-ni: Là tiếng Ấn Độ, Trung văn là “Tổng trì”. Tổng là tổng nhiếp tất cả các pháp; Trì là nắm trì vô lượng nghĩa. Cũng chính là nắm vững tổng cương lĩnh của tất cả pháp – Môn: Là thí dụ của tu học Phật pháp.

3) Hoa Nghiêm tam-muội: “Hoa” là thí dụ hết thảy tu học thù thắng của Bồ-tát, “Nghiêm” là Hoa nghiêm. Thành quả tu hành công đức tròn đầy, dùng công đức tu hành tròn đầy rồi mỹ hóa hoàn cảnh sinh hoạt đạt đến quả vị Phật chí thiện. Có khả năng hiểu rõ

tác dụng thể tướng của bốn tâm tự thân, chính là “*Hoa Nghiêm tam-muội*”

4) *Tổng trì*: Như đà-la-ni đã nói ở trên, “*Bách thiên tam-muội*” không phải là con số cụ thể mà là đại biểu cho nhiều. *Bách thiên tam-muội* có nghĩa là chánh định vô lượng vô biên, chính là sinh hoạt, hoàn cảnh công tác thường thanh tịnh, bình đẳng, tự tại hưởng thụ an lạc hạnh phúc.

5) *Thiền định*: “*Thiền*” nghĩa là ngoài không trước tướng. “*Định*” có nghĩa là bên trong tâm không động.

6) *Tất quán*: Nhìn thấy tất cả.

7) *Nhất niệm khoảnh*: Biểu thị thời gian rất ngắn ngủi.

8) *Biển du*: Đi khắp.

KINH

ĐẮC PHẬT BIỆN TÀI (1), TRÚ PHỔ HIỀN HẠNH. THIỆN NĂNG PHÂN BIỆT CHÚNG SANH NGŨ NGÔN, KHAI HÓA HIỂN THỊ CHÂN THẬT CHI TẾ (2), SIÊU QUÁ THẾ GIAN CHƯ SỞ HỮU PHÁP.

Giải: Chư Đại Bồ-tát chứng đắc trí tuệ vô thượng tương ứng với Phật-đà, đạt đến biện tài vô ngại như Đức Phật, an trú trong hạnh lớn của Bồ-tát Phổ Hiền, lấy 10 đại nguyện vương hướng về Cực Lạc. Đối với văn tự, ngôn ngữ của chúng sanh đều thông đạt tự nhiên, tùy cơ nói

pháp, thường khai thị chân tướng, lý sự của tất cả pháp, giáo hóa hết thảy chúng sanh đều hiểu rõ thông đạt. Nhân đó mà tán thán chư vị vượt qua các pháp thế gian.

Chú: 1) *Biện tài: Linh hoạt, khéo léo, đổi cơ mà nói pháp.*

2) *Khai hóa: Mở đường, giáo hóa – Hiện thị: Chỉ thị rõ ràng – Chân thật chi tế: Hiện tượng tác dụng tướng chân thật của hết thảy pháp.*

KINH

TÂM THƯỜNG ĐỂ TRÚ ĐỘ THỂ CHI ĐẠO (1), Ư NHẤT THIẾT VẠN VẬT (2), TÙY Ý TỰ TẠI (3), VỊ CHƯ THỨ LOẠI (4), TÁC BẤT THỈNH CHI HỮU. THỌ TRÌ NHƯ LAI THẬM THÂM PHÁP TẠNG (5), HỘ PHẬT CHỨNG TÍNH (6), THƯỜNG SỬ BẤT TUYỆT.

Giải: Cái tâm của chư Bồ-tát thường an trú vào việc giúp chúng sanh thoát khỏi sống chết, ra khỏi ba cõi, vãng sanh thành Phật bất thối. Chư vị đối với hết thảy pháp đều không chấp trước, lại có khả năng thông đạt không chướng ngại, tùy duyên mà hóa độ hết thảy chúng sanh. Và lại không đợi chúng sanh thỉnh cầu, chư vị chủ động đến giúp đỡ hướng dẫn chúng sanh phát tâm Bồ-đề, tu hạnh Phổ Hiền, chấp trì danh hiệu; chẳng những tự thân một mực chuyên tâm niệm mà còn đem phương pháp tu học của bộ Kinh này giới thiệu đến hết thảy chúng sanh.

Chú: 1) *Đế trú: Chân thật an trú – Độ thể chi đạo: Lý luận và phương pháp giáo hóa chúng sanh.*

2) *Vạn vật: Chỉ tất cả các pháp.*

3) *Tự tại: Thông đạt, không ngăn ngại.*

4) *Thứ loại: Chỉ hết thảy chúng sanh hữu tình.*

5) *Thọ trì: “Thọ” là tiếp nhận – “Trì” là giữ gìn không để mất – Như Lai thậm thâm pháp tạng: Chỉ cho tất cả Kinh điển mà Như Lai đã tuyên nói ở bốn tông là chỉ Kinh này với một câu Nam-mô A-di-đà Phật.*

6) *Hộ: Bảo hộ, hộ trì – Phật chủng tính: tâm Bồ-đề và xưng gọi danh hiệu Phật.*

KINH

HÙNG ĐẠI BI, MÃN HỮU TÌNH (1), DIỄN TỪ BIỆN, THỌ PHÁP NHÂN (2), ĐỒ ÁC THỨ KHAI THIÊN MÔN (3). Ư CHỮ CHÚNG SANH, THÂN NHƯỢC TỰ KỶ, CHỦNG TẾ PHỤ HÀ (4), GIAI ĐỘ BỈ NGẠN.

Giải: Chư Bồ-tát phát khởi tâm đại bi thương tưởng hết thảy chúng sanh, chẳng những giảng Kinh nói pháp mà còn lấy sức mạnh của thân thể làm điển hình tốt cho chúng sanh; đem cái năng lực, trí tuệ hiểu biết các pháp trao truyền cho chúng sanh, khuyên dẫn chúng sanh niệm Phật. Nhờ đó mà không có chúng sanh đọa vào 3 đường ác, mở cửa lớn cho mọi người vãng sanh về thế giới Cực Lạc Tây phương.

Lại nhân vì Bồ-tát thấy chúng sanh thọ khổ cũng giống như tự thân thọ khổ nên sanh khởi đồng thể đại bi, vì thể phát thệ nguyện lớn tự gánh trách nhiệm cứu độ hết thảy chúng sanh, giúp cho tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, từ bờ bên này sống chết đạt đến bờ bên kia rốt ráo an lạc, dựa vào Kinh này để nói chính là hướng dẫn hết thảy chúng sanh niệm Phật cầu nguyện vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới.

Chú: 1) Hưng đại bi, mãn hữu tình: “Hưng” là hưng khởi, “Mãn” là thương tưởng. Bồ-tát khởi cái tâm đồng tình thương tưởng chúng sanh, đem pháp môn niệm Phật giới thiệu cho chúng sanh, giúp cho chúng sanh thoát khỏi sống chết là biểu hiện cụ thể cho câu này.

2) Diển từ biện, thọ pháp nhān: “Diển” là diển nói. “Biện” là biện tài vô ngại, cũng chính là nói Bồ-tát tâm đại từ bi, chẳng những nói pháp mà còn đem sức mạnh của thân thể làm điện hình tốt cho chúng sanh học tập, “Thọ” là truyền thọ, “Pháp nhān” là đầy đủ nhận thức chân tướng của tất cả các pháp. “Thọ pháp nhān” là nói Bồ-tát thấy rõ chân tướng của hết thảy pháp, chut vị đem năng lực và trí tuệ truyền trao cho chúng sanh.

3) Đĩ ác thú: “Đĩ” là lập kín, “ác thú” là chỉ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Đĩ ác thú là lập kín con đường chúng sanh đọa vào 3 đường ác. “Khai thiện môn” là

thuyết minh con đường vãng sanh Cực Lạc khiến cho trí tuệ, đức năng của chúng sanh cũng như chư Phật đó mới là mở cửa thiên.

4) Chũng tế phụ hà: Chũng tế là cứu độ, giúp đỡ, phụ hà là gánh vác sứ mạng. Đây là nói Phật, Bồ-tát gánh vác sứ mạng cứu độ giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc.

KINH

TẮT HOẠCH (1), CHƯ PHẬT VÔ LƯỢNG CÔNG ĐỨC, TRÍ TUỆ THÁNH MINH (2), BÁT KHẢ TƯ NGHỊ (3), NHƯ THỊ ĐẰNG CHƯ ĐẠI BỒ TÁT, VÔ LƯỢNG VÔ BIÊN NHẤT THỜI LAI TẬP.

Giải: Phạm chư Bồ-tát về thế giới Cực Lạc của Phật A-di-đà chư vị đều tiếp nhận được công đức, trí tuệ vô lượng không thể nghĩ bàn của chư Phật. Tại đây có thể gặp Bồ-tát Phổ Hiền, Văn-thù, Di-lặc cùng với chư Đại Bồ-tát cùng địa vị, cùng thân phận đến tham gia pháp hội lần này.

Chú: 1) *Tắt hoạch:* Tiếp nhận toàn bộ.

2) *Thánh minh:* Biết rõ sự lý sâu sắc, chính xác.

3) *Bát khả tư nghị:* Ở đây có 2 ý: -a/ Không phải là ý thức, tư duy của chúng sanh phàm phu mà có thể lý giải – b/ Không phải lấy văn tự, ngôn ngữ thế gian mà có thể thí dụ, diễn đạt được. Đó là nói đến đức năng, trí tuệ của chư Phật, Bồ-tát vô lượng vô biên chẳng phải

chúng sanh phàm phu mà có thể tưởng tượng, đo lường được; cũng chẳng phải là ngôn ngữ, chữ nghĩa thế gian để hình dung diễn đạt.

KINH

HỤU HỮU TỖ KHEO NI (1) NGŨ BÁCH NHƠN, THANH TÍN SĨ (2) THẮT THIÊN NHƠN, THANH TÍN NỮ (3) NGŨ BÁCH NHƠN, DỤC GIỚI THIÊN, SẮC GIỚI THIÊN, CHƯ THIÊN (4) PHẠM CHỨNG, TẮT CỌNG ĐẠI HỘI.

Giải: Lại còn có 500 Tỳ-kheo-ni, bảy ngàn nam cư sĩ, năm trăm nữ cư sĩ; lại còn có trời Dục giới, trời Sắc giới, đại chúng chư thiên cùng đến tham dự đại pháp hội nghe Đức Phật nói Kinh Vô Lượng Thọ.

Chú: 1) Tỳ-kheo-ni: Là chỉ nữ giới sau khi xuất gia thọ đại giới.

2) Thanh tín sĩ: Nam cư sĩ tại gia.

3) Thanh tín nữ: Nữ cư sĩ tại gia.

4) Chư Thiên: chỉ chư Thiên ở cõi trời Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

*

PHẨM THỨ BA
ĐẠI GIÁO DUYÊN KHỞI (1)

Giải: Phẩm Kinh này trình bày những sự kiện hy hữu của bộ Kinh cho đến sự kiện Thế Tôn phóng hào quang, A-nan hoan hỷ hồi Đức Phật, nhân đó mà phát khởi nhân duyên vì hết thảy chúng sanh mà nói Kinh này.

Chú: 1) *Đại giáo duyên khởi:* Đại giáo là chỉ pháp báu hiếm có, tròn đầy, trực tiếp, phương tiện và rốt ráo, Duyên khởi là nhân duyên phát khởi.

KINH

NHĨ THỜI(1) THẾ TÔN (2) UY QUANG HÁCH DỊCH (3), NHƯ DUNG KIM TỤ (4), HỮU NHƯ MINH KÍNH (5), ẢNH SƯƠNG BIỂU LÝ (6), HIỆN ĐẠI QUANG MINH, SỐ THIÊN BÁCH BIẾN.

Giải: Trong lúc đại chúng vân tập tại núi Linh Thứu, Đức Phật Thích-ca-mâu-ni với thần thái uy nghi; toàn thân phóng đại hào quang, ánh sáng chẳng khác gì màu vàng ròng. Lại giống như hình ảnh rõ ràng hiện ra trong tấm kính trong, đó là dùng tấm kính sáng mà thí dụ thân tâm của Phật hiện đại hào quang hàng ngàn lượt ánh sáng biến hóa vô cùng và đẹp đẽ không thể nào so sánh.

Chú: 1) *Nhĩ Thời:* Là lúc đại chúng tụ tập tại núi Linh Thứu.

2) *Thế Tôn:* Xưng gọi Đức Phật Thích-ca.

3) *Uy quang:* Oai thần, ánh sáng. Do vì ánh sáng

trí tuệ của Đức Phật có khả năng phá trừ hết thảy phiền não tối tăm, vì thế nên xưng gọi hào quang của Đức Phật là “Uy quang” – Hách dịch: “Hách” là sáng suốt. “Dịch” là mạnh mẽ; hào quang của Đức Phật sáng suốt mạnh mẽ, có đủ sức mạnh oai thần.

4) *Như dung kim tỳ: “Dung kim” là vàng đã dung hóa. “Tỳ” là màu vàng ngưng tụ.*

5) *Minh kính: Kính trong sáng.*

6) *Ảnh sớng: Hình ảnh rõ ràng – Biểu lý: Ngoại biểu, nội lý. Đây là tấm gương trong sáng thí dụ thân tâm trong ngoài đều trong sáng của Đức Phật.*

KINH

TÔN GIẢ A-NAN, TỨC TỰ TƯ DUY. KIM NHỰT THẾ TÔN, SẮC THÂN CHỮ CĂN (1), DUYỆT DỰ THANH TỊNH (2), QUANG NHAN NGUY NGUY (3), BẢO SÁT TRANG NGHIÊM (4), TÒNG TÍCH (5), DĨ LAI, SỞ VỊ TẦNG KIẾN. THIÊN ĐẮC CHIÊM NGƯỠNG (6), SANH HY HỮU TÂM (7), TỨC TÔNG TỌA KHỞI, THIÊN ĐẢN HỮU KIÊN (8), TRƯỜNG QUY HỢP CHƯỜNG (9).

Giải: Tâm lý của Tôn giả A-nan nghĩ rằng hôm nay các căn trong sắc thân Thế Tôn hiện ra niềm hoan hỷ, thanh tịnh, hạnh phúc rất đặc biệt lại còn phóng ra hào quang oai nghi; trong hào quang ấy lại hiện ra các bảo sát của chư Phật trang nghiêm không thể nào so sánh; từ quá khứ đến nay chưa từng thấy nên trong lòng vô cùng hoan hỷ, niềm kính ngưỡng sinh khởi thật hy hữu khó gặp.

Tôn giả A-nan thấy tướng tốt của Đức Phật thù thắng như thế liền từ chỗ ngồi đứng dậy, để lộ ra vai phải, chấp tay quỳ xuống, hướng về Đức Phật mà kính lễ.

Chú: 1) *Sắc thân*: Chỉ thân thể – *Chư căn*: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

2) *Duyệt dục thanh tịnh*: Thích thú vui vẻ nhưng không phân biệt chấp dính.

3) *Quang nhan*: Nhan là dung nhan; *Dung nhan tỏa hào quang* của Đức Phật – *Nguy nguy*: vô cùng cao lớn.

4) *Bảo sát trang nghiêm*: Trong hào quang của Đức Phật xuất hiện các cõi nước Phật đầy đủ mọi báu vật trang nghiêm.

5) *Tòng tích*: Từ trước.

6) *Chiêm ngưỡng*: Nhìn thấy kính ngưỡng.

7) *Sanh hỷ hữu tâm*: Sanh khởi cái ý tưởng hiềm có, khó gặp.

8) *Thiên đản hữu kiên*: Đản là để lộ. Thiên đản hữu kiên là để lộ vai phải. Đây là nghi lễ ở thời cổ Ấn Độ để tỏ bày lòng kính trọng.

9) *Trường quy*: Hai đầu gối sát mặt đất biểu thị lòng cung kính – *Hợp chưởng*: Còn gọi là hợp mười, mười ngón tay hợp thành một, biểu hiện nhất tâm.

KINH

NHI BẠCH (1) PHẬT NGÔN, THẾ TÔN KIM NHẬT NHẬP ĐẠI TỊCH ĐỊNH (2), TRÚ KỲ ĐẶC PHÁP (3), TRÚ CHƯ PHẬT SỞ TRÚ ĐẠO SƯ CHI HẠNH (4), TỐI THẮNG CHI ĐẠO (5), KHỨ LAI HIỆN TẠI PHẬT PHẬT TƯƠNG NIỆM (6), VI NIỆM QUÁ KHỨ VỊ LAI CHƯ PHẬT NA ? VI NIỆM HIỆN TẠI THA PHƯƠNG CHƯ PHẬT NA ? HÀ CỐ UY THẦN HIỂN DIỆU (7), QUANG ĐOAN THÙ DIỆU NÃI NHĨ (8), NGUYỆN VI TUYÊN THUYẾT.

Giải: A-nan hướng về Đức Phật thưa: Hôm nay Thế Tôn nhập vào đại tịch định của niệm Phật tam-muội, trú ở trong pháp kỳ đặc niệm Phật một kiếp thành Phật. Đó cũng là niệm Phật tam-muội, chỗ trú của cộng đồng chư Phật. Đó là con đường thù thắng đệ nhất mà Đức Phật A-di-đà hướng dẫn chúng sanh bình đẳng thành Phật.

Tâm A-nan suy nghĩ: Là Phật ở quá khứ, hiện tại, vị lai với chư Phật hỗ tương ức niệm, nhưng chẳng biết hôm nay niệm của Thế Tôn là niệm chư Phật ở quá khứ? Hay chư Phật ở tương lai? Hay là ức niệm chư Phật hiện tại ở phương khác? Hôm nay vì sao Thế Tôn lại hiện sáng oai thần, hào quang thù thắng, vi diệu, đẹp đẽ đến như vậy! Xin nguyện Đức Thế Tôn vì con cùng đại chúng mà tuyên nói.

Chú: 1) Bạch: Tiếng của thế hệ sau xưng hô với thế hệ trước thì gọi là bạch.

2) Đại tịch định: Thiên định của Phật, ở đây là chỉ

niệm Phật tam-muội.

3) Kỳ đặc pháp: Phương pháp đặc biệt, kỳ diệu, ở đây chỉ pháp môn niệm Phật kỳ đặc là ở chỗ không cần đoạn phiền não mà chỉ cần phiền não nằm yên, mang nghiệp vãng sanh tức một kiếp có thể thành Phật.

4) Chư Phật sở trú: Là chỉ niệm Phật tam-muội là chỗ trú của chư Phật trong mười phương.

5) Đạo sư chi hạnh: Vị thầy chỉ cho chúng sanh con đường chân chính thoát sống chết, hướng dẫn chúng sanh thoát khỏi luân hồi 6 đường mà nhập vào Phật đạo. Phật A-di-đà là Đại Đạo sư, có năng lực dẫn dắt chúng sanh bình đẳng thành Phật.

6) Khứ lai hiện tại Phật Phật tương niệm: “Khứ lai hiện tại” là ba đời quá khứ, hiện tại và tương lai – “Phật Phật tương niệm” là Phật với chư Phật hỗ tương ức niệm.

7) Uy thân: Oai đức thần thông – Hiện diệu: Sáng suốt rõ ràng.

8) Quang đoan thù diệu nãi nhĩ: Quang đoan là Phật phóng hào quang, tướng tốt – Thù diệu là vi diệu thù thắng – nãi nhĩ là vô cùng tốt đẹp.

KINH

**Ư THỊ THẾ TÔN, CÁO A NAN NGÔN, THIỆN TAI THIỆN TAI !
NHỮ VỊ AI MÃN LỢI LẠC (1), CHƯ CHÚNG SANH CỐ, NĂNG
VẮN NHƯ THỊ VI DIỆU CHI NGHĨA (2), NHỮ KIM TỬ VẮN,**

THẮNG ỨC CÚNG DƯỜNG NHỨT THIÊN HẠ (3) A LA HÁN, BÍCH CHI PHẬT, BỐ THÍ LỤY KIẾP (4), CHƯ THIÊN NHÂN DÂN, QUYÊN PHI NHU ĐỘNG (5), CHI LOẠI, CÔNG ĐỨC BÁCH THIÊN VẠN BỘI. HÀ DĨ CỐ ? ĐƯƠNG LAI CHƯ THIÊN NHÂN DÂN, NHẤT THIẾT HÀM LINH (6) GIAI NHÂN NHỮ VẤN NHI ĐẮC ĐỘ THOÁT (7) CỐ.

Giải: Ngay đó Thế Tôn tán thán A-nan: Ông hỏi rất hay! Rất hay ! Ông vì thương tưởng lợi lạc cho hết thảy chúng sanh mà hỏi nghĩa của pháp vi diệu tu một kiếp bình đẳng thành Phật. Công đức sự hỏi hôm nay của ông hơn cả việc cúng dường cho tất cả A-la-hán, Bích-chi Phật khắp trời đất, công đức này cũng vượt hơn cả nhiều kiếp bố thí cho chúng sanh trong sáu đường đến trăm ngàn vạn lần hơn. Vì sao ? Chúng sanh trong mười phương mai sau đều nhân câu hỏi của ông (A-nan) mà đạt đến giải thoát rốt ráo, tròn đầy.

Chú: 1) Ai mãn: Từ bi thương tưởng – Lợi lạc: Đem hạnh phúc, lợi ích cho chúng sanh.

2) Vi diệu chi nghĩa: Chỉ pháp môn niệm Phật vãng sanh không thôi chuyển, bình đẳng thành Phật. Cũng chính là chỉ bộ Kinh này.

3) Nhứt thiên hạ: Là chỉ một trong bốn thiên hạ. Kinh Phật nói chung quanh núi Tu-di có 4 đại châu vì một mặt trời, mặt trăng chiếu khắp nên gọi là 4 thiên hạ. Nhất thiên hạ chính là một trong bốn đại châu.

4) *Lụy kiếp: Tích lũy trong thời gian rất dài.*

5) *Quyên phi nhu động: Quyên là loài trùng nhỏ biết bay – Nhu là loài trùng bò.*

6) *Hàm linh: Chúng sanh có linh tính.*

7) *Độ thoát: Giải thoát rốt ráo viên mãn.*

KINH

A NAN, NHƯ LAI DĨ VÔ TẬN ĐẠI BI (1), CĂN AI TAM GIỚI (2), SỞ DĨ XUẤT HÙNG (3) Ư THẾ. QUANG XIÊN ĐẠO GIÁO (4), DỤC CHŨNG QUẦN MANH (5), HUỆ DĨ CHÂN THẬT CHI LỢI (6), NAN TRI NAN KIẾN, NHƯ ƯU ĐÀM HOA (7), HY HỮU XUẤT HIỆN. NHŨ KIM SỞ VẤN, ĐA SỞ NHIỀU ÍCH.

Giải: Đức Phật nói với A-nan: Như Lai lấy cái tâm đại bi vô tận, thương tưởng hết thảy chúng sanh trong ba cõi, vì thế mà xuất hiện ở thế gian, vì muốn thúc đẩy giáo dục của Phật-đà chí thiện, tròn đầy, mục đích là để cứu độ hết thảy chúng sanh trong sáu đường, trao hạnh phúc, mỹ mãn, khỏe mạnh, sống lâu, tự tại, hạnh phúc, lợi ích cho chúng sanh. Phật giáo chúng ta thọ giữ một câu Phật hiệu là đại sự nhân duyên một kiếp thành Phật, thực tế là rất khó gặp cũng giống như hoa Ưu-đàm, rất hiếm xuất hiện. Những điều ông hỏi hôm nay đã mang lại vô số lợi ích cho chúng sanh.

Chú: 1) Vô tận đại bi: Tâm đại từ bi vô cùng tận.

2) Căn ai tam giới: Thương tưởng hết thảy chúng sanh trong ba cõi.

- 3) *Xuất hưng: Xuất hiện.*
- 4) *Quang đại xiển dương: Xiển dương rộng lớn – Đạo giáo: Đạo là chỉ đạo thành Phật.*
- 5) *Dục chững quân manh: Chững là chững tể, quân manh là hết thầy chúng sanh.*
- 6) *Huệ dĩ chân thật chi lợi: Huệ là ân tú – Chân thật chi lợi là lợi ích chân thật. Chính là niệm Phật vãng sanh không thôi chuyển thành Phật.*
- 7) *Uu-đàm hoa: Là một loài hoa. Hoa này nở là có Phật ra đời.*
- 8) *Nhiêu ích: Lợi ích tràn đầy.*

KINH

A NAN ĐƯƠNG TRI, NHƯ LAI CHÁNH GIÁC (1), KỶ TRÍ NAN LƯỢNG (2), VÔ HỮU CHƯỞNG NGẠI, NĂNG Ứ NIỆM KHOẢNH, TRÚ VÔ LƯỢNG ỨC KIẾP (3), THÂN CẬP CHƯ CĂN, VÔ HỮU TĂNG GIẢM (4), SỞ DĨ GIẢ HÀ ? NHƯ LAI ĐỊNH TUỆ (5), CỨU SƯỚNG VÔ CỰC (6), Ứ NHỨT THIẾT PHÁP, NHI ĐẮC TỐI THẮNG TỰ TẠI CỐ.

Giải: A-nan ông nên biết rằng, Như Lai đã triệt để giác ngộ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, trí tuệ của Thế Tôn hết thầy Đại Bồ-tát khó mà đo lường được, rớt ráo tròn đầy không chướng ngại. Ngài có năng lực chỉ trong một thời gian ngắn ngủi kéo dài thành vô lượng ức kiếp, cũng như đem thời gian rất dài quy về một niệm, thân thể cùng các căn không tăng giảm, không sanh không diệt.

Vì sao Đức Phật lại có năng lực, đạo đức, trí tuệ lớn như vậy ? Nhân vì trí tuệ của Như Lai rất ráo, thông suốt không có giới hạn, vì thế mà thường ở trong hết thảy pháp đạt đến đại tự tại thù thắng.

Chú: 1) Chánh giác: Chân chánh giác ngộ, biết rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

2) Nan lượng: Khó mà đo lường được.

3) Vô lượng úc kiếp: Hình dung thời gian rất dài.

4) Vô hữu tăng giảm: Không sinh không diệt.

5) Định tuệ: Thiên định, trí tuệ.

6) Cứu sống vô cực: Rất ráo thông suốt không bị ngăn trở.

KINH

A NAN ĐẾ THỈNH (1), THIÊN TƯ NIỆM CHI, NGÔ ĐƯƠNG VỊ NHŨ, PHÂN BIỆT GIẢI THUYẾT.

Giải: A-nan hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ để lĩnh hội phương pháp và giáo lý mà Như Lai nói ông có thể thật sự đạt được thọ dụng. Ta nhất định vì đại chúng mà giải nói rõ ràng. Thế Tôn vừa trình bày xong liền nói ra phương pháp niệm Phật là pháp môn hiếm có, phương tiện thù thắng không thể so sánh khiến cho hết thảy chúng sanh chỉ trong một đời được vãng sanh không thối chuyển, bình đẳng thành Phật.

Chú: 1) Đế thỉnh: Chân thành lắng nghe.

PHẨM THỨ BỐN PHÁP TẠNG NHÂN ĐỊA (1)

Giải: Phẩm Kinh này trình bày nguyên nhân, trạng huống phát tâm tu học của Tỳ-kheo Pháp Tạng.

Chú: 1) *Pháp Tạng:* Pháp là hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian. Tạng là hàm tàng. Trong tự tính hàm tàng hết thấy vạn pháp nên gọi là “Pháp Tạng”. Đó là pháp danh của Phật A-di-đà trước khi thành Phật.

Nhân địa: Từ phạm phu địa sơ phát tâm tu học cho đến trước khi thành Phật. Thời kỳ tu học này gọi là nhân địa.

KINH

PHẬT CÁO A NAN: QUẢ KHỨ VÔ LƯỢNG BÁT KHẢ TỨNGHI, VÔ ƯƠNG SỐ (1) KIẾP, HỮU PHẬT XUẤT THẾ, DANH THẾ GIAN TỰ TẠI VƯƠNG (2), NHƯ LAI (3), ỨNG CÚNG (4), ĐẰNG CHÁNH GIÁC (5), MINH HẠNH TÚC (6), THIÊN THỆ (7), THẾ GIAN GIẢI (8), VÔ THƯỢNG SĨ (9), ĐIỀU NGỰ TRƯỢNG PHU (10), THIÊN NHƠN SƯ (11), PHẬT (12), THẾ TÔN (13), TẠI THẾ GIÁO THỌ (14), TỨ THẬP NHỊ KIẾP. THỜI VỊ CHƯ THIÊN CẬP THẾ NHƠN DÂN THUYẾT KINH GIẢNG ĐẠO.

Giải: Đức Phật nói với ngài A-nan: Trong quả khứ vô lượng vô số kiếp không thể nghĩ bàn, có một vị Phật xuất hiện tại thế gian gọi là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc,

Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn. Ngài ở tại thế gian giáo hóa chúng sanh trong 42 kiếp, thường vì chư thiên và loài người mà giảng Kinh nói pháp.

Chú: 1) *Vô ương số*: Số lượng vô tận, hình dung thời gian rất dài.

2) *Thế Gian Tụ Tại Vương*: Thế gian: Là hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh của con người. Thường ở trong hai hoàn cảnh ấy mà đạt đến tụ tại tròn đầy, vì thế gọi là Thế Gian Tụ Tại Vương.

3) *Nhu Lai*: Phật hiện kiếp cũng giống như cô Phật tái hiện vì thế mà xưng gọi là Nhu Lai (dưới đây là 10 danh hiệu biểu hiện cho hết thầy chư Phật đều đầy đủ đức năng vô tận).

4) *Ứng Cúng*: Ứng là dâng, cúng là cúng dường. Phật là vị có học vấn, đức hạnh tròn đầy đáng được tiếp nhận sự cúng dường của hết thầy chúng sanh.

5) *Đẳng Chánh Giác*: Là vị giác ngộ, chính xác, bình đẳng cái chân tướng của vũ trụ nhân sanh.

6) *Minh Hạnh Túc*: Minh là trí tuệ, Hạnh là đức hạnh, Túc là đầy đủ... trí tuệ, đức hạnh của Phật đều đầy đủ, đầy tròn vì thế mà xưng gọi là Minh Hạnh Túc.

7) *Thiện Thệ*: Thiện là khéo léo, thệ là xa rời vọng tưởng, phiền não, phân biệt, chấp trước. Phật có khả năng khéo giáo hóa chúng sanh mà lại không phân biệt,

không chấp trước nên gọi là Thiên Thệ.

8) *Thế Gian Giải*: Đối với sự lý của hết thầy pháp thế gian Đức Phật đều có khả năng hiểu rõ, thông đạt nên gọi là Thế Gian Giải.

9) *Vô Thượng Sĩ*: Là phân tử tri thức có đủ đức hạnh tròn đầy. Phật là phân tử tri thức có đủ đức hạnh tròn đầy.

10) *Điều Ngự Trượng Phu*: Điều ngự là điều phục chế ngự. Phật lấy sức mạnh đại trượng phu để nói vô số giáo pháp có khả năng điều phục, chế ngự mọi phiền não của hết thầy chúng sanh khiến đắc Niết-bàn.

11) *Thiên Nhơn Sư*: Thiên là thiên giới, nhơn là người đời. Đức Phật là vị thầy mô phạm của trời, người nên gọi là Thiên Nhơn Sư.

12) *Phật*: Chú ở đề kinh.

13) *Thế Tôn*: Đầy đủ 10 loại trí tuệ như trên được người đời tôn xưng là Thế Tôn.

14) *Giáo thọ*: Truyền thọ, giáo dục, hướng dẫn; cũng chính là giáo hóa chúng sanh.

KINH

HỮU ĐẠI QUỐC VƯƠNG DANH THẾ NHIÊU VƯƠNG (1), VĂN PHẬT THUYẾT PHÁP, HOAN HỖ KHAI GIẢI, TẦM PHÁT VÔ THƯỢNG CHÂN CHÍNH ĐẠO Ý (2), KHÍ QUỐC QUYÊN VƯƠNG (3), HÀNH TÁC SA MÔN (4), HIỆU VIẾT PHÁP TẠNG, TU BỒ TÁT ĐẠO (5).

Giải: Bấy giờ có một vị quốc vương tên là Thế Nhiêu Vương thường đến nghe Đức Phật giảng Kinh nói pháp, sau khi nghe xong sanh khởi niềm vui lớn, ngài hiểu rõ giáo lý mà Đức Phật nói liền phát khởi cái tâm Bồ-đề vô thượng, bỏ ngôi vua, theo Phật Tự Tại Vương xuất gia tu hành, pháp danh là Pháp Tạng thượng tu học theo phương pháp Bồ-tát tu học giác ngộ thành Phật.

Chú: 1) *Thế Nhiêu Vương:* Thế là thế gian, nhiều là phong phú đầy đủ. Thế nhiều vương là hình dung vị vua này có tài cai trị đưa đến dân giàu nước mạnh.

2) *Tâm phát vô thượng chân chính đạo ý:* Tâm phát là phát hiện. Vô thượng chân chính đạo ý chính là tâm Bồ-đề vô thượng (cái tâm muốn thành Phật để phổ độ chúng sanh).

3) *Khí quốc quyền vương:* Bỏ quốc gia, ngôi vua. Khí – Quyền đều mang ý nghĩa buông bỏ.

4) *Hành tác Sa-môn:* Sa-môn là từ gọi phổ biến đối với người tu hành ở Ấn Độ xưa, bao gồm tinh cần tu tập giới định huệ, diệt tham sân si.

5) *Tu Bồ-tát đạo:* Hết thầy pháp môn của hàng Bồ-tát tu học.

KINH

CAO TÀI DŨNG TRIẾT (1), DỮ THẾ SIÊU DỊ (2), TÍN GIẢI MINH KÝ(3), TẮT GIAI ĐỆ NHẤT. HỤY HỮU THÙ THẮNG HẠNH

NGUYỆN (4), CẬP NIỆM TUỆ LỰC (5), TĂNG THƯỢNG KỲ TÂM (6), KIÊN CỐ BẤT ĐỘNG. TU HÀNH TINH TẤN, VÔ NĂNG THÂU GIẢ (7).

Giải: Tài năng trí tuệ của Tỳ-kheo Pháp Tạng vượt qua người thế gian. Lòng tin, năng lực lý giải, sức mạnh nhớ nghĩ (tín, giải, minh, ký) là đệ nhất trong số người cùng học. Và lại Ngài có hạnh nguyện thù thắng, đầy đủ sức mạnh của niệm tuệ làm tăng trưởng niềm tin, tâm nguyện, hành tâm của Ngài khiến cho tâm của Ngài kiên cố không thối thất; sự tinh tấn tu học chẳng có ai vượt hơn Ngài.

Chú: 1) *Cao tài dũng triết:* Cao tài là tài đức hơn người; dũng là chí lớn nguyện lớn, có nguyện vọng mãnh liệt giúp đỡ cho hết thảy chúng sanh; triết là hiểu rõ tất cả đạo lý sâu rộng. Ở đây tán thán Tỳ-kheo Pháp Tạng là vị có tài cao, đức hạnh hơn người; Ngài có đầy đủ chí nguyện lớn giúp đỡ cho hết thảy chúng sanh, đồng thời đối với tất cả sự lý đều hiểu rõ thông đạt.

2) *Dữ thế siêu dị:* Vượt qua mọi người thế gian, không ai có thể so sánh với Ngài.

3) *Tín giải minh ký:* Tín là tin vào pháp đã được Phật tuyên nói, tin vào tự thân có khả năng tiếp nhận sự hướng dẫn của Thầy; giải: tin vào tự thân lý giải được giáo pháp mà Phật nói; minh là rõ; ký là không quên (ở đây nói đến niềm tin, năng lực hiểu rõ và sức mạnh nhớ nghĩ của Ngài).

4) *Thù thắng hạnh nguyện*: Thù thắng là đặc thù vượt hơn. Hạnh là hành vi. Nguyện là tâm nguyện. Thù thắng hạnh nguyện là chỉ đến hạnh lớn nguyện lớn của Tỳ-kheo Pháp Tạng vượt hơn cả hết thầy chú Phật, Bồ-tát đã phát nguyện trong thời kỳ nhân địa (chỉ đến 48 nguyện sau này).

5) *Niệm tuệ lục*: Là niệm lục, tuệ lục trong năm căn, năm lục (căn có nghĩa là năng sanh hết thầy Phật pháp vì thế gọi là căn). Năm căn gồm:

- Tín là tin sâu không nghi.
- Tấn là tinh tấn không thối.
- Niệm là nhớ không quên.
- Định là một tâm chuyên chú.
- Tuệ là trí tuệ.

Lục: các pháp lành sở sanh có tác dụng mạnh mẽ, có khả năng đoạn phiền não nên gọi là lục. Đó là 5 thứ đoạn phiền não, điều kiện cơ bản khai trí tuệ.

6) *Tăng thượng kỳ tâm*: Tăng thượng là tăng trưởng, tiến lên – Kỳ tâm là niềm tin của Ngài. Nguyện tâm, hành tâm của Ngài.

7) *Thâu*: vượt lên trên.

KINH

VĂNG NGHỆ (1) PHẬT SỞ, ĐÁNH LỄ TRƯỜNG QUY, HƯỚNG PHẬT HỢP CHƯỞNG, TỨC DĨ CA THA (2), TÁN PHẬT, PHÁT QUẢNG ĐẠI NGUYỆN, TỤNG VIẾT:

Giải: Tỳ-kheo Pháp Tạng trở về trú xứ của bốn sư, Đức Phật Tự Tại Vương, vừa thấy bốn sư liền quỳ xuống cung kính đảnh lễ, hướng về Ngài chấp tay lạy kệ tán thán Đức Phật, đồng thời trước Đức Phật phát tâm nguyện rộng lớn. Nội dung bài kệ: (xem đoạn Kinh kế tiếp)

Chú: 1) *Vãng nghệ: Đến.*

2) *Ca-tha: Tiếng Ấn Độ, tiếng Trung Quốc gọi là “Cô khởi tụng”. Cô khởi là trước sau Kinh vẫn không trùng phúc. Tụng là đọc tụng, tương tự như thi ca của Trung Quốc.*

KINH

**NHƯ LAI VI DIỆU SẮC ĐOAN NGHIÊM (1),
NHẤT THIẾT THẾ GIAN VÔ HỮU ĐẰNG
QUANG MINH VÔ LƯỢNG CHIẾU THẬP PHƯƠNG
NHẬT NGUYỆT HỎA CHÂU GIAI NẶC DIỆU (2).**

Giải: Thân tướng trang nghiêm đoan chính vi diệu của Như Lai, hết thảy thế gian không có kẻ nào bằng; hào quang trí tuệ vô lượng của Như Lai chiếu khắp 10 phương thế giới; mặt trời, mặt trăng, lửa, ngọc châu, các loại ánh sáng này ở trong hào quang của Phật đều lu mờ; so ra cũng ví như ánh sáng của ngọn đèn với ánh sáng của mặt trời vậy.

Chú: 1) *Sắc đoan nghiêm: Thân tướng đoan chính trang nghiêm.*

2) *Nặc diệu: Ánh sáng lu mờ không tỏ. Nặc là cất giấu, ẩn tàng; diệu là ánh sáng.*

KINH

NGUYỄN NGÃ ĐẮC PHẬT THANH TỊNH THANH (1)

PHÁP ÂM PHỔ CẬP VÔ BIÊN GIỚI

TUYÊN DƯƠNG GIỚI ĐỊNH TỊNH TẤN MÔN (2)

THÔNG ĐẠT THẬM THÂM VI DIỆU PHÁP (3).

Giải: Tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện, hy vọng tự thân đạt được âm thanh thanh tịnh như âm thanh thanh tịnh của Phật, để âm thanh nói pháp truyền đi khắp vô biên giới, tuyên dương ba học, lục độ là pháp môn Đại thừa; mục đích là để hết thảy chúng sanh đều được thông đạt hiểu rõ về chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

Chú: 1) *Thanh tịnh thanh:* Không sai lầm, xa lìa âm thanh của phiền não.

2) *Giới định tinh tấn môn:* Giới định chỉ ba học Giới Định Tuệ. *Tinh tấn:* bao quát bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ; 6 cương lĩnh tu học của hàng Bồ-tát.

3) *Thậm thâm vi diệu pháp:* Vi diệu pháp là chỉ phương pháp tu học biết rõ cái chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

KINH

TRÍ TUỆ QUẢNG ĐẠI THÂM NHƯ HẢI

NỘI TÂM THANH TỊNH TUYỆT TRẦN LAO (1)

SIÊU QUÁ VÔ BIÊN ÁC THÚ MÔN (2)
TỐC ĐÁO BỒ ĐỀ CỨU CÁNH NGẠN (3)
VÔ MINH THAM SÂN GIAI VĨNH VÔ (4)
HOẶC TẤN QUÁ VONG (5) TAM MUỘI LỰC.

Giải: Tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện mong có đầy đủ trí tuệ rộng lớn vô biên như Phật, nội tâm thanh tịnh đoạn tuyệt tất cả các phiền não, vượt qua chín pháp giới, mau chóng thành tựu Phật quả tròn đầy, rốt ráo. Mãi mãi đoạn trừ vô minh, tham, sân từ đó không trở lại mê hoặc, không trở lại có những hành vi sai lầm. Đó là hiệu quả tu học niệm Phật tam-muội.

Chú: 1) Tuyệt trần lao: Chính là đoạn trừ hết thủy phiền não. Tuyệt là đoạn tuyệt – Trần lao: thí dụ phiền não.

2) Vô biên ác thú môn: Vô biên trình bày ở đây không đơn thuần chỉ ba đường ác (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh), phạm là phiền não không đoạn tận đều là ác thú. Vì thế chín pháp giới (Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn, thiên nhơn, A-tu-la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục) đều là ác thú, chỉ có pháp giới Phật mới là quả báo tối thiện, tròn đầy.

3) Bồ-đề cứu cánh ngạn: Chỉ thành Phật tròn đầy.

4) Vô minh tham sân giai vĩnh vô: Ý là nói hết thủy phiền não vĩnh viễn đều đoạn tận; vô minh: không hiểu rõ chân tướng sự thật chính là si. Vô minh tham sân chính là nói tham, sân, si là ba loại căn bản phiền não.

5) *Hoặc tận quá vong: Hoặc là chỉ mọi vô minh phiến não. Quá là sai, tội nghiệp. Hoặc tận quá vong là hết thấy vô minh phiến não, tội nghiệp từ thân, lời nói đều không tái phạm.*

KINH

DIỆT NHƯ QUÁ KHỨ VÔ LƯỢNG PHẬT

VI BỈ QUÂN SANH ĐẠI ĐẠO SƯ (1)

NĂNG CỨU NHẤT THIẾT CHƯ THỂ GIAN (2)

SANH LÃO BỆNH TỬ CHÚNG KHỔ NÃO

Giải: Tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện mong muốn được như vô lượng chư Phật ở quá khứ, làm bậc thầy của hết thấy chúng sanh trong chín pháp giới, tu hành thành Phật thì mới có năng lực cứu độ sanh, già, bệnh, chết, những khổ đau của chúng sanh.

Chú: 1) *Vị bỉ quân sanh Đại Đạo sư* : *Bỉ quân sanh* là chỉ chúng sanh trong chín pháp giới ; *Đại Đạo sư* là vị có khả năng hướng dẫn chúng sanh bình đẳng thành Phật. Tỳ-kheo Pháp Tạng phát đại nguyện tu hành thành Phật để làm bậc Đại Đạo sư của hết thấy chúng sanh.

2) *Nhất thiết chư thể gian*: Cũng là chỉ hết thấy chúng sanh trong chín pháp giới.

KINH

THƯỜNG HÀNH BỐ THÍ CẬP GIỚI NHÃN

TINH TẤN ĐỊNH HUỆ LỤC BA LA (1)

VỊ ĐỘ HỮU TÌNH LINH ĐẮC ĐỘ (2)

DĨ ĐỘ CHI GIẢ SỬ THÀNH PHẬT.

Giải: Tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện muốn tu học không ngừng 6 cương lĩnh lớn của Bồ-tát là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ để giúp đỡ cho chúng sanh đang ở trong sống chết luân hồi 6 đường, hướng dẫn họ thoát khỏi sống chết. Hàng chúng sanh đã thoát khỏi sống chết, tiếp tục giúp họ thành tựu viên mãn Phật đạo.

Chú: 1) Thường hành bố thí cập giới nhân

Tinh tấn định tuệ lục ba-la

Hai câu này là nói đến 6 cương lĩnh tu học của Bồ-tát

1- Bố thí : có 3 loại

a) Tài thí: dùng tài vật giúp đỡ cho hết thảy chúng sanh. Quả báo là giàu có không thiếu.

b) Pháp thí: Vì hết thảy chúng sanh mà trao truyền Phật pháp, Thế gian pháp. Quả báo là được thông minh trí tuệ.

c) Vô úy thí: Giúp đỡ chúng sanh thoát khỏi u phiền sợ hãi. Quả báo là được khỏe mạnh sống lâu.

2- Giới : Túc giữ giới, quy nạp có 3 loại:

a) *Nhiếp luật nghi giới: Đức Phật hướng dẫn chúng sanh những việc không nên làm như không nên làm những việc ác.*

b) *Nhiếp thiện pháp giới : Phật dạy chúng sanh những việc cần làm như làm tất cả việc lành.*

c) *Nhiều ích hữu tình giới: Lấy lợi ích hết thảy chúng sanh làm giới, như độ khắp chúng sanh.*

Trì giới: Giữ gìn luật pháp quốc gia, đạo đức, quan niệm, phong tục tập quán... cần phải được tôn trọng, tuân thủ. Đó là những vấn đề đều ở trong phạm vi giữ giới.

3- *Nhãn: Túc nhãn nhục. Sự việc cần nhãn thì có rất nhiều, đại thể chia làm 3 loại:*

a) *Nhãn với người gia hại:*

b) *Nhãn đối với tai ương tự nhiên.*

c) *Trong tu hành có vô số khó khăn đều cần phải nhãn nhục.*

Nhục: Người Trung Quốc có câu “Sĩ khả sát, bất khả nhục” xem sự nhục nhã còn nghiêm trọng hơn cả tính mạng. Vì thế các Pháp sư dịch Kinh đặc biệt thêm chữ “Nhục” sau chữ “nhãn” . Đó là đặc biệt đối với người Trung Quốc mà nói.

4- *Tinh tấn: Tinh là thuần mà không tạp, thâm nhập vào một pháp môn. Tấn là đi tới không lùi, dũng mãnh hướng về phía trước và cũng có 3 loại:*

a) *Mặc giáp tinh tấn: Có chí nguyện lớn, không sợ việc khó làm.*

b) *Nhiếp thiện tinh tấn: Tinh cần tu pháp lành không chán nản.*

c) *Lợi lạc tinh tấn: Khuyến hóa chúng sanh không mệt mỏi.*

Ngoài ra còn có 4 ý:

- Việc ác chưa phát sanh, nỗ lực để chúng không sanh.

- Việc ác đã phát sanh, nỗ lực tiêu trừ.

- Việc lành chưa sanh, nỗ lực khiến sanh khởi.

- Việc lành đã phát sanh, thì làm cho chúng không ngừng tăng trưởng.

5- Thiền định: Thiền tiếng Ấn Độ là “Thiền-na”, Định tiếng Ấn Độ là “Tam-muội”. Ngoài không dính tướng là thiền, trong không động tâm là định. Thiền định là nhứt tâm chuyên chú không tán loạn, nội tâm thanh tịnh, đối với ngoại cảnh không khởi vọng tưởng chấp trước.

6- Trí tuệ: Cũng gọi là Bát-nhã, bát nhã có 3 loại:

a) *Văn tự bát-nhã: Tất cả Kinh điển Phật nói và các trước thuật của Tổ sư đại đức có khả năng khai phát trí tuệ của chúng sanh.*

b) *Quán chiếu bát-nhã: Dựa vào phương pháp nghĩa lý trong Kinh để tu học, quán chiếu trong*

cuộc sống đời thường.

c) Thật tướng bát-nhã: Là nói đến bản thể của vạn pháp trong vũ trụ; trí tuệ vốn đầy đủ trong tự tính của chư Phật và chúng sanh.

Ba-la: Ấn Độ nói “Ba-la-mật-đa” Trung Quốc dịch là “Đến bờ bên kia”; ý tứ là rốt ráo tròn đầy. Đó là nói dựa vào 6 cương lĩnh để tu học thì có khả năng đạt đến quả vị Phật rốt ráo tròn đầy.

2) Đắc độ: Thoát khỏi luân hồi 6 đường.

KINH

GIẢ LINH CÚNG DƯƠNG HẰNG SA THÁNH BÁT NHƯ KIÊN DŨNG (1) CẦU GIẢI THOÁT

Giải: Đức Phật dạy giả sử có người cúng dường cho vô số Phật, Bồ-tát, La-hán vẫn không bằng tự thân kiên quyết dũng mãnh cầu thành Phật đạo. Ý là khuyên chúng ta nhất định niệm Phật cầu vãng sanh, thành Phật không còn thối chuyển.

Chú: 1) Kiên dũng: Kiên quyết dũng mãnh.

KINH

NGUYỆN ĐƯƠNG AN TRÚ TAM MA ĐỊA HẰNG PHÓNG QUANG MINH CHIẾU NHẤT THIẾT CẢM ĐẮC QUẢNG ĐẠI THANH TỊNH CƯ (1) THÙ THẮNG TRANG NGHIÊM VÔ ĐẲNG LUÂN (2)

Giải: Tỳ-kheo Pháp Tạng nguyện tự thân thường ở trong tam-ma-địa, thường phóng hào quang nhiếp thọ chúng

sanh trong 10 phương thế giới. Lấy nguyện lớn tu trì của bản thân mà cảm ứng đến cõi nước Phật rộng lớn thanh tịnh; cõi nước Tịnh độ của Đức Phật ấy trang nghiêm thù thắng mà các cõi nước Phật khác không thể so sánh bằng.

Chú:

1) *Cảm đắc quảng đại thanh tịnh cư: Tu hành như lý, như pháp, cũng là do tự tính mà cảm ứng hiện ra thành cõi nước Phật rộng lớn thanh tịnh. Chính là thế giới Cực Lạc.*

2) *Vô đẳng luân: Luân là đồng loại. Đây là nói thù thắng trong đồng loại không so sánh bằng.*

KINH

LUÂN HỒI CHƯ THỨ CHÚNG SANH LOẠI (1)

TỐC SANH NGÃ SÁT THỌ AN LẠC

THƯỜNG VẬN TỬ TÂM BẠT HỮU TÌNH (2)

ĐỘ TẬN VÔ BIÊN KHỔ CHÚNG SANH

Giải: Tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện muốn độ thoát chúng sanh hữu tình trong 6 nẻo luân hồi khiến cho họ đều nhanh chóng vãng sanh về thế giới Cực Lạc rộng lớn thanh tịnh của Ngài để hưởng thọ an lạc rất ráo. Lại thường lấy đại từ, đại bi, đại nguyện, đại lực giúp đỡ cho chúng sanh, thề nguyện độ vô tận vô biên chúng sanh đang khổ đau trong 6 đường.

Chú: 1) *Luân hồi chư thứ chúng sanh loại: Luân hồi:*

chỉ chúng sanh từ vô thủy đến nay cứ triển chuyển trong ba cõi, sáu đường; cũng giống như bánh xe quay mãi không dừng.

Chu thú chúng sanh loại: Chỉ các loài chúng sanh trong sáu đường.

2) Bạt hữu tình: Cứu bạt chúng sanh hữu tình.

KINH

NGÃ HÀNH (1) QUYẾT ĐỊNH KIÊN CỐ LỰC

DUY PHẬT THÁNH TRÍ NĂNG CHỨNG TRI (2)

TUNG SỬ THÂN CHỈ CHÚ KHỔ TRUNG

NHƯ THỊ NGUYỆN TÂM VĨNH BẤT THỐI

Giải: Tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện: Nguyện hành của con mãi mãi kiên định, không thay đổi, việc này duy chỉ có trí tuệ của Đức Phật thì mới chứng minh cho con khiến cho tự thân con ở trong vô số tai nạn, khổ đau, như nguyện lớn đã phát ở trên, cũng mãi mãi không thối thất.

Phẩm Kinh này là thuyết minh về tình hình xuất gia và phát đại nguyện của Tỳ-kheo Pháp Tạng.

Phẩm Kinh tiếp theo thuyết minh Tỳ-kheo Pháp Tạng y chiếu vào nguyện tâm của bản thân nỗ lực, tinh tấn tu hành.

Chú: 1) Ngã hạnh: Hạnh nguyện của Pháp Tạng.

2) Duy Phật thánh trí năng chứng tri: Phật là chỉ Thế gian Tự Tại Vương Phật. Thánh trí: Trí tuệ lớn của Phật. Chứng tri: Là chứng minh.

PHẨM THỨ NĂM
CHÍ TÂM (1) TINH TẤN

Giải: Lấy cái tâm chí thành tinh tấn tu hành.

Chú: 1) Chí tâm: Cái tâm chân thành cực điểm.

KINH

**PHÁP TẠNG TỖ KHEO THUYẾT THỦ KỆ DĨ NHI BẠCH
PHẬT NGÔN: NGÃ KIM VỊ BỒ TÁT ĐẠO, DĨ PHÁT VÔ
THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHI TÂM, THỦ NGUYỆN TÁC
PHẬT, TẮT LINH NHƯ PHẬT**

Giải: Tỳ-kheo Pháp Tạng ở trước mặt Đức Phật Tự Tại Vương, sau khi đọc kệ tụng trên lại hướng về Đức Phật mà thưa: hiện tại con vì hướng dẫn cho Bồ-tát tu hành nên đã lấy tâm giác ngộ chân chính mà phát nguyện thành Phật, xin nguyện tất cả tâm hành đều giống như Phật.

KINH

**NGUYỆN PHẬT VỊ NGÃ QUẢNG TUYÊN KINH PHÁP (1) NGÃ
ĐƯƠNG PHỤNG TRÌ (2), NHƯ PHÁP TU HÀNH (3). BẠT CHỮ
CẦN KHỔ SANH TỬ CĂN BẢN (4), TỐC THÀNH VÔ THƯỢNG
CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC.**

Giải: Mong cầu Thế Tôn vì con mà giảng nói Kinh pháp, con nhất định như pháp y giáo phụng hành, nhỏ sạch hết thảy nghiệp ác gốc rễ của sống chết. Đoạn trừ tham, sân, si, phiền não, hy vọng nhanh chóng thành Phật.

Chú: 1) Kinh pháp : Chỉ ngôn ngữ văn tự của chư Phật

Nhu Lai vì hết thầy chúng sanh mà giảng giải chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

2) *Phụng trì: Cung kính tiếp nhận.*

3) *Nhu pháp tu hành: Như pháp là dựa vào giáo pháp Đức Phật đã nói. Tu là sửa. Hành là hành vi. Tu hành là đem những tư tưởng, kiến giải, hành vi sai lầm mà sửa chữa lại cho đúng.*

4) *Bạt chur cần khổ sanh tử căn bản: Bạt là bạt trừ – Cần khổ là cần lao làm cho khổ đau – Sanh tử căn bản: Chỉ tâm tham, tâm sân, tâm si là căn bản của luân hồi sống chết. Ý của câu này là nhờ hết tất cả nghiệp ác căn bản sống chết.*

KINH

DỤC LINH NGÃ (1) TÁC PHẬT THỜI, TRÍ TUỆ QUANG MINH, SỞ CƯ QUỐC ĐỘ, GIÁO THỌ DANH TỰ (2), GIAI VĂN THẬP PHƯƠNG. CHƯ THIÊN NHÂN DÂN CẬP QUYÊN NHU LOẠI, LAI SANH NGÃ QUỐC, TẮT TÁC BỒ TÁT. NGÃ LẬP THỊ NGUYỆN, ĐÔ THẮNG VÔ SỐ CHƯ PHẬT QUỐC GIẢ, NINH KHẢ ĐẮC PHỦ

Giải: Hy vọng khi con thành Phật, hào quang trí tuệ của con, cõi nước con đang ở, danh hiệu của con đều truyền khắp cõi nước của chư Phật trong mười phương. Hết thầy chúng sanh trong 6 đường khắp 10 phương phát nguyện sanh vào cõi nước của con đều thành Bồ-tát cả. Con lập nguyện ấy vượt qua hết thầy thế giới chư Phật,

chẳng biết có như nguyện hay không.

Chú: 1) *Dục linh ngã: Dục là hy vọng; linh ngã là khiến cho con.*

2) *Giáo thọ danh tự: Chỉ danh hiệu sau khi thành Phật, cho đến danh hiệu của Bồ-tát Quan Âm, Thế Chí.*

KINH

NHỮ TỰ TU DUY, TU HÀ PHƯƠNG TIỆN, NHI NĂNG THÀNH TỰU PHẬT SÁT TRANG NGHIÊM. NHƯ SỞ TU HÀNH NHỮ TỰ ĐƯƠNG TRI, THANH TỊNH PHẬT QUỐC, NHỮ ƯNG TỰ NHIẾP.

Giải: Đức Phật nói: Tự bản thân ông hãy thâm nhập sâu vào tư tưởng, tu theo pháp môn phương tiện nào thì có thể thành tựu cõi nước Phật trang nghiêm. Cần như pháp tu hành thế nào ông nên tự biết; cần kiến lập cõi nước Phật thanh tịnh như thế nào cũng tự ông biết để quyết định lựa chọn.

KINH

PHÁP TẠNG BẠCH NGÔN, TƯ NGHĨA HOÀNG THÂM (1), PHI NGẢ CẢNH GIỚI. DUY NGUYỆN NHƯ LAI ƯNG BIẾN CHÁNH TRI (2), QUẢNG DIỄN CHƯ PHẬT VÔ LƯỢNG ĐIỀU SÁT (3), NHƯỢC NGÃ ĐẮC VĂN, NHƯ THỊ ĐẰNG PHÁP, TU DUY TU TẬP (4), THỆ MÃN SỞ NGUYỆN.

Giải: Tỳ-kheo Pháp Tạng trả lời: Những điều Thế Tôn nói nghĩa lý rất sâu rộng, những điều đó chẳng phải cảnh giới của con mà có thể hiểu được. Duy nguyện

Như Lai Ứng Biến Chánh Tri vì con mà diễn nói cõi nước trang nghiêm vô lượng vô biên của chư Phật. Nếu con được nghe diệu pháp mà Thế Tôn vì con tuyên nói, con nhất định nhận định rõ ràng, suy nghĩ, học tập để tròn đầy nguyện lớn mà con đã phát.

Chú: 1) *Tu nghĩa hoằng thâm: Chỉ vào Kinh nghĩa mà Đúc Phật Tụ Tại Vương đã nói ở trên.*

2) *Như Lai Ứng Chánh Biến Tri: Ứng là ứng cúng – Chánh biến tri là đẳng chánh giác. Đó là 3 danh hiệu trong 10 danh hiệu, lấy đó đại biểu cho 10 danh hiệu.*

3) *Diệu sát: Chỉ cõi nước Phật trang nghiêm vi diệu.*

4) *Tu duy tu tập: Tu duy là thâm nhập, lý giải; tu là sửa, tập là thực tập. Sửa chữa hành vi sai lầm trong cuộc sống hằng ngày.*

KINH

THẾ GIAN TỰ TẠI VƯƠNG PHẬT TRI KỲ CAO MINH (1), CHÍ NGUYỆN THÂM QUẢNG TỨC VỊ TUYÊN THUYẾT NHỊ BÁCH NHẤT THẬP ỨC CHƯ PHẬT SÁT ĐỘ (2) CÔNG ĐỨC NGHIÊM TỊNH, QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN CHI TƯỚNG (3), ỨNG (4) KỲ TÂM NGUYỆN, TẮT HIỆN DŨ CHI. THUYẾT THỊ PHÁP THỜI, KINH THIÊN ỨC TUẾ.

Giải: Đúc Phật Thế Gian Tự Tại Vương biết rõ đức hạnh cao thượng của Tỳ-kheo Pháp Tạng, trí tuệ sáng suốt, nguyện lớn mà Tỳ-kheo Pháp Tạng đã phát sâu rộng không thể so sánh nên vì Ngài mà tuyên nói vô số công

đức của cõi nước chư Phật trong 10 phương, nghiêm tịnh, rộng lớn, tròn đầy của diệu tướng vô biên. Đức Phật làm cho tâm nguyện của Tỳ-kheo Pháp Tạng đầy đủ, Thế Tôn còn dùng thần lực lạ lùng triển hiện thế giới của chư Phật trước mặt Pháp Tạng để cho Pháp Tạng tự thấy nghe; lại còn vì Pháp Tạng mà nói pháp, thời gian lâu xa đến ngàn ức năm (thời đại bây giờ con người sống rất lâu).

Chú: 1) *Cao minh: Chỉ đức hạnh cao thượng, trí tuệ sáng suốt.*

2) *Nhị bách nhứt thập ức chư Phật sát độ: Nhị bách nhứt thập ức hoàn toàn không phải là con số cụ thể. Trong đạo Phật thường lấy con số 7, số 10, số 16 và số 21 đại biểu cho sự tròn đầy, ở đây đại biểu các thế giới sở hữu của chư Phật trong hư không.*

3) *Công đức nghiêm tịnh quảng đại viên mãn chi tướng: Công là nhân của sở tu – Đức là quả sở đắc – Công đức là chỉ sự lý nhân quả của các cõi nước của chư Phật. Nghiêm tịnh: chỉ con người, vật chất và hết thảy hoàn cảnh đẹp đẽ, thanh tịnh của cõi nước của chư Phật.*

KINH

NHĨ THỜI PHÁP TẠNG VĂN PHẬT SỞ THUYẾT, GIAI TẮT ĐÔ KIẾN, KHỞI PHÁT VÔ THƯỢNG THÙ THẮNG CHI NGUYỆN (1) Ư BỈ THIÊN NHƠN THIỆN ÁC, QUỐC ĐỘ THỒ DIỆU (2), TỬ DUY CỨU CÁNH (3) TIỆN NHẤT KỶ TÂM (4),

TUYỂN TRÁCH SỬ DỤC KẾT ĐẮC (5) ĐẠI NGUYỆN.

Giải: Khi Tỳ-kheo Pháp Tạng cầu học, trước hiện tượng của vô số thế giới chư Phật mà Đức Phật Tự Tại Vương đã giới thiệu, hết sức rõ ràng minh bạch, nhân đó Ngài phát khởi nguyện lớn vô thượng thù thắng, đồng thời trước thế giới chư Phật, trước thiện ác của trời, người, trước cõi nước thô, diệu, Ngài đều hiểu biết triệt để nên Ngài liền nhất tâm chọn lựa thế giới tốt đẹp, thanh tịnh như bản thân mong muốn hình thành 48 nguyện lớn không thể so sánh.

Chú: 1) Thù thắng chi nguyện: Nội dung phẩm tiếp theo sẽ nói đến 48 nguyện.

2) Ư bỉ thiên như thiện ác, quốc độ thô diệu: Bỉ là chỉ cõi nước của chư Phật mười phương – thiên như thiện ác: chỉ hoàn cảnh của con người (chánh báo) – Quốc độ thô diệu: chỉ hoàn cảnh vật chất (y báo).

3) Tư duy cứu cánh: Hiểu biết triệt để.

4) Tiệm nhất kỳ tâm: Tức là nhất tâm, tâm không có niệm nào khác.

5) Kết đắc: Có nghĩa là hình thành.

KINH

TINH CẦN CẦU TÁC (1), CUNG THẬN BẢO TRÌ, TU TẬP CÔNG ĐỨC, MÃN TỨC NGŨ KIẾP (2), Ư BỈ NHỊ THẬP NHẤT CÂU CHỈ (3) PHẬT ĐỘ, CÔNG ĐỨC TRANG NGHIÊM CHI SỰ, MINH LIỄU THÔNG ĐẠT, NHƯ NHẤT PHẬT SÁT. SỞ NHIẾP PHẬT QUỐC, SIÊU QUÁ Ư BỈ.

Giải: Sau khi Tỳ-kheo Pháp Tạng lập nguyện lớn, Ngài tu học tinh cần, tìm cầu không giải đãi, tất cả cũng chỉ vì trao truyền cho hết thầy chúng sanh một hoàn cảnh tu học tốt đẹp. Ngài cung kính thận trọng một lòng chuyên chú phụng giữ những lời giáo giới của Đức Phật trải qua thời gian dài năm kiếp tích tụ công đức. Đối với công đức trang nghiêm, nhân duyên, quả báo của 210 ức cõi nước của chư Phật, Ngài đều hiểu rõ, thông đạt chẳng khác nào hình ảnh rõ ràng của một cõi nước Phật. Thế giới Tây phương Cực Lạc mà Tỳ-kheo Pháp Tạng kiến lập tự nhiên vượt qua hết thầy cõi nước của chư Phật.

Chú: 1) *Cầu tác: Là tìm cầu.*

2) *Tu tập công đức mãn túc ngũ kiếp: Tu là tu hành – Tập là học tập – Công đức: Là chỉ 48 nguyện thành tựu trong tu tập. Đây là nói đến việc Tỳ-kheo Pháp Tạng dùng thời gian 5 kiếp tu hành, học tập thành tựu 48 lời nguyện giúp cho hết thầy chúng sanh trong 10 phương thế giới tu chứng quả vị Phật.*

3) *Nhi thập nhất câu chi: Số 21 có ý nghĩa là tròn đầy; câu chi là tiếng Ấn Độ, Trung Quốc dịch là “ngàn vạn”. 21 câu chi chính là đoạn Kinh văn trước nói đến 210 ức.*

KINH

KÝ NHIẾP THỌ DĨ, PHỤC NGHỆ THẾ TỰ TẠI VƯƠNG NHƯ LAI SỞ, KHÊ THỦ LỄ TÚC (1), NHIỄU PHẬT TAM TẬP (2), HỢP CHUỖNG NHI TRỤ (3), BẠCH NGÔN THẾ TÔN: NGÃ DĨ

THÀNH TỰU TRANG NGHIÊM PHẬT ĐỘ, THANH TỊNH CHI HẠNH (4).

Giải: Tỳ-kheo Pháp Tạng sau khi hoàn thành nguyện lớn cụ thể nhiếp thủ cõi Phật (thế giới Cực Lạc), Ngài lại đến trước Đức Phật Thế TỰ Tại Vương, đầu lay sát chân Thế Tôn, kế đó đi quanh Đức Phật 3 vòng vô cùng lễ kính rồi dừng lại chấp tay thưa: Con đã thành tựu thế giới Cực Lạc trang nghiêm đồng thời con cũng đã thành tựu việc tu trì tối thanh tịnh (chánh báo trang nghiêm).

Chú: 1) *Khê thủ lễ túc:* Cúi đầu lay sát chân Phật, là nghi lễ tối kính trọng trong Phật giáo.

2) *Nhiều Phật tam tap:* Đi 3 vòng quanh Phật, đây cũng là nghi lễ tối kính trọng ở thời cổ Ấn Độ.

3) *Hợp chưởng nhi trụ:* Trụ là đứng lại. Chấp tay đứng lại.

4) *Thanh tịnh chi hạnh:* Là nói cái tâm rời các tạp niệm. Hoàn cảnh và thân tâm đều hành trì thanh tịnh.

KINH

PHẬT NGÔN THIÊN TAI ! KIM CHÍNH THỊ THỜI. NHỮ ƯNG CỤ THUYẾT (1), LINH CHÚNG (2) HOAN HỖ. DIỆC LINH ĐẠI CHÚNG (3), VĂN THỊ TẬP ĐỔ DẮC ĐẠI THIÊN LỢI (4). NĂNG Ư PHẬT SÁT (5) TU TẬP NHIẾP THỌ (6) MÃN TỨC VÔ LƯỢNG ĐẠI NGUYỆN.

Giải: Đức Phật tán thán Tỳ-kheo Pháp Tạng: Hôm nay chính là lúc, ông nên trình bày cụ thể để cho các thầy đồng

học với ông cũng như toàn thể đại chúng hoan hỷ, cũng là để cho mọi người trong pháp hội cho đến cả mọi người trong tương lai có sở duyên được nghe Kinh này đạt đến lợi ích lớn, trong một kiếp bình đẳng thành Phật.

Chú: 1) *Nhữ ưng cụ thuyết*: Nhữ là ông (người) – Cụ thuyết: trình bày cụ thể.

2) *Linh chúng*: Linh là khiến; chúng là bạn cùng học với Tỳ-kheo Pháp Tạng.

3) *Đại chúng*: Đại chúng ở đây là chỉ chư vị Bồ-tát trong pháp hội, chư vị Thanh văn trong pháp hội cho đến cả hết thấy chúng sanh có cơ duyên được thấy, nghe Kinh này trong tương lai.

4) *Đại thiên lợi*: Là chỉ 10 niệm được vãng sanh, không thối chuyển thành Phật. Bản nguyện Di-đà có khả năng khiến cho chúng sanh trong 10 phương trong đời này đắc giải thoát, bình đẳng rốt ráo, tròn đầy.

5) *Phật sát*: Cõi nước Phật ở đây là chỉ thế giới Cực Lạc.

6) *Nhiếp thọ*: Nhiếp là nắm giữ. Thọ là thọ trì. Là nói nắm giữ bản nguyện Di-đà, thêm vào sự tu trì thành công đức của bản thân.

7) *Mãn túc vô lượng đại nguyện*: Đầy đủ nguyện vãng sanh của chúng sanh và hết thấy nguyện lớn đều đạt đến đầy đủ.

**PHẨM THỨ SÁU
PHÁT ĐẠI THỆ NGUYỆN (1)**

Giải: Tỳ-kheo Pháp Tạng tuân theo những lời giáo giới của Đức Phật Thế TỰ Tại Vương, ở trong pháp hội, Ngài tuyên phát nguyện lớn của bản thân.

KINH

PHÁP TẠNG BẠCH NGÔN: DUY NGUYỆN THỂ TÔN ĐẠI TỪ THỈNH SÁT (2)

Giải: Tỳ-kheo Pháp Tạng hướng về Đức Phật thưa: xin nguyện bậc Thầy tôn kính, đại từ đại bi vì con mà xem xét (nghe những gì con nói, xem xét thành tâm của con).

Chú: 1) *Đại thệ nguyện:* Chỉ 48 nguyện mà phẩm Kinh này nói tới.

2) *Thỉnh sát:* Nghe và xem xét.

KINH

NGÃ NHƯỢC CHỨNG ĐẮC VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ, THÀNH CHÁNH GIÁC DĨ, SỞ CỬ PHẬT SÁT, CỤ TỨC VÔ LƯỢNG BÁT KHẢ TƯ NGHI, CÔNG ĐỨC TRANG NGHIÊM (1).

Giải: Tỳ-kheo Pháp Tạng thưa: Nếu như con chứng đắc vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khi thành Phật cõi nước con ở (thế giới Cực Lạc), đầy đủ vô lượng trang nghiêm công đức không thể nghĩ bàn; con người, vật chất, hoàn cảnh cuộc sống đều hơn hẳn quốc độ của chư Phật.

Chú: 1) Công đức trang nghiêm: công đức là chỉ 10 niệ̣m v̄ng sanh về thế giới Cực Lạc chắc chắn sẽ thành Phật. Trang nghiêm: chỉ đến hoàn cảnh tu học của thế giới Cực Lạc.

KINH

VÔ HỮU ĐỊA NGỤC, NGẠ QUỶ, CẦM THỨ, QUYÊN PHI NHU ĐỘNG (1) CHI LOẠI.

Giải: Đây là nguyện thứ nhất của Tỳ-kheo Pháp Tạng “Cõi nước không có đường ác”. Nguyện cõi nước của con (thế giới Cực Lạc) không có ba thứ đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Chúng sanh tạo tác các nghiệp ác tham, sân, si, thì cảm thọ ba loại báo ứng khổ đau. Lời nguyện này hiển thị trong cõi nước của Phật A-di-đà không có kẻ tạo nghiệp ác tham, sân, si.

Chú: 1) *Cầm thú, quyên phi nhu động: Gồm tất cả chúng sanh súc sanh đạo.*

KINH

SỞ HỮU NHẤT THIẾT CHÚNG SANH, DĨ CẬP ĐẢO MA LA GIỚI (1), TAM ÁC ĐẠO (2) TRUNG, LAI SANH NGÃ SÁT. THỌ NGÃ PHÁP HÓA TẤT THÀNH A NẬU ĐA LA TAM MIỆU TAM BỒ ĐỀ. BẮT PHỤC CÁNH ĐỌA ÁC THỨ. ĐẮC THỊ NGUYỆN, NÃI TÁC PHẬT; BẮT ĐẮC THỊ NGUYỆN, BẮT THỦ VÔ THƯỢNG CHÁNH GIÁC.

Giải: Đây là nguyện thứ hai: “Không đọa ác thú”. Ở

thế giới Cực Lạc, chẳng những không có ba đường ác, thậm chí từ trong đường ác địa ngục hết thấy chúng sanh phát nguyện sanh về cõi nước của con đều được con giáo hóa, giả sử họ đến 10 phương thế giới cúng dường chư Phật, hóa đạo chúng sanh cũng mãi mãi sẽ không đọa trở lại 3 đường ác lại còn đầy đủ một kiếp thành Phật viên mãn. Thực hiện được 2 nguyện trên con mới thành Phật, nếu không thực hiện được, con nguyện không thành Phật.

Chú: 1) *Đảo ma-la giới: Chỉ pháp giới địa ngục, là pháp giới khổ nhất trong 10 pháp giới.*

2) *Tam ác đạo: Là súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục; gọi là ba đường ác hay còn gọi là ba ác thú, ba đồ.*

KINH

NGÃ TÁC PHẬT THỜI. THẬP PHƯƠNG THẾ GIỚI SỞ HỮU CHÚNG SANH. LINH SANH NGÃ SÁT GIAI CỤ TỬ MA CHÂN KIM SẮC THÂN (1).

Giải: Đây là nguyện thứ ba: “Nguyện thân màu vàng”. Khi con thành Phật, chúng sanh ở trong 10 phương thế giới khi vãng sanh đến nước Cực Lạc của con đều có cái thân thể mãi mãi không thay đổi, biến hoại (màu vàng tử ma).

Chú: 1) *Tử ma chân kim sắc thân: tử ma chân kim chính là hoàng kim đệ nhất; ở đây biểu hiện thân Phật không biến hoại.*

KINH

TAM THẬP NHỊ CHỦNG, ĐẠI TRƯỞNG PHU TƯỚNG (1)

Giải: Đây là nguyện thứ tư: “Nguyện 32 tướng”, khi con thành Phật, chúng sanh ở trong 10 phương thế giới khi vãng sanh về cõi nước Cực Lạc của con đều đầy đủ 32 tướng đại trưởng phu.

Chú: 2) *Tam thập nhị chủng, đại trưởng phu tướng: 32 tướng, người đời cho rằng là các loại tướng đại quý. Đức Phật ứng với căn cơ của chúng sanh nên thị hiện đầy đủ 32 tướng tốt.*

KINH

ĐOAN CHÍNH TỊNH KHIẾT, TẮT ĐỒNG NHẤT LOẠI. NHƯỢC HÌNH MẠO SAI BIỆT, HỮU HẢO XÚ GIẢ, BẮT THỦ CHÁNH GIÁC.

Giải: Đây là nguyện thứ năm “Nguyện thân vô sai biệt”. Khi con thành Phật, hết thấy chúng sanh trong 10 phương thế giới khi vãng sanh đến nước Cực Lạc của con thì dung mạo đoan chính, thân tâm trong sạch, thân tướng đều giống nhau, thân hình, dung mạo đều không sai biệt, cũng không có kẻ đẹp người xấu xí. Nếu không thực hiện được con quyết không thành Phật.

Chú: 1) *Đoan chính tịnh khiết: Dung mạo đoan chính, thân tâm trong sạch.*

KINH

NGÃ TÁC PHẬT THỜI. SỞ HỮU CHÚNG SANH, SANH NGÃ

QUỐC GIẢ TỰ TRI VÔ LƯỢNG KIẾP THỜI TỨC MẠNG (1) SỞ TÁC THIỆN ÁC.

Giải: Đây là nguyện thứ sáu: “Nguyện tức mạng thông”. Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh sanh về thế giới Cực Lạc của con đều có khả năng biết rõ hết thấy quả báo thiện ác đã tạo trong vô lượng kiếp, nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ.

Chú: 1) *Tức mạng: Sanh mạng trong nhiều đời nhiều kiếp quá khứ.*

KINH

GIAI NĂNG ĐỘNG THỊ, TRIỆT THỈNH (1) TRI THẬP PHƯƠNG KHỨ LAI HIỆN TẠI CHI SỰ. BÁT ĐẮC THỊ NGUYỆN, BÁT THỦ CHÁNH GIÁC.

Giải: Giai năng động thị: thấy rõ tất cả, là nguyện thứ bảy “Nguyện thiên nhãn thông”. Triệt thỉnh: nghe được hết là nguyện thứ tám “Nguyện thiên nhĩ thông”. Tỳ-kheo Pháp Tạng thưa: khi con thành Phật chúng sanh sanh về thế giới Cực Lạc của con đều có khả năng nghe thấy tất cả mọi việc trong 10 phương thế giới quá khứ, hiện tại, vị lai; nếu không thực hiện được như vậy con quyết không thành Phật.

Chú: 1) *Động thị, triệt thỉnh: Động thị: hết thấy ánh sáng dài ngắn khác nhau, không có chướng ngại, đều thấy rõ, đây là chỉ “Thiên nhãn thông”. Triệt thỉnh: hết*

thấy âm thanh dài ngắn khác nhau cũng không chướng ngại, đều nghe rõ cả. Đây là chỉ “Thiên nhĩ thông”. Ý nghĩa của động và triệt giống nhau: thấy và nghe đều không trở ngại, có năng lực đạt đến 10 phương 3 đời không hạn chế.

KINH

NGÃ TÁC PHẬT THỜI, SỞ HỮU CHÚNG SANH SANH NGÃ QUỐC GIẢ, GIAI ĐẮC THA TÂM TRÍ THÔNG (1). NHƯỢC BẮT TẮT TRI ÚC NA DO THA BÁCH THIÊN (2) PHẬT SÁT, CHÚNG SANH TÂM NIỆM GIẢ, BẮT THỦ CHÁNH GIÁC.

Giải: Đây là nguyện thứ chín: “Nguyện tha tâm thông”. Khi con thành Phật, chúng sanh sanh về thế giới Cực Lạc đều đạt tha tâm trí thông. Nếu như hoàn toàn không biết rõ tâm niệm của hết thấy chúng sanh trong vô lượng vô biên cõi nước Phật, con quyết không thành Phật.

Chú: 1) *Tha tâm trí thông:* Người khác khởi tâm động niệm đều có khả năng biết rõ.

2) *Úc na-do-tha bách thiên:* Na-do-tha là đơn vị tính toán của Ấn Độ, tương đương với ngàn vạn của Trung Quốc. Ở đây hình dung số lượng quá nhiều.

KINH

NGÃ TÁC PHẬT THỜI, SỞ HỮU CHÚNG SANH SANH NGÃ QUỐC GIẢ GIAI ĐẮC THẦN THÔNG TỰ TẠI (1) BA LA MẬT ĐA (2).

Giải: Đây là nguyện thứ mười: “Nguyện thần túc thông”.

Khi con thành Phật, chúng sanh sanh về thế giới Cực Lạc đều có đủ thần thông tự tại, đặc đại viên mãn không có chướng ngại.

Chú: 1) *Thần thông tự tại*: Có đầy đủ khả năng bay chạy, phân thân nhanh chóng, biến hóa tự tại.

2) *Ba-la-mật-đa*: Đây là tiếng Ấn Độ, có nghĩa là “tròn đầy”.

KINH

Ư NHỨT NIỆM KHOẢNH (1) BẤT NĂNG SIÊU QUÁ ỨC. NA DO THẢ BÁCH THIÊN PHẬT SÁT, CHU BIẾN TUẦN LỊCH, CÚNG DƯƠNG CHƯ PHẬT GIÁ, BẤT THỦ CHÁNH GIÁC.

Giải: Đây là nguyện thứ mười một: “Nguyện cúng dường khắp cả chư Phật”. Khi con thành Phật, chúng sanh sanh về thế giới Cực Lạc chỉ trong một thời gian rất ngắn ngủi, nếu không đạt đến 10 phương cõi nước, đến khắp cả 10 phương cúng dường chư Phật, con quyết không thành Phật. Cúng dường chư Phật là tu phước lớn, nghe Phật nói pháp là khai mở trí tuệ.

Chú: 1) *Nhất niệm khoảnh*: Thời gian rất ngắn.

KINH

NGÃ TÁC PHẬT THỜI. SỞ HỮU CHÚNG SANH SANH NGÃ QUỐC GIÁ. VIỄN LY PHÂN BIỆT (1), CHƯ CĂN TỊCH TỈNH (2). NHƯỢC BẤT QUYẾT ĐỊNH THÀNH ĐẰNG CHÁNH GIÁC, CHÚNG ĐẠI NIẾT BÀN GIÁ, BẤT THỦ CHÁNH GIÁC.

Giải: Đây là nguyện thứ mười hai “Nguyện định thành Chánh giác”. Khi con thành Phật, chúng sanh sanh về thế giới Cực Lạc của con đều xa lìa hết thảy tâm phân biệt, sáu căn thanh tịnh, nếu không quyết định thành Phật, con quyết không thành Chánh giác. Nguyện này là Đức Phật A-di-đà bảo chứng những ai vãng sanh thì chắc chắn trọn một kiếp thành Phật.

Chú: 1) Viễn ly phân biệt: là những suy nghĩ, phân biệt sai lầm đối với tất cả sự vật hiện tượng và đạo lý.

2) Chư căn tịch tịnh: Chư căn là chỉ Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân và Ý. Tịch tịnh: Xa rời phiền não gọi là tịch, diệt trừ vọng tưởng gọi là tịnh.

KINH

**NGÃ TÁC PHẬT THỜI. QUANG MINH VÔ LƯỢNG PHỔ CHIẾU
THẬP PHƯƠNG, TUYỆT THẮNG CHƯ PHẬT THĂNG VU NHẬT
NGUYỆT CHI MINH, THIÊN VẠN ỨC BỘI.**

Giải: Đây là nguyện thứ mười ba: “Nguyện ánh sáng vô lượng”. Khi con thành Phật nguyện ánh sáng của bản thân không có hạn lượng chiếu khắp hết thảy cõi nước trong 10 phương. Ánh sáng tuyệt đối hơn cả ánh sáng của hết thảy chư Phật, hơn cả ánh sáng của mặt trăng, mặt trời cả ngàn vạn ức lần.

KINH

NHƯỢC HỮU CHÚNG SANH KIẾN NGÃ QUANG MINH CHIẾU

**XÚC KỲ THÂN. MẠC BẮT AN LẠC TỪ TÂM TÁC THIÊN LAI
SANH NGÃ QUỐC. NHƯỢC BẮT NHĨ GIẢ, BẮT THỦ CHÁNH
GIÁC.**

Giải: Đây là nguyện thứ mười bốn: “Nguyện chạm ánh sáng được an lạc”. Khi con thành Phật, nếu có chúng sanh nào thấy được ánh sáng của con, ánh sáng ấy chiếu chạm vào thân thể người ấy mà không được an lạc, không tự nhiên lấy lòng từ bi làm các việc lành, tương lai chắc chắn vãng sanh về thế giới Cực Lạc; hai nguyện trên đây nếu không thực hiện được, con quyết không thành Phật.

KINH

**NGÃ TÁC PHẬT THỜI. THỌ MẠNG VÔ LƯỢNG QUỐC TRUNG
THANH VĂN, THIÊN NHƠN VÔ SỐ THỌ MẠNG DIỆC GIAI
VÔ LƯỢNG.**

Giải: Đây là nguyện thứ mười lăm: “Nguyện thọ mạng vô lượng”. Khi con thành Phật, mạng sống của con vô lượng, thọ mạng của Thanh văn, Trời, Người ở trong cõi nước con cũng sống lâu vô lượng như con.

KINH

**GIẢ LINH TAM THIÊN ĐẠI THẾ GIỚI (1) CHÚNG SANH TẮT
THÀNH DUYÊN GIÁC Ư BÁCH THIÊN KIẾP, TẮT CỘNG KẾ
GIÁO (2). NHƯỢC NĂNG TRI KỶ LƯỢNG SỐ GIẢ. BẮT THỦ
CHÁNH GIÁC.**

Giải: Đây là nguyện thứ mười sáu: “Nguyện Thanh văn

vô số”. Khi con thành Phật; Thanh văn, Thiên, nhưn vô số ở trong cõi nước của con. Giả như chúng sanh của một đại thiên thế giới đều thành Duyên giác, chư vị ấy dùng một thời gian dài trăm ngàn kiếp cùng gộp lại để đếm Thanh văn và Thiên, nhưn trong thế giới Cực Lạc về hai thứ nhân số và thọ lượng, nếu quả như chư vị ấy đếm được cả hai thứ nhân số và thọ lượng, con quyết không thành Phật.

Chú: 1) Tam thiên đại thiên thế giới: Kinh Phật nói lấy núi Tu-di làm trung tâm của tinh hệ gọi là một đơn vị thế giới; 1000 đơn vị thế giới hợp lại thành một tiểu thiên thế giới; 1000 tiểu thiên thế giới hợp lại thành một trung thiên thế giới; 1000 trung thiên thế giới hợp lại thành một đại thiên thế giới, trải qua 3 lần số ngàn vì thế một đại thiên thế giới gọi là “ba ngàn đại thiên thế giới”.

2) Kế giáo: Là so sánh tính toán.

KINH

NGÃ TÁC PHẬT THỜI THẬP PHƯƠNG THẾ GIỚI VÔ LƯỢNG SÁT TRUNG, VÔ SỐ CHƯ PHẬT, NHƯỢC BÁT CỘNG XỨNG THÁN NGÃ DANH (1), THUYẾT NGÃ CÔNG ĐỨC QUỐC ĐỘ CHI THIÊN GIẢ (2) BẤT THỦ CHÁNH GIÁC.

Giải: Đây là nguyện thứ mười bảy: “Nguyện chư Phật xưng dương tán thán”. Khi con thành Phật, chư Phật vô

lượng vô số trong mười phương, giả như chư Phật không cùng xưng dương tán thán danh hiệu của con cho đến diễn nói, thúc đẩy giới thiệu công đức và thiện diệu trong cõi nước của con, con quyết không thành Phật.

Chú: 1) *Xưng tán: Xưng dương tán thán – Ngã danh: chỉ danh hiệu và công đức của Phật A-di-đà.*

2) *Quốc độ chi thiện: Chỉ các thiện diệu y báo, chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc.*

KINH

NGÃ TÁC PHẬT THỜI. THẬP PHƯƠNG CHÚNG SANH VẤN (1) NGÃ DANH HIỆU, CHÍ TÂM TÍN LẠC (2) SỞ HỮU THIỆN CĂN (3), TÂM TÂM HỒI HƯỚNG (4) NGUYỆN SANH NGÃ QUỐC. NÃI CHÍ THẬP NIỆM (5) NHƯỢC BÁT SANH GIẢ, BÁT THỦ CHÁNH GIÁC. DUY TRỪ NGŨ NGHỊCH (6) PHỈ BẢNG CHÁNH PHÁP (7).

Giải: Đây là nguyện thứ mười tám: “Nguyện mười niệm vãng sanh”. Khi con thành Phật, chúng sanh ở trong 10 phương thế giới sau khi nghe danh hiệu của con (A-di-đà Phật) chỉ cần thành tâm, tin tưởng sâu xa, ưa thích tu học pháp môn niệm Phật rồi đem hết thầy căn lành đã tu tập, tâm tâm niệm Phật hồi hướng phát nguyện sanh về cõi nước của con. Bất luận người ấy niệm Phật nhiều hay ít, thậm chí lúc lâm chung chỉ niệm 10 câu A-di-đà Phật đều được sanh về thế giới Cực Lạc. Nếu như không được vãng sanh con quyết không thành Phật. Nhưng trừ

những kẻ phạm tội ngũ nghịch lại thêm vào phỉ báng Chánh pháp, hạng người ấy không được vãng sanh.

Chú: 1) Văn: Nghe, trong đó bao hàm ý nghĩa tín nhận phụng hành.

2) Chí tâm: Cái chân thành - Tín lạc: Tin sâu xa, ưa thích.

3): Thiện căn: Chỉ vào ba nghiệp thân, miệng, ý mãi mãi đoạn trừ mọi phiền não tham, sân, si, tinh cần thanh tịnh phát sanh tất cả căn lành.

4) Tâm tâm: Cái tâm thuần nhất – Hồi hướng: hồi chuyển thú hưởng; hồi chuyển các căn lành công đức mà bản thân đã tu, hướng về mục tiêu mong muốn.

5) Thập niệm: Là chỉ lúc làm chung niệm 10 danh hiệu A-di-đà.

6) Ngũ nghịch: Nghịch là phản nghịch; ngũ nghịch là chỉ các tội giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu.

7) Phỉ báng Chánh pháp: Là phá hoại công kích Phật pháp. Phỉ là dùng lời thô ác mà nói với người khác; Báng là có ác ý công kích người khác.

KINH

NGÃ TÁC PHẬT THỜI, THẬP PHƯƠNG CHÚNG SANH VĂN
NGÃ DANH HIỆU, PHÁT BỒ ĐỀ TÂM (1) TU CHỨ CÔNG ĐỨC
(2), PHỤNG HÀNH LỤC BA LA MẬT KIÊN CỐ BẤT THỐI, PHỤC

DĨ THIÊN CĂN HỒI HUỚNG NGUYỆN SANH NGÃ QUỐC.

Giải: Đây là nguyện thứ mười chín: “Nguyện nghe danh hiệu phát tâm”. Khi con thành Phật, mười phương chúng sanh nghe đến danh hiệu của con đều phát khởi cái tâm Bồ-đề thù thắng; lấy tâm thanh tịnh tu tất cả hạnh lành, phụng hành 6 Ba-la-mật của Bồ-tát, niềm tin của họ kiên cố không thối thất, rồi lại lấy tất cả căn lành đã tu hồi hướng phát nguyện cầu sanh về thế giới Cực Lạc.

Chú: 1) *Bồ-đề tâm:* Là tiếng Ấn Độ, chữ Hán dịch là Giác ngộ. Phát tâm Bồ-đề chính là phát tâm cầu giác ngộ thành Phật. Đại sư Mạo Ích nói phát nguyện niệm Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc chính là phát tâm Bồ-đề lớn.

2) *Công đức:* Lấy cái tâm thanh tịnh tu tất cả hạnh lành là công; tất cả nhận được quả lành là đức.

KINH

NHẤT TÂM NIỆM NGÃ TRÚ DẠ (1) BẤT ĐOẠN, LÂM THỌ CHUNG THỜI, NGÃ DỮ CHỮ BỒ TÁT CHÚNG (2) NGHÊNH HIỆN KỲ TIỀN. KINH TU DU GIAN (3) TỨC SANH NGÃ SÁT, TÁC A DUY VIỆT CHÍ (4) BỒ TÁT. BẤT ĐẮC THỊ NGUYỆN, BẤT THỦ CHÁNH GIÁC.

Giải: Đây là nguyện thứ hai mươi: “Nguyện tiếp dẫn lúc lâm chung”. Tỳ-kheo Pháp Tạng thưa: khi con thành Phật, chúng sanh trong mười phương nghe đến danh hiệu

của con một lòng chuyên niệm, suốt đêm ngày không gián đoạn thì người ấy lúc lâm chung, con cùng với chư thánh chúng hiện ra trước mặt người ấy, tiếp dẫn người ấy vãng sanh, trải qua một thời gian rất ngắn được vãng sanh về cõi nước Cực Lạc, chứng đắc tròn đầy ba thứ A-duy-việt-chí Bồ-tát không thối chuyển. Hai nguyện trên nếu không thực hiện được con quyết không thành Phật.

Chú: 1) *Trú dạ: Ngày đêm.*

2) *Chư Bồ-tát chúng: Là chỉ Bồ-tát Quan Âm và Thế Chí cùng với chư vị Bồ-tát và chư vị được vãng sanh ở Cực Lạc có duyên.*

3) *Tu-du gian: Chỉ thời gian rất ngắn.*

4) *A-duy-việt chí là tiếng Ấn Độ, chữ Hán là không thối chuyển, xưng gọi với chư vị Bồ-tát từ thất địa trở lên.*

KINH

NGÃ TÁC PHẬT THỜI. THẬP PHƯƠNG CHÚNG SANH VĂN
NGÃ DANH HIỆU, HỆ NIỆM (1) NGÃ QUỐC, PHÁT BỒ ĐỀ TÂM,
KIÊN CỐ BÁT THỐI; THỰC CHÚNG ĐỨC BỒN (2) CHÍ TÂM
HỒI HƯỚNG. DỤC SANH CỰC LẠC VÔ BÁT TOẠI GIẢ (3),
NHƯỢC HỮU TỨC ÁC (4) VĂN NGÃ DANH TỰ TỨC TỰ HỒI
QUÁ (5) VI ĐẠO TÁC THIỆN, TIỆN TRÌ KINH GIỚI (6) NGUYỆN
SANH NGÃ SÁT MỆNH CHUNG BÁT PHỤC CÁNH (7) TAM ÁC
ĐẠO, TỨC SANH NGÃ QUỐC. NHƯỢC BÁT NHĨ NGÃ, BÁT THỦ
CHÁNH GIÁC.

Giải: Đây là nguyện thứ hai mươi một: “Nguyện sám

hồi được vãng sanh”. Khi con thành Phật, chúng sanh trong mười phương nghe đến danh hiệu của con, một lòng chuyên niệm thế giới Cực Lạc, y báo chánh báo trang nghiêm, phát tâm Bồ-đề, niềm tin vững chắc không thối chuyển, lấy việc trì danh niệm Phật để vun trồng cây công đức, rồi lại lấy cái tâm chí thành hồi hướng cầu sanh về thế giới Cực Lạc mà không được mãn nguyện. Quả như trong đời quá khứ của người ấy đã tạo tội ác cực nặng, nghe đến danh hiệu A-di-đà Phật lập tức hối cải mọi sai lầm, thọ trì giáo giới của kinh điển, phát nguyện cầu sanh về thế giới Cực Lạc thì người ấy lúc lâm chung không trở lại ba đường ác, lập tức vãng sanh đến cõi nước của con. Nếu không được như thế con quyết không thành Phật.

Chú: 1) *Hệ niệm: Đặt cái tâm chuyên chú vào một chỗ.*

2) *Thực chứng đức bản: Thực là vun trồng; chúng đức bản là căn bản của nhiều công đức. Đó là một câu A-di-đà Phật. Thực chứng đức bản là chỉ việc trì danh niệm Phật.*

3) *Toại: Là mãn nguyện.*

4) *Túc ác: Nghiệp ác của chúng sanh nhiều đời trong quá khứ.*

5) *Hồi quá: Biết thẹn, sám hối.*

6) *Đạo: Chỉ chánh đạo thành Phật – Tác thiện:*

Làm tất cả công việc có ích lợi cho chúng sanh – Tiệt trừ kinh giới: Trì là phụng giữ – Kinh giới là những lời dạy trong Kinh. Thường thọ trì những lời dạy của Đức Phật ở trong Kinh.

7) *Cánh: Trái qua.*

KINH

NGÃ TÁC PHẬT THỜI QUỐC VÔ PHỤ NỮ.

Giải: Đây là nguyện thứ hai mươi hai: “Nguyện trong cõi nước không có đàn bà”. Khi con thành Phật, ở trong cõi nước của con không có đàn bà; tất cả nữ nhơn vãng sanh về thế giới Cực Lạc đều giống như Phật có đầy đủ 32 tướng đại trượng phu.

KINH

NHƯỢC HỮU NỮ NHƠN VẮN NGÃ DANH TỰ ĐẮC THANH TỊNH TÍN (1) PHÁT BỒ ĐỀ TÂM, ÁP HOẠN NỮ THÂN, NGUYỆN SANH NGÃ QUỐC; MỆNH CHUNG TỨC HÓA NAM TỬ LAI NGÃ SÁT ĐỘ.

Giải: Đây là nguyện thứ hai mươi ba: “Nguyện nhàm chán thân nữ chuyển thân nam”. Khi con thành Phật, nếu có nữ nhơn nào nghe đến danh hiệu A-di-đà Phật liền sanh niềm tin thanh tịnh rồi lại lấy lòng tịnh tín ấy mà phát tâm Bồ-đề, chán ghét cái thân nữ, phát nguyện cầu sanh về thế giới Cực Lạc thì người ấy khi lâm chung lập tức chuyển hóa nam thân sanh về cõi nước của con.

Chú: 1) *Thanh tịnh tín*: Chỉ tình trạng không bị ô nhiễm, không có tâm nghi ngờ.

2) *Áp hoạn*: Chán ghét, lo sợ.

KINH

**THẬP PHƯƠNG THẾ GIỚI CHƯ CHÚNG SANH LOẠI (1), SANH
NGÃ QUỐC GIẢ, GIAI Ứ THẮT BẢO TRÌ LIÊN HOA (2) TRUNG
HÓA SANH. NHƯỢC BẤT NHỈ GIẢ, BẤT THỦ CHÁNH GIÁC.**

Giải: Đây là nguyện thứ hai mươi bốn: “Nguyện hóa sanh hoa sen”. Khi con thành Phật, hết thấy chúng sanh trong 10 phương thế giới, phạm kẻ nào sanh về thế giới Cực Lạc đều hóa sanh trong hoa sen ở hồ bảy báu. Ba nguyện trên nếu không thực hiện được, con quyết không thành Phật.

Chú: 1) *Chư chúng sanh loại*: chỉ tất cả chúng sanh trong 9 pháp giới.

2) *Liên hoa*: Hoa sen.

KINH

**NGÃ TÁC PHẬT THỜI. THẬP PHƯƠNG CHÚNG SANH VĂN
NGÃ DANH TỰ, HOAN HỖ TÍN LẠC, LỄ BÀI QUY MẠNG (1)
DĨ THANH TỊNH TÂM, TU BỒ TÁT HẠNH (2), CHƯ THIÊN THỂ
NHÂN, MẠC BẤT CHÍ KÍNH.**

Giải: Đây là nguyện thứ hai mươi lăm: “Nguyện trời người lễ kính”. Khi con thành Phật, chúng sanh mười

phương sau khi nghe đến danh hiệu A-di-đà Phật liền phát khởi cái tâm hoan hỷ, tin tưởng sâu xa, ưa thích pháp môn niệm Phật, đồng thời chí thành lễ bái quy y, dùng tâm thanh tịnh tu tập ba phước, sáu hòa kính, ba học, sáu độ, 10 đại nguyện Phổ Hiền của chư Bồ-tát; tuy họ không phát nguyện cầu sanh tịnh độ, nhưng sự hành trì của họ được sự lễ kính của chư thiên và loài người.

Chú: 1) *Quy mạng*: Là chỉ thân tâm trở về nương tựa.

2) *Bồ-tát hạnh*: Là chỉ ba phước, sáu hòa kính, ba vô lậu học, sáu độ và mười nguyện Phổ Hiền, tự hành hóa để được thanh tịnh.

KINH

NHƯỢC VĂN NGÃ DANH, THỌ CHUNG CHI HẬU, SANH TÔN QUÝ GIA, CHƯ CĂN VÔ KHUYẾT.

Giải: Đây là nguyện thứ hai mươi sáu “Nguyện nghe danh hiệu được phước”. Khi con thành Phật, nếu như chúng sanh mười phương nghe đến danh hiệu A-di-đà Phật, sanh khởi cái tâm hoan hỷ, tin tưởng sâu sắc, thích thú; nếu không phát nguyện cầu vãng sanh, sau khi chư vị ấy lâm chung thì cũng được sanh vào gia đình tôn quý, các căn không bị thiếu, tướng mạo tròn đầy được quả báo phước báu to lớn.

Chú: 1) *Tôn quý gia*: Gia đình có phước đức, căn lành.

2) *Chư căn vô khuyết: Chỉ đầy đủ sáu căn, không thiếu.*

KINH

THƯỜNG TU THÙ THẮNG PHẠM HẠNH (1), NHƯỢC BẤT NHĨ GIẢ, BẤT THỦ CHÁNH GIÁC.

Giải: Đây là nguyện thứ hai mươi bảy: “Nguyện tu hạnh thù thắng”. Khi con thành Phật, chúng sanh mười phương nghe đến danh hiệu của con hoan hỷ, tin vui, lễ bái, quy mạng; tuy không phát nguyện cầu vãng sanh nhưng đời sau vẫn tiếp tục tu học pháp môn niệm Phật. Ba nguyện trên nếu không thực hiện, con quyết không thành Phật.

Chú: 1) Thù thắng phạm hạnh: Phạm hạnh là chỉ thanh tịnh, hạnh không tham dục. Thù thắng phạm hạnh ở đây chỉ pháp môn niệm Phật.

KINH

NGÃ TÁC PHẬT THỜI. QUỐC TRUNG VÔ BẤT THIỆN DANH (1).

Giải: Đây là nguyện thứ hai mươi tám: “Nguyện trong cõi nước không có chỗ nào không thiện”. Khi con thành Phật, ở trong thế giới Cực Lạc của con chẳng những nơi nào cũng không có việc bất thiện, mà ngay cả đến tiếng bất thiện cũng không nghe đến.

Chú: 1) Bất thiện danh: Chữ không tốt đẹp như ba đường

ác, ba độc là những từ bất thiện.

KINH

**SỞ HỮU CHÚNG SANH, SANH NGÃ QUỐC GIẢ GIAI ĐỒNG
NHẤT TÂM TRÚ U ĐỊNH TỰ (1).**

Giải: Đây là nguyện thứ hai mươi chín : “Nguyện trú ở tự chánh định”. Khi con thành Phật ,chúng sanh sở hữu trong mười phương thế giới vãng sanh đến thế giới Cực Lạc của con đều cùng tâm cùng đức trú nơi tự chánh định (một kiếp quyết định thành Phật).

Chú: 1) Định tự: Là chỉ lý luận y cứ của tự chánh định, phương pháp tu học chính xác, vì thế mà chắc chắn chứng quả.

KINH

**VĨNH LY NHIỆT NÃO (1) TÂM ĐẮC THANH LƯƠNG SỞ THỌ
KHOÁI LẠC. DO NHƯ LẬU TẬN TỖ KHEO (2).**

Giải: Đây là nguyện thứ ba mươi: “Nguyện lạc như dứt hết lậu hoặc”. Khi con thành Phật, chúng sanh sanh về thế giới Cực Lạc mãi mãi rời khỏi phiền não, tâm được trong mát tự tại, những hạnh phúc cảm thọ là thù thắng không thể so sánh, chẳng khác nào vị Tỳ-kheo đã đoạn trừ hết lậu hoặc.

Chú: 1) Nhiệt não: Phiền não.

2) Lậu tận Tỳ-kheo: Lậu tận là đoạn trừ hết phiền

nào. Lưu tậ Tỳ-kheo là vị Tỳ-kheo chúng đắ A-la-hán.

KINH

NHUỘC KHỞI TƯỚNG NIỆM (1). THAM KẾ (2) THÂN GIÁ; BÁT THỦ CHÁNH GIÁC.

Giải: Đây là nguyện thứ ba mươi mốt: “Nguyện không tham thân”. Khi con thành Phật, chúng sanh sanh về thế giới Cực Lạc, trước tất cả pháp thế gian, xuất thế gian không sanh khởi phân biệt, đối với thân thể cũng không khởi niệm chấp trước, nếu bốn nguyện trên không được thực hiện, con quyết không thành Phật.

Chú: 1) Khởi niệm tướng: Sanh khởi cái tâm phân biệt chấp trước.

2) Tham kế thân: Tâm phân biệt chấp trước đối với thân thể.

KINH

NGÃ TÁC PHẬT THỜI. SANH NGÃ QUỐC GIÁ, THIỆN CĂN VÔ LƯỢNG. GIAI ĐẮC KIM CƯƠNG NA LA DUYÊN THÂN (1) KIÊN CỐ CHI LỰC.

Giải: Đây là nguyện thứ ba mươi hai: “Nguyện thân Na-la duyên”. Khi con thành Phật, chúng sanh sanh về thế giới Cực Lạc đều đầy đủ vô lượng duyên lành, vì thế mà được cái thân kim cương không hư hoại có thể lực phi thường vững chắc.

Chú: 1) Kim cương Na-la duyên thân: Na-la duyên là

tiếng Ấn Độ có nghĩa là kiên cố không hư hại; chỉ thân của Phật

KINH

**THÂN ĐẰNG GIAI HỮU QUANG MINH CHIẾU DIỆU THÀNH TỰ
NHẤT THIẾT TRÍ TUỆ, HOẠCH ĐẮC VÔ BIÊN BIỆN TÀI (1).**

Giải: Đây là nguyện thứ ba mươi ba: “Nguyện hào quang trí tuệ biện tài”. Khi con thành Phật chúng sanh sanh về thế giới Cực Lạc cùng giống như Phật, trên đỉnh đầu đều có hào quang chiếu sáng, đầy đủ trí tuệ viên mãn, đều có khả năng biện tài vô ngại như Phật; vì chúng sanh mà diễn nói các pháp.

Chú: 1) Vô biên biện tài: Chỉ biện tài vô ngại của Phật.

KINH

**THIỆN ĐÀM CHỮ PHÁP BÍ YẾU (1) THUYẾT KINH HÀNH ĐẠO
(2). NGŨ NHƯ ĐỒNG THANH; NHƯỢC BẤT NHỈ GIẢ, BẤT THỦ
CHÁNH GIÁC.**

Giải: Đây là nguyện thứ ba mươi bốn: “Nguyện khéo nói pháp yếu”. Khi con thành Phật, chúng sanh sanh về cõi nước của con đều có khả năng khế cơ khế lý diễn nói giáo pháp thâm sâu, tinh yếu của chư Phật, chính là diễn nói bộ Kinh “Vô Lượng Thọ”. Lấy chân thành, ngôn ngữ, thân hành mô phạm mà giáo hóa chúng sanh; tiếng nói như tiếng chuông đồng ngân rất xa để cảnh giác chúng sanh đoạn trừ nghiệp ác, tu thiện nghiệp, xa

rời đau khổ, đạt an lạc. Không thực hiện được ba nguyện trên, con quyết không thành Chánh giác.

Chú: 1) *Thiện đàm: Những gì nói ra tự nhiên khế lý, khế cơ – Chư pháp bí yếu: Những tư tưởng thâm sâu, tinh yếu của hết thầy pháp.*

2) *Thuyết Kinh hành đạo: Thuyết Kinh: Giảng Kinh nói pháp là ngôn giáo – Hành đạo: Y giáo phụng hành là thân giáo. Thuyết Kinh hành đạo là lấy ba nghiệp Thân, Ngữ, Ý mà giáo hóa chúng sanh.*

KINH

NGÃ TÁC PHẬT THỜI, SỞ HỮU CHÚNG SANH. SANH NGÃ QUỐC GIẢ CỨU CẢNH TẮT TRÍ NHẤT SANH BỔ XỨ (1).

Giải: Đây là nguyện thứ ba mươi lăm: “Nguyện nhất sanh bổ xứ”. Khi con thành Phật, chúng sanh trong mười phương thế giới sanh về thế giới Cực Lạc đều chúng đấng rớt ráo quả vị đẳng giác Bồ-tát, quyết định trong một kiếp được thành Phật.

Chú: 1) *Nhất sanh bổ xứ: Là Bồ-tát Đẳng giác chờ bổ quả vị Phật.*

KINH

TRỪ KỲ BỐN NGUYỆN (1) VỊ CHÚNG SANH CỐ. BỊ HOÀNG THỆ KHẢI (2) GIÁO HÓA NHẤT THIẾT HỮU TÌNH. GIAI PHÁT TÍN TÂM TU BỒ ĐỀ HẠNH, HÀNH PHỔ HIỀN ĐẠO, TUY SANH THA PHƯƠNG THẾ GIỚI, VIỄN LY ÁC THỨ. HOẶC LẠC

THUYẾT PHÁP, HOẶC LẠC THỈNH PHÁP, HOẶC HIỆN THẦN TÚC (3) TÙY Ý TU TẬP (4) VÔ BÁT VIÊN MÃN. NHƯỢC BÁT NHỈ GIẢ, BÁT THỦ CHÁNH GIÁC.

Giải: Đây là nguyện thứ ba mươi sáu: “Nguyện tùy ý giáo hóa”. Khi con thành Phật, sở hữu chúng sanh những ai sanh về thế giới Cực Lạc cuối cùng chắc chắn đạt đến một kiếp bồ xứ; ngoại trừ những chúng sanh ấy muốn bốn nguyện thành thực tiễn, bằng vào sức mạnh kiên cố của thế nguyện, giáo hóa hết thảy chúng sanh, khiến cho chúng sanh phát khởi niềm tin thanh tịnh, khuyến khích dắt dẫn họ tu học 10 đại nguyện vương, cầu nguyện vãng sanh Cực Lạc của Bồ-tát Phổ Hiền. Chư vị Bồ-tát ấy liền thị hiện giáo hóa chúng sanh ở thế giới khác, cũng không thọ khổ báo của 6 nẻo luân hồi; hoặc là chư vị hiện thân nói pháp, hoặc là hiện thân thông lợi ích cho chúng sanh, bất luận là hiện ra thân phận nào, giáo hóa bất cứ pháp môn nào, đều lấy vô số phương tiện thiện xảo khiến cho chúng sanh tùy ý tu tập, mục đích cuối cùng đều vì dắt dẫn chúng sanh vãng sanh Cực Lạc thì không hoằng nguyện nào của Bồ-tát không tròn đầy. Nếu hai nguyện trên không thực hiện được, con nguyện không thành Phật.

Chú: 1) Bốn nguyện: Nguyện lớn mà Bồ-tát phát nguyện trước khi thành Phật.

2) Bị hoằng thệ khái: Bị cũng là “Phê” – Hoằng

thệ là chỉ 4 hoằng thệ nguyện – Khải là áo giáp. Chiến tranh ngày xưa khi tác chiến với quân địch thì mặc áo giáp, có tác dụng phòng vệ. Ở đây thí dụ Bồ-tát lấy bốn hoằng thệ nguyện làm áo giáp để ra vào sáu đường giáo hóa hết thảy chúng sanh.

3) Thân túc: Chỉ thân túc thông.

4) Tùy ý tu tập: Tùy vào sở nguyện dùng vô số phương tiện dắt dẫn chúng sanh tu hành học tập.

KINH

NGÃ TÁC PHẬT THỜI, SANH NGÃ QUỐC GIẢ, SỞ TU ẨM THỰC, Y PHỤC, CHỦNG CHỦNG CÚNG CỤ (1) TÙY Ý TỨC TRÍ, VÔ BÁT MÃN NGUYỆN.

Giải: Đây là nguyện thứ ba mươi bảy: “Áo quần thức ăn tự đến”. Khi con thành Phật, hết thảy chúng sanh sanh về thế giới Cực Lạc, mọi thứ nhu yếu về tinh thần, vật chất, sanh hoạt như thức ăn, áo quần và các loại đồ cúng dường đều tùy thuộc vào tâm nguyện tự thân mà hiện ra trước mặt không có gì không mãn nguyện.

Chú: 1) Chủng chủng cúng cụ: Chỉ hương hoa, tràng phan, bảo cái, anh lạc, giòng năm, nhạc trời...

KINH

THẬP PHƯƠNG CHƯ PHẬT ỨNG NIỆM THỌ KỶ CÚNG DƯỜNG. NHƯỢC BÁT NHỈ GIẢ, BÁT THỦ CHÁNH GIÁC.

Giải: Đây là nguyện thứ ba mươi tám: “Ứng niệm thọ cúng”. Khi con thành Phật, hết thảy chúng sanh sanh

vào cõi nước của con, nếu muốn cúng dường chư Phật thì chư Phật mười phương đều ứng với tâm niệm của chúng sanh ấy tiếp nhận sự cúng dường. Hai nguyện trên nếu không thực hiện được, con quyết không thành Chánh giác.

KINH

NGÃ TÁC PHẬT THỜI QUỐC TRUNG VẠN VẬT (1) NGHIÊM TỊNH QUANG LỆ, HÌNH SẮC THÙ ĐẶC, CÙNG VI CỤC DIỆU. VÔ NĂNG XUNG LƯỢNG KỲ CHƯ CHÚNG SANH, TUY CỤ THIÊN NHÂN HỮU NĂNG BIỆN KỲ HÌNH SẮC, QUANG TƯỚNG, DANH SỐ. CẬP TỔNG TUYÊN THUYẾT GIẢ, BẮT THỦ CHÁNH GIÁC.

Giải: Đây là nguyện thứ ba mươi chín: “Vô tận trang nghiêm”. Khi con thành Phật, hết thảy vạn vật trong thế giới Cực Lạc đều trang nghiêm thanh tịnh, hào quang đẹp đẽ, hình trạng, màu sắc đặc biệt thù thắng, đúng là đạt đến cực điểm vi diệu không thể đo lường, nói năng; chúng sanh của thế giới Cực Lạc tuy đầy đủ thiên nhân nhưng đối với vạn vật trong cõi nước nếu quả như có khả năng phân biệt được hình trạng của chúng, cũng như màu sắc, hào quang, tướng trạng, danh tự, số lượng cho đến việc nói tổng quát, con quyết không thành Chánh giác.

Chú: 1) Quốc trung vạn vật: Chỉ đến hoàn cảnh, y báo, sinh hoạt, tu học, cư trú ở Cực Lạc.

KINH

NGÃ TÁC PHẬT THỜI, QUỐC TRUNG VÔ LƯỢNG SẮC THỤ
(1) CAO HOẶC BÁCH THIÊN DO TUẦN (2). ĐẠO TRÀNG THỤ
CAO TỬ BÁCH VẠN LÝ CHỮ BỒ TÁT TRUNG TUY HỮU THIỆN
CĂN LIỆT GIÁ (3) DIỆC NĂNG LIỄU TRI.

Giải: Đây là nguyện thứ bốn mươi: “Vô lượng sắc thụ”. Khi con thành Phật, trong cõi nước Cực Lạc có vô số cây có hào quang màu sắc đẹp đẽ. Độ cao của chúng có cây, cao 100 do tuần, có cây cao 1000 do tuần; cây Bồ-đề bên cạnh đạo tràng cao đến 400 vạn dặm. Trong số Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc, tuy có một số vị căn lành chưa đủ nhưng chư vị ấy đối với hàng cây trang nghiêm quý báu ấy đều hiểu rõ.

Chú:

1) *Vô lượng sắc thụ:* Chỉ hết thảy cây báu ở thế giới Cực Lạc. Do vì cây cối ở thế giới Cực Lạc đều là bảy báu hòa hợp mà thành, màu sắc đẹp đẽ, ánh sáng lấp lánh vì thế nên gọi là sắc thụ.

2) *Do tuần:* Đơn vị đo chiều dài của Ấn Độ, có 3 loại là tiêu, trung và đại. Đại do tuần tương đương 80 dặm của Trung Quốc, trung do tuần tương đương 60 dặm còn tiêu do tuần tương đương 40 dặm.

3) *Thiện căn liệt quả:* Chỉ những chúng sanh vãng sanh vào hàng hạ hạ phẩm.

KINH

**DỤC KIẾN CHỦ PHẬT TỊNH QUỐC TRANG NGHIÊM GIỚI Ủ
BẢO THỤ GIAN KIẾN. DO NHƯ MINH KÍNH ĐỒ KỶ ĐIỆN
TƯỢNG. NHƯỢC BẮT NHỈ GIẢ, BẮT THỦ CHÁNH GIÁC.**

Giải: Đây là nguyện thứ bốn mươi một: “Cõi Phật hiện ở hàng cây”. Khi con thành Phật, chúng sanh ở thế giới Cực Lạc suy nghĩ, muốn nhìn thấy con người, sự việc cùng các vật trang nghiêm khác ở cõi nước của chư Phật mười phương đều có thể thấy rõ nơi hàng cây bảy báu không khác gì thấy rõ mặt mình ở trong tấm kính sáng. Nếu như hai nguyện trên không thực hiện được, con quyết không thành Phật.

KINH

**NGÃ TÁC PHẬT THỜI, SỞ CƯ PHẬT SÁT QUẢNG BÁT (1)
NGHIÊM TỊNH. QUANG VINH (2) NHƯ KÍNH. TRIỆT CHIẾU
(3) THẬP PHƯƠNG VÔ LƯỢNG VÔ SỐ BẤT KHẢ TƯ NGHỊ
CHỦ PHẬT THẾ GIỚI CHÚNG SANH ĐỒ GIẢ SANH HY HỮU
TÂM (4).NHƯỢC BẮT NHỈ GIẢ, BẮT THỦ CHÁNH GIÁC**

Giải: Đây là nguyện thứ bốn mươi hai: “Chiếu khắp mười phương”. Khi con thành Phật, thế giới Cực Lạc nơi ở của con rộng lớn không có bờ mé, trang nghiêm thanh tịnh, ánh sáng chói ngời như tấm kính trong có khả năng chiếu khắp cõi nước của chư Phật vô lượng vô số trong mười phương hết thấy chúng sanh của mười phương thế giới, nếu thấy được hào quang của thế giới

Cực Lạc, đều sanh khởi cái tâm Bồ-đề hiêm có thù thắng vô lượng. Nếu nguyện này không được thực hiện, con quyết không thành Phật.

Chú: 1) *Quảng bát: Rộng lớn không bờ mé.*

2) *Quang vinh: Hòa quang sáng ngời.*

3) *Triệt chiếu: Không nơi nào không chiếu đến.*

4) *Hy hữu tâm: Chỉ tâm Bồ-đề hiêm có thù thắng.*

KINH

NGÃ TÁC PHẬT THỜI, HẠ TÔNG ĐỊA TẾ, THƯỢNG TRÍ HƯ KHÔNG, CUNG ĐIỆN, LÂU QUÁN, TRÌ LƯU, HOA THỤ. QUỐC ĐỘ SỞ HỮU NHẤT THIẾT VẠN VẬT. GIAI DĨ VÔ LƯỢNG BẢO HƯƠNG HỢP THÀNH, KỶ HƯƠNG PHỔ HUÂN THẬP PHƯƠNG THẾ GIỚI. CHÚNG SANH VĂN GIẢ, GIAI TU PHẬT HẠNH (1). NHƯỢC BÁT NHĨ GIẢ, BÁT THỦ CHÁNH GIÁC.

Giải: Đây là nguyện thứ bốn mươi ba: “Hương báu tỏa khắp”. Khi con thành Phật, từ dưới đất cho đến hư không của thế giới Cực Lạc, trong đó có cung điện lầu gác, hồ nước, cây cối lá hoa cho đến tất cả vạn vật đều do vô lượng hương báu hòa hợp mà thành. Mùi hương quý có khả năng xông khắp mười phương thế giới, hết thấy chúng sanh chỉ cần ngửi đến mùi hương quý của thế giới Cực Lạc, tự nhiên thân tâm thanh tịnh, tu học vô số hạnh thanh tịnh thù thắng mà Đức Phật đã chỉ dẫn. Nếu nguyện này không thể thực hiện, con quyết không thành Phật.

Chú: 1) *Tu Phật hạnh: Chính là hành vi tu tập giác ngộ tròn đầy.*

KINH

NGÃ TÁC PHẬT THỜI, THẬP PHƯƠNG PHẬT SÁT CHƯ BỒ TÁT CHÚNG, VĂN NGÃ DANH DĨ GIAI TẮT ĐÃI ĐẮC (1) THANH TỊNH (2) GIẢI THOÁT (3). PHỔ ĐẲNG TAM MUỘI (4) CHƯ THÂM TỔNG TRÌ, TRÚ TAM MA ĐỊA TRÍ Ư THÀNH PHẬT.

Giải: Đây là nguyện thứ bốn mươi bốn: “Phổ biến bình đẳng đạt tam-muội”. Khi con thành Phật, chư Bồ-tát sở hữu trong hết thủy cội nước chư Phật mười phương, chỉ cần sau khi nghe đến danh hiệu của con, tức thì chứng đắc tam-muội thanh tịnh, tam-muội giải thoát, phổ đẳng tam-muội, cũng tự nhiên nắm vững cương lĩnh của hết thủy pháp có năng lực an trú trong niệm Phật tam-muội, tiến tới thành Phật.

Chú: 1) *Đãi đắc:* Đến ngay.

2) *Thanh tịnh:* Thanh tịnh tam-muội, rời khỏi tất cả ô nhiễm chấp trước.

3) *Giải thoát:* Giải thoát tam-muội, rời khỏi mọi phiền não, trói buộc, chánh thường hưởng thụ tự do tự tại.

4) *Phổ đẳng tam-muội:* Phổ là phổ hiến, đẳng là bình đẳng. Hết thủy chúng sanh trong 9 pháp giới đều nương tựa vào pháp môn bình đẳng thành tựu. Phổ đẳng tam-muội chính là niệm Phật tam-muội.

KINH

ĐỊNH TRUNG THƯỜNG CUNG VÔ LƯỢNG VÔ BIÊN NHẤT THIẾT CHƯ PHẬT. BÁT THẮT ĐỊNH Ý. NHƯỢC BÁT NHỈ GIẢ, BÁT THỦ CHÁNH GIÁC.

Giải: Đây là nguyện thứ bốn mươi lăm: “Trong định cúng Phật”. Khi con thành Phật, hết thầy Bồ-tát trong mười phương chỉ cần nghe đến danh hiệu của con liền trú ở trong chánh định, thường ở trong định cúng dường hết thầy vô lượng vô biên chư Phật mà không mất định ý. Hai nguyện trên nếu không thực hiện được, con quyết không thành Phật.

Chú: 1) Bất thât định ý: Thường có năng lực giữ gìn cái tâm thanh tịnh, không bị ngoại cảnh chi phối, đó là cảnh giới từ Bồ-tát bát địa trở lên.

KINH

NGÃ TÁC PHẬT THỜI, THA PHƯƠNG THẾ GIỚI CHƯ BỒ TÁT CHÚNG, VĂN NGÃ DANH GIÁ, CHÚNG LY SANH PHÁP (1) HOẠCH ĐÀ LA NI.

Giải: Đây là nguyện thứ bốn mươi sáu: “Đắc Đà-la-ni”. Khi con thành Phật, chư Bồ-tát ở các thế giới khác khi nghe đến danh hiệu của con liền chứng đắc pháp mõi xa rời sống chết, thoát ly 10 pháp giới, chứng nhập nhất chân pháp giới; đồng thời có khả năng nắm vững cương lĩnh tổng quát, đối với hết thầy chúng sanh đều khế cơ, khế lý tuyên nói diệu pháp.

Chú: 1) Chúng lý sanh pháp: Ly sanh pháp là pháp viên ly 6 nẻo sống chết. Chúng lý sanh pháp cũng chính là chúng pháp thoát ly khỏi sống chết của 10 pháp giới.

KINH

THANH TỊNH HOAN HỖ, ĐẮC BÌNH ĐẲNG TRỤ (1), TU BỒ TÁT HẠNH, CỤ TỨC ĐỨC BỒN (2). ỨNG THỜI BẤT HOẠCH NHẤT NHÌ TAM NHÃN (3)

Giải: Đây là nguyện thứ bốn mươi bảy: “Nghe tên đắc nhĩn”. Khi con thành Phật, chư Bồ-tát ở thế giới khác nghe đến danh hiệu của con, thân tâm tự nhiên được thanh tịnh, hoan hỷ, đắc bình đẳng trụ như Phật. Lấy cái tâm của Bồ-tát làm các việc lợi ích cho chúng sanh, tự nhiên đầy đủ căn bản công đức của quả vị Phật. Lập tức hoạch đắc âm hưởng nhĩn, nhu thuận nhĩn và vô sanh pháp nhĩn (ba loại nhĩn này được giải thích ở phẩm thứ 15).

Chú: 1) Đắc bình đẳng trụ: Bình đẳng chính là pháp giới Phật. Đắc bình đẳng trụ cũng như Phật an trú trong bình đẳng tam-muội.

2) Cụ túc đức bồn: Chỉ đầy đủ căn bản công đức của quả vị Phật là thanh tịnh, bình đẳng, giác.

3) Nhất nhì tam nhĩn: Nhĩn là nhận chịu, có khả năng tin điều khó tin mà không nghi ngờ. Nhất nhì tam nhĩn chính là âm hưởng nhĩn, nhu hòa nhĩn, vô sanh pháp nhĩn (xem ở phẩm 15).

KINH

Ư CHƯ PHẬT PHÁP, BÁT NĂNG HIỆN CHỨNG BÁT THỐI CHUYỂN (1) GIẢ, BÁT THỦ CHÁNH GIÁC.

Giải: Đây là nguyện thứ bốn mươi tám: “Hiện chứng

bất thối chuyển”. Khi con thành Phật, chư Bồ-tát ở thế giới khác nghe đến danh hiệu của con liền chứng đắc quả vị ba không thối chuyển. Ba nguyện trên nếu không thực hiện được, thì con quyết không thành Phật.

Chú: 1) *Chúng bất thối chuyển*: Chỉ viên chúng ba không thối chuyển:

a) *Vị bất thối*: Là chỉ vị thứ tu hành không thối tức là sơ quả Tiểu thừa Tu-đà-hoàn, không còn trở lại phàm phu.

b) *Hạnh bất thối*: Chỉ hạnh của Bồ-tát, chỉ việc hành trì độ sanh của Bồ-tát.

c) *Niệm bất thối*: Từng niệm mong cầu viên thành Phật đạo, không trở lại 10 pháp giới.

*

PHẨM THỨ BẢY
TẮT THÀNH CHÁNH GIÁC (1)

Giải: Tỳ-kheo Pháp Tạng đứng trước Đức Phật sau khi nói ra 48 lời nguyện rồi lại lấy hình thức kệ tụng để diễn đạt hạnh nguyện chí thành của Ngài. Vì thế liền có điềm lành, mưa hoa khắp trời đất, trên không trung có tiếng tán thán, chắc chắn thành Phật.

Chú: 1) *Chánh giác: tức quả vị Phật.*

KINH

PHẬT CÁO A NAN, NHĨ THỜI PHÁP TẠNG TỖ KHEO THUYẾT THỬ NGUYỆN DĨ (1), DĨ KỆ TỤNG (2) VIẾT:

Giải: Đức Phật Thích-ca nói với Tôn giả A-nan: Bảy giờ sau khi Tỳ-kheo Pháp Tạng nói hết 48 lời nguyện rồi lại lấy kệ tụng tán thán để diễn đạt ý nguyện của Pháp Tạng.

Chú: 1) *Thử nguyện: Chỉ 48 nguyện.*

2) *Kệ tụng: Dưới đây là “ngũ ngôn tụng”, mỗi câu 5 chữ, 4 câu làm một đoạn.*

KINH

NGÃ KIẾN SIÊU THẾ CHÍ (1)
TẮT TRÍ VÔ THƯỢNG ĐẠO (2)
TỬ NGUYỆN BÁT MÃN TÚC
THỆ BÁT THÀNH ĐẲNG GIÁC

Giải: Con (Tỳ-kheo Pháp Tạng) đã kiên lập chí nguyện vượt lên trên hết thủy thế gian, quyết định thành tựu Phật đạo vô thượng. Nếu như 48 nguyện lớn không thực hiện được, con quyết không thành Phật.

Chú: 1) Siêu thế chí: Chí nguyện vượt lên trên hết tất cả thế gian. Ở đây chỉ chẳng những vượt qua Thanh văn, Bồ-tát mà còn vượt qua chư Phật.

2) Vô thượng đạo: Chính là cái đạo tối cao thành Phật.

3) Tư nguyện: Tức 48 nguyện.

KINH

PHỤC VỊ ĐẠI THÍ CHỦ (1)

PHỔ TẾ CHƯ CÙNG KHỔ (2)

LINH BỈ CHƯ QUẦN SANH

TRƯỜNG DẠ VÔ ƯU NÃO (3)

XUẤT SANH CHÚNG THIỆN CĂN

THÀNH TỰU BỒ ĐỀ QUẢ (4)

Giải: Khi con thành Phật vẫn còn muốn làm đại thí chủ của hết thủy chúng sanh trong 10 pháp giới để cứu độ những kẻ bần cùng (phước tuệ chưa tròn) cùng những kẻ khốn khổ (chưa hết vô minh), muốn cho tất cả các loài chúng sanh thoát khỏi sống chết, ưu khổ bởi đêm dài vô minh, thành tựu Phật đạo Bồ-đề.

Chú: 1) Đại thí chủ: Tức là người cho tài, pháp vô úy

đến hết thầy chúng sanh một cách rớt ráo tròn đầy.

2) *Chư cùng khổ: Chỉ chúng sanh không có trí tuệ chịu khổ đau trong ba cõi, sáu đường.*

3) *Trường dạ vô ưu não: Trường dạ là thí dụ chúng sanh chìm đắm trong sông chết, vô minh không biết cũng như đêm dài tối tăm. Ưu não tức là sầu bi ưu não.*

4) *Bồ-đề quả: Tức là Phật quả.*

KINH

**NGÃ NHƯỢC THÀNH CHÁNH GIÁC
LẬP DANH VÔ THƯỢNG THỌ
CHÚNG SANH VẤN THỦ HIỆU
CÂU LAI NGÃ SÁT TRUNG
NHƯ PHẬT KIM SẮC THÂN
DIỆU TƯỚNG (1) TẮT VIÊN MÃN**

Giải: Nếu con thành Phật thì danh hiệu là Vô Thượng Thọ. Hết thầy chúng sanh trong mười phương thế giới chỉ cần nghe đến danh hiệu của con, hoan hỷ, tin nhận, y giáo phụng hành đều được vãng sanh về thế giới Cực Lạc của con. Những người sanh vào cõi nước của con đều giống như Phật, toàn thân một màu vàng tử ma đầy đủ 32 tướng đại trượng phu.

Chú: 1) Diệu tướng: Là chỉ 32 tướng thắng diệu.

KINH

DIỆC DĨ ĐẠI BI TÂM

LỢI ÍCH CHƯ QUẦN PHẨM (1)
LU DỤC THÂM CHÁNH NIỆM (2)
TỊNH TUỆ (3) TU PHẠM HẠNH

Giải: Tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện: kẻ nào sanh vào cõi nước của con thì cũng giống như con, lấy tâm đại bi lợi ích hết thảy chúng sanh; vì lợi tha nên trước hết tự thân tu tập xa lìa tham dục, nhập sâu vào chánh niệm, lấy tịnh tuệ để mà tu hạnh vô dục, thanh tịnh.

Chú:

1) Chư quần phẩm: Phẩm là phẩm loại, chư quần phẩm là chỉ trên từ Bồ-tát đẳng giác, dưới cho đến chúng sanh ở địa ngục.

2) Ly dục thâm chánh niệm: Dục là ham muốn, Thâm là sâu rộng, Chánh niệm là tư tưởng, quan niệm chính xác (tương ứng với chân tướng của vũ trụ nhân sinh).

3) Tịnh tuệ: Là trí tuệ sanh khởi do cái tâm thanh tịnh.

KINH

NGUYỆT NGÃ TRÍ TUỆ QUANG
PHỔ CHIẾU THẬP PHƯƠNG SÁT
TIÊU TRỪ TAM CẤU MINH (1)

MINH TẾ CHÚNG ÁCH NẠN (2)
TẮT XÃ TAM ĐỒ KHỔ

DIỆT CHƯ PHIỀN NÃO ÁM (3)
KHAI BỈ TRÍ TUỆ NHÃN (4)

HOẠCH ĐẮC QUANG MINH THÂN (5)
BỀ TÀI CHƯ ÁC ĐẠO
THÔNG ĐẠT THIỆN THỨ MÔN
VỊ CHÚNG KHAI PHÁP TẠNG
QUẢNG THI CÔNG ĐỨC BẢO (6)

Giải: Nguyên hào quang trí tuệ của con chiếu đến thế giới chư Phật mười phương, tiêu trừ ba thứ tham, sân, si của hết thảy chúng sanh là sở sanh của mọi si ám, cứu độ mọi khổ ách, tai nạn của tất cả chúng sanh trong 10 pháp giới, ngộ hầu tất cả chúng sanh đều giác ngộ, xả ly tất cả mọi khổ đau kịch liệt của 3 đường ác, diệt trừ mọi phiền não tối tăm, giúp cho chúng sanh khai phát con mắt trí tuệ vốn có của tự tánh, hoàn toàn chứng đắc hào quang trí tuệ chẳng khác Như Lai pháp thân thanh tịnh.

Lấp kín mọi nẻo đường ác, mở ra cánh cửa thông đạt thế giới Cực Lạc chí lành quyết định thành Phật. Vì chúng sanh khai thị vô số diệu pháp mà mục đích là ở chỗ phổ biến rộng rãi pháp bảo của công đức niệm Phật thành Phật.

Chú: 1) Tam cầu minh: Tam cầu là Tham, Sân, Si; Minh tức là vô minh, không có trí tuệ chân thật, không hiểu chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

2) Minh tế chúng ách nạn: Minh tế là trí sáng tế độ; Chúng ách nạn là mọi tai nạn khổ đau.

3) Phiền não ám: Là thí dụ các thứ phiền não, vô minh che khuất ánh sáng của tự tính khiến con người trở nên vô tri, ngu muội.

4) Trí tuệ nhãn: Một trong năm loại mắt, đó là cái đức năng trí tuệ Như Lai mà chúng sanh vốn có.

5) Quang minh thân: Chính là cái thân thanh tịnh trí tuệ.

6) Công đức bảo: Chỉ niệm Phật là công, vãng sanh là đức; Vãng sanh là công, không thối chuyển là đức; Bất thối là công, thành Phật là đức. Bảo là chỉ công đức vô thượng của câu niệm Phật.

KINH

NHƯ PHẬT VÔ NGẠI TRÍ (1)

SỞ HÀNH TỬ MÃN HẠNH

THƯỜNG TÁC THIÊN NHƠN SƯ

ĐẮC VI TAM GIỚI HÙNG(2)

THUYẾT PHÁP SƯ TỬ HỒNG (3)

QUẢNG ĐỘ CHƯ HỮU TÌNH

VIÊN MÃN TÍCH SỞ NGUYỆN (4)

NHẤT THIẾT GIAI THÀNH PHẬT.

Giải: Nguyện cho con có trí tuệ không chướng ngại như chư Phật, lấy tâm đại từ bi làm mọi việc lợi ích hết thảy chúng sanh; thường làm bậc Đại Đạo Sư của trời, người, trở thành bậc anh hùng của ba cõi. Nói pháp thì

như tiếng rống của sử tử, rộng độ tất cả chúng sanh, tròn đầy 48 nguyện lớn mà con đã phát trong quá khứ khiến cho tất cả chúng sanh trong một kiếp đều bình đẳng thành Phật.

Chú: 1) *Vô ngại trí*: Chỉ trí tuệ của Phật không có chướng ngại... *Tam giới hùng*: Phật đoạn hết mọi phiền não, dũng mãnh không sợ hãi, vì thế nên gọi là bậc đại anh hùng của ba cõi.

2) *Thuyết pháp sư tử hống*: Một khi sư tử rống lên thì trăm loài thú khác đều sợ hãi, thí dụ pháp mà Thế Tôn tuyên nói có thể làm chấn động tất cả, hàng phục ngoại đạo.

3) *Tích sở nguyện*: Chính là chỉ 48 nguyện của Tỳ-kheo Pháp Tạng đã phát ở trong nhân địa tu hành của Ngài.

KINH

TỨ NGUYỆN NHƯỢC KHẮC QUẢ (1)

ĐẠI THIÊN ÚNG CẢM ĐỘNG

HỮ KHÔNG CHƯ THIÊN THẦN

ĐƯƠNG VŨ (2) TRẦN DIỆU HOA.

Giải: Đại nguyện của con đã phát nếu như thành tựu tròn đầy thì hết thủy pháp giới trời, người, thần tiên trong ba ngàn đại thiên thế giới đều cảm động, trên không trung lại còn có chư vị thiên thần tự nhiên hoan hỷ, thị hiện tướng lành, từ trên trời rải xuống thiên hoa đẹp đẽ

quý báu.

Chú: 1) *Tư nguyện nhược khắc quả: Khắc là thành tựu. Nguyện lớn đã phát nếu thực hiện đợc tròn đầy.*

2) *Vũ: (âm ngọc) ý nói từ không trung rơi xuống.*

KINH

PHẬT CÁO A NAN: PHÁP TẠNG TỖ KHEO THUYẾT THỦ TỤNG DĨ, ỨNG THỜI (1) PHỔ ĐỊA LỤC CHỦNG CHẤN ĐỘNG (2), THIÊN VŨ DIỆU HOA DĨ TÁN KỲ THƯỢNG. TỰ NHIÊN ÂM NHẠC KHÔNG TRUNG TÁN NGÔN, QUYẾT ĐỊNH TẮT THÁNH VÔ THƯỢNG CHÁNH GIÁC.

Giải: Đức Phật Thích-ca-mâu-ni nói với A-nan: Tỳ-kheo Pháp Tạng vừa nói xong nguyện vọng của Thầy ấy thì lập tức có cảm ứng tượng lành, khắp đại địa diễn ra 6 loại chấn động, thiên hoa từ trên trời rơi xuống che kín cả một vùng của pháp hội. Còn có cả âm nhạc từ trên không tán thán Tỳ-kheo Pháp Tạng quyết định vô thượng Chánh giác.

Chú: 1) *Ứng thời: Là cái lúc cảm ứng.*

2) *Lục chủng chấn động: Tức là 6 hiện tượng tượng chấn động: Động – Khởi – Dũng – Chấn – Hống – Kích. Động là dao động; Khởi là bay lên; Dũng là sóng động. Ba loại này là biến hình. Chấn là có âm thanh; Hống là âm thanh rất lớn; Kích là như âm thanh đập mạnh vào tai. Ba loại này là biến âm thanh.*

PHẨM THỨ TÁM TÍCH CÔNG LUY ĐỨC

KINH

A NAN: PHÁP TẠNG TỖ KHEO Ứ THỂ TỰ TẠI VƯƠNG NHƯ LAI TIỀN, CẬP CHỦ THIÊN NHƠN ĐẠI CHÚNG CHI TRUNG, PHÁT TƯ HOẰNG THỆ NGUYỆN (1) DĨ. TRÚ CHÂN THẬT TUỆ (2) DŨNG MÃNH TINH TẤN. NHẤT HƯỚNG CHUYÊN CHÍ (3) TRANG NGHIÊM DIỆU ĐỘ (4). SỞ TU PHẬT QUỐC KHAI KHUYẾCH (5) QUẢNG ĐẠI. SIÊU THẮNG ĐỘC DIỆU (6) KIẾN LẬP THƯỜNG NHIÊN (7), VÔ SUY VÔ BIẾN.

Giải: Đức Phật nói với A-nan: Tỳ-kheo Pháp Tạng đứng trước Đức Phật Thế Tự Tại Vương Như Lai và trước đại chúng thiên nhơn ở pháp hội phát thệ nguyện rộng lớn xong liền an trú trong trí tuệ chơn thật, dũng mãnh không có sợ hãi, tinh tấn tu hành, nhất tâm làm cho cõi nước trang nghiêm, tịnh diệu, những sở tu ấy thành cõi nước Phật (thế giới Cực Lạc). Cõi nước Phật hàng ngũ thừa vãng sanh bình đẳng thành Phật, thường nhiên kiến lập, mãi mãi không hư hoại, hết thảy vạn vật đều không thay đổi, hư hoại.

Chú: 1) *Hoàng thệ nguyện:* Tại đây chỉ 48 nguyện.

2) *Chân thật tuệ:* Trí tuệ tương ưng với chân như thật tướng.

3) *Nhất hướng chuyên chí:* Tâm chí chuyên nhất, một mực hướng về phía trước.

4) *Diệu độ*: Hoàn cảnh sinh hoạt, tu học tuyệt tốt, tuyệt luân; Ở đây chỉ thế giới Cực Lạc.

5) *Khai khuyếch*: Mở mang rộng lớn, không có bờ mé.

6) *Siêu thắng độc diệu*: Năm thừa (nhơn, Thiên, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát) đều vào cõi nước phước báo gọi là “siêu thắng”; chỉ có đại chúng 5 thừa vãng sanh về thế giới Cực Lạc bình đẳng thành Phật nên gọi là “độc diệu”.

7) *Thường nhiên*: Mãi mãi không suy thoái, thay đổi, vĩnh hằng tự nhiên.

KINH

Ư VÔ LƯỢNG KIẾP, TÍCH THỰC ĐỨC HẠNH (1). BẮT KHỞI THAM SÂN SI DỤC CHỦ TƯỚNG (2). BẮT TRƯỚC SẮC, THANH, HƯƠNG, VỊ, XÚC, PHÁP (3). ĐẢN LẠC ÚC NIỆM, QUÁ KHỨ CHỦ PHẬT, SỞ TU THIỆN CĂN, HÀNH TỊCH TỊNH HẠNH (4) VIỄN LY HƯ VỌNG (5) Y CHÂN ĐẾ MÔN (6), THỰC CHỨNG ĐỨC BỒN.

Giải: Bắt đầu từ đoạn Kinh văn này trở đi đều trình bày cái nhân địa tu hành của Tỳ-kheo Pháp Tạng. Nguyên là Ngài đã tích lũy công đức ở vô lượng kiếp trước, đức hạnh ấy chính là trong tâm không khởi niệm tham, sân, si thì bên ngoài cũng không chấp dính sắc, âm thanh, mùi vị, xúc chạm và pháp; một lòng ngưỡng mộ, yêu thích các căn lành mà chư Phật quá khứ đã tu. Vì thế trong khi Ngài tự hành hóa cho chính Ngài, bên trong

không khởi tâm động niệm, bên ngoài không bị ngoại cảnh mê hoặc, dựa vào phương pháp chân thật tương ứng với sự lý của chân tướng mà vun trồng hết thảy cái gốc đức hạnh.

Chú: 1) *Tích thực đức hạnh*: Tích thực là tích lũy vun trồng; Đức hạnh là chỉ sự hành trì ba nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh.

2) *Tham, sân, si dục chư tướng*: Bất khởi Tham là không mong cầu – Bất khởi Sân là đối với những việc ngược tâm ý cũng như hoàn cảnh không khởi tâm bất bằng, oán hận – Si là ngu si, chỉ cho việc không biết rõ sự lý của chân tướng – Dục là chỉ cho mọi dục vọng.

3) *Bất trước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*: Bất trước là không dính mắc. Sắc thanh hương vị xúc pháp là sáu trần tức là sáu ngoại cảnh mà sáu căn tiếp xúc tức là đối tượng của mắt thấy gọi là sắc trần, đối tượng tai nghe là thanh trần, đối tượng mũi ngửi là hương trần, đối tượng của lưỡi nếm là vị trần, đối tượng cảm giác của thân là xúc trần, đối tượng phân biệt của ý là pháp trần. Nhân vì các ngoại cảnh ấy làm ô nhiễm cái tâm thanh tịnh, vì thế nên tỷ dụ là “trần”.

4) *Tịnh tĩn hạnh*: Ngài tự hành hoá một cách có ý thức tích cực, vì người mà diễn nói, trong tâm không khởi vọng tưởng, phân biệt, bên ngoài không dính mắc sáu trần.

5) *Hư vọng*: Chỉ hư giả, không thật.

6) *Chân đế môn*: Chỉ phương pháp chân thật tu hành thành Phật. Đế là chân thật.

KINH

BẮT KẾ CHÚNG KHỔ, THIỂU DỤC TRI TỨC (1), CHUYÊN CẦU BẠCH PHÁP (2), HUỆ LỢI QUẦN SANH, CHÍ NGUYỆN VÔ QUYÊN (3), NHÃN LỰC THÀNH TỰU (4).

Giải: Tỳ-kheo Pháp Tạng chẳng kể vô số khổ não, Ngài thường ít dục, biết đủ một lòng chuyên cầu pháp lành để có lợi ích chân thật cho hết thảy chúng sanh. Nguyện lớn mà Ngài đã phát mãi mãi không chán nản mệt mỏi, kiên quyết cương nghị vì thế mà thành tựu sức mạnh nhĩn của Ngài.

Chú: 1) *Thiểu dục tri túc*: *Thiểu dục* là không nhiều mong cầu; *Tri túc* là tuy ít cũng đủ.

2) *Bạch pháp*: Là chỉ pháp lành, người Ấn Độ xưa lấy đen trắng để đại biểu cho thiện ác.

3) *Vô quyên*: Không mệt mỏi.

4) *Nhĩn lực thành tựu*: Là lực dụng của nhĩn nhục, một trong lục độ, tức là chịu đựng mọi hoàn cảnh thuận hay nghịch về vật chất, nhân sự hay hoàn cảnh tu học, công phu nhĩn nhục tròn đầy gọi là nhĩn lực thành tựu.

KINH

Ứ CHƯ HỮU TÌNH, THƯỜNG HOÀI TỬ NHÃN, HÒA NHAN ÁI

NGŨ (1) KHUYẾN DỤ SÁCH TẤN (2) CUNG KÍNH TAM BẢO, PHỤNG SỰ SƯ TRƯỞNG. VÔ HỮU HƯ NGỤY XIÊM KHÚC (3) CHI TÂM.

Giải: Ở trong hết thấy chúng sanh, trong lòng thường mang cái tâm yêu thương, nhân nhượng, nhường nhịn, đối đãi với mọi người bằng thái độ hòa ái vui vẻ, luôn dùng ngôn ngữ chân thành, dễ nghe dễ khuyến khích, sách tấn giúp cho chúng sanh rời khỏi khổ đau, được hạnh phúc, an lạc. Lại thường cung kính phụng sự sư trưởng, y giáo phụng hành, hoàn toàn không mang cái tâm bề ngoài thì kính trọng nhưng bên trong thì xem thường.

Chú: 1) Hoà nhan ái ngữ: Hoà nhan là nhan sắc ôn hoà. Ái ngữ là chân thành, quan tâm, lời nói dễ nghe.

2) Khuyến dụ sách tấn: Khuyến là khuyến khích; Dụ là hiểu dụ. Sách tấn là khích lệ tiến tới.

3) Xiêm khúc: Xiêm nịnh làm quanh co sự thật.

KINH

TRANG NGHIÊM CHÚNG HẠNH (1) QUỶ PHẠM (2) CỤ TỨC QUÁN PHÁP NHƯ HOÁ (3), TAM MUỘI THƯỜNG TỊCH (4). THIÊN HỘ KHẨU NGHIỆP, BẤT KỶ THA QUÁ. THIÊN HỘ THÂN NGHIỆP, BẤT THẤT LUẬT NGHI. THIÊN HỘ Ý NGHIỆP, THANH TỊNH VÔ NHIÊM.

Giải: Những hành vi, cuộc sống của Tỳ-kheo Pháp Tạng tương ứng với phước đức trí tuệ (đầy đủ viên mãn phước

đức trí tuệ), lấy đó làm trang nghiêm. Ngôn hạnh của Ngài đều khả dĩ làm mô phạm cho hết chúng sanh trong 10 pháp giới, đều lấy “quán pháp như hóa, tam-muội thường tịch” mà đắc. Nhân vì quán sát mà biết rõ các pháp như ảo như hóa thì mới vĩnh viễn đoạn trừ vọng tưởng, phân biệt, chấp dính, hưởng thọ tịch tĩnh một cách cụ thể trong cuộc sống hàng ngày thì tự nhiên thực hiện được khéo léo, giữ gìn khẩu nghiệp, không chê bai lỗi lầm của kẻ khác; khéo giữ thân nghiệp, không phạm giới luật, uy nghi; khéo giữ ý nghiệp, không khởi vọng tưởng, phân biệt, nội tâm thanh tịnh không nhiễm.

Chú: 1) *Chúng hạnh: Chỉ tất cả hành vi cuộc sống với lục độ vạn hạnh.*

2) *Quy phạm: Quy tắc, có nghĩa là mô phạm.*

3) *Quán pháp như hoá: Dùng trí tuệ quán sát mọi sự vật trên thế gian như mộng ảo, như bọt nước, thay đổi không ngừng, không thực sự tồn tại.*

4) *Tam-muội thường tịch: Thường hưởng thọ thanh tịnh, ở đây nói đến hưởng thọ đời sống bình thường, thân tâm được giữ gìn tối thanh tịnh.*

KINH

SỞ HỮU QUỐC THÀNH (1), TỰ LẠC (2), QUYẾN THUỘC, TRÂN BẢO, ĐÔ VÔ SỞ TRƯỚC. HẰNG DĨ BỐ THÍ, TRÌ GIỚI, NHÃN NHỤC, TINH TẤN, THIÊN ĐỊNH, TRÍ TUỆ LỤC ĐỘ CHI HẠNH, GIÁO HÓA AN LẬP CHÚNG SANH (3), TRÚ Ứ VÔ THƯỢNG CHÂN CHÍNH CHI ĐẠO.

Giải: Những thứ sở hữu của Tỳ-kheo Pháp Tạng như là đô thị lớn hay một thôn làng cho đến cả bà con quyến thuộc cũng như đối với các thứ trần báu thế gian, Ngài đều không chấp trước; tất cả những thứ đó Ngài thường đem bố thí, đem lục độ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ là 6 loại mà chư Bồ-tát tu tập để hướng dẫn, hóa độ vô lượng chúng sanh, khiến cho tất cả chúng sanh đều được vãng sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc.

Chú: 1) *Quốc thành: Thủ đô, thành phố lớn.*

2) *Tự lạc: Thôn trang nhỏ.*

3) *Giáo hoá an lập chúng sanh: Giáo là dạy, hướng dẫn, lấy phương pháp giáo dục trao truyền cho mọi người trong xã hội. Hoá là thành tích giáo dục, giúp cho chúng sanh thay ác thành thiện, chuyển phàm thành Thánh. An lập là kiến lập, kiến lập tâm Bồ-đề.*

4) *Trú ư vô thượng chân chính chi đạo: Là an trú trên cái đạo thành Phật rốt ráo, tròn đầy.*

KINH

DO THÀNH NHƯ THỊ CHƯ THIỆN CĂN (1) CỐ, SỞ SANH CHI XÚ, VÔ LƯỢNG BẢO TẠNG (2), TỰ NHIÊN PHÁT ỨNG (3). HOẶC VI TRƯỞNG GIẢ CƯ SĨ (4), HÀO TÍNH TÔN QUÝ (5). HOẶC VI SÁT LỢI QUỐC VƯƠNG (6), CHUYỂN LUÂN THÁNH ĐẾ HOẶC VI LỤC DỤC THIÊN CHỦ, NÃI CHÍ PHẠM VƯƠNG.

Giải: Do Tỳ-kheo Pháp Tạng đã thành tựu các căn lành

như đã nói ở trên nên quả báo Ngài đạt được là sanh vào nơi có kho báu vô lượng phước đức trí tuệ, tự nhiên hiện ra, cảm nhận đời đời tôn quý, đức cao trọng vọng, của cải đầy đủ. Hoặc là vua chúa đại thần, Chuyển luân thánh vương, hoặc là vua trời lục dục, cho đến Đại Phạm thiên vương.

Chú: 1) *Do thành như thị chư thiện căn: Do thành là do ở thành tựu. Như thị chư thiện căn là chỉ việc tích lũy nhiều căn lành công đức.*

2) *Bảo tạng: Tạng có nghĩa là hàm tàng. Bảo tạng là chỉ kho báu phước đức trí tuệ.*

3) *Phát ứng: Là khai phát hiện ra, chính là nói đến việc tích tập vô lượng kho báu công đức nên cảm ứng mà hiện ra.*

4) *Trưởng giả: Là chỉ người tuổi cao, có đức độ và có tài sản. Cư sĩ là người tại gia học Phật.*

5) *Hào tính tôn quý: Là gia đình quý tộc.*

6) *Sát lợi quốc vương: Sát lợi còn gọi là Sát đê lợi, gọi chung cho dòng dõi vua chúa. Quốc vương là người làm chủ một nước.*

KINH

Ư CHƯ PHẬT SỞ, TÔN TRỌNG CÚNG DƯỜNG, VỊ TẦNG GIÁN ĐOẠN, NHƯ THỊ CÔNG ĐỨC, THUYẾT BÁT NĂNG TẬN.

Giải: Thường ở tại các chỗ của chư Phật, Ngài chưa hề

ngừng nghĩ việc tôn trọng, cúng dường chư Phật. Công đức như đã nói trên là vô lượng vô biên, dù có nói cũng không thể nói hết.

KINH

THÂN KHẨU THƯỜNG XUẤT VÔ LƯỢNG DIỆU HƯƠNG. DO NHƯ CHIÊN ĐÀN (1), ƯU BÁT LA HOA (2), KỶ HƯƠNG PHỔ HUÂN VÔ LƯỢNG THẾ GIỚI, TÙY SỞ SINH XÚ, SẮC TƯỚNG ĐOAN NGHIÊM, TAM THẬP NHỊ TƯỚNG (3), BÁT THẬP CHỦNG HẢO (4), TẮT GIAI CỤ TÚC. THỦ TRUNG THƯỜNG XUẤT VÔ TẬN CHI BẢO, TRANG NGHIÊM CHI CỤ (5). NHẤT THIẾT SỞ TU, TỐI THƯỢNG CHI VẬT, LỢI LẠC HỮU TÌNH.

Giải: Thân miệng của Tỳ-kheo Pháp Tạng thường tỏa ra mùi thơm chẳng khác nào mùi hương chiên đàn và hoa ưu-bát-la. Mùi hương ấy tỏa đến vô lượng thế giới, bất luận là Ngài ra đời thành Phật ở chỗ nào thì sắc tướng của Ngài cũng trang nghiêm có đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ trang nghiêm. Hai cánh tay vạn năng của Ngài thường sáng tạo ra vô số khí cụ trang nghiêm; những thứ mà Ngài tạo ra đều là những yêu cầu nhu yếu của con người, vả lại con người rất ưa thích nữa. Mọi tài năng của Ngài đều đem đến lợi ích cho hết thảy chúng sanh, vì mọi người, vì xã hội, vì quốc gia, vì thế giới mà tạo phước.

Chú: 1) *Chiên đàn:* Cây quý có mùi thơm thời Ấn Độ cổ.

2) *Ưu-bát-la hoa:* Đây là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Hoa sen màu xanh (thanh sắc liên hoa).

3) Tam thập nhị tướng: 32 tướng tốt.

4) Bát thập chủng hảo: 80 vẻ trang nghiêm.

KINH

**DO THỊ NHÂN DUYÊN NĂNG LINH VÔ LƯỢNG CHÚNG SANH,
GIAI PHÁT A NẬU ĐA LA TAM MIỆU TAM BỒ ĐỀ TÂM.**

Giải: Phẩm Kinh này nói đến việc sau khi Tỳ-kheo Pháp Tạng phát 48 lời nguyện thành tựu cụ thể, trải qua vô lượng kiếp tích lũy công đức nên y báo, chánh báo đều đầy đủ trang nghiêm thù thắng do vậy hết thấy chúng sanh đều cảm phát cái tâm thành Phật vô thượng.

*

PHẨM THỨ CHÍN VIÊN MÃN THÀNH TỰU

Giải: Phẩm trước giới thiệu nhân địa tu hành của Pháp Tạng Tỳ-kheo, phẩm này hiển thị những thành tựu tròn đầy mà Ngài đã thu hoạch trong quá trình tu học, đó là quả đức tròn đầy sau khi Ngài thành Phật.

KINH

PHẬT CÁO A NAN, PHÁP TẠNG TỖ KHEO TU BỒ TÁT HẠNH, TÍCH CÔNG LŨY ĐỨC, VÔ LƯỢNG VÔ BIÊN, Ư NHẤT THIẾT PHÁP NHỊ ĐẮC TỰ TẠI, PHI THỊ NGŨ NGÔN PHÂN BIỆT CHI SỞ NĂNG TRI, SỞ PHÁT THỆ NGUYỆN, VIÊN MÃN THÀNH TỰU, NHƯ THẬT AN TRÚ (1), CỤ TỨC TRANG NGHIÊM, UY ĐỨC (2) QUẢNG ĐẠI THANH TỊNH PHẬT ĐỘ.

Giải: Đức Phật nói với A-nan: Tỳ-kheo Pháp Tạng tu sáu độ vạn hạnh, tích lũy vô lượng vô biên công đức; vì thế thường ở trong tất cả pháp mà đắc tự tại, loại quả báo ấy không phải là dùng tư tưởng, ngôn ngữ mà diễn đạt, liễu giải. 48 lời nguyện của Pháp Tạng đã thành tựu tròn đầy, hết thảy của thế giới Cực Lạc đều an trú trong nhất chân pháp giới của chân như thật tướng, vì thế nên đầy đủ trang nghiêm, uy đức rộng lớn không bờ mé của cõi Phật thanh tịnh.

Chú: 1) Như thật an trú: Như thật là chân như thật tướng. Như thật an trú là an trú ở trong cái lý của thật tướng

của các pháp.

2) *Uy đức: Uy có nghĩa là chiết phục. Đức có nghĩa là nhiếp thọ.*

KINH

A NAN VĂN PHẬT SỞ THUYẾT, BẠCH THẾ TÔN NGÔN, PHÁP TẠNG BỒ TÁT THÀNH BỒ ĐỀ GIẢ, VI THỊ QUÁ KHỨ PHẬT NA, VI LAI PHẬT NA, VI KIM HIỆN TẠI THA PHƯƠNG THẾ GIỚI NA.

Giải: Tôn giả A-nan nghe những gì Đức Phật nói, liền hỏi Thế Tôn: Bồ-tát Pháp Tạng tu học thành tựu quả vị Phật đại giác, Ngài là vị Phật quá khứ hay vị Phật tương lai hay là vị Phật hiện tại ở thế giới khác ?

KINH

THẾ TÔN CÁO NGÔN, BỈ PHẬT NHƯ LAI (1), LAI VÔ SỞ LAI, KHỨ VÔ SỞ KHỨ (2), VÔ SANH, VÔ DIỆT (3), PHI QUÁ HIỆN VỊ LAI.

Giải: Thế Tôn trả lời câu hỏi của Tôn giả A-nan: Pháp thân cùng khắp nơi chốn của Đức Phật A-di-đà không nơi nào không đến, không nơi nào không đi, không thể nói sanh, không thể nói diệt, không thể nói Ngài là vị Phật quá khứ hoặc là thị hiện ở hiện tại hay là vị lai.

Chú: 1) *Bỉ Phật Như Lai: Chỉ Phật A-di-đà.*

2) *Lai vô sở lai, Khứ vô sở khứ: Pháp thân của Phật cùng khắp nơi chốn, vì thế nên nói không đến cũng*

không đi.

3) Vô sanh vô diệt: Không sanh chẳng diệt, đó là cảnh giới Niết-bàn rốt ráo của Phật.

KINH

ĐẢN DĨ THÙ NGUYỆN (1) ĐỘ SANH, HIỆN TẠI TÂY PHƯƠNG, KHÚ DIÊM PHÙ ĐỀ (2) BÁCH THIÊN CÂU CHỈ NA DO THA PHẬT SÁT, HỮU THẾ GIỚI DANH VIẾT CỰC LẠC (3).

Giải: Đức Phật A-di-đà vì phát nguyện độ sanh, thực tiễn của Ngài thị hiện ở phương Tây thế giới cách chúng ta mười vạn ức cõi nước Phật, thế giới mà Ngài kiến lập có tên là “thế giới Cực Lạc”.

Chú: 1) Thù nguyện: Thực hiện nguyện lớn mà Ngài đã phát trong quá khứ.

2) Diêm-phù-đề: Là tiếng Ấn Độ có nghĩa là Nam thiên bộ châu, chỉ vào thế giới của chúng ta.

3) Cực Lạc: Thế giới mà Đức Phật A-di-đà kiến lập, nhân cõi nước ấy không có khổ đau.

KINH

PHÁP TẠNG THÀNH PHẬT, HIỆU A DI ĐÀ (1), THÀNH PHẬT DĨ LAI, Ư KIM THẬP KIẾP, KIM HIỆN TẠI THUYẾT PHÁP, HỮU VÔ LƯỢNG VÔ SỐ BỒ TÁT THANH VĂN CHI CHÚNG, CUNG KÍNH VI NHIỄU.

Giải: Tỳ-kheo Pháp Tạng đã triệt để giác ngộ, rốt ráo thành Phật, xưng hiệu là “A-di-đà Phật”; Ngài thành

Phật đến nay đã trải qua 10 kiếp, hiện nay thị hiện ở thế giới Cực Lạc giảng Kinh nói pháp, tại thế giới Cực Lạc có vô lượng vô biên chúng Thanh văn, Bồ-tát cung kính đảnh lễ Ngài để nghe nói pháp.

Chú: 1) A-di-đà: Là tiếng Ấn Độ. A dịch là vô. Di-đà dịch là lượng. A-di-đà là vô lượng. Trong tất cả vô lượng, lấy vô lượng quang, vô lượng thọ làm đại biểu là danh hiệu của vị giáo chủ thế giới Cực Lạc.

*

PHẨM THỨ MƯỜI GIA NGUYỆN TÁC PHẬT

Giải: Phẩm trên nói về nhân tu quả chứng của Đức Phật A-di-đà, đó là phẩm Kinh nói đến chúng sanh nghe Đức Phật Thích-ca nói pháp, chỉ cần phát nguyện vãng sanh đều thành tựu phổ biến bình đẳng thành Phật.

KINH

**PHẬT THUYẾT A DI DÀ PHẬT VỊ BỒ TÁT CẦU ĐẮC THỊ
NGUYỆN THỜI, A XÀ VƯƠNG TỬ, DỮ NGŨ BÁCH ĐẠI
TRƯỞNG GIẢ, VĂN CHI GIAI ĐẠI HOAN HỖ.**

Giải: Thế Tôn giới thiệu khi ở trong nhân địa Bồ-tát ở quá khứ của Đức Phật A-di-đà; sự thật của phát nguyện và tu hành chứng quả. Bảy giờ A-xà vương tử cùng 500 vị trưởng giả tham gia pháp hội nghe xong đều sanh khởi cái tâm đại hoan hỷ.

KINH

**CÁC TRÌ NHẤT KIM HOA CÁI (1), CÂU ĐÁO PHẬT TIỀN TÁC
LỄ, DĨ HOA CÁI THƯỢNG PHẬT, DĨ KHƯỚC TỌA (2) NHỨT
DIỆN THÍNH KINH, TÂM TRUNG NGUYỆN NGÔN, LINH NGÃ
ĐẲNG TÁC PHẬT THỜI, GIAI NHƯ A DI DÀ PHẬT.**

Giải: Mỗi người trong chư vị đều cầm một cái lọng quý bằng hoa màu vàng cùng đến trước Đức Phật mà lễ bái, dâng lọng hoa vàng cúng dường Phật rồi trở về chỗ ngồi ở một bên để nghe Kinh. Khi ấy trong lòng chư vị đều nảy sinh mong nguyện, hy vọng khi chư vị thành Phật ở tương lai hết thấy đều hệt như Đức Phật A-di-đà.

Chú: 1) *Kim hoa cái: Lọng báu bằng hoa vàng.*

2) *Khước tọa: Lùi lại, ngồi xuống.*

KINH

PHẬT TỨC TRI CHI, CÁO CHƯ TỖ KHEO, THỊ VƯƠNG TỬ ĐẰNG, HẬU ĐƯƠNG TÁC PHẬT BỈ Ư TIỀN THẾ TRỤ BỒ TÁT ĐẠO, VÔ SỐ KIẾP LAI, CÚNG DƯƠNG TỬ BÁCH ỨC PHẬT, CA DIẾP PHẬT (1) THỜI, BỈ ĐẰNG VI NGÃ ĐỆ TỬ, KIM CÚNG DƯƠNG NGÃ, PHỤC TƯƠNG TRI (2) DÃ.

Giải: Các vị A-xà vương tử, sau khi trong tâm phát nguyện lớn, Thế Tôn biết ngay, Ngài liền nói với đại chúng Tỳ-kheo: 500 A-xà vương tử sau này chắc chắn thành Phật, kiếp trước họ đều tu đại hạnh của Bồ-tát, an trú ở đạo của Bồ-tát; trải qua vô số kiếp, từng cúng dường cho 400 ức Phật, rộng tu công đức. Trước kia vào thời đại Phật Ca-diếp trụ thế, họ là đệ tử của Ta, hôm nay họ cúng dường Ta, chúng ta lại gặp nhau, đó là một nhân duyên thù thắng.

Chú: 1) *Ca-diếp Phật: Là vị Phật thứ 3 ở hiện kiếp (trước Đức Phật Thích-ca một vị Phật).*

2) *Tương tri: Gặp nhau.*

KINH

THỜI CHƯ TỖ KHEO VĂN PHẬT NGÔN GIẢ, MẠC BÁT ĐẠI CHI HOAN HÝ.

Giải: Bây giờ đại chúng Tỳ-kheo tham gia pháp hội nghe những gì Đức Phật nói đều vô cùng hoan hỷ cho A-xà vương tử cùng 500 trưởng giả.

PHẨM THỨ MƯỜI MỘT QUỐC GIỚI NGHIÊM TỊNH

Giải: Nội dung phẩm này Đức Phật giới thiệu về sự trang nghiêm, thanh tịnh của thế giới Cực Lạc.

KINH

**PHẬT NGŨ A NAN, BỈ CỰC LẠC GIỚI, VÔ LƯỢNG CÔNG ĐỨC,
CỤ TÚC TRANG NGHIÊM.**

Giải: Đức Phật nói với A-nan: thế giới Cực Lạc đầy đủ vô lượng công đức và trang nghiêm, tất cả đều đẹp đẽ không thiếu sót.

KINH

**VĨNH VÔ CHÚNG KHỔ (1), CHƯ NẠN (2), ÁC THÚ, MA NÃO
CHI DANH.**

Giải: Thế giới Cực Lạc mãi mãi không có 3 khổ, 8 khổ và các nỗi khổ khác, cũng không có ba tai, tám nạn cùng các tai nạn khác, không có 3 đường ác cũng không có cái tên gọi là ma nào.

Chú: 1) *Chúng khổ:* Chỉ vô số khổ đau.

2) *Chư nạn:* Chỉ tai họa về người, thiên tai (3 tai, 8 nạn) cùng các tai nạn khác.

KINH

DIỆC VÔ TÚ THỜI (1), HÀN THỦ, VŨ MINH (2) CHI DI. PHỤC

**VÔ ĐẠI TIÊU, GIANG HẢI, KHUU LĂNG, KHANH KHẨM (3),
KINH CÚC, SA DƯỢC (4) THIẾT VI (5), TU DI (6), THỔ THẠCH
ĐẰNG SƠN.**

Giải: Ở trong thế giới Cực Lạc không có 4 mùa, nóng lạnh, mưa bão, thay đổi khí hậu, thời tiết. Cũng không có lớn nhỏ, núi đồi, hang động, dây chằng chịt, cát đá, Thiết vi, Tu-di, không có sự khác nhau về địa lý ấy.

Chú: 1) *Tức thời: Xuân, Hạ, Thu, Đông.*

2) *Vũ minh: Mưa gió âm u.*

3) *Khu lăng: Núi đồi-Khanh khảm: Hang động.*

4) *Kinh cúc: Dây chằng chịt-Sa dược: Đá nhỏ.*

5) *Thiết vi: Chỉ ngọn núi của một đơn vị thế giới ở ngoại vi-Tu-di tiếng Ấn Độ, Trung văn có nghĩa là ngọn núi rất cao là trung tâm của một tiêu thế giới.*

KINH

**DUY DĨ TỰ NHIÊN THẮT BẢO (1), HOÀNG KIM VI ĐỊA,
KHOAN QUẢNG BÌNH CHÍNH, BẤT KHẢ HẠN CỰC, VI DIỆU
KỲ LỆ (2), THANH TỊNH TRANG NGHIÊM, SIÊU THẬU THẬP
PHƯƠNG NHẤT THIẾT THẾ GIỚI.**

Giải: Hoàn cảnh vật chất của thế giới Tây phương Cực Lạc đều do bảy báu mà thành, mặc đất bằng vàng ròng, diện tích rộng lớn không cách gì tính toán, cõi nước lại còn đẹp đẽ vi diệu, trang nghiêm, thanh tịnh vượt qua tất cả thế giới trong mười phương.

Chú: 1) *Thất bảo*: Chỉ vàng bạc, pha lê, lưu ly, thủy xương, hổ phách, ngọc đẹp, mã não. Thất ở đây diễn đạt ý tròn đầy. Thất bảo: Cũng là chỉ vô lượng trân báu.

2) *Kỳ lệ*: Hết sức đẹp đẽ, hoa lệ.

KINH

A NAN VĂN DĨ, BẠCH THẾ TÔN NGÔN, NHƯỢC BỈ QUỐC ĐỘ, VÔ TU DI SƠN, KỶ TỬ THIÊN VƯƠNG THIÊN (1) CẬP ĐAO LỢI THIÊN (2), Y HÀ NHI TRỤ.

Giải: Sau khi Tôn giả A-nan nghe Đức Phật nói xong Tôn giả liền bạch với Đức Phật: giả như thế giới Cực Lạc không có núi Tu-di thế thì Tứ thiên vương cho đến Dao-lợi thiên vương dựa vào chỗ nào mà đứng vững.

Chú: 1) *Tứ thiên vương*: Chỉ tầng trời thấp nhất của dục giới, ở lưng chừng núi Tu-di.

2) *Dao lợi thiên*: Tầng trời thứ hai của Dục giới, ở trên đỉnh núi Tu-di. Hai tầng trời này đều là Địa cư thiên.

KINH

PHẬT CÁO A NAN, DẠ MA ĐÂU SUẤT, NÃI CHÍ SẮC, VÔ SẮC GIỚI, NHẤT THIẾT CHƯ THIÊN, Y HÀ NHI TRỤ. A NAN PHÁT NGÔN BẤT KHẢ TƯ NGHỊ NGHIỆP LỰC (2) SỞ TRÍ.

Giải: Đức Phật hỏi ngược lại A-nan, cõi trời Dạ-ma, cõi trời Đâu-suất, cho đến cõi trời Sắc giới, Vô sắc giới cùng hết thấy cõi trời nương tựa vào chỗ nào mà trụ? Tôn giả A-nan trả lời: Bạch Thế Tôn, các cõi trời ấy nương tựa

vào định lực không thể nghĩ bàn của chúng sanh mà đứng vững.

Chú: 1) Dạ-ma: Tầng trời thứ ba của Dục giới. Đâu-suất: tầng trời thứ tư của Dục giới; Từ cõi trời Dạ-ma trở lên đều là cõi trời Không cư, đứng giữa hư không.

2) Nghiệp lực: Ở đây chỉ công phu của thiên định.

KINH

PHẬT NGŨ A NAN, BÁT TỬ NGHIỆP (1), NHƯ HÀ TRI NA? NHỮ THÂN QUẢ BÁO (2) BÁT KHẢ TỬ NGHIỆP; CHÚNG SANH NGHIỆP BÁO (3) DIỆC BÁT KHẢ TỬ NGHIỆP; CHÚNG SANH THIỆN CĂN, BÁT KHẢ TỬ NGHIỆP. CHƯ PHẬT THÁNH LỰC (4), CHƯ PHẬT THẾ GIỚI, DIỆC BÁT KHẢ TỬ NGHIỆP. KỲ QUỐC CHÚNG SANH, CÔNG ĐỨC THIỆN LỰC (5), TRỤ HÀNH NGHIỆP ĐỊA (6), CẬP PHẬT THẦN LỰC, CỔ NĂNG NHĨ NHĨ.

Giải: Đức Phật nói với A-nan, nghiệp lực không thể nghĩ bàn, bao quát phạm vi rất sâu, rất rộng; ông có biết không? Quả báo tự thân của ông, không thể nghĩ bàn, vì sao lại có vô lượng, vô biên thế giới: Vì sao lại có 3 đường, 6 nẻo khác nhau? Nhân vì nghiệp thân, quả báo không thể nghĩ bàn của chúng sanh khác nhau, căn lành học Phật của chúng sanh cũng không thể nghĩ bàn. Mười phương ba đời hết thầy chư Phật, nguyện lớn hạnh lớn của chư vị cho đến sự thành tựu trí tuệ, từ bi, đức năng, cõi nước của chư vị đều không thể nghĩ bàn.

Chúng sanh của thế giới Cực Lạc đều phát tâm

Bồ-đề, lấy một câu danh hiệu mà khế nhập vào biển nguyện Di-đà; vì thế chư vị thường an trú trong nguyện lớn, hạnh lớn mà Phật A-di-đà đã thành tựu, Thế giới Cực Lạc dựa vào công đức của chúng sanh, sức mạnh của điều lành của chúng sanh cho đến bốn nguyện của sức mạnh oai thần của Phật A-di-đà đã thành tựu, vì thế không cần phải nương dựa vào núi Tu-di mà vẫn tự nhiên an trú.

Chú: 1) *Nghiệp*: Có nghĩa là tạo tác, một số là chỉ hành vi, ngôn ngữ, tư tưởng.

2) *Quả báo*: Chỉ nghiệp ác đã tạo ở đời trước, chiêu cảm quả báo trong đời này.

3) *Nghiệp báo*: Chỉ nghiệp nhân và quả báo, cũng chính là nghiệp nhân thiện ác đã tạo ra, mà cảm thọ quả báo khổ hay lạc.

4) *Thánh lực*: Lực là năng lực, lực dụng, ở đây chỉ sức mạnh oai thần của chư Phật.

5) *Thiện lực*: Lực dụng đạt được nhờ y pháp mà tu hành, gọi là thiện lực.

6) *Hành nghiệp địa*: Chỉ nguyện lớn, hạnh lớn của Phật A-di-đà, cái chỗ thành tựu nghiệp lớn gọi là hành địa nghiệp.

KINH

A NAN BẠCH NGÔN: NGHIỆP NHÂN QUẢ BÁO, BÁT KHẢ TỰ

**NGHỊ NGÃ, Ư THỬ PHÁP, THẬT VÔ SỞ HOẶC, ĐẢN VỊ TƯƠNG
LAI CHÚNG SANH, PHÁ TRỪNGHI VÕNG (1) CỐ PHÁT TƯ VẤN.**

Giải: Tôn giả A-nan bạch: trước nghiệp nhân quả báo không thể nghi bàn của chúng sanh chẳng có điểm nào con nghi ngờ cả. Chỉ vì chúng sanh, hơn nữa là chúng sanh ở thời mạt pháp, họ năng cố chấp, trước sự lý ấy, thỉnh thoảng họ có những nghi ngờ, vì vậy con mới khai thỉnh Thế Tôn khai thị.

Chú: 1) *Nghi vãng:* Nghi là nghi ngờ, vãng là thí dụ cho nhiều mà phức tạp.

*

PHẨM THỨ MƯỜI HAI QUANG MINH BIẾN CHIẾU

Giải: Phẩm Kinh này giới thiệu hào quang oai thần của Đức Phật Di-đà chiếu khắp hết thảy mười phương thế giới chư Phật.

KINH

PHẬT CÁO A NAN, A DI ĐÀ PHẬT UY THẦN QUANG MINH, TỐI TÔN ĐỆ NHẤT, THẬP PHƯƠNG CHƯ PHẬT, SỞ BẤT NĂNG CẬP, BIẾN CHIẾU ĐÔNG PHƯƠNG HẰNG SA PHẬT SÁT, NAM TÂY BẮC PHƯƠNG, TỨ DUY (1) THƯỢNG HẠ, DIỆC PHỤC NHƯ THỊ.

Giải: Đức Phật nói với A-nan, oai thần và hào quang của Phật A-di-đà là thù thắng đệ nhất, hết thảy mười phương chư Phật không thể so sánh. Hào quang của Phật A-di-đà chiếu khắp vô lượng, vô số cõi Phật ở phương Đông, ngoài ra phương Nam, Tây, Bắc, phương Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc trên dưới cũng như vậy.

Chú: 1) *Tứ duy: Đông Nam – Tây Nam – Đông Bắc – Tây Bắc.*

KINH

NHƯỢC HOÁ ĐÁNH THƯỢNG VIÊN QUANG, HOẶC NHẤT NHỊ TAM TỨ DO TUẦN, HOẶC BÁCH THIÊN VẠN ÚC DO TUẦN, CHƯ PHẬT QUANG MINH HOẶC CHIẾU NHẤT NHỊ

PHẬT SÁT HOẶC CHIẾU BÁCH THIÊN PHẬT SÁT. DUY A DI ĐÀ PHẬT QUANG MINH PHỔ CHIẾU VÔ LƯỢNG, VÔ BIÊN, VÔ SỐ PHẬT SÁT.

Giải: Nếu luận hào quang hoá hiện trên đỉnh đầu chư Phật, có vị chiếu đến một, hai, ba hay bốn do tuần, có vị chiếu đến trăm ngàn vạn ức do tuần, đến như hào quang của chư Phật, có vị chiếu đến một vài cõi Phật. Duy chỉ có một mình Đức Phật A-di-đà, hào quang của Ngài chiếu khắp vô lượng, vô biên, vô số cõi Phật.

KINH

CHƯ PHẬT QUANG MINH SỞ CHIẾU VIÊN CẬN, BỐN KỲ TIỀN THỂ CẦU ĐẠO, SỞ NGUYỆN CÔNG ĐỨC ĐẠI TIỂU BÁT ĐỒNG. TRÍ TÁC PHẬT THỜI, CÁC TỰ ĐẮC CHI, TỰ TẠI SỞ TÁC, BÁT VI DỰ KẾ.

Giải: Hào quang chiếu xa gần của chư Phật là căn cứ vào cái nhân cầu đạo; khi phát nguyện, công đức tu hành, lớn nhỏ khác nhau, đến khi thành Phật, mỗi vị tự nhiên đạt được quả báo khác nhau; những điều đó đều thành tựu tự nhiên chứ không phải là do sắp đặt hay dự trù trước.

KINH

A DI ĐÀ PHẬT, QUANG MINH THIÊN HẢO, THẮNG Ư NHẬT NGUYỆT CHI MINH, THIÊN ÚC VẠN BỘI QUANG TRUNG CỰC TÔN, PHẬT TRUNG CHI VƯƠNG.

Giải: Hào quang của Phật A-di-đà vô cùng tốt đẹp, ánh sáng hơn cả ngàn ức vạn lần của mặt trời, mặt trăng; vì

thể Đức Thế Tôn Thích-ca tán thán hào quang của Phật A-di-đà là tôn quý hơn tất cả hào quang của chư Phật, là vua của chư Phật. Lời tán thán của Đức Phật Thích-ca-mâu-ni là đại biểu cho lời tán thán của chư Phật đối với Đức Phật A-di-đà.

KINH

THỊ CỐ VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT, DIỆC HIỆU VÔ LƯỢNG QUANG (1) PHẬT, DIỆC HIỆU VÔ BIÊN QUANG (2) PHẬT, VÔ NGẠI QUANG (3) PHẬT, VÔ ĐẲNG QUANG (4) PHẬT, DIỆC HIỆU TRÍ TUỆ QUANG. (5) THƯỜNG CHIẾU QUANG (6) THANH TỊNH QUANG (7), HOAN HỠ QUANG (8) GIẢI THOÁT QUANG (9), AN ỔN QUANG (10), SIÊU NHẬT NGUYỆT QUANG (11), BÁT TỬ NGHỊ QUANG (12).

Giải: Sở dĩ Đức Phật Vô Lượng Thọ (Phật A-di-đà), cũng gọi là Phật Vô Lượng Quang, Phật Vô Biên Quang, Phật Vô Ngại Quang, Phật Vô Đẳng Quang; tức cũng gọi là Đức Phật Trí Tuệ Quang, Thường Chiếu Quang, Thanh Tịnh Quang, Hoan Hỷ Quang, Đức Phật Giải Thoát Quang, Đức Phật An Ổn Quang, Siêu Nhật Nguyệt Quang, Đức Phật Bất Khả Tư Nghị Quang.

Chú: 1) Vô lượng quang: Quang là đại biểu cho trí tuệ, ánh sáng trí tuệ của Phật không thể hạn lượng vì thế nên gọi là vô lượng quang.

2) Vô biên quang: Hào quang của Phật chiếu khắp rộng lớn vô biên.

3) Vô ngại quang: Hào quang tự tại của Phật không nơi nào không chiếu thấu, không chướng ngại.

4) Vô đẳng quang: Hào quang thanh tịnh của Phật không có bất cứ ánh sáng nào bằng.

5) Trí tuệ quang: Ánh sáng của Phật có năng lực phá tắt cả vô minh phiền não của chúng sanh.

6) Thường chiếu sáng: Ánh sáng của Phật chiếu khắp tất cả chúng sanh, tất cả thời, tất cả nơi chốn không gián đoạn.

7) Thanh tịnh quang: Ánh sáng của Phật có khả năng khiến chúng sanh đoạn trừ ba độc phiền não tham, sân, si đạt được thân tâm thanh tịnh.

8) Hoan hỷ quang: Từ quang của Phật chiếu khắp chúng sanh khiến chúng sanh đều hoan hỷ.

9) Giải thoát quang: Ánh sáng của Phật có khả năng khiến cho chúng sanh tiêu trừ tội nghiệp, giải thoát sống chết, được tự tại.

10) An ổn quang: Ánh sáng của Phật có khả năng giúp chúng sanh ở trong ba cõi có an lạc thực sự.

11) Siêu nhật nguyệt quang: Ánh sáng của Phật vượt qua tất cả các thứ ánh sáng của thế gian, thù thắng không thể so sánh.

12) Bất tư nghị quang: Ánh sáng của Phật là không thể nghĩ bàn.

KINH

NHƯ THỊ QUANG MINH PHỔ CHIẾU THẬP PHƯƠNG NHẤT THIẾT THỂ GIỚI, KỶ HỮU CHÚNG SANH, NGỘ TƯ QUANG GIẢ, CẤU DIỆT THIỆN SANH (1), THÂN Ý NHU NHUYỄN (2), NHƯỢC TẠI TAM ĐỒ CỤC KHỔ CHI XỬ, KIẾN THỦ QUANG MINH, GIAI ĐẮC HỮU TỨC (3), MỆNH CHUNG GIAI ĐẮC GIẢI THOÁT.

Giải: Mười hai thứ hào quang thù thắng của Phật A-di-đà chiếu khắp mười phương thể giới, chúng sanh nào có duyên thấy được hào quang của Phật đều diệt trừ phiền não, căn lành tăng trưởng, thân ý nhu nhuyễn; khiến cho những chúng sanh đang chịu khổ đau cùng cực ở trong ba đường ác thấy được hào quang thì những khổ đau dừng nghỉ, sau khi chết đều được giải thoát (rời khỏi đường sống chết).

Chú: 1) *Cấu diệt thiện sanh:* Tiêu diệt mọi phiền não tham, sân, si, tăng trưởng căn lành.

2) *Thân ý nhu nhuyễn:* Ba nghiệp Thân, Miệng, Ý nhu hoà.

3) *Hưu tức:* Ở đây chỉ ngưng thọ khổ.

KINH

NHƯỢC HỮU CHÚNG SANH VĂN KỶ QUANG MINH, UY THẦN, CÔNG ĐỨC, NHỰT DẠ XUNG THUYẾT CHÍ TÂM BÁT ĐOẠN, TÙY Ý SỞ NGUYỆN, ĐẮC SANH KỶ QUỐC.

Giải: Những chúng sanh có duyên với Phật, nghe biết tới

hào quang của Đức Phật Vô Lượng Thọ, oai thần, công đức của Ngài có thể lấy tâm chí thành không gián đoạn, đêm ngày tán thán ca ngợi thì sẽ được sự gia trì của oai thần Đức Phật A-di-đà, được vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

*

PHẨM THỨ MƯỜI BA
THỌ CHỨNG (1) VÔ LƯỢNG

Giải: Phẩm Kinh này vì chúng ta mà thuyết minh về thọ mạng vô lượng của Đức Phật A-di-đà, nhân số vô lượng của thế giới Cực Lạc, kể được vãng sanh về thế giới Cực Lạc, thọ mạng của họ bằng với thọ mạng của Phật A-di-đà, đều thọ mạng vô lượng.

Chú: 1) Thọ chúng: Chỉ mạng sống của mỗi người.

KINH

PHẬT NGŨ A NAN, VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT, THỌ MẠNG TRƯỜNG CỨU, BẤT KHẢ XUNG KẾ (1).

Giải: Đức Phật nói với A-nan: mạng sống lâu dài của Đức Phật A-di-đà không thể tính toán, không thể nói năng.

Chú: 1) Xung kế: Tính toán.

KINH

HỤU HỮU VÔ SỐ THANH VĂN CHI CHÚNG, THẦN CHÍ ĐỘNG ĐẠT (1), UY LỰC TỰ TẠI (2) NĂNG Ứ CHƯỚNG TRUNG TRÌ NHẤT THIẾT THẾ GIỚI.

Giải: Có vô số đại chúng Thanh văn ở cõi nước Cực Lạc, trí tuệ của chư vị đều thấu triệt thông đạt, oai lực tự tại không chướng ngại. Tại đây, đưa ra trường hợp trong bàn tay của chư vị có khả năng nắm hết tất cả thế giới.

Chú: 1) *Thần trí động đạt: thần thông, trí tuệ thấu triệt, thông đạt.*

2) *Uy lực tự tại: Sức mạnh của oai đức thần thông tự tại không chướng ngại.*

KINH

NGÃ ĐỆ TỬ TRUNG, ĐẠI MỤC KIỀN LIÊN, THẦN THÔNG ĐỆ NHẤT, TAM THIÊN ĐẠI THIÊN THẾ GIỚI, SỞ HỮU NHẤT THIẾT TINH TÚ CHÚNG SANH (1) , Ư NHẤT TRÚ DẠ, TẮT TRI KỲ SỐ.

Giải: Đức Phật nói, trong số đệ tử của Ta, Đại Mục-kiền-liên là đệ nhất thần thông, có bao nhiêu tinh cầu trong ba ngàn đại thiên thế giới, có bao nhiêu chúng sanh ở trong các tinh cầu, chỉ trong vòng một ngày đêm có thể đếm được hết, biết rõ số lượng chúng sanh ở trong các tinh cầu ấy

Chú: 1) *Tinh tú chúng sanh: Tú là tập hợp thể của tinh cầu. Tinh tú chúng sanh chính là chúng sanh ở trong mỗi tinh cầu.*

KINH

GIẢ SỬ THẬP PHƯƠNG CHÚNG SANH, TẮC THÀNH DUYÊN GIÁC, NHẤT NHẤT DUYÊN GIÁC THỌ VẠN ÚC TUẾ, THẦN THÔNG GIẢI NHƯ ĐẠI MỤC KIỀN LIÊN, TẬN KỲ THỌ MẠNG, KIỆT KỲ TRÍ LỰC, TẮT CỘNG THÔI TOÁN, BỈ PHẬT HỘI TRUNG, THANH VĂN CHI SỐ, THIÊN VẠN PHẦN TRUNG BÁT CẬP NHẤT PHẦN.

Giải: Giả sử chúng sanh mười phương đều thành Duyên giác, mạng sống của mỗi vị Duyên giác là vạn ức tuổi, thần thông cũng giống như Mục-kiền-liên, trong số thời gian dài như vậy, chư vị đem hết trí lực cùng đếm số lượng Thanh văn của thế giới Cực Lạc thì số lượng mà chư vị đếm được cũng chỉ một phần của ngàn vạn phần nhân số của thế giới Cực Lạc

KINH

THÍ NHƯ ĐẠI HẢI THÂM QUẢNG VÔ BIÊN, THIẾT THỦ NHẤT MAO, TRIẾT VI BÁCH PHẦN, TOÁI NHƯ VI TRẦN, DĨ NHẤT MAO TRẦN, TRIÊM HẢI NHẤT TRÍCH, THỦ MAO TRẦN THỦY, TỶ HẢI THỰC ĐA ? A NAN, BỈ MỤC KIỀN LIÊN ĐẲNG SỞ TRI SỐ GIẢ, NHƯ MAO TRẦN THỦY, SỞ VỊ TRI GIẢ, NHƯ ĐẠI HẢI THỦY.

Giải: Thí như biển lớn vô lượng vô biên, giả thiết nhỏ một sợi lông chia thành 100 phần thì đơn vị nhỏ của nó chẳng khác chi một vi trần; rồi đem chút lông ấy nhúng vào một giọt nước của biển lớn. Đem giọt nước ấy so với nước của biển lớn thì nước bên nào nhiều hơn ? Đức Phật nói với A-nan rằng, trước kia Mục-kiền-liên cùng vô số Duyên giác cùng đếm được vô số Thanh văn cũng như giọt nước ở trên đầu sợi lông, còn cái số lượng chưa biết cũng như nước biển trong biển lớn.

KINH

BỈ PHẬT THỌ LƯỢNG, CẬP CHỮ BỒ TÁT, THANH VĂN,

**THIÊN NHƠN, THỌ LƯỢNG DIỆC NHĨ, PHI DĨ TOÁN KẾ THÍ
DỰ CHI SỞ NĂNG TRI.**

Giải: Mạng sống vô lượng của Đức Phật A-di-đà cho đến tất cả Bồ-tát, Thanh văn, trời, người, mạng sống của chư vị cũng vô lượng như Đức Phật, số lượng ấy không thể nào đếm được, không thể thí dụ mà biết được.

*

PHẨM THỨ MƯỜI BỐN BẢO THỤ BIẾN QUỐC

Giải: Phẩm Kinh này giới thiệu cây báu của thế giới Cực Lạc, tất cả cây cối ấy đều do trân báu tự nhiên hòa hợp mà thành, vả lại cây báu đầy khắp thế giới Cực Lạc.

KINH

BỈ NHƯ LAI QUỐC ĐA CHỮ BẢO THỤ, HOẶC THUẦN KIM THỤ, THUẦN BẠCH NGÂN THỤ, LƯU LY THỤ, THỦY XƯƠNG THỤ, HỔ PHÁCH THỤ, MỸ NGỌC THỤ, MÃ NÃO THỤ, DUY NHẤT BẢO THÀNH, BÁT TẠP DƯ BẢO.

Giải: Vô số cây báu của thế giới Cực Lạc có loại thuần vàng, có loại thuần bạc, có loại thuần lưu ly, thuần hổ phách, thuần ngọc đẹp, thuần mã não... các loại cây đều thuần vật báu mà thành, không hề pha tạp các thứ trân báu khác.

KINH

HOẶC HỮU NHỊ BẢO, TAM BẢO, NÃI CHÍ THẮT BẢO, CHUYỀN CỘNG HỢP THÀNH, CĂN KINH CHI CÁN, THỦ BẢO SỞ THÀNH, HOA DIỆP QUẢ THẮT THA BẢO HÓA TÁC; HOẶC HỮU BẢO THỤ, HOÀNG KIM VI CĂN, BẠCH NGÂN VI THÂN, LƯU LY VI CHI, THỦY XƯƠNG VI SAO, HỔ PHÁCH VI DIỆP, MỸ NGỌC VI HOA, MÃ NÃO VI QUẢ; KỲ DƯ CHỮ THỤ, PHỤC HỮU THẮT BẢO, HỔ VI CĂN CÁN CHI DIỆP HOA QUẢ, CHỨNG CHỨNG CỘNG THÀNH

Giải: Cây báu đẹp đẽ của thế giới Cực Lạc không thể

nào hình dung được, có loại gồm hai thứ báu, có loại gồm ba thứ báu cho đến bảy báu chen đan nhau mà hợp thành. Gốc, rễ, thân, cành là một thứ báu; hoa, lá, quả thì do các thứ thân quý khác làm thành. Ví dụ có loại cây báu gốc bằng vàng, thân cây bằng bạc, cành cây lưu ly, ngọn cây bằng thủy tinh, lá bằng hổ phách, hoa bằng mỹ ngọc, trái bằng mã não. Kỳ dư các cây báu khác đều là bảy báu chen đan nhau làm gốc, thân, cành, lá, hoa, quả hình thành ra nhiều loại cây báu.

KINH

CÁC TỰ DỊ HÀNG, HÀNG HÀNG TƯƠNG TRỊ, KINH KINH TƯƠNG VỌNG, CHI DIỆP TƯƠNG HƯỚNG, HOA THẬT TƯƠNG ĐƯƠNG, VINH SẮC QUANG DIỆU, BÁT KHẢ THẮNG THỊ.

Giải: Cây báu của thế giới Cực Lạc chẳng những do bảy báu hợp thành mà còn chia thành từng hàng, từng loại tề chỉnh, hàng này cách hàng kia như nhau, chẳng những hàng này đối diện hàng kia mà còn cành này với cành khác đều đối xứng, hoa lá đều đối xứng cùng hướng, còn quả thì có quy luật của nó, trái này trái kia tương đương nhau, màu sắc tươi tốt chói ngời khiến cho khi nhìn thấy, không tài nào thấy hết cái vẻ đẹp của chúng.

KINH

THANH PHONG THỜI PHÁT, XUẤT NGŨ ÂM THANH (1) VI DIỆU CUNG THƯƠNG, TỰ NHIÊN TƯƠNG HÒA THỊ CHỦ BẢO THỤ, CHU BIẾN KỶ QUỐC.

Giải: Khi có cơn gió nhẹ, cành lá của cây bấu rung theo chiều gió, chạm vào nhau phát ra âm thanh vi diệu, năm thứ âm thanh nghe vui tai. Cây bấu như thế có cùng khắp cả thế giới Cực Lạc.

Chú: 1) Ngũ âm thanh: Ngũ âm tức là Cung - Thương - Giác - Chủy - Vũ . Đó là 5 loại âm thanh của âm nhạc thời xưa cũng chính là 7 âm của âm nhạc hiện đại.

*

PHẨM THỨ MƯỜI LĂM
BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG (1)

Giải: Phẩm này giới thiệu cây Bồ-đề bên cạnh giảng đường của Đức Phật Di-đà.

Chú: 1) Bồ-đề đạo tràng: Chỉ cây Bồ-đề và giảng đường.

KINH

**HỮU KỲ ĐẠO TRÀNG, HỮU BỒ ĐỀ THỤ, CAO TỬ BÁCH VẠN
LÝ KỲ BỐN (1) CHU VI NGŨ THIÊN DO TUẦN, CHI DIỆP TỬ
BỐ NHỊ THẬP VẠN LÝ.**

Giải: Lại nữa, ở thế giới Cực Lạc, giảng đường của Đức Phật A-di-đà có cây Bồ-đề quý báu cao đến 400 vạn dặm, thân cây to lớn chu vi một vòng đến 5000 do tuần, cành lá bốn bề đạt đến phạm vi 20 vạn dặm .

Chú: 1) Kỳ bốn: chỉ cái gốc của cây.

KINH

**NHẤT THIẾT CHÚNG BẢO TỰ NHIÊN HỢP THÀNH, HOA QUẢ
PHÔ VINH (1), QUANG HUY BIẾN CHIẾU, PHỤC HỮU HỒNG,
LỤC, THANH, BẠCH, CHỦ MA NI BẢO (2) CHÚNG BẢO CHI
VƯƠNG, DĨ VI ANH LẠC (3). VÂN TRỤ BẢO SÀO (4), SỨC CHỦ
BẢO TRỤ (5), KIM CHÂU LINH LẠC (6) CHU TẬP ĐIỀU GIAN
(7), TRẦN DIỆU BẢO VĨNG, LA PHÚC (8) KỲ THƯỢNG. BÁCH
THIÊN VẠN SẮC, HỒ TƯƠNG ÁNH SỨC (9), VÔ LƯỢNG
QUANG VIÊM (10) CHIẾU DIỆU VÔ CỰC (11) NHẤT THIẾT
TRANG NGHIÊM TÙY ỨNG NHI HIỆN.**

Giải: Cây Bồ-đề là do tất cả vật báu tự nhiên hợp lại mà thành, hoa quả rất sum sê tươi tốt, tỏa ra ánh sáng chiếu khắp mọi nơi, lại còn có cả ngọc ma-ni màu hồng, xanh, lục, trắng. Ngọc ma ni là vua của các loại trân báu, lấy nó mà làm anh lạc, do kết tụ nhiều trân báu để làm trang sức cho trụ quý ở cạnh cây Bồ-đề vàng ngọc, linh được treo khắp các cành cây như cái võng báu che kín cây Bồ-đề. Do nhiều thứ trân báu hợp thành nên chúng tỏa ra ánh sáng lấp lánh chiếu xa không hạn lượng. Tất cả tướng trang nghiêm tùy vào tâm niệm của chúng sanh mà hiển hiện.

Chú: 1) Phô vinh: Phô là khai phóng, vinh là sum sê.

2) Ma-ni bảo: Tiếng Ấn Độ, Trung Hoa dịch là Như ý.

3) Anh lạc: Dùng ngọc quý làm thành vật trang sức.

4) Vân trụ bảo sào: Vân trụ bảo là tên gọi một thứ trân báu.

5) Bảo trụ: Thân chính của cây.

6) Kim châu linh lạc: Linh là cái linh; lạc là bộ phận ở trong cái linh, khi lắc phát ra tiếng.

7) Chu tạp điều gian: Treo khắp các cành Bồ-đề.

8) La phúc: La liệt, che kín.

9) Hồ tương ánh sức: Giao thoa lấp lánh.

10) Quang viêm: Sáng ngời.

11) Vô cực: Không giới hạn.

KINH

**VI PHONG ĐIỀU ĐỘNG (1), XUY CHỮ CHI DIỆP, DIỄN XUẤT
VÔ LƯỢNG DIỆU PHÁP ÂM THANH, KỶ THANH LƯU BỐ,
BIẾN CHỮ PHẬT QUỐC THANH SƯƠNG AI LƯỢNG (2) VI DIỆU
HÒA NHÃ (3) THẬP PHƯƠNG THẾ GIỚI ÂM THANH CHI
TRUNG, TỐI VI ĐỆ NHẤT.**

Giải: Gió nhẹ từ từ lay động, hoa lá rung rinh phát ra vô lượng âm thanh diệu pháp truyền khắp mười phương cõi nước Phật; người nghe thích thú thanh tịnh, liền sanh cái tâm từ bi và trí tuệ, âm thanh ấy vô cùng thanh nhã vi diệu, tất cả âm thanh trong mười phương thế giới đều không thể nào sánh kịp.

Chú: 1) Điều động; Thôi nhẹ nhẹ.

2) Thanh sương ai lượng; Thanh sương là trong lành dễ chịu; Ai lượng đây là nói đến việc kể nào nghe được âm thanh ấy thì sẽ phát tâm đại bi, trí tuệ khai mở.

3) Hòa nhã: Yên ổn, hòa nhã ...

KINH

**NHƯỢC HỮU CHÚNG SANH ĐỒ BỒ ĐỀ THỤ VĂN THANH,
KHỨU HƯƠNG, THƯỜNG KỶ QUẢ VI, XÚC KỶ QUANG ẢNH,
NIỆM THỤ CÔNG ĐỨC GIAI ĐẮC LỤC CĂN THANH TRIỆT
(1), VÔ CHỮ NÃO HOẠN, TRỤ BÁT THỐI CHUYỂN CHÍ THÀNH
PHẬT ĐẠO.**

Giải: Nếu có chúng sanh nào nhìn thấy cây Bồ-đề hoặc

nghe được điệu âm tuyên diễn của cây bấu ấy, ngửi được mùi thơm từ cây Bò-đề toả ra, hay nếm được mùi vị của trái Bò-đề, hoặc thân thể xúc chạm được ánh sáng lấp lánh của nó, cho đến việc ước niệm đến công đức của cây bấu đều đạt được sáu căn thanh tịnh, mãi mãi đoạn trừ sâu, bi, khổ, ưu, não vì thế trong tu hành được an trú chỗ không thối chuyển, cho đến thành Phật.

Chú: 1) *Thanh triệt: Thanh tịnh, hiểu thấu suốt.*

KINH

**PHỤC DO KIẾN BỈ THỤ CỐ, HOẠCH TAM CHỦNG NHÃN:
NHẤT ÂM HƯƠNG NHÃN (1), NHỊ NHU NHUYỄN NHÃN (2),
TAM GIÁ VÔ SANH PHÁP NHÃN (3).**

Giải: Lại nữa nhờ duyên lành nên thấy được cây Bò-đề liền ngay lập tức chứng đắc ba cảnh giới từ sơ địa đến bát địa mà chư Bồ-tát đã chứng, từ trong âm hưởng (địa thứ 1, 2, 3) nhu thuận (địa thứ 4, 5, 6), vô sanh pháp (địa thứ 7, 8, 9) mà chứng đắc chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

Chú: 1) *Âm hưởng nhãn: Tin cái lý khó tin mà không mê hoặc. Nghe pháp ngộ đạo, biết tất cả pháp đều không thật, như tiếng vọng lại trong hang trống gọi là âm hưởng nhãn.*

2) *Nhu nhuyễn nhãn: Trước hoàn cảnh thuận không khởi tâm hoan hỷ, trước nghịch cảnh không khởi tâm*

sân nhuê; từ trong cảnh thuận nghịch mà chúng đắc cái chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

3) Vô sinh pháp nhẫn: Lấy trí tuệ chân thật mà an trú trong sự thật chân tướng chẳng sanh, chẳng diệt. Ba loại nhẫn này đều là cảnh giới của chư Bồ-tát chúng đắc.

KINH

PHẬT CÁO A NAN: NHƯ THỊ PHẬT SÁT, HOA QUẢ THỤ MỘC, DỮ CHƯ CHÚNG SANH NHI TÁC PHẬT SỰ (1). THỬ GIAI VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT, UY ĐỨC LỰC (2) CỐ, BỒN NGUYỆN LỰC (3) CỐ, MÃN TỨC NGUYÊN (4) CỐ, MINH LIỄU NGUYỆN KIÊN CỐ, CỨU CÁNH NGUYỆN (5) CỐ.

Giải: Đức Phật nói cho A-nan biết: thế giới Cực Lạc hy hữu không thể nghĩ bàn như vậy, cây báu hoa quả đều làm Phật sự khiến cho người thấy, nghe đều phá mê khai ngộ; tất cả những điều đó đều là oai thần lực, bốn nguyện lực, mãn túc lực, minh liễu nguyện, kiên cố nguyện của Đức Phật Vô Lượng Thọ mà thành tựu.

Chú: 1) Phật sự: Sự nghiệp giác ngộ, chỉ việc giảng Kinh nói pháp.

2) Uy thần lực: Chỉ sức mạnh quả đức oai thần của Phật Di-đà.

3) Bốn nguyện lực: Chỉ sức mạnh của 48 nguyện của Đức Phật Di-đà.

4) *Mãn túc nguyện*: Là thực hiện tròn đầy 48 nguyện.

5) *Minh liễu nguyện*: Là trí tuệ, chỉ nguyện của Đức Phật Di-đà đều do trí tuệ mà thành.

- *Kiên cố nguyện*: Nguyện lực kiên cố của Phật Di-đà vĩnh viễn không thôi chuyển.

- *Cứu cánh nguyện*: Là nguyện lớn giúp cho chúng sanh trong cõi nước một kiếp bình đẳng thành Phật.

*

PHẨM THỨ MƯỜI SÁU ĐƯỜNG XÁ LÂU QUÁN

Giải: Phẩm này giới thiệu về giảng đường, nhà ở, lầu gác của thế giới Tây phương Cực Lạc; hoàn cảnh chỗ ở của Đức Phật Di-đà và chư Bồ-tát.

KINH

HỤU VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT GIẢNG ĐƯỜNG (1), TỊNH XÁ (2), LÂU QUÁN, LAN THUẬN (3), DIỆC GIAI THẮT BẢO TỰ NHIÊN HOÁ THÀNH, PHỤC HỮU BẠCH CHÂU MA NI DĨ VI GIAO LẠC (4) MINH DIỆU VÔ TỶ, CHƯ BỒ TÁT CHÚNG, SỞ CƯ CUNG ĐIỆN, DIỆC PHỤC NHƯ THỊ.

Giải: Đức Phật lại cho A-nan biết: tịnh xá, giảng đường của Phật Vô Lượng Thọ nói pháp cho đến cung điện lan can cũng đều do bảy báu tự nhiên hoá thành. Lại nữa có cả ngọc trắng ma-ni làm thành anh lạc treo chen đan nhau như mặt võng óng ánh, phản chiếu vào nhau tạo ra ánh sáng không thể so kịp. Cung điện của chư Bồ-tát ở cũng giống như nơi Phật ở, biểu thị cái tính bình đẳng của pháp giới Tây phương Cực Lạc. Đây là đoạn văn trình bày về sự trang nghiêm nơi ở Đức Phật và chư Bồ-tát.

Chú: 1) *Giảng đường:* Nơi giảng Kinh nói pháp.

2) *Tịnh xá:* Chỉ nơi ở của người tinh tấn tu hành.

3) *Lâu quán lan thuận:* Lâu là lâu đài; Quán là cái

nhà trên đài; Lan thuần là lan can, thẳng đứng gọi là lan, ngang gọi là thuần.

4) *Giao lạc: Chằng chịt như lưới.*

KINH

TRUNG HỮU TẠI ĐỊA GIẢNG KINH, TỤNG KINH GIẢ; HỮU TẠI ĐỊA THỌ KINH (1), THỈNH KINH GIẢ; HỮU TẠI ĐỊA KINH HÀNH (2) GIẢ; TƯ ĐẠO (3) CẬP TỌA THIÊN (4) GIẢ; HỮU TẠI HƯ KHÔNG GIẢNG TỤNG THỌ THỈNH GIẢ, KINH HÀNH, TƯ ĐẠO CẬP TỌA THIÊN GIẢ.

Giải: Đại chúng ở thế giới Cực Lạc thường dụng công tu hành, ở tầng trệt có chỗ giảng Kinh, tụng Kinh; có chỗ kinh hành, tư duy, ngòi thiên; cũng có tuyển chọn giữa hư không mà giảng, tụng Kinh, thọ Kinh, kinh hành, tư duy, tọa thiên. Đó là thuyết minh ở thế giới Cực Lạc bất cứ là pháp môn nào cũng không hề chướng ngại.

Chú: 1) *Thọ Kinh: Tiếp nhận lý luận và giáo huấn của Kinh điển lại thường thực hành.*

2) *Kinh hành: Vừa niệm Phật vừa tản bộ.*

3) *Tư đạo: Suy nghĩ nghĩa lý trong Kinh.*

4) *Tọa thiên: Tĩnh tọa tu thiên định, đưa cái tâm an trú vào một chỗ, xa rời tán loạn để tâm được thanh tịnh.*

KINH

HOẶC ĐẮC TU ĐÀ HOÀN (1) HOẶC ĐẮC TƯ ĐÀ HÀM (2) HOẶC ĐẮC A NAN HÀM (3), A LA HÁN (4) VỊ ĐẮC A DUY VIỆT CHÍ

GIẢ, ẤT ĐẮC A DUY VIỆT CHÍ, CÁC TỰ NIỆM ĐẠO (5), THUYẾT ĐẠO (6), HÀNH ĐẠO (7) MẠC BẮT HOAN HỖ.

Giải: Đoạn trước nói về trạng huống tu hành, đoạn này nói về quả vị tu hành chứng đạt, có vị thì chứng đạt Tu-đà-hoàn, có vị chứng đạt Tư-đà-hàm, có vị chứng quả A-na-hàm, A-la-hán. Còn chưa chứng đạt A-duy-việt-chí thì chứng đạt A-duy-việt-chí (vị, hành, niệm ba loại không thối chuyển). Số Thánh chúng ấy mỗi vị tự niệm Phật, thuyết giảng tùy ý tự tại, không ai không hoan hỷ.

Chú: 1) Tu đà-hoàn: Tiếng Ấn Độ dịch là Dự lưu là từ phạm vừa nhập vào dòng Thánh, đã đoạn trừ hết bảy kiến giải sai lầm ở ba cõi, là sơ quả La-hán.

2) Tư-đà-hàm: Dịch là Nhất lai, nhị quả La-hán, tu hành chứng đến quả vị này vẫn muốn trở lại sống chết một kiếp nữa nên gọi là quả Nhất lai.

3) A na hàm: Dịch là Bất lai, sau khi đoạn trừ ba phẩm tư hoặc ở Dục giới, không còn trở lại chịu sống chết, đó là tam quả La-hán cũng gọi là quả Bất lai.

4) A-la-hán: Là quả vị cao nhất trong hàng Tiểu thừa, cũng gọi là tứ quả, A-la-hán có 3 nghĩa:

a) Sát tặc: Đoạn trừ tất cả kiến hoặc, tư hoặc phiền não ở 3 cõi; tặc là thí dụ phiền não.

b) Ứng cúng: Đáng được thọ nhận cúng dường của trời, người.

c) Vô sanh: Trong một kiếp giải thoát sống chết, không còn trở lại luân hồi.

5) Niệm đạo: Ở Kinh này chỉ niệm danh hiệu Di-đà.

6) Thuyết đạo: Giảng Kinh nói pháp, xưng dương công đức trang nghiêm của Đức Phật Di-đà.

7) Hành đạo: Thực hành việc giảng Kinh nói pháp.

*

PHẨM THỨ MƯỜI BẢY TUYÊN TRÌ CÔNG ĐỨC

Giải: Phẩm này giới thiệu công đức thù thắng của khe, hồ ở thế giới Cực Lạc.

KINH

HỤY KỶ GIẢNG ĐƯỜNG TẢ HỮU, TUYÊN TRÌ (10) GIAO LƯU.

Giải: Lại nữa, hai bên giảng đường của Phật A-di-đà có khe hồ bao bọc thông lưu các hướng, đó là nói đến tổng tướng công đức của hồ báu.

Chú: 1) *Tuyên trì: Chỉ hồ bảy báu.*

KINH

TUNG HOÀNH THÂM THIÊN, GIAI CÁC NHỨT ĐẰNG (1), HOẶC THẬP DO TUẦN, NHỊ THẬP DO TUẦN, NÃI CHÍ BÁCH THIÊN DO TUẦN. KHAM NHIÊN HƯƠNG KHIẾT (2) CỤ BÁT CÔNG ĐỨC (3).

Giải: Hồ dài rộng, sâu cạn, mỗi loại phối hợp hài hoà; sự lớn nhỏ của khe hồ, có cái thì 10 do tuần, có cái thì 20 do tuần cho đến 100 ngàn do tuần, nước ở hồ xanh trong, phảng phất mùi thơm vừa trong lành ngọt ngào để nuôi dưỡng 8 thứ công đức căn lành.

Chú: 1) *Tung hoành, thâm thiên, giai các nhất đặng: Tung ở đây chỉ chiều dài. Hoành là chiều rộng. Đây là nói đến chiều dài, chiều sâu, rộng, cạn của khe hồ đều*

tùy theo tâm ý của mỗi người.

2) *Kham nhiên hương khiết: Kham là trong. Khiết là sạch. Nước của hồ báu trong thơm và sạch.*

3) *Cụ bát công đức: Nước trong hồ có đủ 8 loại công đức thù thắng.*

KINH

NGẠN BIÊN VÔ SỐ CHIÊN ĐÀN HƯƠNG THỤ, CÁT TƯỜNG QUẢ THỤ (1) HOA QUẢ HẰNG PHƯƠNG QUANG MINH CHIẾU DIỆU, TU ĐIỀU (2) MẬT DIỆP GIAO PHÚC (2) Ứ TRÌ, XÚC CHỨNG CHỨNG HƯƠNG, THẾ VÔ NĂNG DỤ, TÙY PHONG TẢN PHÚC (4) DUYÊN THỦY LƯU PHÂN.

Giải: Trên bờ hồ có vô số cây chiên đàn và cây cát tường, hoa trái thường tỏa mùi thơm và lấp lánh ánh sáng, cành lá sum sê che kín cả mặt hồ báu; chúng tỏa ngát hương thơm. Đó là diệp hương, bất cứ mùi hương nào của thế gian cũng đều không sánh kịp, mùi hương ấy bay theo chiều gió tỏa ngát khắp nơi.

Chú: 1) Cát tường quả thụ: Loại trái cây ở Ấn Độ, hình dáng như trái dưa, màu vàng, tương tự như trái thạch lựu của Trung Quốc.

2) *Tu điều: Cành dài nhỏ.*

3) *Giao phúc: Chen đan nhau rũ xuống.*

4) *Phúc: Hương thơm ngào ngạt.*

KINH

HỤ PHÚC TRÌ SỨC THẮT BẢO, ĐỊA (1) BỐ KIM SA, ƯU BÁT

LA HOA, BÁT ĐÀM MA HOA, CÂU MÂU ĐÀU HOA, PHÂN ĐÀ LỢI HOA (2) TẠP SẮC QUANG MẬU, NHĨ PHỤC (3) THỦY THƯỢNG.

Giải: Các hồ ấy đều trang sức bằng bảy báu, đáy hồ bằng cát vàng, trên mặt hồ thì có vô lượng hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng lấp lánh màu sắc chen đan nhau che kín cả mặt hồ.

Chú: 1) *Địa:* Ở đây chỉ đáy hồ.

2) *Ưu-bát-la hoa:* Tiếng Ấn Độ, Hoa sen màu xanh.

- *Bát-đàm-ma hoa:* Hoa sen màu hồng.

- *Câu-mâu-đâu hoa:* Hoa sen màu vàng.

- *Phân-đà-lợi hoa:* Hoa sen màu trắng.

Đoạn Kinh văn này nói đến bốn màu hoa sen giao tạp nhau thành ra vô số màu sắc.

3) *Nhĩ phục:* Che kín.

KINH

NHƯỢC BỈ CHÚNG SANH, QUÁ DỤC (1) THỬ THỦY, DỤC TRÍ TỨC GIẢ, DỤC TRÍ ĐẰNG GIẢ, DỤC TRÍ YẾU DỊCH (2), DỤC TRÍ KINH GIẢ, HOẶC DỤC QUÁN THÂN, HOẶC DỤC LẢNH GIẢ, ÔN GIẢ, CẤP LƯU GIẢ, HOẢN LƯU GIẢ, KỶ THỦY NHỨT NHỨT TÙY CHÚNG SANH Ý, KHAI THẦN DUYỆT THỂ (3), TỊNH NHƯỢC VÔ HÌNH, BẢO SA ÁNH TRIỆT, VÔ THÂM BÁT CHIẾU.

Giải: Nếu như chúng sanh của thế giới Cực Lạc tất gọi

trong hồ bầu muốn nước đến phủ bàn chân, đầu gối, đến lưng, bụng, cổ hoặc muốn lạnh hơn hay ấm hơn, muốn dòng nước chảy mạnh hay yếu thì nước trong hồ bầu liền tùy theo ý muốn. Nước ấy lại còn thù thắng hơn là khiến cho lòng người sáng khoái, trí lực tăng trưởng, thân thể thoải mái, nhẹ nhàng. Nước hồ trong xanh, sạch sẽ, như hư không, không có hình trạng; nước trong thấy rõ đáy hồ toàn là cát bằng vàng ròng lấp lánh, bất luận là sâu đến độ nào đi nữa cũng đều chiếu thấu.

Chú: 1) *Dục: Tắm gội*

2) *Dịch: Háng.*

3) *Khai thân duyệt thể: Tinh thần nhẹ nhàng, sáng khoái.*

KINH

VI LAN TỬ HỒI (1), CHUYỂN TƯƠNG QUÁN CHÚ (2) . BA DƯƠNG VÔ LƯỢNG VI DIỆU ÂM THANH. HOẶC VĂN PHẬT PHÁP TĂNG (3) THANH, BA LA MẬT THANH (4), CHỈ TỨC TỊCH TỈNH THANH (5), VÔ SANH VÔ DIỆT THANH (6), THẬP LỰC VÔ ÚY THANH (7), HOẶC VĂN VÔ TÍNH VÔ TÁC VÔ NGÃ (8) THANH, ĐẠI TỬ ĐẠI BI HỖ XÃ THANH (9), CAM LỒ QUÁN ĐÁNH THỌ VỊ THANH (10).

Giải: Sóng nước lăn tăn vỗ nhẹ vào mạn hồ, sóng ấy tuyên dương vô lượng âm thanh vi diệu, diễn rộng pháp âm, khiến cho người nghe được tự thân muốn nghe pháp âm. Lại còn nghe được âm thanh của Tam bảo Phật Pháp

Tăng, âm thanh Ba-la-mật, âm thanh chỉ tức tịch tĩnh, âm thanh Niết-bàn vô sanh vô diệt, âm thanh 10 lực vô úy hoặc là nghe pháp âm vô tính, vô tác, vô ngã, âm thanh của đại từ bi hỷ xả, hoặc là nghe âm thanh mật pháp cam lồ quán đánh. Nói tóm lại, nghe tiếng nước chảy ở trong hồ báu ở thế giới Cực Lạc, bạn muốn nghe pháp nào liền được nghe pháp ấy, cũng là nói vô lượng pháp môn quyền thật lớn nhỏ đều nghe đến. Cái đức dụng của nước hồ bảy báu xin giới thiệu từng đó, dưới đây là những lợi ích khi tiếng sóng nói pháp.

Chú: 1) *Vi lan từ hồi*: Vi lan là chỉ làn sóng lăn tăn. Từ hồi là di chuyển từ từ.

2) *Chuyển tương quán chú*: Chỉ sóng nước chậm chậm qua lại. Sóng vỗ cao lên xuống..

3) *Phật Pháp Tăng*: Đại biểu giác, chánh tịnh, là cương lĩnh tu học chủ yếu, chúng sanh ở thế giới Cực Lạc cũng dựa vào nguyên tắc đó mà tu hành.

4) *Ba-la-mật thanh*: Ba-la-mật có nghĩa là rốt ráo tròn đầy, ở đây chỉ sáu nguyên tắc tu học của Bồ-tát; đây là nói ở thế giới Cực Lạc thường được nghe pháp âm của Bồ-tát Đại thừa.

5) *Chỉ tức tịch tĩnh thanh*: Chỉ là dừng. Tức là diệt các vọng tưởng. Tịch tĩnh là bên trong không động tâm, ngoài không dính cảnh tưởng, đó là công phu tu hành của hết thầy pháp môn của Phật giáo.

6) Vô sanh vô diệt thanh: Pháp âm Niết-bàn chân lý của bất sanh bất diệt.

7) Thập lục vô ý thanh: Đó là cảnh giới chứng đắc của Phật, sóng nước trong hồ báu ở thế giới Cực Lạc đều phát ra âm thanh đại pháp thù thắng như thế.

Thập lục là 10 loại năng lực đặc thù:

1. Thị xứ phi xứ trí lực.
2. Trí lực biết ba đời nghiệp báo.
3. Trí lực biết các thiên giải thoát.
4. Trí lực biết thắng, liệt của các căn.
5. Trí lực biết vô số loại giải.
6. Trí lực biết vô số loại cảnh giới.
7. Trí lực biết nhất thiết xứ đạo.
8. Trí lực biết thiên nhãn vô ngại.
9. Trí lực biết túc mệnh vô lậu.
10. Trí lực biết vĩnh viễn loạn tập khí.

Vô úy: Còn gọi là vô sở úy. Đây là nói Đức Phật nói pháp cho hết thảy đại chúng đều vô ngại, tự tại cái đức năng không sợ hãi bất cứ hội chúng nào, gồm có 4 loại:

1. Nhứt thiết trí vô sở úy.
2. Lậu tận vô sở úy.
3. Thuyết chương đạo vô sở úy.
4. Thuyết tận khổ đạo vô sở úy.

8) Vô tính, vô tác, vô ngã: Vô tính, tính là thể tính, tất cả pháp đều không có thực thể nên nói là không tính.

Vô tác, còn gọi là vô vi, chính là rời xa các tạo tác hữu vi.

Vô ngã, ngã có nghĩa là chủ thể, vô ngã là hết thảy pháp đều tùy nhân duyên mà thay đổi không phải là do tự thân làm chủ mà được. Thân thể hiện tiền của chúng ta là do ngũ uẩn giả hợp, không có ngã thể thường hằng, do nhân duyên mà sanh, do nhân duyên mà diệt, bị nghiệp lực chi phối vì thế nên nói là ngã.

9) Đại từ đại bi hỷ xả thanh: Từ bi hỷ xả là 4 môn vô lượng:

1. Từ: Cùng vui với chúng sanh.

2. Bi: Độ khổ cho chúng sanh.

3. Hỷ: Thấy ly khổ đắc lạc của người khác sanh tâm hoan hỷ.

4. Xả: Nội tâm bình đẳng không chấp trước, xả bỏ tất cả tham, sân, si; xả bỏ hết thảy oan thân ở chúng sanh. Chúng sanh tu tập đắc phước quả vô lượng.

10) Cam lồ quán đánh thọ vị thanh: Đây là biểu pháp. Cam lồ là thuốc bất tử của trời, người sau khi uống thuốc sống lâu không già, khoẻ mạnh. Đó là thí dụ pháp lớn không sanh, không diệt.

Quán đánh thọ vị: Quán có nghĩa là sự gia trì của đại từ bi. Đánh là tối cao vô thượng. Đức Phật lấy cái

tâm đại từ bi đem pháp đánh vô thượng trao truyền cho Bồ-Tát gọi là quán đánh. Bồ-tát tiếp nhận pháp quán đánh truyền vị của Phật gọi là quán đánh thọ vị.

KINH

ĐẮC VĂN NHƯ THỊ CHÚNG CHÚNG THANH DĨ, KỶ TÂM THANH TỊNH, VÔ CHỮ PHÂN BIỆT, CHÁNH TRỰC BÌNH ĐẲNG THÀNH TỰU THẬN CĂN, TUỖ KỶ SỞ VĂN, DỮ PHÁP TƯƠNG ƯNG, KỶ NGUYỆN VĂN GIẢ, CHIẾP (1) ĐỘC VĂN CHI. SỞ BÁT DỤC THANH, LIỄU VÔ SỞ VĂN. VĨNH BÁT THỐI Ư NA NẬU ĐA LA TAM MIỆU TAM BỒ ĐỀ TÂM.

Giải: Chúng sanh ở thế giới Cực Lạc có thể nghe vô số âm thanh diệu pháp từ sóng nước ở trong hồ báu; sau khi nghe thân tâm thanh tịnh, không còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tâm đắc chánh trực bình đẳng, liền thành tựu hết thảy căn lành công đức, tùy vào âm thanh nghe được lập tức tương ứng với căn tính tự thân, khế hợp với pháp lớn Niết-bàn. Và lại muốn nghe pháp môn nào thì liền nghe pháp môn ấy tương ứng với bản thân; nếu không muốn nghe tức thì lắng ngắt, pháp âm thường tùy theo ý muốn, chư Bồ-tát ở Cực Lạc thường tu học Phật đạo mãi mãi không gián đoạn vì thế sanh vào thế giới Cực Lạc thì mãi mãi không thối thất, thành tựu cái tâm Phật đạo vô thượng.

Chú: 1) Chiếp: Là nên thành.

KINH

THẬP PHƯƠNG THẾ GIỚI CHỮ VÃNG SANH GIẢ, GIAI Ư

THẬT BẢO TRÌ LIÊN HOA TRUNG, TỰ NHIÊN HOÁ SANH TẤT
THỌ THANH HƯ CHI THÂN, VÔ CỰC CHI THỂ (1). BẮT VẪN
TAM ĐỒ ÁC NÃO KHỔ NẠN CHI DANH, THƯỢNG VÔ GIẢ
THIỆT HÀ HUỐNG THẬT KHỔ, ĐÀN HỮU TỰ NHIÊN KHOÁI
LẠC CHI ÂM, THỊ CỐ BỊ QUỐC DANH VI CỰC LẠC

Giải: Chúng sanh trong 10 phương thế giới sanh về Cực Lạc đều hoá sanh tự nhiên trong hoa sen ở trong hồ bảy báu, toàn thể đều với cái thân thanh hư, thể chất vô cực từ đây không còn nghe đến tiếng khổ nạn của ba đường ác, giả thiết còn không có hà huống là thật. Ở thế giới Cực Lạc có âm thanh khoái lạc tự nhiên, vì thế cõi ấy gọi là Cực Lạc.

Chú: 1) Thanh hư chi thân, vô cực chi thể: Thanh hư là không cần ăn uống để nuôi cái thân, cái thân ấy tương tự như hư không, nhẹ nhàng không nơi nào không đến, không chướng ngại, vì thế nên gọi là thanh hư. Vô cực là không thọ già chết, thân thể ấy vô cùng hy hữu, cũng chính là vừa thọ cái thân cho đến cuối cùng không bị già chết, là cái thân vô lượng thọ, vì thế nên gọi là thân thể vô cực.

*

PHẨM THỨ MƯỜI TÁM SIÊU THẾ HY HỮU

Giải: Phẩm Kinh này giới thiệu về hoàn cảnh con người và hoàn cảnh cuộc sống của thế giới Cực Lạc đều vượt hơn 10 phương thế giới, vô cùng hiếm có.

KINH

BỈ CỰC LẠC QUỐC, SỞ HỮU CHÚNG SANH DUNG SẮC VI DIỆU, SIÊU THẾ HY HỮU, HÀM ĐỒNG NHỨT LOẠI, VÔ SAI BIỆT TƯỚNG, ĐÀN NHÂN THUẬN DƯ PHƯƠNG (1) TỤC CỐ HỮU THIÊN NHƠN CHI DANH.

Giải: Chúng sanh vãng sanh về thế giới Cực Lạc, dung mạo sắc tướng đều trang nghiêm vi diệu vượt qua chúng sanh trong mười phương thế giới vô cùng hiếm có. Dung mạo người nào cũng giống như Phật A-di-đà không sai biệt. Nhưng tùy thuộc tập tục của các thế giới khác vì thế mà có tên trời người.

Chú: 1) *Dư phương:* Chỉ các thế giới phương khác ngoài thế giới Tây phương Cực Lạc.

KINH

PHẬT CÁO A NAN, THÍ NHƯ THẾ GIAN BÀN KHỔ KHÁT NHƠN, TẠI ĐẾ VƯƠNG BIÊN, DIỆN MẠO HÌNH TRẠNG NINH KHẢ LOẠI HỒ ? ĐẾ VƯƠNG NHƯỢC TỶ CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG TẮC VI BỈ LẬU, DO BỈ KHÁT NHƠN TẠI ĐẾ VƯƠNG BIÊN GIẢ, CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG, UY

TƯỚNG ĐỆ NHẤT, TỶ CHI ĐẠO LỢI THIÊN VƯƠNG, HỤ PHỤC XÚ LIỆT. GIẢ LINH ĐẾ THÍCH (1), TỶ ĐỆ LỤC THIÊN TUY BÁCH THIÊN BỘI, BẮT TƯƠNG LOẠI GIẢ ĐỆ LỤC THIÊN VƯƠNG, NHƯỢC TỶ CỤC LẠC QUỐC TRUNG, BỒ TÁT, THANH VĂN, QUANG NHAN DUNG SẮC, TUY VẠN ÚC BỘI BẮT TƯƠNG CẬP ĐỆ.

Giải: Đức Phật nói cho A-nan biết, thí như người ăn xin bần cùng khốn khổ của thế gian đứng một bên vị đế vương thì diện mạo, hình dáng, khí chất của ông ta có thể so sánh hay không ? Cũng như vậy, nếu đem vị đế vương so sánh với vị Chuyển luân vương thì vị đế vương vẫn xấu xí hơn nhiều. Vị Chuyển luân vương đầy đủ 32 tướng, oai đức, sắc tướng đệ nhất nếu đem so sánh với vị Thiên vương cõi trời Đao-lợi, cõi trời thứ hai của Dục giới thì vị Chuyển luân vương vẫn hiện ra vẻ xấu xí hạ liệt. Giả sử lấy vị Đế thích mà so sánh với cõi trời thứ sáu của Dục giới, vị Tha Hóa Tự Tại thì sự trang nghiêm dầu hơn cả trăm ngàn lần, vẫn không thể so sánh với vị Thiên vương của cõi trời thứ sáu. Nếu như lấy vị Thiên vương của cõi trời thứ sáu mà so sánh với dung mạo của hàng Thanh văn Bồ-tát ở thế giới Cục Lạc, đương nhiên hàng Thanh văn Bồ-tát hơn cả vạn ức lần và không thể so sánh.

Chú: 1) *Đế thích: Thiên chủ cõi trời Đao-lợi.*

KINH

SỞ XỨ CUNG ĐIỆN, Y PHỤC, ẨM THỰC DO NHƯ THA HÓA

TỰ TẠI THIÊN VƯƠNG, TRÍ Ứ UY ĐỨC, GIAI VỊ (1), THẦN THÔNG BIẾN HÓA, NHẤT THIẾT THIÊN NHƠN BẤT KHẢ VI TỶ, BÁCH THIÊN VẠN ỨC BẤT KHẢ KẾ BỘI.

Giải: Nơi ở, cung điện, y phục, ăn uống của chúng sanh ở Cực Lạc cũng hưởng thọ như Tha Hóa Tự Tại thiên vương, tùy theo ý muốn vừa khởi niệm là hiện ra ngay, tất cả đều tự nhiên hiện thành, tất cả những thứ đó đều do bốn nguyện, thần thông biến hóa để cúng dường của Đức Phật A-di-đà; cho đến oai đức, phẩm vị, thần thông biến hóa của chư vị thì thiên nhơn trong tất cả thế giới mười phương đều không thể so sánh, không chỉ vượt qua trăm ngàn vạn lần hơn mà không thể đếm được bội số.

Chú: 1) *Giai vị:* *Giai cấp, phẩm vị; chỉ bốn bộ, ba cõi và chín phẩm ở thế giới Cực Lạc.*

KINH

A NAN ỨNG TRI VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT CỰC LẠC QUỐC ĐỘ, NHƯ THỊ CÔNG ĐỨC TRANG NGHIÊM, BẤT KHẢ TƯ NGHỊ.

Giải: Đức Phật nói với tôn giả A-nan, các thầy nên biết rằng, cõi nước Cực Lạc của Đức Phật A-di-đà có vô lượng công đức trang nghiêm như đã nói trên thật là không thể nghĩ bàn.

*

PHẨM THỨ MƯỜI CHÍN THỌ DỤNG CỤ TỨC

Giải: Phẩm Kinh này nói về thực trạng hưởng sinh hoạt của mọi người ở thế giới Cực Lạc; chúng sanh nào sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc tất cả mọi thọ dụng đều đầy đủ.

KINH

**PHỤC THỨ CỰC LẠC THẾ GIỚI SỞ HỮU CHÚNG SANH, HOẶC
DĨ SANH, HOẶC HIỆN SANH, HOẶC ĐƯƠNG SANH, GIAI ĐẮC
NHƯ THỊ CHỦ DIỆU SẮC THÂN, HÌNH MẠO ĐOAN NGHIÊM,
PHƯỚC ĐỨC VÔ LƯỢNG, TRÍ TUỆ MINH LIỄU, THẦN THÔNG
TỰ TẠI.**

Giải: Chúng sanh ở thế giới Cực Lạc hoặc đã được vãng sanh hoặc hiện vãng sanh hoặc là sẽ được vãng sanh ở tương lai, họ đều đạt được như những gì đã nói ở trên, sắc thân vi diệu hơn cả cõi trời thứ sáu đến cả ngàn vạn ức lần không thể tính, tướng mạo đoan chính, trang nghiêm, phước đức không hạn lượng mà còn trí tuệ sáng suốt, thần thông tự tại không chướng ngại.

KINH

**THỌ DỤNG CHỨNG CHỨNG, NHẤT THIẾT PHONG TỨC,
CUNG ĐIỆN, PHỤC SỨC (1) HƯƠNG HOA, PHAN (2) CÁI
TRANG NGHIÊM CHI CỤ, TÙY Ý SỞ TU TẤT GIAI NHƯ Ý**

Giải: Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc mọi thứ nhu yếu

đều đầy đủ, cung điện, lâu đài, hương hoa, cờ lọng, ai muốn có thì những thứ ấy hiện ra trước mặt ngay, chỉ một niệm đều có đủ. Đoạn Kinh này nói đến đời sống vật chất phong phú.

Chú: 1) *Phục sức: Áo quần và các thứ trang sức.*

2) *Phan: Tương đương cờ xí hiện nay.*

KINH

NHƯỢC DỤC THỰC THỜI, THẮT BẢO BÁT KHÍ (1), TỰ NHIÊN TẠI TIỀN, BÁCH VỊ ẨM THỰC TỰ NHIÊN DOANH MÃN, TUY HỮU THỦ THỰC, THẬT VÔ THỰC GIẢ, ĐẢN KIẾN SẮC VĂN HƯƠNG, DĨ Ý VI THỰC, SẮC LỰC TĂNG TRƯỞNG, NHỊ VÔ TIỆN UẾ, THÂN TÂM NHU NHUYỄN, VÔ SỞ VỊ TRƯỚC, SỰ DĨ HÓA KHỨ, THỜI TRÍ PHỤC HIỆN.

Giải: Đến lúc muốn ăn, chén bát cùng các thứ dụng cụ bày báu khác tự nhiên hiện ra trước mắt, vô lượng thức ăn, thức uống tự nhiên có đủ. Chúng sanh mới vãng sanh tuy vẫn còn tập khí ăn uống, nhưng trên thực tế vãng sanh về thế giới Cực Lạc đều không cần đến ăn uống nữa. Họ chỉ cần thấy sắc, nghe mùi thơm, chỉ ở trên ý niệm là đã kể như đã ăn rồi, tinh thần và thể lực tự nhiên được tăng trưởng.

Lại nhân vì lấy ý làm thức ăn vì thế không có sự đại tiện đờ dáy, thân tâm mềm mại, trước việc ăn uống không khởi tâm tham trước, sau khi ăn bằng ý thì các hiện tượng ăn uống đó biến mất, đến khi nào muốn ăn

thì chúng tự nhiên hiện ra. Đây là đoạn nói về tự tại trong ăn uống ở thế giới Cực Lạc.

Chú: 1) *Bát khí: Những thứ dụng cụ ăn uống.*

KINH

PHỤC HỮU CHÚNG BẢO DIỆU Y (1), QUÁN ĐÁI (2), ANH LẠC, VÔ LƯỢNG QUANG MINH, BÁCH THIÊN DIỆU SẮC TẮT GIAI CỤ TÚC, TỰ NHIÊN TẠI THÂN.

Giải: Những thứ trang sức của chúng sanh ở thế giới cực Lạc có nhiều thứ áo quý, mũ đai, anh lạc. Những thứ trân báu ấy tỏa ra ánh sáng vô lượng, trong ánh sáng ấy lấp lánh có nhiều màu sắc đầy đủ trang nghiêm, không cần cắt may đều tự nhiên quàng vào thân thể.

Chú: 1) *Chúng bảo diệu y: Chỉ áo quần đẹp đẽ gồm nhiều thứ vật báu tạo thành.*

2) *Quán đai: Quán là chỉ mũ, đai là dây đai mang trên người.*

KINH

SỞ CỬ XÁ TRẠCH, XÚNG KỶ HÌNH SẮC BẢO VÕNG (1), NHĨ PHỤC HUYỀN CHỮ BẢO LINH, KỶ DIỆU TRÂN DI, CHU BIẾN GIAO SỨC (2). QUANG SẮC HOANG DIỆU (3) TẬN CỰC NGHIÊM LÊ, LÂU QUÁN LAN THUẬN, ĐƯỜNG VŨ PHÒNG CÁC, QUẢNG HIỆP PHƯƠNG VIÊN, HOẶC ĐẠI HOẶC TIỂU, HOẶC TẠI HỮU KHÔNG, HOẶC TẠI BÌNH ĐỊA, THANH TỊNH AN ỔN VI DIỆU KHOÁI LẠC, ỨNG NIỆM HIỆN TIỀN VÔ BÁT CỤ TÚC.

Giải: Nhà cửa của chúng sanh ở tại thế giới Cực Lạc, bất luận là hình dáng, màu sắc, lớn nhỏ đều được phối tinh xảo, hợp với tâm ý của mỗi chúng sanh. Phía trên nóc có lưới báu che, bằng vô số vật quý báu, chuông báu rất đẹp đẽ, lạ lùng. Màu sắc chói sáng vô cùng trang nghiêm. Bên trong thì phòng ốc lớn nhỏ, cao thấp, vuông tròn đều hợp với sở thích của mỗi chúng sanh. Có nhà ở trên mặt đất, có nhà ở giữa hư không. Tất cả đều thanh tịnh an ổn. Chúng sanh ở trong đó rất hạnh phúc. Các phương tiện ấy chỉ cần nghĩ đến là có ngay, không có gì không đầy đủ.

Chú: 1) *Bảo võng*: Dùng châu báu mà kết thành.

2) *Chu biến giao súc*: Chen đan nhau mà trang súc cùng khắp.

3) *Quang sắc hoang diệu*: Là nói đến trong ánh sáng có màu sắc; trong màu sắc có ánh sáng hỗ tương lóng lánh.

*

PHẨM THỨ HAI MƯƠI
ĐỨC PHONG (1) HOA VŨ (2)

Giải: Phẩm Kinh này giới thiệu ngọn gió của công đức ở thế giới Cực Lạc thường lấy mưa hoa mà trang nghiêm.

Chú: 1) *Đức phong:* Gió trừ cầu uế và tội nghiệp gọi là đức phong.

2) *Hoa vũ:* Chỉ diệu hoa hợp lại như mưa gọi là hoa vũ.

KINH

KỲ PHẬT QUỐC ĐỘ MỖI Ư THỰC THỜI (1), TỰ NHIÊN ĐỨC PHONG TỪ KHỞI, XUY CHỦ LA VĨNG, CẬP CHÚNG BẢO THỤ, XUẤT VI DIỆU ÂM, DIỄN THUYẾT KHỔ, KHÔNG, VÔ THƯỜNG, VÔ NGÃ CHỦ BA LA MẬT.

Giải: Ở thế giới Cực Lạc, cứ cách một thời gian nhất định lại tự nhiên có gió công đức thổi nhẹ nhẹ, gió thổi nhẹ rung lưới báu cùng hàng cây bảy báu tạo ra âm thanh vi diệu, âm thanh diễn nói về khổ, không, vô thường, vô ngã, pháp Tiểu thừa và các ba-la-mật pháp Đại thừa.

Chú: 1) *Thực thời:* Là lấy thời gian ăn cơm của thế gian để thí dụ cho một thời gian nhất định.

KINH

LƯU BỐ VẠN CHÚNG ÔN NHÃ ĐỨC HƯƠNG (1) KỲ HỮU VĂN GIÁ, TRẦN LAO CẦU TẬP (2), TỰ NHIÊN BÁT KHỞI.

Giải: Ngọn gió đức phát ra nhiều loại hương thơm ôn

hòa, thanh nhã. Kẻ nào sau khi ngửi được mùi thơm đó thì tự nhiên tập khí, phiền não không khởi lên.

Chú: 1) *Ôn nhã đức hương*: Ôn là mùi thơm ôn hòa; nhã là mùi hương xa rời ái nhiễm. Ôn nhã: Ôn hòa thanh nhã; ôn nhã đức hương: mùi hương ở thế giới Cực Lạc có công đức từ phiền não.

2) *Trần lao câu tập*: Chỉ phiền não, tập khí.

KINH

**PHONG XÚC KỶ THÂN, AN HÒA ĐIỀU THÍCH DO NHƯ TỖ
KHEO ĐẮC DIỆT TẬN ĐỊNH (1).**

Giải: Ngọn gió đức tiếp xúc vào thân thể con người làm cho người ta có cảm giác vô cùng yên ổn, điều tâm điều ý. Hạnh phúc ấy cũng như hạnh phúc của vị Tỳ-kheo đắc Diệt tận định.

Chú: 1) *Diệt tận định*: Diệt tận chỉ việc đoạn trừ hết phiền não, kiến hoặc, tư hoặc. Diệt tận định là công phu thiên định mà các vị tứ quả A-la-hán chứng đạt.

KINH

**PHỤC XUY THẮT BẢO LÂM THỤ, PHIÊU HOA THÀNH TỤ,
CHỦNG CHỦNG SẮC QUANG, BIẾN MÃN PHẬT ĐỘ, TÙY SẮC
THỨ ĐỆ NHI BẮT TẠP LOẠN, NHU NHUYỄN QUANG KHIẾT
NHƯ ĐÀU LA MIÊN (1), TÚC LÝ KỶ THƯỢNG, MỘT THÂM
TÚ CHỈ, TÙY TÚC CỬ DĨ, HOÀN PHỤC NHƯ SƠ.**

Giải: Ngọn gió công đức lay động hàng cây bảy báu, đưa nhẹ muôn hoa thứ tự rơi xuống, tùy theo mỗi màu

sắc mà gộp vào một nơi, cùng khắp cả cõi Phật. Tùy theo màu sắc giống nhau rồi tự hiện hình thành đồ án rất thứ tự, không một mảy may tạp loạn, mà còn rất mềm mại sáng sủa, sạch sẽ chẳng khác nào hoa Đâu-la-miên; bàn chân dẫm lên hoa thì hoa lún xuống sâu nhưng khi cất chân lên thì hoa lại trở về trạng huống cũ. Đó là việc nói hoa có đàn tính; đoạn Kinh nói về mưa hoa trang nghiêm mặt đất.

Chú: 1) Đâu-la-miên: Là một loại hoa bông ở Ấn Độ; ở đây hình dung về sự mềm mại.

KINH

QUÁ THỰC THỜI HẬU KỲ HOA TỰ MỘT, ĐẠI ĐỊA THANH TỊNH, CÁNH VŨ (1) TÂN HOA, TÙY KỲ THỜI TIẾT (2) HOÀN PHỤC CHU BIẾN DỮ TIỀN VÔ DỊ, NHƯ THỊ LỤC PHẢN.

Giải: Sau khi trải qua một thời gian nhất định, hiện tượng mưa hoa không còn nữa; không kể khi hoa hiện hay khi hoa biến mất, đại địa đều thanh tịnh; tùy theo thời tiết hoa mới lại rơi xuống, hoa lúc này cũng giống như hoa trước đó đều che kín cả mặt đất, cứ như vậy mà chen đan nhau xuất hiện sáu lần mỗi ngày, kể như là một ngày.

Chú: 1) Cánh có nghĩa là lại nữa. Vũ có nghĩa là rơi xuống.

2) Thời tiết: Chỉ Ấn Độ xưa, một ngày chia thành sáu thời, tức là đầu ngày, giữa ngày, cuối ngày, đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm.

PHẨM THỨ HAI MƯƠI MỐT BẢO LIÊN PHẬT QUANG

Giải: Phẩm Kinh này giới thiệu hoa sen báu của thế giới Cực Lạc và hoa sen báu phóng hào quang, trong hào quang có cảnh tượng trang nghiêm hóa Phật nói pháp độ sanh.

KINH

HỢU CHÚNG BẢO LIÊN HOA CHU MÃN THẾ GIỚI, NHẤT NHẤT BẢO HOA BÁCH THIÊN ỨC DIỆP, KỶ HOA QUANG MINH VÔ LƯỢNG CHỨNG SẮC, THANH SẮC THANH QUANG, BẠCH SẮC BẠCH QUANG, HUYỀN (1) HOÀNG CHÂU TỬ, QUANG SẮC DIỆP NHIÊN, PHỤC HỮU VÔ LƯỢNG DIỆU BẢO BÁCH THIÊN MA NI, ÁNH SỨC (2) TRÂN KỶ, MINH DIỆU NHẬT NGUYỆT, BỈ LIÊN HOA LƯỢNG HOẶC BÁN DO TUẦN HOẶC NHẤT, NHÌ, TAM, TỨ, NÃI CHỈ BÁCH THIÊN DO TUẦN, NHẤT NHẤT HOA TRUNG, XUẤT TAM THẬP LỤC BÁCH THIÊN ỨC QUANG (3).

Giải: Ở tại nước Cực Lạc, hoa sen do nhiều báu vật hợp thành cùng khắp cả thế giới, mỗi hoa báu đều có đủ trăm ngàn ức cánh hoa. Hoa báu lấp lánh vô số màu sắc, hoa xanh thì phóng hào quang xanh, hoa trắng phóng hào quang trắng cho đến các loại hoa màu huyền, màu vàng cũng phóng ra hào quang như thế.

Lại còn có vô lượng báu vật cùng vô số ngọc ma-ni đều lấp lánh hào quang lạ lùng sáng cả ban ngày và

ban đêm; về sự lớn nhỏ của hoa sen, có đóa thì lớn bằng một, hai, ba, bốn do tuần thậm chí có đóa lớn đến trăm ngàn do tuần. Không kể lớn nhỏ, trong mỗi hoa sen phóng ra 36 trăm ngàn ức hào quang sáng lạn, chói ngời diệu kỳ không thể so sánh.

Chú: 1) *Huyền: Màu đen*

2) *Anh súc: Trang súc, lấp lánh.*

3) *Xuất 36 trăm ngàn ức quang: Tam thập lục (36) đại biểu cho 9 phẩm, 4 cõi nước. Bách thiên ức tiêu biểu cho số lượng vô lượng vô biên, ở trong mỗi phẩm có trăm ngàn ức hoa sen, mỗi đóa hoa lại phóng ra vô số màu sắc vì thế nên nói là tam thập lục bách thiên ức quang.*

KINH

NHẤT NHẤT QUANG TRUNG, XUẤT TAM THẬP LỤC BÁCH THIÊN ƯC PHẬT, THÂN SẮC TỬ KIM, TƯỚNG HẢO THÙ ĐẶC; NHẤT NHẤT CHƯ PHẬT HỮU PHÓNG BÁCH THIÊN QUANG MINH, PHỔ VI THẬP PHƯƠNG THUYẾT VI DIỆU PHÁP. NHƯ THỊ CHƯ PHẬT, CÁC CÁC AN LẬP VÔ LƯỢNG CHÚNG SANH Ư PHẬT CHÁNH ĐẠO (1).

Giải: Hoa sen báu phóng ra vô lượng màu sắc, trong mỗi màu sắc lại hiện ra 36 trăm ngàn ức Phật, thân Phật đều màu vàng tử ma, tướng tốt không thể bì, thù thắng trang nghiêm. Mỗi mỗi vị hóa Phật hiện ra trong hào quang lại phóng ra trăm ngàn hào quang; chư Phật vì

chúng sanh trong mười phương thế giới mà nói pháp môn Tịnh độ. Chư Phật hóa hiện ở trong hào quang, mỗi vị đều an lập vô lượng chúng sanh trên con đường lớn niệm Phật thành đạo.

Chú: 1) *Phật chánh đạo: Ở đây chỉ pháp môn Tịnh độ.*

*

PHẨM THỨ HAI MƯƠI HAI
QUYẾT CHỨNG CỰC QUẢ (1)

Giải: Phẩm Kinh này thuyết minh vì sao mà chứng đắc Phật quả rốt ráo, tròn đầy.

Chú: 1) *Cực quả: Phật quả rốt ráo, tròn đầy.*

KINH

**PHỤC THỨ A NAN, BỈ PHẬT QUỐC ĐỘ, VÔ HỮU HÔN ÁM
HỎA QUANG, NHẬT NGUYỆT TINH DIỆU, TRÚ DẠ CHI
TƯỢNG DIỆC VÔ TUẾ NGUYỆT KIẾP SỐ CHI DANH. PHỤC
VÔ TRÚ TRƯỚC GIA THẮT, ỦNHẤT THIẾT XỬ, KỶ VÔ TIÊU
THỨC DANH HIỆU (1) DIỆC VÔ THỦ XÃ PHÂN BIỆT DUY THỌ
THANH TỊNH TỐI THƯỢNG KHOÁI LẠC.**

Giải: Đức Phật nói cho Tôn giả A-nan biết ở thế giới Cực Lạc không có hoàng hôn, tối tăm, không có ánh sáng của lửa, không có mặt trăng, mặt trời, không có ánh sáng của sao, không có hiện tượng ban ngày ban đêm, cũng không có quan niệm thời gian về ngày tháng năm.

Đối với cung điện nhà cửa nơi ở cũng không chấp trước cũng không lưu luyến; vì thế ở tất cả chỗ ở cũng không có danh xưng đường sá, đô thị, không có môn bài, cửa hiệu, trong tất cả cảnh giới cũng không có phân biệt chấp trước duy chỉ có hưởng thọ thanh tịnh, tự tại, hạnh phúc tối thượng mà thôi.

Chú: 1) *Tiêu thức danh hiệu: Tiêu thức tức là tiêu chí; danh là danh xưng; hiệu là số hiệu.*

KINH

HỤU HỮU THIỆN NAM TỬ, THIỆN NỮ NHƠN (1) NHƯỢC DĨ SANH, NHƯỢC ĐƯƠNG SANH (2), GIAI TẮT TRÚ Ứ CHÁNH NIỆM CHI TỰ (3), QUYẾT ĐỊNH CHỨNG Ư A NẬU ĐA LA TAM MIỆU TAM BỒ ĐÈ. HÀ DĨ CỐ ? NHƯỢC TÀ ĐỊNH TỰ (4) CẬP BẮT ĐỊNH TỰ (5), BẮT NĂNG LIỄU TRI KIẾN LẬP BỈ NHÂN (6) CỐ.

Giải: Tất cả thiện nam tử, thiện nữ nhơn trong mười phương thế giới đều đầy đủ Tín, Nguyện, Hành nếu đã được vãng sanh hoặc vãng sanh trong tương lai đều an trú trong tự chánh định, quyết định chứng đắc Phật quả tròn đầy.

Vì sao kẻ ở trong tự tà định hoặc là tự bất định thì không thể chứng quả ? Do vì họ không hiểu rõ cái chánh nhân niệm thành Phật của Đức Phật A-di-đà, chánh nhân niệm Phật không hoài nghi, không lai tạp, không gián đoạn, tín nguyện vãng sanh quyết không thối chuyển một kiếp thành Phật.

Chú: 1) *Thiện nam tử, thiện nữ nhơn: Đầy đủ căn lành phước đức nhân duyên. Dựa vào tiêu chuẩn của Kinh này, người đàn ông đàn bà như vậy là đầy đủ ba điều kiện Tín, Nguyện, Hành, nên gọi là thiện nam tử, thiện nữ nhơn.*

2) *Nhuộc dĩ sanh: Chúng sanh đã được vãng sanh – nhuộc đương sanh: Đây đủ điều kiện vãng sanh Tín Nguyện Hành nhưng chưa được vãng sanh, tương lai nhất định vãng sanh.*

3) *Chánh định chi tu: Tụ tức loại. Chánh định chi tu: những lý luận phương pháp chính xác người tu hành nương vào quyết định chứng quả.*

4) *Tà định tu: Chỉ lý luận, phương pháp sai lầm mà kẻ tu hành nương vào quyết không thể chứng quả.*

5) *Bất định tu: Thiện tri thức dựa vào mà tu rồi biến thành chánh định tu, dựa vào chánh định tu mà tu hành rồi biến thành tà định tu nên gọi là bất định tu.*

6) *Bỉ nhân: Chỉ cái nhân mang nghiệp vãng sanh. Dựa vào chánh nhân tất đắc quả vãng sanh.*

*

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BA THẬP PHƯƠNG PHẬT TÁN

Giải: Phẩm Kinh này nói đến việc chư Phật mười phương đều tán thán, tuyên dương pháp môn niệm Phật thù thắng ấy.

KINH

PHỤC THỨ AN NAN, ĐÔNG PHƯƠNG HẰNG HÀ SA SỐ THẾ GIỚI, NHẤT NHẤT GIỚI TRUNG NHƯ HẰNG SA PHẬT, CÁC XUẤT QUẢNG TRƯỜNG THIỆT TƯỚNG (1) PHÓNG VÔ LƯỢNG QUANG, THUYẾT THÀNH THẬT NGÔN, XUNG TÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT, BÁT KHẢ TƯ NGHỊ CÔNG ĐỨC.

Giải: Đức Phật lại cho A-nan biết như ở phương Đông hẰng hà sa thế giới như thế nào thì ở trong mỗi thế giới chư Phật cũng nhiều như vậy, mỗi vị Phật đều hiện ra tướng lưỡi dài rộng, phóng ra vô lượng hào quang và nói ra những lời chân thật không hư ngụy, tất cả đều xưng dương tán thán công đức không thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Chú: 1) Quảng trường thiệt tướng: Một trong 32 tướng tốt của Phật, lưỡi rộng mà dài, màu hồng nhạt mềm mại, khi le lưỡi che cả mặt đến mí tóc. Đó là quả báu của khẩu nghiệp vô lượng kiếp.

KINH

NAM, TÂY, BẮC PHƯƠNG HẰNG SA THẾ GIỚI PHẬT XUNG

**TÁN DIỆC PHỤC NHƯ THỊ, TỬ DUY THƯỢNG HẠ, HẰNG SA
THẾ GIỚI CHƯ PHẬT XUNG TÁN, DIỆC PHỤC NHƯ THỊ.**

Giải: Thế giới hằng sa số của phương Nam, phương Tây, phương Bắc trong mỗi thế giới cũng có hằng hà sa số Phật đều xưng dương tán thán vô số công đức của đức Phật Vô Lượng Thọ. Cả phương Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, phương trên phương dưới cũng có hằng hà sa số thế giới, mỗi thế giới cũng có hằng hà sa số chư Phật cũng đều tán dương ca ngợi công đức không thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

KINH

**HÀ DĨ CỐ DỤC LINH THA PHƯƠNG SỞ HỮU CHÚNG SANH,
VĂN BỈ PHẬT DANH PHÁT THANH TỊNH TÂM, ƯC NIỆM THỌ
TRÌ (1). QUY Y (2), CÚNG DƯƠNG, NÃI CHÍ NĂNG PHÁT NHẤT
NIỆM TỊNH TÍN (3), SỞ HỮU THIỆN CĂN CHÍ TÂM HỒI
HƯỚNG NGUYỆN SANH BỈ QUỐC, TÙY NGUYỆN GIAI SANH
ĐẮC BÁT THỐI CHUYỂN, NÃI CHÍ VÔ THƯỢNG CHÁNH
ĐẲNG BỒ ĐỀ.**

Giải: Vì sao chư Phật mười phương đều ca ngợi tán dương Đức Phật Vô Lượng Thọ ? Mục đích là hy vọng chúng sanh ở thế giới khác khi nghe đến danh hiệu và vô số công đức của Phật A-di-đà đều phát khởi niềm tin thanh tịnh, không hoài nghi, một lòng nhớ Phật, niệm Phật, thọ giữ danh hiệu Di-đà khiến cho họ trở về nương tựa, cúng dường Đức Phật A-di-đà, cho đến chỉ phát

khởi một niệm tín tâm, đem công đức căn lành đã tu tập, lấy cái tâm chân thành hồi hướng phát nguyện vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Nếu dựa vào những tiêu đề đã nói trên mà tu hành thì đều tùy nguyện được vãng sanh, viên chứng ba bất thối cho đến chứng đắc Phật quả rốt ráo tròn đầy.

Chú: 1) Úc niệm thọ trì: Úc là nghĩ đến công đức của Phật. Niệm là niệm danh hiệu Phật. Thọ trì là tin thọ, kiên trì không gián đoạn.

2) Quy y: Thân tâm quy hướng, y chỉ không bỏ.

3) Nhất niệm tịnh tín: Chỉ niềm tin liên tục, không có niệm tạp dục.

*

PHẨM THỨ HAI MƯƠI BỐN TAM BỒI (1) VÃNG SANH

Giải: Phẩm Kinh này chủ yếu nói về những ai được vãng sanh về thế giới Cực Lạc, tùy vào công phu niệm Phật sâu cạn, có các phẩm loại khác nhau. Đức Phật đem các phẩm loại quy nạp thành 3 loại:

Thượng bồi – Trung bồi – Hạ bồi.

Chú: 1) Tam bồi: Thượng, Trung và Hạ bồi.

KINH

PHẬT CÁO A NAN, THẬP PHƯƠNG THẾ GIỚI CHỦ THIÊN NHÂN DÂN, KỶ HỮU CHÍ TÂM NGUYỆN SANH BỈ QUỐC, PHÀM HỮU TAM BỒI.

Giải: Đức Phật nói cho A-nan biết, hết thảy chúng sanh trong 10 phương thế giới có tâm chân thành cầu nguyện vãng sanh về thế giới Cực Lạc được chia thành 3 loại, đó là thượng bồi, trung bồi và hạ bồi.

KINH

KỶ THƯỢNG BỒI GIẢ, XẢ GIA KHÍ DỤC (1) NHI TÁC SA MÔN (2). PHÁT BỒ ĐỀ TÂM, NHỨT HƯỜNG CHUYÊN NIỆM A DI ĐÀ PHẬT (3) TU CHƯ CÔNG ĐỨC (4), NGUYỆN SANH BỈ QUỐC.

Giải: Hàng thượng bồi vãng sanh là người từ bỏ gia đình, bỏ dục lạc làm kẻ xuất gia tu hành chân chính, tối

trọng yếu là phát tâm Bồ-đề vô thượng, một mực chuyên niệm A-di-đà Phật, sau đó phụng hành pháp sáu độ ba-la-mật của Bồ-tát phát nguyện vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Đó là điều kiện của người vãng sanh ở hàng thượng bói.

Chú: 1) *Xả gia khí dục: Gia có 4 loại:*

- Nhà của nhà đất
- Nhà phiền não.
- Nhà ba cõi,
- Nhà sống chết.

Ở đây nói “xả gia” tức việc từ bỏ bốn loại nhà ấy.

Khí dục: Rời bỏ mọi dục vọng.

2) *Sa-môn: Ở đây chỉ người tu hành Giới, Định, Tuệ để diệt trừ Tham, Sân, Si.*

3) *Phát Bồ-đề tâm, nhứt hướng chuyên niệm A-di-đà Phật: Đó là chúng sanh trong 9 pháp giới, điều kiện căn bản để được vãng sanh chính là phát tâm quyết định trong đời này được vãng sanh về thế giới Cực Lạc.*

4) *Tu chu công đức: Tu hành 6 ba-la-mật của Bồ-tát.*

KINH

THỦ ĐẰNG CHÚNG SANH, LÂM THỌ CHUNG THỜI, A DI ĐÀ PHẬT DŨ CHỮ THÁNH CHÚNG, HIỆN TẠI KỲ TIỀN KINH TU DU GIAN, TỨC TÙY BỈ PHẬT VÃNG SANH KỲ QUỐC, TIỆN Ư

**THẤT BẢO HOA TRUNG TỰ NHIÊN HÓA SANH, TRÍ TUỆ
DŨNG MÃNH, THẦN THÔNG TỰ TẠI.**

Giải: Những chúng sanh nào chưa chuân bị đầy đủ các điều kiện trên thì khi lâm chung, Đức Phật A-di-đà cùng chư Bồ-tát của thế giới Cực Lạc hiện ra trước mặt vị ấy, chỉ trong một thời gian ngắn ngủi lập tức theo Đức Phật A-di-đà về thế giới Cực Lạc và tự nhiên hóa sanh ở trong hoa sen bảy báu; khi được vãng sanh liền đắc trí tuệ dũng mãnh, quả báo thần thông tự tại.

KINH

**THỊ CỐ A NAN, KỶ HỮU CHÚNG SANH DỤC Ư KIM THẾ, KIẾN
A DI ĐÀ PHẬT GIÁ, ỨNG PHÁT VÔ LƯỢNG BỒ ĐỀ CHI TÂM,
PHỤC ĐƯƠNG CHUYỀN NIỆM CỰC LẠC QUỐC ĐỘ, TÍCH TẬP
THIỆN CĂN, ỨNG TRÌ HỒI HƯƠNG. DO THỦ KIẾN PHẬT
SANH BỈ QUỐC TRUNG. ĐẮC BÁT THỐI CHUYỂN NÃI CHÍ
VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ.**

Giải: Đức Phật nói cho A-nan biết do nhân duyên đã nói ở trên, nếu có chúng sanh nào mong muốn trong kiếp này gặp Đức Phật A-di-đà, thì nên phát tâm Bồ-đề vô thượng, thường nhớ nghĩ đến sự trang nghiêm về y báo, chánh báo của thế giới Cực Lạc, thực hành sáu độ bố thí, giữ giới... học làm thầy của loài người, mô phạm của cuộc đời, tích lũy công đức rồi đem tất cả công đức tu hành mà hồi hướng cầu vãng sanh Cực Lạc. Có được nhân hành như vậy thì chắc chắn được vãng sanh về thế

giới Cực Lạc, hoa nở thấy Phật, viên chứng ba loại không thối chuyển cho đến chứng đắc Phật quả vô thượng. Đó là giới thiệu nhân hành, quả báo của hàng vãng sanh thượng bối.

KINH

KỲ TRUNG BỐI GIẢ, TUY BÁT NĂNG HÀNH TÁC SA MÔN, ĐẠI TU CÔNG ĐỨC, ĐƯƠNG PHÁT VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ CHI TÂM, NHỨT HƯỚNG CHUYÊN NIỆM A DI ĐÀ PHẬT, TÙY KỶ TU HÀNH CHƯ THIỆN CÔNG ĐỨC, PHỤNG TRÌ TRAI GIỚI (1) KHỞI LẬP THÁP TƯỢNG (2), PHẠN THỰC SA MÔN (3) HUYỀN HỘI NHIÊN ĐĂNG (4), TẢN HOA THIÊU HƯƠNG, DĨ THỦ HỒI HƯỚNG NGUYỆN SANH BỈ QUỐC.

Giải: Hạng trung bối vãng sanh tuy không làm Sa-môn như hàng thượng bối vãng sanh nhưng tu nhiều công đức cũng phát tâm Bồ-đề vô thượng, chuyên niệm danh hiệu A-di-đà Phật, tùy theo điều kiện của bản thân mà tích lũy công đức; thí dụ như ăn chay, xây dựng tháp tượng, cúng dường bốn sự cho giới xuất gia, lên đèn, thắp hương, rải hoa... rồi lấy công đức ấy mà hồi hướng phát nguyện vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

Chú: 1) Trai giới: Trai là tâm thanh tịnh; giới là thân khẩu ý tuân thủ những lời dạy của Đức Phật không sai phạm.

2) Khởi lập tháp tượng: Tháp là tháp, chùa, đạo tràng. Tượng là tượng Phật. Là xây dựng đạo tràng,

đúc vẽ tượng Phật, đào tạo nhân tài Phật giáo hoằng pháp lợi sanh.

3) *Phạn thực Sa-môn: Cúng dường bốn sự là ăn uống, áo quần, giường nằm, thuốc men cho người xuất gia.*

4) *Huyền hội nhiên đăng: Hội là tràng phan; huyền hội tiêu biểu cho việc hoằng pháp lợi sanh. Nhiên đăng nghĩa là lên đèn, biểu thị cái ý thấp ngọn đèn bản thân để chiếu sáng kẻ khác, hy sinh bản thân, vì mọi người mà phục vụ.*

5) *Tản hoa thiên hương: Hoa có ý khuyên tu nhân, tản hoa là làm cho trang nghiêm đạo tràng, biểu thị cho việc tu tập, thân hành bồ thí, trang nghiêm xã hội. Hương biểu thị cho hương giới, định, tuệ. Thiên hương: tịnh hóa hoàn cảnh của thân tâm, bản thân.*

KINH

KỶ NHƠN LÂM CHUNG, A DI ĐÀ PHẬT HÓA HIỆN KỶ THÂN, QUANG MINH TƯỚNG HẢO CỤ NHƯ CHÂN PHẬT, DŨ CHƯ ĐẠI CHÚNG TIỀN HẬU VI NHIỀU, HIỆN KỶ NHƠN TIỀN NHIỆP THỌ ĐẠO DẪN TỨC TÙY HÓA PHẬT VĨNG SANH KỶ QUỐC. TRỤ BÁT THỐI CHUYỂN VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ, CÔNG ĐỨC TRÍ TUỆ (1), THỨ NHƯ THƯỢNG BỒI GIẢ DÃ.

Giải: Vị ấy khi lâm chung, hóa thân Phật hiện ra trước vị ấy, tuy là hóa thân nhưng hào quang, tướng tốt hết như vị Phật thật. Lại có cả chư Bồ-tát của thế giới Cực Lạc doanh vây vị ấy rồi tiếp nhận dẫn đường cho vị ấy

về Cực Lạc. Sau khi vãng sanh cũng trú nơi không thời chuyên Bồ-đề vô thượng. Chỉ có là công đức trí tuệ của vị ấy so với hàng thượng bối thì ít hơn, đó là quả báo nhân hành của hàng trung bối vãng sanh.

Chú: 1) Công đức trí tuệ: Công là công phu đoạn trừ mê hoặc. Đức là phẩm vị sau khi vãng sanh. Trí tuệ là trí tuệ, đức năng từ trong tự tính hiển lộ tự nhiên.

KINH

KỶ HẠ BỐI GIẢ, GIẢ SỬ BẤT NĂNG TÁC CHƯ CÔNG ĐỨC ĐƯƠNG PHÁT VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ CHI TÂM, NHỨT HƯỚNG CHUYÊN NIỆM A DI ĐÀ PHẬT HOAN HỖ TÍN LẠC, BẤT SANH NGHI HOẶC, DĨ CHÍ THÀNH TÂM NGUYỆN SANH KỶ QUỐC.

Giải: Nói về hạng hạ bối vãng sanh, giả sử không thể giống như hàng trung bối, tu các thứ công đức nhưng lại phát tâm Bồ-đề vô thượng, một lòng chuyên niệm danh hiệu A-di-đà Phật, thường hoan hỷ tin tưởng sâu xa, thích thú tu học pháp môn niệm Phật không mấy may nghi ngờ, vả lại lấy cái tâm chân thành mà hồi hướng phát nguyện cầu sanh về thế giới Cực Lạc.

KINH

THỬ NHÂN LÂM CHUNG MỘNG KIẾN BỈ PHẬT (1) DIỆC ĐẮC VÃNG SANH, CÔNG ĐỨC TRÍ TUỆ, THỨ NHƯ TRUNG BỐI GIẢ DÃ.

Giải: Vị ấy lúc lâm chung thấy đức Phật đến tiếp dẫn,

cảm giác tựa hồ như mộng, vị ấy cũng được vãng sanh Tịnh độ; công đức và trí tuệ của vị ấy cũng như hàng trung bối vãng sanh. Đó là nhân là quả báo của hàng hạ bối vãng sanh.

Chú: 1) Mộng kiến bỉ Phật: Mộng kiến ở đây không phải là nói ở trong mộng mà là nói lúc lâm chung Đức Phật đến tiếp dẫn, cảm giác giống như trong mộng thấy Phật.

KINH

NHƯỢC HỮU CHÚNG SANH TRÚ ĐẠI THỪA (1) GIẢI, DĨ THANH TỊNH TÂM, HƯỚNG VÔ LƯỢNG THỌ, NÃI CHÍ THẬP NIỆM (2), NGUYỆN SANH KỲ QUỐC, VĂN THẬM THÂM PHÁP (3), TỨC SANH TÍN GIẢI, NÃI CHÍ HOẠCH ĐẮC NHỨT NIỆM TỊNH TÂM, PHÁT NHỨT NIỆM TÂM, NIỆM Ư BỈ PHẬT.

Giải: Đoạn Kinh này trình bày, nếu như có chúng sanh nào tuy không chuyên tu pháp môn niệm Phật nhưng lại chuyên tu bất kỳ một pháp môn Đại thừa nào, nếu vị ấy lấy cái tâm thanh tịnh quy hướng về Đức Phật Di-đà, không kể lúc còn sống chuyên tu 10 niệm hay kiêm tu 10 niệm, chỉ cần vị ấy chân thật phát nguyện cầu sanh về thế giới Cực Lạc thì Đức Phật cùng với chư Bồ-tát cũng đến tiếp dẫn. Sau khi vị ấy nghe được pháp môn niệm Phật lập tức sanh khởi niềm tin, chỉ cần bình thường tu học có chút kết quả một niệm thanh tịnh, rồi lấy cái tâm thanh tịnh trong một niệm ấy chuyên niệm A-di-đà

Phật người ấy cũng được vãng sanh.

Đủ thấy rằng pháp môn niệm Phật rất rộng lớn, hết thấy chúng sanh trong 9 pháp giới, không kể tu theo pháp môn nào, chỉ cần hồi hướng cầu sanh thì không có người nào không được vãng sanh thành Phật.

Chú: 1) Trú Đại thừa: Chỉ bình thường không tu tịnh độ mà chỉ hàng chúng sanh đi sâu vào một pháp môn tu học Đại thừa.

2) Nãi chí thập niệm: Chỉ ít 10 niệm, mười niệm ở đây là 10 niệm hàng ngày và 10 niệm lâm chung.

3) Văn thậm thâm pháp: Là chỉ nghe đến niệm Phật vãng sanh, bình đẳng không thối chuyển, pháp môn thành Phật.

KINH

THỨ NHƠN LÂM MỆNH CHUNG THỜI, NHƯ TẠI MỘNG TRUNG KIẾN A DI ĐÀ PHẬT, ĐỊNH SANH BỈ QUỐC, ĐẮC BÁT THỐI CHUYỂN VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ.

Giải: Cái người mà bình thời tu học pháp Đại thừa, lúc lâm chung lấy công đức tu hành của vị ấy hồi hướng cầu sanh Tịnh độ thì Đức Phật cùng Thánh chúng đến tiếp dẫn vị ấy. Cảm giác của vị ấy cũng giống như ở trong mộng thấy Phật Di-đà; cũng được vãng sanh về thế giới Cực Lạc đạt đến không thối chuyển, chứng đắc Phật quả.

PHẨM THỨ HAI MƯƠI LĂM
VÃNG SANH CHÁNH NHÂN (1)

Phẩm này thuyết minh bổ sung về 3 hạng vãng sanh.

Chú: 1) *Chánh nhân*: Chính là nhân hành của ba hạng vãng sanh.

KINH

PHỤC THỨ A NAN, NHƯỢC HỮU THIÊN NAM TỬ, THIÊN NỮ NHƠN, VẤN THỦ KINH ĐIỂN, THỌ TRÌ ĐỌC TỤNG, THỦ TẢ CÚNG DƯƠNG, TRÚ ĐẠ TƯƠNG TỤC CẦU SANH BỈ SÁT, PHÁT BỒ ĐỀ TÂM, TRÌ CHƯ CẨM GIỚI KIÊN THỦ BÁT PHẠM. NHIÊU ÍCH HỮU TÌNH, SỞ TÁC THIÊN CĂN, TẮT THÍ DŨ CHI LINH ĐẮC AN LẠC, ÚC NIỆM TÂY PHƯƠNG A DI ĐÀ PHẬT, CẬP BỈ QUỐC ĐỘ, THỊ NHÂN MỆNH CHUNG NHƯ PHẬT SẮC TƯỚNG CHỪNG CHỪNG TRANG NGHIÊM, SANH BẢO SÁT TRUNG TỐC ĐẮC VĂN PHÁP VĨNH BÁT THỐI CHUYỂN.

Giải: Thế Tôn lại cho A-nan biết, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn nào nghe đến Kinh này rồi thọ trì tụng đọc hoặc sao chép cúng dường ngày đêm liên tục không gián đoạn cầu sanh Tây phương thế giới, và lại thường phát tâm Bồ-đề, phụng giữ giới luật và pháp luật của quốc gia, kiên trì tuân thủ không phạm; rồi lại thường làm nhiều lợi ích cho xã hội, đem hết công đức đã tu hành cống hiến cho hết thảy chúng sanh khiến cho chúng sanh được an lạc.

Đồng thời ước niệm đến y báo, chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc; người ấy khi lâm chung Đức Phật cùng Thánh chúng đến tiếp dẫn; khi vãng sanh về thế giới Cực Lạc thì sắc tướng sẽ được trang nghiêm như Phật A-di-đà, lập tức thấy Phật, nghe pháp mãi mãi không thôi chuyên.

Đây là đoạn Kinh bổ sung nhân hành của hàng thượng bối.

KINH

PHỤC THỨ A NAN, NHƯỢC HỮU CHÚNG SANH DỤC SANH BỈ QUỐC, TUY BÁT NĂNG ĐẠI TINH TẤN THIỀN ĐỊNH, TẬN TRÌ KINH GIỚI, YẾU ĐƯƠNG TÁC THIỆN, SỞ VỊ NHẤT BÁT SÁT SANH (1), NHỊ BÁT THÂU ĐẠO (2), TAM BÁT ĐÂM DỤC (3), TỨ BÁT VỌNG NGŨ (4), NGŨ BÁT Ý NGŨ (5), LỤC BÁT ÁC KHẨU (6), THẤT BÁT LƯƠNG THIỆT (7), BÁT BÁT THAM (8), CỬU BÁT SÂN (9), THẬP BÁT SI (10), NHƯ THỊ TRÚ DẠ TỬ DUY, CỰC LẠC THẾ GIỚI A DI ĐÀ PHẬT, CHỦNG CHỦNG CÔNG ĐỨC, CHỦNG CHỦNG TRANG NGHIÊM, CHÍ TÂM (11) QUY Y, ĐẢNH LỄ, CÚNG DƯỜNG; THỊ NHÂN LÂM CHUNG, BÁT KINH, BÁT BỐ, TÂM BÁT ĐIÊN ĐẢO, TỨC ĐẮC VĂNG SANH BỈ PHẬT QUỐC ĐỘ.

Giải: Đức Phật lại nói cho A-nan biết, nếu có chúng sanh nào muốn vãng sanh về thế giới Cực Lạc thì trong tu học hằng ngày tuy không tinh tấn, dũng mãnh như hạng thượng bối, tu tập thiền định, cũng không thể nào phụng trì nghĩa lý và giáo giới của Kinh, nhưng muốn

đoạn trừ nghiệp ác, tu 10 điều lành.

Mười điều lành gồm:

1. Không giết hại.
2. Không trộm cắp.
3. Không dâm dục.
4. Không nói dối.
5. Không nói thêu dệt.
6. Không nói lời thô ác.
7. Không nói hai lưỡi.
8. Không tham
9. Không sân.
10. Không si

Dựa vào mười nghiệp lành làm cơ sở, sau đó ngày đêm suy nghĩ, ức niệm nhiều thứ công đức của phật Di-đà và nhiều thứ y báo, chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc. Một lòng trở về nương tựa Phật A-di-đà, đành lễ, cúng dường Phật Di-đà; tu trì như vậy đến lúc lâm chung chắc chắn được sự gia trì bởi bốn nguyện của Phật A-di-đà, không có sợ hãi, tâm không nghiêng ngửa thác loạn, lập tức vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

Đoạn này bổ sung nhân hành và quả báo của hạng trung bối vãng sanh.

Chú: 1) *Bất sát sanh: Không giết hại sinh mạng chúng sanh.*

2) *Bất thủ đạo*: Không lấy của không cho; phạm đồ vật có chủ, chủ nhân không đồng ý, bất luận là lấy bằng cách nào, tự chiếm làm của mình đều thuộc vào trộm cắp; ngược lại tức là không trộm cắp.

3) *Bất dâm dục*: Đối với người khác giới, không nghĩ đến điều phi lễ, không có những hành vi phi lễ.

4) *Bất vọng ngôn*: Nói thành thật, không khinh dối người.

5) *Bất ỷ ngữ*: Không hoa ngôn xảo ngữ.

6) *Bất ác khẩu*: Không nói lời khó nghe, thô lỗ.

7) *Bất lưỡng thiệt*:: Không làm sai thị phi, không nói hai lưỡi.

8) *Bất tham*: Đối với điều vui không tham cầu quá đáng

9) *Bất sân*: Đối với sự vật không như ý, không khởi tâm sân nhuê.

10) *Bất si*: Trước chân tướng của sự lý của nhân quả hiểu biết rõ ràng.

11) *Chí tâm*: Chuyên tâm một ý.

KINH

NHƯỢC ĐA SỰ VẬT, BẤT NĂNG LY GIA, BẤT HẠ (1) ĐẠI TU TRAI GIỚI, NHẤT TÂM THANH TỊNH, HỮU KHÔNG NHÀN THỜI, ĐOAN CHÍNH THÂN TÂM, TUYỆT DỤC KHỨ ƯU (2), TỬ TÂM TINH TẤN, BẤT ĐƯƠNG SÂN NỘ, TẬT ĐỐ, BẤT ĐẮC THAM LẬN (3), KIÊN TÍCH, BẤT ĐẮC TRUNG HỒI, BẤT ĐẮC

HỒ NGHI (4), YẾU ĐƯƠNG HIẾU THUẬN CHÍ THÀNH TRUNG TÍN. ĐƯƠNG TÍN PHẬT KINH NGŨ THÂM, ĐƯƠNG TÍN TÁC THIÊN ĐẮC PHƯỚC; PHỤNG TRÌ NHƯ THỊ ĐẰNG PHÁP, BẮT ĐẮC KHUY THẮT (5).

Giải: Nếu chúng sanh nào có nhiều chướng duyên, không thể buông bỏ được việc đời, không có thời gian tu hành trai giới để cho tâm thanh tịnh thì cũng nên lợi dụng thời gian rỗi rảnh, sửa tâm, sửa ý, đoạn dục, trừ ưu não; trước kẻ khác cần lấy tâm từ bi, đối với bản thân cần nỗ lực tinh tấn tu trì, khi gặp việc không bằng lòng, tâm lý không nóng giận, thấy cái tốt của người khác tâm lý không khó chịu, không khởi cái tâm đố kỵ; không tham món ăn ngon, không keo lặn, không chịu bố thí.

Đối với pháp môn tu học, không hối hận nửa đường, không được nghi ngờ, cần hiếu thuận với cha mẹ, xử sự đãi nhân tiếp vật cần thành kính, làm hết bổn phận. Cần tin sâu xa lời dạy của Đức Phật trong Kinh, nghĩa lý vô cùng sâu rộng; tin tưởng nhân lành thì được quả lành, đạo lý của nhân quả báo ứng và sự thật không mảy may sai khác; phụng trì những nguyên tắc trên, thường tuân giữ trọn đời không sai chạy.

Chú: 1) *Hạ: Thời gian rỗi rảnh.*

2) *Tuyệt dục khứ ưu: ? Tuyệt dục là đoạn tuyệt mọi cám dỗ của ngoại cảnh. Kứ ưu là buông bỏ mọi phiền não bởi tham – sân – si.*

3) *Tham xan: Thức ăn ngon.*

4) *Hồ nghi: Nghi ngờ.*

5) *Khuy thất: Thực hiện không đến nơi đến chốn.*

KINH

TƯ DUY THỰC KẾ (1) DỤC ĐẮC ĐỘ THOÁT, TRÚ DẠ THƯỜNG NIỆM, NGUYỆN DỤC VĂNG SANH A DI ĐÀ PHẬT THANH TỊNH PHẬT QUỐC, THẬP NHẬT THẬP DẠ, NÃI CHÍ NHẤT NHẬT NHẤT DẠ, BẮT ĐOẠN TUYỆT GIẢ, THỌ CHUNG GIAI ĐẮC VĂNG SANH KỶ QUỐC.

Giải: Thường thường tư duy dùng phương pháp nào để thoát ly khỏi luân hồi sáu đường ? Vẫn ngày đêm ỨC NIỆM PHẬT, một lòng một ý nghĩ nhớ đến việc vãng sanh về thế giới thanh tịnh của Đức Phật A-di-đà. Nếu trong một năm lợi dụng khi rỗi rảnh, lấy cái tâm thanh tịnh tu 10 ngày đêm. Hoặc giả trong mỗi tháng, chọn ngày rỗi rảnh tu một ngày một đêm không nghi ngờ, không pha tạp, niệm danh hiệu không gián đoạn thì khi mệnh chung có thể được vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

Đây là đoạn bổ sung nhân hành và quả báo của hàng hạ bối vãng sanh.

Chú: 1) Tư duy thực kế: Suy nghĩ nhận thức tính toán kỹ lưỡng.

KINH

HÀNH BỒ TÁT ĐẠO, CHƯ VĂNG SANH GIẢ, GIAI ĐẮC A DUY

VIỆT CHÍ, GIAI CỤ KIM SẮC TAM THẬP NHỊ TƯỚNG GIAI
ĐƯƠNG TÁC PHẬT DỤC U HÀ PHƯƠNG PHẬT QUỐC TÁC
PHẬT TÔNG TÂM SỞ NGUYỆN, TÙY KỲ TINH TẤN TẢO VẤN,
CẦU ĐẠO BẤT HỮU HỘI ĐƯƠNG TẮC CHI, BẤT THẤT KỲ SỞ
NGUYỆN DĨ.

Giải: Không phải là người tu tịnh độ nhưng đang tu học pháp môn Đại thừa của Bồ-tát, chư vị muốn đem công đức tu hành mà hồi hướng cầu sanh thế giới Cực Lạc. Tất cả thọ dụng của hạng người đó đều bình đẳng về vị thứ, đều đắc quả vị ba thứ không thối chuyển (thất địa trở lên). Lại còn đầy đủ thân màu vàng tử ma, 32 tướng của đại trượng phu, một kiếp thành Phật. Bất luận thế giới ở phương nào, chúng sanh linh cảm, mong muốn có vị Phật đến giáo hóa, chư vị đều tùy theo nguyện vọng của chúng sanh đến thị hiện thành Phật tại đó.

Còn như kỳ hạn thành Phật thì tùy thuộc vào sự nỗ lực, tinh tấn của mỗi vị mà thành Phật sớm hay muộn không giống nhau. Chư vị đều cầu đạo không ngưng nghỉ, tuy có sai biệt trước sau nhưng quyết là không để mất cái nguyện thành Phật.

Đoạn này trình bày bổ sung hạng người tu học pháp môn Đại thừa, hồi hướng cầu sanh Tịnh độ.

KINH

**A NAN, DĨ THỦ NGHĨA LỢI CỐ, VÔ LƯỢNG VÔ SỐ BẤT KHẢ
TƯ NGHỊ, VÔ HỮU ĐẲNG ĐẲNG VÔ BIÊN THẾ GIỚI, CHƯ**

**PHẬT NHƯ LAI, GIAI CỘNG XUNG TÁN VÔ LƯỢNG THỌ
PHẬT SỞ HỮU CÔNG ĐỨC.**

Giải: Đức Phật nói cho A-nan biết, như đã nói ở trên về sự lý và lợi ích của ba hạng người vãng sanh, nên hết thảy chư Phật Như Lai trong 10 phương thế giới đều ca ngợi, tán dương công đức, không thể nghĩ bàn của Đức Phật A-di-đà.

*

PHẨM THỨ HAI MƯƠI SÁU LỄ CÚNG THÍNH PHÁP

Giải: Phẩm Kinh này nói về chư Bồ-tát đến thế giới Cực Lạc lễ bái, cúng dường Đức Phật A-di-đà và nghe Ngài diễn nói diệu pháp.

KINH

PHỤC THỨ A NAN, THẬP PHƯƠNG THẾ GIỚI CHƯ BỒ TÁT
CHÚNG VI DỤC CHIÊM LỄ CỰC LẠC THẾ GIỚI VÔ LƯỢNG
THỌ PHẬT, CÁC DĨ HƯƠNG HOA TRÀNG PHAN BẢO CÁI
VĨNG NGHỆ PHẬT SỞ, CUNG KÍNH CÚNG DƯỜNG, THÍNH
THỌ KINH PHÁP TUYÊN BỐ ĐẠO HÓA (1), XUNG TÁN PHẬT
ĐỘ CÔNG ĐỨC TRANG NGHIÊM.

Giải: Đức Phật lại nói với A-nan, các thế giới ở phương khác nghe đến danh hiệu của Phật A-di-đà, chư Bồ-tát liền sanh tâm hoan hỷ mong được chiêm ngưỡng Đức Phật Vô Lượng Thọ của thế giới Cực Lạc, chư vị đều mang theo hương hoa, tràng phan, lọng báu đến thế giới Cực Lạc, lấy tâm thành kính mà cúng dường Đức Phật Vô Lượng Thọ và nghe những lời giáo giới của Ngài; sau đó trở về cõi nước của mình, truyền bá tuyên dương, lấy chánh đạo mà giáo hóa chúng sanh, ca ngợi công đức trang nghiêm của thế giới Cực Lạc.

Chú: 1) *Tuyên bố đạo hóa:* Là truyền bá tuyên dương,

lấy chánh đạo mà giáo hóa chúng sanh.

KINH

NHĨ THỜI THẾ TÔN TỨC THUYẾT TỤNG VIẾT:

Giải: Khi ấy Thế Tôn lấy hình thức kệ tụng để tán thán:

TỤNG

ĐÔNG PHƯƠNG CHƯ PHẬT SÁT

SỐ NHƯ HẰNG HÀ SA

HẰNG SA BỒ TÁT CHÚNG

VÃNG LỄ VÔ THƯỢNG THỌ

NAM, TÂY, BẮC, TỬ DUY

THƯỢNG HẠ DIỆC PHỤC NHIÊN

HÀM DĨ TÔN TRỌNG TÂM

PHỤNG CHƯ TRÂN DIỆU CÚNG

Giải: Tám câu kệ trên trình bày chư Bồ-tát đến thế giới Cực Lạc với số lượng rất đông, cõi Phật ở thế giới phương Đông nhiều như cát sông Hằng; số lượng Bồ-tát ấy đều đến thế giới Cực Lạc để lễ bái cúng dường và nghe Phật A-di-đà nói pháp.

Ngoại trừ phương Đông còn có các phương Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Đông Bắc, Tây Nam, Tây Bắc, phương trên, phương dưới, mỗi một phương đều có hằng sa Bồ-tát, chư vị đều lấy cái tâm chân thành, cung kính, mang các phẩm vật quý báu để cúng dường Đức Phật A-di-đà cùng chư vị thượng thiện như trong pháp hội.

KINH

SƯƠNG PHÁT HÒA NHÃ ÂM (1)
CA THÁN TỐI THẮNG TÔN (2)
CỨU ĐẠT (3) THẦN THÔNG TUỆ
DU NHẬP THÂM PHÁP MÔN (4)
VĂN PHẬT THÁNH ĐỨC DANH (5)
AN ỔN ĐẮC ĐẠI LỢI (6)
CHUNG CHUNG CÚNG DƯỜNG TRUNG
CẦN TU VÔ GIẢI QUYỀN
QUÁN BỈ THÙ THẮNG SÁT (7)
VI DIỆU NAN TỬ NGHỊ
CÔNG ĐỨC PHỔ TRANG NGHIÊM
CHƯ PHẬT QUỐC NAN TỶ
NHÂN PHÁT VÔ THƯỢNG TÂM
NGUYỆN TỐC THÀNH BỒ ĐỀ

Giải: Đoạn này nói về chư Bồ-tát trong mười phương tán thán Đức Phật A-di-đà, chư vị phát nguyện muốn chóng thành Phật. Chư Bồ-tát vô số lượng trong mười phương đều phát ra âm thanh hòa nhã, hân hoan ca tụng Phật A-di-đà, tán thán thần thông trí tuệ của Ngài đạt đến chỗ rốt ráo, chúng sanh nghe đến danh hiệu A-di-đà Phật đều an ổn, đạt đến lợi ích to lớn thành Phật. Sau khi nghe đến danh hiệu Thánh đức, thường cúng dường, tinh tấn tu hành, không khởi cái tâm chán nản mệt mỏi.

Chư vị Bồ-tát ấy nhìn hoàn cảnh trang nghiêm đẹp đẽ của thế giới Cực Lạc, đúng là cảm giác được sự vi diệu không thể nghĩ bàn; tất cả điều đó đều do Đức Phật

A-di-đà cùng với đại chúng ở thế giới Cực Lạc cùng làm cho trang nghiêm; vì thế mà ca ngợi rằng cõi Phật trong mười phương thế giới không thể so sánh với thế giới Cực Lạc. Chư Bồ-tát sau khi nhìn thấy rõ những trạng huống vi diệu không thể nghĩ bàn đều mong mỗi trong kiếp này nhanh chóng thành Phật.

Chú: 1) *Sướng phát hòa nhã âm: Hân hoan phát ra âm thanh hòa nhã tốt đẹp.*

2) *Tối thắng tôn: chỉ Phật Di-đà.*

3) *Cứu đạt: Thông đạt, rốt ráo.*

4) *Du nhập thâm pháp môn: Du là tự tại không chướng ngại. Nhập thâm pháp môn là chỉ Phật A-di-đà thấu triệt nguồn gốc của thật tướng của các pháp.*

5) *Thánh đức danh: Chỉ danh hiệu A-di-đà Phật.*

6) *Đại lợi: Lợi ích thù thắng của vãng sanh thành Phật.*

7) *Thù thắng sát: Chu thế giới Cực Lạc.*

KINH

ỨNG THỜI VÔ LƯỢNG TÔN (1)

VI TIỂU HIỆN KIM DUNG

QUANG MINH TÔNG KHẨU XUẤT

BIẾN CHIẾU THẬP PHƯƠNG QUỐC

HỒI QUANG HOÀN NHIỄU PHẬT

TAM TẬP TÒNG ĐẢNH NHẬP (2)
BỒ TÁT KIẾN THỦ QUANG
TỨC CHỨNG BÁT THỐI VỊ
THỜI HỘI NHỨT THIẾT CHỨNG
HỒ KHÁNH SANH HOAN HỖ.

Giải: Đoạn này nói Đức Phật A-di-đà phóng hào quang lợi ích đến chư Bồ-tát tham phông. Cũng chính là lúc chư Bồ-tát phát nguyện, Đức Phật A-di-đà mỉm cười và từ miệng Thế Tôn phóng hào quang chiếu khắp các cõi nước Phật trong mười phương. Sau khi hào quang chiếu khắp mười phương, luồng hào quang quay về chiếu ba vòng quanh Đức Phật rồi nhập vào đánh đầu Thế Tôn. Đó là hình ảnh biểu thị Đức Phật Di-đà vì chư Bồ-tát mười phương mà thọ ký.

Chư vị Bồ-tát nhìn thấy hào quang của Phật lập tức viên chứng ba thứ không thối chuyển; bấy giờ chư Bồ-tát mười phương đến lễ bái cúng dường, nghe pháp đều hân hoan chúc mừng và sanh tâm đại hoan hỷ.

Chú: 1) Ung thời: Chỉ cái lúc chư Bồ-tát tán thán phát nguyện. Vô lượng tôn: chính là Phật A-di-đà.

2) Tòng đánh nhập: Đánh là đánh đầu đại biểu cho pháp vô thượng. Tòng đánh nhập là nhập vào đánh đầu Phật, ở đây có nghĩa là quán đánh thọ ký.

KINH

PHẬT NGŨ PHẠM LÔI CHẤN (1)

BÁT ÂM (2) SƯƠNG DIỆU THANH.

Giải: Hai câu này Đức Phật Thích-ca-mâu-ni tán thán âm thanh nói pháp thanh tịnh của Đức Phật A-di-đà, âm thanh ấy giống như sấm sét, cả 10 phương đều nghe, mà còn đầy đủ 8 âm vì chúng sanh mà diễn nói diệu pháp.

Chú: 1) *Phật ngữ:* Chỉ âm thanh nói pháp của Phật A-di-đà. Phạm có nghĩa là thanh tịnh. Lôì chân là tỷ dụ âm thanh nghe ra chân động lòng người.

2) *Bát âm:* Chỉ âm thanh của Phật có đủ 8 loại tướng tròn đầy:

1. *Tối hảo âm:* Hết thảy âm thanh thế gian, xuất thế gian đều không thể sánh.

2. *Nhu nhuyễn âm:* Chỉ từ bi, tiếng nói nhu nhuyễn của Phật khiến người nghe sanh tâm hoan hỷ, buông bỏ cá tính cương cứng.

3. *Điều hòa âm:* Âm thanh của Phật có khả năng điều hòa tâm chúng sanh khiến chúng sanh bỏ phiền não, tăng trưởng trí tuệ.

4. *Bát ngộ âm:* Pháp mà Đức Phật tuyên nói không sai lầm.

5. *Bát nữ âm:* Âm thanh của Đức Phật đầy đủ bốn món vô úy, khiến người nghe kính phục, tà ma quy thuận chứ không phải là giọng của đàn bà.

6. *Tôn từ âm:* Âm thanh của Đức Phật khiến

cho chúng sanh sau khi nghe sanh khởi cái tâm kính trọng, khâm ngưỡng, khai phát trí tuệ.

7. *Thâm viễn âm*: Âm thanh nói pháp của Đức Phật khiến cho người nghe thâm cảm.

8. *Bất kiệt âm*: Pháp mà Đức Phật nói, mỗi mỗi câu đều mang nghĩa lý sâu rộng vô tận.

KINH

THẬP PHƯƠNG LAI CHÁNH SĨ
NGÔ TẮT TRI BỈ NGUYỆN (1)
CHÍ CẦU NGHIÊM TỊNH ĐỘ
THỌ KÝ ĐƯƠNG TÁC PHẬT
GIÁC LIỄU NHẤT THIẾT PHÁP
DO NHƯ MỘNG ẢO HƯỞNG
MÃN TÚC CHƯ ĐIỆU NGUYỆN (2)
TẮT THÀNH NHƯ THỊ SÁT.
TRI ĐỘ NHƯ ẢNH TƯỢNG
HẰNG PHÁT HOẰNG THỆ TÂM
CỨU CẢNH BỒ TÁT ĐẠO
CỤ CHƯ CÔNG ĐỨC BỒN (3)
TU THẮNG BỒ ĐỀ HẠNH (4)
THỌ KÝ ĐƯƠNG TÁC PHẬT
THÔNG ĐẠT CHƯ PHÁP TÁNH
NHẤT THIẾT KHÔNG VÔ NGÃ
CHUYÊN CẦU TỊNH PHẬT ĐỘ
TẮT THÀNH NHƯ THỊ SÁT.

Giải: Đoạn này Đức Phật Thích-ca chuyển qua sự kiện

khai thị của Đức Phật A-di-đà đối với chư Bồ-tát mười phương.

Đức Phật A-di-đà nói: Chư vị Bồ-tát từ mười phương cõi nước đến đây Ta đều biết tâm nguyện của họ chính là một lòng một ý cầu được trang nghiêm cõi Phật, mong mỏi Như Lai vì họ mà thọ ký thành Phật. Các ông mong thực hiện đầy đủ nguyện lớn thì cần phải giác ngộ, hiểu rõ hết thảy các pháp đều như mộng, như ảo, như tiếng vang đều không thật. Nếu như muốn cõi nước trang nghiêm, thanh tịnh như thế nào thì cần phải hoàn thành nguyện lớn đã phát.

Tuy biết rằng tất cả pháp thế gian đều không thật, cũng phải biết rằng cái cõi nước mong cầu cũng đều là như mộng, như ảo; Đức Phật Di-đà vẫn thường khuyên chư Bồ-tát hãy thường phát nguyện cứu độ hết thảy chúng sanh, giá như muốn thành tựu tâm Bồ-tát, hạnh Bồ-tát rốt ráo tròn đầy thì cần có đủ hết thảy căn bản công đức, cũng chính là học Giới, Định, Tuệ và lục độ rồi còn phải tu tập 10 nguyện lớn thù thắng của Phổ Hiền; như thế thì mới có năng lực tiếp nhận sự thọ ký thành Phật của Đức Phật.

Đức Phật A-di-đà giáo giới chư Bồ-tát cần thông đạt cái tướng chân thật của tất cả các pháp, liễu tri tất cả các pháp đều không, vô ngã, sau đó mới thúc đẩy chuyên cầu Tịnh độ thì chắc chắn sẽ thành tựu cõi Phật trang

nghiêm như thế giới Cực Lạc.

Chú: 1) *Ngô: Đức Phật A-di-đà tự xưng; Bỏ nguyện chỉ tâm nguyện của Bồ-tát.*

2) *Chư diệu nguyện: Chỉ 4 hoàng thế nguyện.*

3) *Công đức bốn: Chỉ Giới, Định, Tuệ, Lục độ.*

4) *Bồ-đề hạnh: Hành vi của giác ngộ vô thượng.*

KINH

VĂN PHÁP LẠC THỌ HÀNH (1)

ĐẮC TRÍ THANH TỊNH XÚ

TẮT Ư VÔ LƯỢNG TÔN

THỌ KÝ THÀNH ĐẰNG GIÁC.

Giải: Từ đoạn này trở đi, Thế Tôn tán thán chư Bồ-tát sau khi nghe Đức Phật A-di-đà nói pháp đạt được lợi ích. Sau khi chư Bồ-tát nghe Phật Di-đà nói pháp, ai nấy đều thích thú pháp môn ấy và hoan hỷ tin nhận phụng hành.

Do đó tâm của chư vị ngày càng thêm thanh tịnh, chỉ cần tu đạt đến tâm thanh tịnh thì trí tuệ cũng tròn đầy ngay trước mắt, chắc chắn liền tại chỗ Đức Phật A-di-đà thọ ký thành Phật.

Chú: 1) *Lạc thọ hành: Lạc là ưa thích, thích thú; Thọ hành là tin nhận thực hành.*

2) *Đẳng giác: Chánh đẳng Chánh giác tức quả vị Phật.*

KINH

VÔ BIÊN THÙ THẮNG SÁT (1)
KỶ PHẠT BỒN NGUYỆN LỤC
VĂN DANH DỤC VÃNG SANH
TỰ TRÍ BẤT THỐI CHUYỂN
BỒ TÁT HƯNG TRÍ NGUYỆN (2)
NGUYỆN KỶ QUỐC VÔ DI
PHỔ NIỆM ĐỘ NHẤT THIẾT
CÁC PHÁT BỒ ĐỀ TÂM
XÃ BỈ LUÂN HỒI THÂN
CÂU LINH ĐĂNG BỈ NGẠN

Giải: Thế giới Cực Lạc vi diệu vượt hơn các thế giới khác, bồn nguyện của Đức Phật Di-đà chính là mong mọi tất cả chúng sanh nghe đến danh hiệu của Ngài liền phát khởi nguyện cầu vãng sanh, đều viên chứng ba loại không thối chuyển một kiếp thành Phật.

Bồ-tát mười phương phát khởi nguyện lớn vì lợi ích cho chúng sanh, hy vọng cõi nước của mình cũng giống như cõi nước Cực Lạc. Nhất định cần lấy cái tâm đại từ bi, phổ biến nhiếp thọ tất cả chúng sanh. Hy vọng chúng sanh đều phát tâm Bồ-đề, dựa vào pháp môn tu học thì có khả năng vượt qua luân hồi đạt đến bờ bên kia.

Chú: 1) *Thù thắng sát:* Chỉ thế giới Cực Lạc.

2) *Hưng trí nguyện:* Phát khởi nguyện lớn đem lợi ích đến cho hết thảy chúng sanh.

KINH

PHỤNG SỰ VẠN ÚC PHẬT (1)

PHI HÓA (2) BIẾN CHƯ SÁT

CUNG KÍNH HOAN HỖ KHỨ

HOÀN ĐÁO AN DƯỠNG QUỐC (3)

Giải: Sau khi chư Đại Bồ-tát đến thế giới Cực Lạc, chư vị đều được sự gia trì của sức mạnh bốn nguyện của Phật Di-đà tức thì có năng lực lấy cái tâm cung kính, tâm hoan hỷ đến khắp mười phương thế giới cúng dường hết thầy chư Phật, nghe Kinh, nghe Pháp. Lại còn có thể giáo hóa cho tất cả chúng sanh trong mọi cõi nước, khích lệ chúng sanh niệm Phật cầu vãng sanh, sau đó lại trở về thế giới Cực Lạc.

Chú: 1) *Vạn úc Phật:* Đây không phải là chỉ con số cụ thể mà chỉ đến hết thầy chư Phật khắp cả hư không pháp giới.

2) *Phi hóa:* bay chạy tự tại giáo hóa chúng sanh.

3) *An dưỡng quốc:* Chỉ thế giới Cực Lạc.

*

PHẨM THỨ HAI MƯƠI BẢY CA THÁN PHẬT ĐỨC

Giải: Phẩm này nói tới việc chư Bồ-tát sanh về thế giới Cực Lạc từng niệm không quên ca tụng, tán thán công đức của chư Phật.

KINH

**PHẬT NGŨ A NAN, BỈ QUỐC BỒ TÁT THỪA PHẬT UY THẦN,
Ư NHẤT THỰC KHOẢNH (1) PHỤC VĂNG THẬP PHƯƠNG VÔ
BIÊN TỊNH SÁT, CÚNG DƯỜNG CHƯ PHẬT.**

Giải: Đức Phật nói cho A-nan biết chư Bồ-tát ở thế giới Tây phương, nhờ sức mạnh gia trì của Đức Phật A-di-đà nên chỉ trong một thời gian ngắn ngủi (một bữa ăn) chư vị có khả năng đến thế giới của chư Phật trong mười phương để cúng dường và nghe chư Phật nói pháp rồi trở về.

Chú: 1) Nhứt thực khoảnh: Thời gian của một bữa ăn, hình dung thời gian rất ngắn.

KINH

**HOA HƯƠNG TRÀNG PHAN, CÚNG DƯỜNG CHI CỤ, ỨNG NIỆM
TỨC TRÍ GIAI HIỆN THỦ TRUNG, TRÂN DIỆU THỦ ĐẶC, PHI
THỂ SỞ HỮU DĨ PHỤNG CHƯ PHẬT CẬP BỒ TÁT CHÚNG.**

Giải: Chư vị lấy các thứ hương hoa, tràng phan đến cúng dường Phật, các vật phẩm cúng dường ấy tùy tâm niệm liền hiện ra trong tay; các loại cúng dường đó rất quý

báu, cuộc đời không thể có được. Chư vị dùng vật phẩm đó cúng dường chư Phật cùng chư Bồ-tát.

KINH

KỶ SỞ TẢN HOA, TỨC Ư KHÔNG TRUNG HỢP VI NHẤT HOA, HOA GIAI HƯỚNG HẠ, ĐOAN VIÊN CHU TẠP (1) HÓA THÀNH HOA CÁI, BÁCH THIÊN QUANG SẮC, SẮC SẮC DỊ HƯƠNG, HƯƠNG KHÍ PHỔ HUÂN, CÁI CHI TIỂU GIẢ, MÃN THẬP DO TUẦN. NHƯ THỊ CHUYỂN BỘI (2), NÃI CHÍ BIẾN PHỤC TAM THIÊN ĐẠI THIÊN THẾ GIỚI, TÙY KỶ TIỀN HẬU DĨ THỨ HÓA MỘT. NHƯỢC BÁT CẢNH DĨ TÂN HOA TRÙNG TẢN, TIỀN SỞ TẢN HOA CHUNG BÁT PHỤC LẠC Ư HỮ KHÔNG TRUNG CỘNG TÁU THIÊN NHẠC DĨ VI DIỆU ÂM CA THÁN PHẬT ĐỨC.

Giải: Tất cả các thứ hoa hợp lại thành một hoa, các thứ hoa đều rơi xuống sắp lại thành lọng hoa, cả trăm ngàn màu sắc, mỗi màu sắc tỏa ra mùi thơm khác nhau, mùi thơm ấy xông lên cả mười phương thế giới. Lọng hoa được hình thành chỉ ít cũng được mười do tuần, rồi không ngừng lớn thêm, cuối cùng là che kín cả ba ngàn đại thiên thế giới.

Rồi các lọng hoa ấy tuần tự biến mất; nếu như không lấy hoa mới rải khắp hư không thì các thứ hoa đã có trước sau không tàn rụng.

Chú: 1) Đoan viên chu tạp: Đoan là chánh; viên là vòng. Đoan viên chu tạp là trình bày các thứ hoa ở không trung rất có thứ tự hình thành các lọng hoa đẹp đẽ.

2) *Chuyên bội: Không ngừng lớn hơn.*

KINH

KINH TU DU GIAN HOÀN KỲ BỐN QUỐC, ĐÔ TÁT TẬP HỘI THẤT BẢO GIẢNG ĐƯỜNG VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT, ẤT VỊ QUẢNG TUYÊN ĐẠI GIÁO DIỄN XUỐNG DIỆU PHÁP MẠC BẤT HOAN HỖ TÂM GIẢI ĐẮC ĐẠO (1).

Giải: Chư Bồ-tát của thế giới Cực Lạc, sau khi cúng dường chư Phật, trải qua một thời gian rất ngắn ngủi lại trở về thế giới Cực Lạc, toàn bộ chư vị đều tụ tập tại giảng đường bảy báu, Đức Phật Di-đà liền vì chư vị mà tuyên nói giáo pháp Đại thừa, bàn luận pháp môn niệm Phật. Chư Bồ-tát nghe xong, không ai không hoan hỷ, khai mở tâm ý, giác ngộ đạo Thánh.

Chú: 1) Tâm giải đắc đạo: Tâm giải là tâm ý được khai mở, đắc đạo là chứng ngộ quả vị Phật.

KINH

TỨC THỜI HƯƠNG PHONG XUY THẤT BẢO THỤ, XUẤT NGŨ ÂM THANH, VÔ LƯỢNG DIỆU HOA TÙY PHONG TỬ TÁN, TỰ NHIÊN CÚNG DƯỜNG NHƯ THỊ BẤT TUYỆT, NHẤT THIẾT CHƯ THIÊN (1) GIAI TÊ (2) BÁCH THIÊN HOA HƯƠNG, VẠN CHỦNG KỶ NHẠC (3), CÚNG DƯỜNG BỈ PHẬT CẬP CHƯ BỒ TÁT THANH VĂN CHI CHÚNG TIỀN HẬU VĨNG LAI, HY ĐÃI (4) KHOÁI LẠC.

Giải: Bấy giờ gió mang hương thơm thổi đến hàng cây bảy báu phát ra âm thanh vi diệu, vô số hoa quý theo gió bay khắp, sự cúng dường tự nhiên liên tục không

ngừng và lai hết thấy chư thiên đều năm trăm ngàn thứ hoa hương cùng cả vạn thứ nhạc trời đến cúng dường Đức Phật A-di-đà cùng đại chúng Bồ-tát, thanh văn tại pháp hội. Chư vị tiếp nối nhau, tất cả đều vô cùng hân hoan, hạnh phúc.

Chú: 1) Chư thiên: Ở đây không phải chỉ chư thiên trong ba cõi mà chỉ chư Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc khi đến các thế giới khác làm thân nhân để hóa độ chúng sanh.

2) Tê: Có nghĩa là đem cái gì đó trao cho người khác.

3) Kỳ nhạc: Biểu diễn ca múa kịch.

4) Hy đãi: Có nghĩa là vui mừng.

KINH

THỦ GIAI VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT BỐN NGUYỆN GIA UY, CẬP TẦNG CÚNG DƯƠNG NHƯ LAI, THIỆN CĂN TƯƠNG TỤC VÔ KHUYẾT GIAM (1) CỐ. THIỆN TU TẬP (2) CỐ, THIỆN NHIẾP THỦ (3) CỐ, THIỆN THÀNH TỰU (4) CỐ.

Giải: Chư Bồ-tát đều cúng dường chư Phật mười phương, nhân duyên thù thắng được nghe Đức Phật thuyết pháp đều do sự gia trì của sức mạnh bốn nguyện của Đức Phật A-di-đà cùng với kiếp quá khứ của chư vị đã từng cúng dường vô lượng chư Phật Như Lai nên các căn lành không ngừng tăng trưởng. Như thế nào là căn lành của chư vị không ngừng tăng trưởng? Nhờ chư vị hoàn toàn dựa theo những lời dạy ở trong Kinh rồi khéo tu tập, khéo nhiếp thủ, khéo thành tựu để giữ gìn cho căn lành của tự thân không ngừng lớn mạnh.

PHẨM THỨ HAI MƯƠI TÁM ĐẠI SĨ (1) THẦN QUANG

Giải: Phẩm này chủ yếu là nói về thần thông trí tuệ của chư Đại Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc. Trong số Thánh chúng đó đặc biệt xuất hiện hai vị Đại sĩ Quan Thế Âm và Đại Thế Chí là bậc nhất. Hào quang và oai thần của hai vị cho đến công đức lợi ích chúng sanh của hai vị đều vượt qua các vị khác.

Chú: 1) Đại sĩ: Chính là Đại Bồ-tát.

KINH

PHẬT CÁO A NAN, BỈ PHẬT QUỐC TRUNG CHƯ BỒ TÁT CHÚNG, TẮT GIAI ĐỘNG THỊ TRIỆT THỈNH BÁT PHƯƠNG, THƯỢNG HẠ, KHỨ LAI, HIỆN TẠI CHI SỰ CHƯ THIÊN NHÂN DÂN, DĨ CẬP QUYÊN PHI, NHU ĐỘNG CHI LOẠI, TÂM Ý THIỆN ÁC, KHẨU SỞ DỤC NGÔN, HÀ THỜI ĐỘ THOÁT, ĐẮC ĐẠO VĨNG SANH, GIAI DỰ TRI (1) CHI; HỮU BỈ PHẬT SÁT CHƯ THANH VĂN CHÚNG, THẦN QUANG NHẤT TẦM (2), BỒ TÁT QUANG MINH, CHIẾU BÁCH DO TUẦN.

Giải: Đức Phật nói cho A-nan biết chư Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc được sự gia trì của bốn nguyện của Đức Phật A-di-đà nên đều có khả năng thấy hết, biết hết mọi việc trong tám phương, hai phương trên dưới; mọi việc trong quá khứ, hiện tại, vị lai. Còn đối với chư thiên nhân dân ở các thế giới khác cho đến các loài chúng sanh trong

sáu đường, trong tâm họ khởi lên một niệm tà hay chánh, thiện hay ác, muốn nói ra điều gì, khi nào được độ thoát, lúc nào được vãng sanh thì chư vị Bồ-tát đều biết trước cả.

Lại nữa, chúng Thanh văn ở thế giới Cực Lạc thì hào quang của chư vị chỉ dài một tâm, còn hào quang của chư Bồ-tát chiếu đến 100 do tuần.

Chú: 1) *Dự tri: Biết trước.*

2) *Thân quang nhất tâm: Thân quang là hào quang tự thân; nhất tâm là chiều dài tương đương với hai cánh tay dang ra.*

KINH

HỮU NHỊ BỒ TÁT, TỐI TÔN ĐỆ NHẤT, UY THẦN QUANG MINH PHỔ CHIẾU TAM THIÊN ĐẠI THIÊN THẾ GIỚI, A NAN BẠCH PHẬT, BỈ NHỊ BỒ TÁT, KỲ HIỆU VÂN HÀ ? PHẬT NGÔN NHẤT DANH QUAN THẾ ÂM, NHẤT DANH ĐẠI THẾ CHÍ, THỦ NHỊ BỒ TÁT Ư TA BÀ GIỚI (1) TU BỒ TÁT HẠNH, VÃNG SANH BỈ QUỐC, THƯỜNG TẠI A DI ĐÀ PHẬT TẢ HỮU, DỤC TRÍ THẬP PHƯƠNG VÔ LƯỢNG PHẬT SỞ, TÙY TÂM ẤT ĐÁO HIỆN CỬ THỦ GIỚI TÁC ĐẠI LỢI LẠC (2).

Giải: Có hai vị Đại Bồ-tát rất được đại chúng tôn kính, oai thần hào quang của hai vị chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Tôn giả A-nan hỏi Đức Phật danh hiệu của hai vị ấy là gì, Đức Phật trả lời một vị là Quán Thế Âm, một vị là Đại Thế Chí; hai vị Bồ-tát này ở thế giới

Ta-bà tu hạnh Bồ-tát, khi vãng sanh về thế giới Cực Lạc thường ở hai bên Phật A-di-đà. Hai vị muốn đến hóa độ chúng sanh ở các cõi Phật mười phương đều tùy theo tâm mong muốn. Hiện nay hai vị đang ở thế giới Ta-bà giáo hóa chúng sanh cầu sanh tịnh độ.

Chú: 1) *Ta-bà giới*: Ta-bà là tiếng Ấn Độ có nghĩa là kham nhẫn; nhân vì chúng sanh ở thế giới ấy an trú trong mười điều ác, cứ nhận chịu các phiền não do ba độc tham, sân, si gây ra mà không chịu ra khỏi; vì thế nên gọi là thế giới kham nhẫn.

2) *Đại lợi lạc*: Lợi ích lớn, lợi lạc lớn; Chính là niệm Phật vãng sanh, một kiếp quyết định thành Phật.

KINH

THẾ GIAN THIỆN NAM TỬ, THIỆN NỮ NHƠN (1), NHƯỢC HỮU CẤP NẠN KHỦNG BỐ, ĐÀN TỰ QUY MẠNG QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT, VÔ BÁT ĐẮC GIẢI THOÁT GIẢ.

Giải: Người đàn ông, đàn bà nào ở thế gian nếu gặp phải tai nạn nguy cấp, sợ hãi chỉ cần một lòng trở về nương tựa, niệm Quán Thế Âm Bồ-tát đều được thoát khỏi tai nạn lớn lao.

Chú: 1) *Thiện nam tử, thiện nữ nhơn*: Các tiêu chuẩn thiện của thế gian, chỉ cần thực hiện “hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, tâm từ không giết hại, tu mười nghiệp lành” thì phù hợp với các tiêu chuẩn thiện.

PHẨM THỨ HAI MƯƠI CHÍN NGUYỆN LỰC HOÀNG THÂM

Giải: Phẩm này trình bày chư Bồ-tát của thế giới Cực Lạc tự thực hành nguyện lực sâu rộng của chư vị.

KINH

PHỤC THỨ A NAN, BỈ PHẬT SÁT TRUNG, SỞ HỮU HIỆN TẠI, VỊ LAI NHẤT THIẾT BỒ TÁT GIAI ĐƯƠNG CỨU CÁNH NHẤT SANH BỔ XỨ.

Giải: Đức Phật lại nói với A-nan, chư vị Bồ-tát hiện được vãng sanh hoặc là vãng sanh trong tương lai ở thế giới Cực Lạc đều quyết định có năng lực một kiếp thành tựu quả vị bồ xứ.

KINH

DUY TRỪ ĐẠI NGUYỆN, NHẬP SANH TỬ GIỚI (1) VỊ ĐỘ QUẦN SANH, TÁC SƯ TỬ HỒNG (2) HOÀN ĐẠI GIÁP VỊ (3) DĨ HOÀNG THỆ CÔNG ĐỨC NHI TỰ TRANG NGHIÊM, TUY SANH NGŨ TRƯỚC ÁC THỂ (4) THỊ HIỆN ĐỒNG BỈ, TRỰC CHỈ THÀNH PHẬT, BÁT THỌ ÁC THỨ, SANH SANH CHI XỨ THƯỜNG THỨC TỨC MẠNG.

Giải: Ngoại trừ nguyện lớn vì cứu độ tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới, chư vị Bồ-tát ấy thị hiện trong sáu nẻo luân hồi để cứu độ quần sanh, vì chúng sanh mà làm tiếng rống sư tử, mặc áo giáp, lấy thể nguyện rộng lớn hóa độ chúng sanh mà tự trang nghiêm,

tuy là chư vị ở trong thế giới ngũ trước, thị hiện như thân thể chúng sanh; cách thị hiện như vậy cho đến khi thành Phật vẫn không hề bị khổ thọ của ba đường ác; chư vị là hàng Bồ-tát nguyện tái sanh, dù sanh vào chỗ nào chư vị cũng đều biết rõ quá khứ của tự thân (đó mới là nghĩa chân thật chúng sanh không thành Phật, Ta cũng không thành Phật).

Chú: 1) *Sanh tử giới*: Chỉ sáu nẻo luân hồi.

2) *Tác sư tử hồng*: Thí dụ việc giảng Kinh nói pháp.

3) *Hoàn đại giáp vị*: Hoàn là mặc; giáp vị là áo giáp khoát vào khi ra trận, ở đây thí dụ cho việc nghiêm giữ giới luật, thị hiện đức tướng dũng mãnh không sợ hãi.

4) *Ngũ trước ác thế*: Ngũ trước là Mệnh trước, Kiếp trước, Kiến trước, Chúng sanh trước, Phiền não trước.

– *Mệnh trước*: Chúng sanh vì phiền não, thân tâm khổ sở, mạng sống ngắn ngủi.

– *Chúng sanh trước*: Người đời ngày càng thêm nghiệp ác, thân tâm bất tịnh, không thông đạt nghĩa lý.

– *Phiền não trước*: Người đời tham ái, sân hận, đấu tranh mãi mãi.

– *Kiến trước*: Hiểu biết không chánh, không thực hành chánh đạo.

– *Kiếp trước*: Là dụ cho thời đại quá nhiều khổ

đau, bệnh tật, chiến tranh, tai nạn thường xuyên diễn ra, sanh linh đồ thán chẳng được yên ngày nào.

KINH

VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT Ý DỤC ĐỘ THOÁT THẬP PHƯƠNG THẾ GIỚI CHƯ CHÚNG SANH LOẠI, GIAI SỬ VĂNG SANH KỲ QUỐC TẮT LINH ĐẮC NÊ HOÀN (1) ĐẠO, TÁC BỒ TÁT GIẢ, LINH TẮT TÁC PHẬT, KÝ TÁC PHẬT DĨ CHUYỂN TƯỚNG GIÁO THỌ CHUYỂN TƯỚNG ĐỘ THOÁT. NHƯ THỊ TRIỂN CHUYỂN, BẤT KHẢ PHỤC KẾ.

Giải: Tâm ý của Đức Phật Vô Lượng Thọ vì muốn độ thoát chúng sanh trong mười phương thế giới khiến cho họ được vãng sanh về thế giới Cực Lạc đặc Niết-bàn. Ngài hóa độ chúng sanh tu đạo Bồ-tát khiến cho tất cả đều thành Phật. Sau khi thành Phật chư vị trở lại cuộc đời để giáo hóa chúng sanh, giúp cho chúng sanh thoát khỏi sống chết ba cõi; số lượng người giáo thọ, độ thoát thì không thể nào đếm hết được.

Chú: 1) Nê-hoàn: Niết-bàn.

KINH

THẬP PHƯƠNG THẾ GIỚI, THANH VĂN, BỒ TÁT CHƯ CHÚNG SANH LOẠI, SANH BỈ PHẬT QUỐC ĐẮC NÊ HOÀN ĐẠO. ĐƯƠNG TÁC PHẬT GIẢ BẤT KHẢ THẮNG SỐ; BỈ PHẬT QUỐC TRUNG THƯỜNG NHƯ NHẤT PHÁP (1) BẤT VI TĂNG ĐA SỞ DĨ GIẢ HÀ. DO NHƯ ĐẠI HẢI, VI THỦY TRUNG VƯƠNG, CHƯ THỦY LƯU HÀNH ĐỘ NHẬP HẢI TRUNG, THỊ ĐẠI HẢI THỦY, NINH VỊ TĂNG GIÁM.

Giải: Chư Thanh văn Bồ-tát và chúng sanh của thế giới mười phương, vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, số lượng chúng đắc Niết-bàn thành Phật không thể nào đếm được. Nhất chân pháp giới của thế giới Cực Lạc vẫn hằng thường không biến đổi; số lượng vãng sanh về Tây phương có nhiều hơn nữa thì cũng chẳng thấy thêm, vì sao ? Cũng như vua của nước ở trong biển lớn, nước của tất cả sông ngòi đều nhập vào biển cả nhưng nước ở trong biển vẫn không tăng giảm.

Chú: 1) *Nhất pháp: Nhất chân pháp giới.*

KINH

BÁT PHƯƠNG THƯỢNG HẠ PHẬT QUỐC VÔ SỐ A DI ĐÀ QUỐC, TRƯỜNG CỬU QUẢNG ĐẠI, MINH HẢO KHOÁI LẠC, TỐI VI ĐỘC THẮNG; BỒN KỲ VI BỒ TÁT THỜI, CẦU ĐẠO SỞ NGUYỆN, LUY ĐỨC SỞ TRÍ, VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT ÂN ĐỨC BỐ THÍ, BÁT PHƯƠNG THƯỢNG HẠ, VÔ CÙNG VÔ CỰC, THÂM ĐẠI VÔ LƯỢNG, BÁT KHẢ THẮNG NGÔN.

Giải: Trong vô số cõi nước Phật ở trong mười phương thế giới của Đức Phật A-di-đà thì thọ mạng hết sức lâu dài, cõi nước rộng lớn vô biên, thanh tịnh sáng suốt, tướng tốt trang nghiêm, chúng sanh hạnh phúc an lạc, thù thắng bậc nhất trong các thế giới của chư Phật.

Tất cả những điều đó đều do nhân địa của Đức Phật A-di-đà khi đang là Bồ-tát, tu hành tròn đầy và nguyện lớn tròn đầy cùng với công đức vô lượng tích

lũy trong vô số kiếp mà hình thành. Ân đức bố thí của Phật A-di-đà đối với chúng sanh trong mười phương là không cùng tận, thực sự sâu xa rộng lớn, vô lượng vô biên; ân đức ấy dù cho chư Phật có nói cũng không thể nói hết.

*

PHẨM THỨ BA MƯƠI BỒ TÁT TU TRÌ

Giải: Phẩm Kinh này thuyết minh về pháp môn tu tập và hành trì của chư Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc.

KINH

PHỤC THỨ A NAN, BỈ PHẬT SÁT TRUNG, NHẤT THIẾT BỒ TÁT, THIỀN ĐỊNH, TRÍ TUỆ, THẦN THÔNG, UY ĐỨC VÔ BẤT VIÊN MÃN.

Giải: Đức Phật lại nói cho A-nan biết, chư Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc, thiền định, trí tuệ, thần thông, uy đức của chư vị không pháp nào là không tròn đầy.

KINH

CHƯ PHẬT MẬT TẠNG (1) CỨU CÁNH MINH LIỄU, ĐIỀU PHỤC (2) CHƯ CĂN, THÂN TÂM NHU NHUYỄN (3), THÂM NHẬP CHÁNH TUỆ (4) VÔ PHỤC DƯ TẬP (5), Y PHẬT SỞ HÀNH, THẮT GIÁC THÁNH ĐẠO (6) TU HÀNH NGŨ NHÃN (7) CHIẾU CHÂN ĐẠT TỤC (8), NHỤC NHÃN GIẢN TRẠCH (9) THIÊN NHÃN THÔNG ĐẠT (10), PHÁP NHÃN THANH TỊNH (11), HUỆ NHÃN KIẾN CHÂN (12), PHẬT NHÃN CỤ TỨC (13), GIÁC LIỄU PHÁP TÁNH (14).

Giải: Đại chúng Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc, đối với lời nói chân thật, thâm sâu huyền ảo của chư Phật, chư vị đều hiểu biết rất ráo, thì tự nhiên chư vị khéo điều phục sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, mãi mãi thoát khỏi

hết thấy ác hành, thân tâm được thanh tịnh nhu hòa, tùy thuận ở nơi chánh đạo. Như vậy thì tự nhiên khế nhập trí tuệ chân thật của Như Lai, không còn tàn dư của tập khí phiền não.

Dựa vào giáo giới của Đức Phật Di-đà, chư vị tu tập 37 phẩm trợ đạo, đồng thời tu năm loại mắt của quả vị Phật, chiếu thấy chân tâm bốn tính, thấu đạt vạn pháp trong vũ trụ. Nhục nhãn khéo chọn pháp môn niệm Phật, thiên nhãn khéo thấy nghiệp quả của chúng sanh trong mười phương hằng sa thế giới, pháp nhãn thanh tịnh có năng lực quán khắp tất cả các pháp và biết rõ tâm lý, hành vi của tất cả chúng sanh, huệ nhãn thì chiếu thấy cái sự thật chân tướng của vạn hữu trong vũ trụ, Phật nhãn thì đầy đủ công năng của mắt, tròn đầy, không thiếu giác ngộ bốn tánh của nhất thiết pháp.

Chú: 1) Chư Phật mật tạng: Mật tạng là lời nói chân thật mà pháp thân Như Lai đã nói đều thâm sâu, huyền ảo chẳng phải hạng Tiểu thừa hiểu được, ở đây là chỉ đến danh hiệu A-di-đà Phật.

2) Điều phục: Là điều hòa, chế phục ba nghiệp thân, miệng, ý; chế phục là trừ diệt tất cả ác hành.

3) Nhu nhuyễn: Cái tâm nhu hòa mà thuận nơi chánh đạo.

4) Thâm nhập chánh tuệ: Chánh tuệ là chỉ trí tuệ chân thật.

5) *Du tập: Tập khí tàn dư.*

6) *Thất giác thánh đạo: Chính là bảy giác chi:*

1. *Trạch pháp.*

2. *Tinh tấn.*

3. *Hỷ.*

4. *Khinh an.*

5. *Niệm.*

6. *Định.*

7. *Hành xả.*

Thánh đạo là 8 đường Chánh:

1. *Chánh kiến.*

2. *Chánh tư duy.*

3. *Chánh ngữ.*

4. *Chánh nghiệp.*

5. *Chánh mạng.*

6. *Chánh tinh tấn.*

7. *Chánh niệm.*

8. *Chánh định.*

Ở đây đưa ra bảy giác chi và tám Thánh đạo là bao quát cả 37 phẩm trợ đạo.

7) *Ngũ nhân: Là Nhục nhân – Thiên nhân – Huệ nhân – Pháp nhân – Phật nhân. Chỉ có Phật mới đầy đủ ngũ nhân, biểu trưng cho đức năng, trí tuệ tròn đầy của Phật.*

8) *Chiếu chân đạt tục*: Chân là chân lý của vũ trụ nhân sanh chính là bản tính chân như. Chiếu chân là rõ tâm thấy tính mà Thiên tông nói đến. Còn tục là chỉ y báo chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, đạt tục là thông đạt tất cả mọi sự việc trong mười pháp giới.

9) *Nhục nhãn gián trạch*: Nhục nhãn, mắt thịt của phàm phu chỉ có thể thấy các sắc tướng trước mắt, Bô-tát vì mọi người mà thị hiện nên gọi là “giản trạch”.

10) *Thiên nhãn thông đạt*: Ở đây chỉ thiên nhãn của Phật, thấy rõ nghiệp quả sống chết chen đan nhau của chúng sanh trong mười phương hằng sa thế giới.

11) *Pháp nhãn thanh tịnh*: Pháp nhãn của Phật quán khắp tất cả các pháp thế gian, xuất thế gian.

12) *Huệ nhãn kiến chân*: Huệ nhãn của Phật có năng lực chiếu thấu cái sự vật chân tướng của nhân sinh vũ trụ vạn hữu.

13) *Phật nhãn cụ túc*: Phật nhãn thì không chỗ nào không thấy, thông đạt hết thấy sự lý nhân quả, đầy đủ công dụng của các loại mắt.

14) *Pháp tính*: Túc là bản tính, bản thể của hết thảy pháp.

KINH

**BIỆN TÀI TỔNG TRÌ, TỰ TẠI VÔ NGẠI, THIÊN GIẢI THẾ GIAN
VÔ BIÊN PHƯƠNG TIỆN, SỞ NGÔN THÀNH ĐẾ THÂM NHẬP
NGHĨA VỊ, ĐỘ CHỦ HỮU TÌNH, DIỄN THUYẾT CHÁNH PHÁP,**

VÔ TƯỚNG, VÔ VI, VÔ PHƯỢC, VÔ THOÁT (1), VÔ CHƯ PHÂN BIỆT, VIỄN LY ĐIÊN ĐẢO.

Giải: Chư Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc đều đầy đủ biện tài không chướng ngại, có năng lực nắm giữ cương lĩnh của tất cả các pháp: khéo biết rõ căn tính, dục lạc của hết thảy chúng sanh, hoàn toàn khéo nói pháp, những pháp nào nói ra đều thành khẩn chân thật, có năng lực vào sâu nghĩa lý của giáo pháp, vì chúng sanh mà diễn nói chánh pháp. Nội dung của chánh pháp tức là “vô tướng, vô vi, vô phược, vô thoát, không phân biệt chấp trước, viễn ly hết thảy vọng tưởng điên đảo”.

Chú: 1) Ô phược vô thoát: Không phiền não trói buộc cũng không có giải thoát thì mới là giải thoát rốt ráo.

KINH

Ư SỞ THỌ DỤNG, GIAI VÔ NHIẾP THỦ (1) BIẾN DU PHẬT SÁT VÔ ÁI, VÔ ÁP, DIỆC VÔ HY CẦU BÁT HY CẦU TƯỚNG, DIỆC VÔ BỈ NGÃ VI OÁN CHI TƯỚNG.

Giải: Chư Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc ở trong mọi thọ dụng nhưng không tham trước, chư vị đi khắp cõi nước Phật để giáo hóa chúng sanh. Trong cảnh thuận không hề tham ái, trong cảnh nghịch cũng không sanh chán nản mệt mỏi; không khởi niệm mong cầu cũng không hề có niệm mong cầu; không có mình, người lại càng không có niệm thân, sơ, ân oán.

Chú: 1) *Nhiếp thủ: Ở đây chỉ tham trước.*

KINH

HÀ DĨ CỐ ? BỈ CHƯ BỒ TÁT Ư NHẤT THIẾT CHÚNG SANH, HỮU ĐẠI TỪ BI LỢI ÍCH TÂM CỐ. XÃ LY NHẤT THIẾT CHẤP TRƯỚC, THÀNH TỰU VÔ LƯỢNG CÔNG ĐỨC; DĨ VÔ NGẠI TUỆ GIẢI PHÁP NHƯ NHƯ (1) THIỆN TRI TẬP DIỆT ÂM THANH PHƯƠNG TIỆN (2) BẮT HÂN THỂ NGŨ (3) LẠC TẠI CHÁNH LUẬN (4).

Giải: Vì sao như vậy ? Do vì chư Đại Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc lấy tâm đại từ bi đối với lợi ích của hết thảy chúng sanh nên xả bỏ mọi vọng tưởng chấp trước, đầy đủ và thành tựu vô lượng công đức trang nghiêm; lấy trí tuệ không chướng ngại mà liễu giải hết thảy các pháp một cách rất ráo; biết rõ chân lý của Tứ đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo; lấy âm thanh phương tiện giáo hóa chúng sanh, không thích bàn luận các việc thế gian vô nghĩa nhưng thích thú tuyên nói về chân lý của các pháp xuất thế gian.

Chú: 1) *Giải pháp như như: Như như, chữ như trước là chỉ chân như bản tính; Chữ như sau là nói hết thảy các tướng, giải pháp như như chính là hiểu biết triệt để sự lý, chân tướng của tất cả các pháp.*

2) *Thiện tri tập diệt âm thanh phương tiện: Tập diệt là hai đế của tứ đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo.*

1. *Khổ đế: Trình bày chân lý về khổ.*

2. Tập đề: Có nghĩa là tập khởi, nguyên nhân của khổ.

3. Diệt đề: Trình bày khi thành Phật thì mới có thể diệt trừ hết thảy khổ đau, cái chỗ quy túc tròn đầy của nhân sinh.

4. Đạo đề: Phương pháp tu hành đạt đến quả vị Phật.

Tứ đề bao gồm nhân quả thế gian và xuất thế gian.

– Tập: Nhân duyên của các pháp thế gian.

– Khô: Quả báo của các pháp thế gian.

– Đạo: Nhân duyên của các pháp xuất thế gian.

– Diệt: Chứng quả vượt ra khỏi thế gian.

Âm thanh phương tiện là trình bày giáo pháp Tứ đề, là chư Phật thiện xảo phương tiện mà nói.

3) Thế ngữ: Bàn luận việc thế gian vô nghĩa.

4) Chánh luận: Giảng giải về chân tướng của nhân sinh, vũ trụ tương ứng với lời nói.

KINH

TRI NHẤT THIẾT PHÁP TẮT GIAI KHÔNG TỊCH, SANH THÂN PHIỀN NÃO (1), NHỊ DƯ CÂU TẶN (2) Ứ TAM GIỚI TRUNG, BÌNH ĐẲNG CẦN TU, CỨU CẢNH NHẤT THỪA (3), TRÍ Ứ BỈ NGẠN (4), QUYẾT ĐOẠN NGHI VÕNG CHÚNG VÔ SỞ ĐẮC (5), DĨ PHƯƠNG TIỆN TRÍ (6) TĂNG TRƯỞNG LIỄU TRI, TÔNG BỔN DĨ LAI, AN TRÚ THẦN THÔNG; ĐẮC NHẤT THỪA ĐẠO BẮT DO THA NGỘ.

Giải: Chư Bồ-tát ở Cực Lạc đều liễu tri hết thảy các pháp thế và xuất thế gian đều hư vọng, hai thứ tập khí

dư tàn của thân là khổ báo và phiền não đều đã đoạn sạch, ở trong ba cõi mà bình đẳng tinh cần tu tập giáo pháp Nhất thừa rốt ráo, tròn đầy từ đó đạt đến Niết-bàn bờ bên kia. Quyết đoạn từ tất cả trói buộc nghi hoặc, chứng vô sở đắc, lấy việc tăng thêm trí tuệ, phương tiện thiện xảo, phương pháp giáo hóa chúng sanh, an trú ở thần thông trí bi.

Những điều thực tế ấy vốn là tính đầy đủ của chư vị nên bây giờ hiện ra một cách tự nhiên; Phật quả nhất thừa mà chư vị đã chứng đắc cũng từ trong tuệ tâm của chư vị hiện ra tự nhiên chứ nhất định không phải từ ngoại cầu mà có.

Chú: 1) *Sanh thân phiền não*: Sanh thân là cái thân sống chết, tức là cái thân khổ báo. Phiền não, mọi tư tưởng kiến giải sai lầm dẫn đến phiền não.

2) *Nhị dư cấu tận*: Đoạn trừ hết hai thứ tập khí dư tàn khổ báo và phiền não của thân.

3) *Nhứt thừa*: Giáo pháp duy nhất đưa chúng sanh đến thành Phật.

4) *Bỉ ngạn*: Là thí dụ quả vị Phật vô thượng.

5) *Vô sở đắc*: Liễu tri bản thể của các pháp đều không ảo, vì vậy nên ở trong tất cả pháp mà không chấp dính, không phân biệt.

6) *Phương tiện trí*: Trí tuệ phương tiện, khéo giáo hóa chúng sanh.

**PHẨM THỨ BA MƯƠI MỐT
CHÂN THẬT CÔNG ĐỨC**

Giải: Phẩm này trước hết Thế Tôn lấy 15 loại thí dụ để trình bày về các công đức chân thật, tự lợi, lợi người của chư Bồ-tát ở Cực Lạc.

KINH

**KỶ TRÍ HOÀNG THÂM THÍ NHƯ CỤ HẢI, BỒ ĐỀ CAO QUẢNG
DỰ NHƯỢC TU DI, TỰ THÂN UY QUANG SIÊU Ứ NHẬT
NGUYỆT, KỶ TÂM KHIẾT BẠCH DO NHƯ TUYẾT SƠN.**

Giải: Trí tuệ sâu xa rộng lớn của chư Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc sâu rộng như biển lớn không bờ mé. Cái tâm giác ngộ của chư vị cao như núi Tu-di. Hào quang của chư vị phóng ra sáng hơn cả mặt trời, mặt trăng. Còn tâm thanh tịnh của chư vị trong trắng hơn núi tuyết.

KINH

**NHÃN NHỤC NHƯ ĐỊA, NHẤT THIẾT BÌNH ĐẲNG: THANH
TỊNH NHƯ THỦY, TẢY CHƯ TRẦN CẤU. CHÚC THỊNH NHƯ
HỎA, THIÊU PHIÊN NÃO TÂN (1). BẮT TRƯỚC NHƯ PHONG,
VÔ CHƯ CHƯỚNG NGẠI.**

Giải: Cái tâm nhẫn nhục của chư Bồ-tát như đại địa, bình đẳng trước mọi thứ. Hạnh thanh tịnh tu hành giới định tuệ của chư vị cũng như nước rửa sạch mọi bụi trần ô nhiễm. Trí tuệ của chư vị như ngọn lửa lớn đốt cháy tất cả phiền não như lửa đốt cháy củi. Ở trong đời sống

mà chẳng khác nào gió không hề chấp dính, chướng ngại, đặc đại tự tại.

Chú: 1) Tâm: Là cây cỏ, ở đây thí dụ cho phiền não.

KINH

PHÁP ÂM LÔI CHẤN, GIÁC VỊ GIÁC CỐ, VŨ CAM LỘ PHÁP, NHUẦN CHÚNG SANH CỐ. KHUẾCH NHƯỢC HỮ KHÔNG, ĐẠI TỬ ĐẰNG CỐ. NHƯ TỊNH LIÊN HOA, LY NHIỄM Ồ CỐ, NHƯ NI CÂU THỤ (1), PHỤC ÂM ĐẠI CỐ, NHƯ KIM CƯƠNG NGỔ (2), PHÁ TÀ CHẤP CỐ, NHƯ THIẾT VI SƠN, CHÚNG MA NGOẠI ĐẠO (3), BẤT NĂNG ĐỘNG CỐ.

Giải: Pháp âm nói pháp của chư Bồ-tát chấn động như tiếng sấm sét, cảnh giác cho hàng chúng sanh chưa giác ngộ. Lại giống như căn lành của nước cam lồ thấm ướt tất cả chúng sanh. Tâm lượng của chư vị rộng lớn như hư không thường lấy tâm đại từ mà đối đãi với hết thảy chúng sanh. Chư vị đến giáo hóa chúng sanh trong mười phương thế giới cũng giống như hoa sen, từ trong bùn ra mà không bị ô nhiễm, xa rời sáu trần, năm dục phiền não chấp trước, tâm đại từ đại bi của chư Bồ-tát giống như cây ni-câu giúp cho hết thảy chúng sanh mãi xa rời nhiệt não, đạt được trong mát tự tại. Trí tuệ của chư Bồ-tát như chày kim cương có năng lực trừ phiền não, tà kiến chấp dính của chúng sanh. Niềm tin của chư vị kiên cố như núi thiết vi, tất cả tà ma ngoại đạo không thể nào lay động.

Chú: 1) Ni-câu thụ: Tên của một thứ cây ở Ấn Độ, cành lá rất sum suê, tán của nó rất rộng.

2) Kim cương ngõ: Một loại binh khí mà các vị Thần Kim cương thường mang; thí dụ cho trí tuệ sắc bén của chư vị đầy đủ khả năng diệt trừ chấp dính, phiền não của chúng sanh.

3) Ngoại đạo: Chỉ cho hàng đi ngược lại chân lý đều gọi là ngoại đạo.

KINH

KỶ TÂM CHÁNH TRỰC THIỆN XẢO QUYẾT ĐỊNH, LUÂN PHÁP VÔ ÁP, CẦU PHÁP BÁT QUYỀN. GIỚI NHƯỢC LƯU LY (1) NỘI NGOẠI MINH KHIẾT; KỶ SỞ NGÔN THUYẾT LINH CHÚNG DUYỆT PHỤC. KÍCH PHÁP CỔ (2), KIẾN PHÁP TRÀNG (3), DIỆU HUỆ NHẬT (4), PHÁ SI ÁM HƯỜNG TỊNH ÔN HÒA (5), TỊCH ĐỊNH MINH SÁT (6), VI ĐẠI ĐẠO SƯ, ĐIỀU PHỤC TỰ THA.

Giải: Tâm của chư Bồ-tát ngay thẳng, chân thành an trú trong giáo pháp nhất thừa; lấy phương tiện thiện xảo vì chúng sanh mà nói pháp đồng thời có đầy đủ năng lực quyết đoán, tinh tấn cầu pháp, vì chúng sanh mà nói pháp không mệt mỏi. Chư Bồ-tát nghiêm giữ giới luật trong sáng như lưu ly; bên trong tâm thanh tịnh, bên ngoài đầy đủ uy nghi; pháp mà chư vị nói khiến cho lòng người vui vẻ kính phục. Giống trống diệu pháp, treo cao pháp tràng, phóng hào quang trí tuệ rộng nói

diệu pháp để phá trừ vô minh, si ám của chúng sanh. Bên trong của chữ Bồ-tát thì tâm thanh tịnh, thái độ ôn hòa, xa rời vọng tưởng, phân biệt chấp dính; đối với mọi sự vật thì sáng suốt giác sát; vì thế nên xứng đáng là bậc Thầy lớn điều phục mình, người của chúng sanh.

Chú: 1) *Lưu ly*: Một trong bảy báu, thể trong suốt. Ở đây thí dụ cho thanh tịnh.

2) *Pháp cô*: Thí dụ cho pháp âm giáo hóa chúng sanh của Bồ-tát, truyền đi rất xa.

3) *Pháp tràng*: Biểu trưng cho việc xây dựng đạo tràng.

4) *Huệ nhật*: Thí dụ cho hào quang trí tuệ của Bồ-tát.

5) *Hưởng tịnh ôn hòa*: Hưởng tịnh là chỉ nội tâm thanh tịnh, không nhiễm. Ôn hòa chỉ nghi thái hiền từ, dịu dàng.

6) *Tịch định minh sát*: Tịch định là buông bỏ vọng tưởng, phân biệt chấp trước. Minh sát là hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh.

KINH

DẪN ĐẠO QUẦN SANH, XÃ CHỮ ÁI TRƯỚC, VĨNH LY TAM CẤU DU HÝ THẦN THÔNG. NHÂN DUYÊN NGUYỆN LỰC (1) XUẤT SANH THIỆN CĂN. THÔI PHỤC NHẤT THIẾT MA QUÂN (2) TÔN TRỌNG PHỤNG SỰ CHỮ PHẬT, VI THỂ MINH ĐĂNG TỐI THẮNG PHƯỚC ĐIỀN, THÙ THẮNG CÁT TƯỜNG KHAM THỌ CÚNG DƯỜNG.

Giải: Bồ-tát dẫn đường cho chúng sanh xả bỏ mọi tham ái, chấp trước, mãi mãi xa rời tham sân si; chư vị sống trong mười phương thế giới nhưng vẫn tự tại an lạc, du hí thần thông trong tất cả các pháp.

Bồ-tát có niềm tin sâu sắc, tha thiết phát nguyện, một lòng niệm Phật mà sanh ra căn lành thoát khỏi luân hồi sáu đường, hàng phục tất cả tà ma ngoại đạo, tôn trọng phụng sự giáo pháp của chư Phật. Bồ-tát cũng như ngọn đèn của thế gian, có khả năng phá trừ mọi tăm tối và si mê; là ruộng phước tối thù thắng của thế gian, chư vị xứng đáng tiếp nhận sự cúng dường của hết thảy chúng sanh.

Chú: 1) Nhân duyên nguyện lực: Nhân lực: tất cả thiện hành tu trong quá khứ phát sanh ra pháp lành gọi là nhân lực. Duyên lực: được thân gần các bậc thiện tri thức, được nghe chánh pháp gọi là duyên lực. Nguyện lực: thường khởi nguyện hành gọi là nguyện lực. Ba loại ở đây chỉ cho Tín, Nguyện, Trì danh.

2) Ma quân: Thí dụ cho tất cả tà ma ngoại đạo và tất cả phiền não.

KINH

HÁCH TIÊM HOAN HỖ (1), HÙNG MÃNH VÔ ÚY (2), THÂN SẮC TƯỚNG HẢO, CÔNG ĐỨC BIỆN TÀI, CỤ TÚC TRANG NGHIÊM VÔ DỮ ĐẲNG GIÁ.

Giải: Hào quang của chư Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc rất

sáng suốt, nội tâm thanh lương tự tại, đầy đủ niềm vui từ chánh pháp. Chư vị dũng mãnh, tinh tấn, nói pháp không sợ hãi. Sắc thân có đầy đủ tướng tốt, công đức biện tài cùng các thứ trang nghiêm không có gì so sánh kịp (có nghĩa là khéo dắt dẫn chúng sanh sanh khởi niềm tin).

Chú: 1) *Hách tiêm hoan hỷ*: Hách tiêm có nghĩa rất sáng suốt.

2) *Hùng mãnh vô úy*: Chỉ chư Bồ-tát dũng mãnh, tinh tấn nói pháp không sợ hãi.

KINH

THƯỜNG VỊ CHƯ PHẬT SỞ CỘNG XÚNG TÁN, CỨU CẢNH
BỒ TÁT CHƯ BA LA MẬT, NHI THƯỜNG AN TRÚ BÁT SANH
BÁT DIỆT CHƯ TAM MA ĐẠ, HÀNH BIẾN ĐẠO TRÀNG (1)
VIỄN NHỊ THỪA CẢNH (2).

Giải: Hết thầy chư Phật trong mười phương thế giới hằng thường ca ngợi chư Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc đạt đến quả vị tròn đầy rốt ráo, thường an trú trong chánh định không sanh không diệt, khắp cả hư không tận pháp giới không chỗ nào không có mặt; không lúc nào không có nhưng vẫn vĩnh viễn không lạc vào cảnh giới nhị thừa.

Chú: 1) *Hành biến đạo tràng*: Đạo tràng chỉ tất cả các cõi Phật. Hành biến đạo tràng là chỉ chư Bồ-tát ở cõi nước Phật không có lúc nào không có dấu chân của chư vị.

2) Viễn nhị thừa cảnh: Chỉ mãi mãi không rơi vào trong cảnh giới của Thanh văn, Bích chi Phật.

KINH

A NAN NGÃ KIM LƯỢC THUYẾT, BỈ CỰC LẠC GIỚI, SỞ SANH BỒ TÁT CHÂN THẬT CÔNG ĐỨC, TÁT GIAI NHƯ THỊ, NHƯỢC QUẢNG THUYẾT GIẢ, BÁCH THIÊN VẠN KIẾP BẤT NĂNG CÙNG TẬN.

Giải: Thế Tôn nói cho A-nan biết: nay Ta chỉ nói giản lược về công đức lợi ích chân thật của các vị Bồ-tát vãng sanh về thế giới Cực Lạc đều như vậy cả; nếu như muốn nói cho thật kỹ thì cả trăm ngàn vạn kiếp cũng không thể nói hết.

*

PHẨM THỨ BA MƯƠI HAI THỌ LẠC VÔ CỰC

Giải: Phẩm này Thế Tôn vì chúng ta mà trình bày về thọ mạng của chúng sanh vãng sanh về thế giới Cực Lạc, hạnh phúc an lạc là không có giới hạn, hiển thị sự thù thắng của nhân dân ở thế giới Cực Lạc cho đến hoàn cảnh sinh hoạt tốt đẹp của họ. Đó là khích lệ chúng ta nên phát tâm cầu sanh Tịnh độ, thân gần với các bậc thiện tri thức.

KINH

PHẬT CÁO DI LẠC BỒ TÁT, CHƯ THIÊN NHƠN ĐẲNG, VÔ LƯỢNG THỌ QUỐC, THANH VĂN BỒ TÁT CÔNG ĐỨC TRÍ TUỆ, BÁT KHẢ XUNG THUYẾT, HỤU KỲ QUỐC ĐỘ VI DIỆU, AN LẠC, THANH TỊNH NHƯỢC THỦ (1), HÀ BÁT LỰC VI THIÊN (2) NIỆM ĐẠO CHI TỰ NHIÊN (3).

Giải: Đức Phật nói cho Bồ-tát Di lạc cùng với đại chúng trong pháp hội biết: chư vị Thanh văn, Bồ-tát của thế giới Cực Lạc, công đức trí tuệ của chư vị thì không phải ngôn ngữ của chúng ta mà có thể ca ngợi, tán dương được. Hoàn cảnh tu học, đời sống của chư vị, sự tinh vi kỳ diệu của cõi nước an lạc thanh tịnh đã đạt đến như thế. Sự trang nghiêm tốt đẹp thù thắng ấy, thế giới của chư Phật mười phương cũng không thể so sánh. Cái nơi chốn tốt đẹp như thế, tại sao lại không nỗ lực tu hành,

không muốn cầu sanh Tịnh độ ? Nếu như thật tin phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ thì sẽ tự nhiên được vãng sanh trong một kiếp về thế giới Cực Lạc, liền khôi phục cái bản nhiên thanh tịnh của tự tính.

Chú: 1) *Nhược thủ: Như thế.*

2) *Thiện: Ở đây chỉ niệm Phật cầu sanh Tịnh độ là tối thiện.*

3) *Niệm đạo chi tự nhiên: Niệm đạo là niệm danh hiệu A-di-đà Phật. Tự nhiên là niệm Phật có khả năng khôi phục cái bản nhiên thanh tịnh của tự tính.*

KINH

XUẤT NHẬP CÚNG DƯƠNG (1), QUÁN KINH HÀNH ĐẠO (2), HỖ LẠC CỨU TẬP (3) TÀI MÃNH TRÍ TUỆ, TÂM BÁT TRUNG HỒI (4). Ý VÔ GIẢI THỜI, NGOẠI NHƯỢC TRÌ HOÃN, NỘI ĐỘC SỬ CẤP, DUNG DUNG (5) HỮ KHÔNG THÍCH ĐẮC KỲ TRUNG (6) TRUNG BIỂU TƯƠNG ỨNG (7) TỰ NHIÊN NGHIÊM CHÍNH (8).

Giải: Chư vị Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc có khả năng hóa thân khắp mười phương thế giới để cúng dường chư Phật mà không một chút chướng ngại nào; khi trở về lại có năng lực hợp lại thành một thân cúng dường bốn sư A-di-đà Phật, chư vị đều thấu triệt những lời giáo giới của Phật, chư vị đem những lời giáo giới ấy thực hành trong đời sống thực tiễn, huân tập như vậy trong thời gian lâu dài tự nhiên kế nhập vào cảnh giới Như Lai, thu hoạch

đầy đủ niềm vui từ chánh pháp và biểu hiện ra tài năng dũng mãnh. Niềm tin của chư vị được kiên định không thối chuyển, lại còn có cả cái tâm không giải đãi, tinh tấn dũng mãnh, tin tưởng sâu xa, tha thiết phát nguyện. Sự tu hành của chư Bồ-tát bên ngoài thì biểu hiện trạng thái thông dong nhàn nhã, nhưng bên trong thì thật sự dụng công. Cái tâm lượng của chư vị như hư không có khả năng dung chứa tất cả; trong tu học thì không nhanh chậm, khéo nhập vào trung đạo, vì thế nên bên trong và nghi biểu bên ngoài tương ứng, không cần phải an bài tạo tác, tự nhiên thành tựu. Những điều đó biểu hiện ra uy nghi chảnh tề của chư Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc.

Chú: 1) Xuất nhập cúng dường: Xuất là phi hành đi cúng dường chư Phật ở các thế giới khác. Nhập là trở về cúng dường bốn sư A-di-đà Phật.

2) Quán kinh hành đạo: quán là quán chiếu; Quán kinh là thấu triệt những lời giáo giới của Đức Phật ở trong Kinh. Về các pháp sự, lý, tính, tướng, nhân quả. Hành đạo là đem những lời của Phật ứng dụng trong cuộc sống đời thường.

3) Hỷ lạc cửu tập: Hỷ lạc: Đi sâu vào một pháp môn, niềm vui và hạnh phúc từ chánh pháp.

Cửu tập: Huân tập trong thời gian dài.

4) Trung hồi: Có nghĩa là nửa đường thôi thất.

5) Dung dung: Chử dung trước là danh từ chỉ cho

cái tâm lượng; Chữ dung sau là động từ có nghĩa là bao dung.

6) Thích đặc kỳ trung: Thích là đến cái chỗ tốt đẹp; trung chỉ trung đạo.

7) Trung biểu tương ứng: Trung là chỉ nội tâm; biểu là biểu hiện bên ngoài. Đó là nói cái tâm của Bồ-tát hợp với trung đạo “đặc ưu trung nhi hình ưu ngoại”, vì thế mà nhất như, tự nhiên tương ứng.

8) Tự nhiên nghiêm chính: Tự nhiên là chỉ qui luật tự nhiên của tất cả các pháp; Nghiêm chính là trang nghiêm, chỉnh tề.

KINH

KIỂM LIÊM (1) ĐOAN TRỰC, THÂN TÂM KHIẾT TỊNH, VÔ HỮU ÁI THAM, CHÍ NGUYỆN (2) AN ĐỊNH, VÔ TĂNG KHUYẾT GIẢM (3) CẦU ĐẠO HÒA CHÍNH (4), BẤT NGỘ KHUYNH TÀ (5), TÙY KINH ƯỚC LINH (6), BẤT CẢM SA ĐIỆT (7), NHƯỢC Ư THĂNG MẶC (8), HÀM VI ĐẠO MỘ (9).

Giải: Chư Bồ-tát thường xuyên kiểm điểm trong cuộc sống hàng ngày, chú ý đến những hành vi bản thân, thường uốn nắn những hành vi tự thân ngay thẳng, nội tâm cần chánh trực. Vì thế thân tâm của chư vị đạt được thanh tịnh, không có bất cứ tập khí phiền não nào, chư vị tự thân tu hành, kiên định pháp môn niệm Phật, tuyệt đối không dao động; đối với việc giáo hóa chúng sanh cũng dùng danh hiệu đó lại còn biết đủ thường lạc. Trong

lúc chư vị hành hóa thường giữ cái tâm hòa bình, trung chính; nhân đó nên không bị mê hoặc bởi hết thảy cảnh giới tà tri, tà kiến. Chư vị Bồ-tát dựa vào những lời dạy ở trong Kinh mà tự ước thúc ba nghiệp thân, miệng, ý; vì thế nên tư tưởng hành vi của chư vị đều không đi ngược lại những lời giáo giới của Đức Phật, không mảy may sai lầm. Lấy những giáo giới của Đức Phật làm chuẩn mực, điều ngưỡng mộ của chư vị chính là con đường rộng lớn vô thượng Bồ-đề cũng chính là một tâm ý cầu thành Phật.

Chú: 1) *Kiểm liễm*: Kiểm điểm rút kinh nghiệm.

2) *Chỉ nguyện*: Chỉ tâm nguyện trên cầu Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh.

3) *Vô tăng khuyết điểm*: Là không tăng, không giảm, không thiếu.

4) *Cầu đạo hòa chính*: Đạo là chỉ cái tâm bình đẳng, tâm ngay thẳng; Hòa là hòa bình, điều hòa; Chính là trung chính, nghĩa trung đạo.

5) *Bất ngộ khuynh tà*: Bất ngộ: Mê hoặc; Khuynh tà chỉ tà tri, tà kiến.

6) *Tùy kinh ước linh*: Kinh chỉ tất cả Kinh điển Phật dạy; Ước là ước thúc; Linh là giáo giới. Đây là nói đến việc tùy thuận vào những lời dạy của Đức Phật ở trong Kinh để mà tự ước thúc bản thân.

7) *Sa điệt*: Là sai lầm, ngược lại.

8) *Thành mặc: Có nghĩa là quy củ.*

9) *Đạo mộ: Ngưỡng mộ đạo vô thượng Bồ-đề.*

KINH

KHOÁNG VÔ THA NIỆM, VÔ HỮU ƯU TƯ, TỰ NHIÊN VÔ VI
(1) SỰ KHÔNG VÔ LẬP (2), ĐẠM AN VÔ DỤC (3) TÁC ĐẮC
THIỆN NGUYỆN (4), TẬN TÂM CẦU TÁC, HÀM AI TỪ MÃN
(5), LỄ NGHĨA ĐÔ HỢP, BAO LA BIỂU LÝ (6), QUÁ ĐỘ (7) GIẢI
THOÁT.

Giải: Cái tâm của chư Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc thông khoáng, không có vọng niệm, không có ưu tư. Hành vi của chư vị hoàn toàn phát xuất từ tự tính mà hiển lộ, không mảy may tạo tác. Tâm của chư vị cũng giống như hư không, không lập bất kỳ một pháp nào. Trong đời sống thì đạm bạc yên ổn, không có bất kỳ dục vọng nào, tự tại, tùy duyên. Trong tâm của chư vị chỉ có nguyện lớn là độ chúng sanh, đối với nguyện lành đó, chư vị hết lòng hết sức lấy phương tiện khéo léo để hoằng dương Phật pháp, lấy tâm đại từ, đại bi, bình đẳng để độ khắp hết thảy chúng sanh. Phương pháp của chư vị Bồ-tát ở thế gian độ chúng sanh đều thích hợp với đạo đức, tình cảm, phong phạm và tập tục. Trí tuệ của chư Bồ-tát bao la sự lý thế gian, xuất thế gian, vì thế nên độ chúng sanh thường dung thông không chướng ngại, chư Bồ-tát lấy việc học tập pháp môn niệm Phật, trong một kiếp đạt đến giải thoát, đồng thời lại lấy pháp môn ấy mà lợi ích cho chúng sanh, giúp cho chúng sanh cũng trong một

kiếp đạt đến giải thoát.

Chú: 1) *Tự nhiên vô vi*: Chính là tự tính bản nhiên thanh tịnh, không chút tạo tác.

2) *Vô lập*: Không lập một pháp nào cả.

3) *Đạm an vô dục*: Đạm an tức đạm bạc, yên ổn; Còn vô dục là không có dục vọng tham, sân, si.

4) *Thiện nguyện*: Chỉ nguyện lớn rộng độ chúng sanh.

5) *Hàm ai từ mãn*: Chỉ cái tâm đại từ đại bi.

6) *Bao la biểu lý*: Bao la chỉ bao dung hàm nhiếp; Biểu là hết thấy sự tướng; Lý chỉ chân lý.

7) *Quá độ*: Là vượt qua giải thoát.

KINH

TỰ NHIÊN BẢO THỦ (1), CHÂN CHÂN (2) KHIẾT BẠCH, CHÍ NGUYỆN VÔ THƯỢNG, TỊNH ĐỊNH AN LẠC (3) NHẤT ĐÁN KHAI ĐẠT MINH TRIỆT (4), TỰ NHIÊN TRUNG TỰ NHIÊN TƯỚNG (5), TỰ NHIÊN CHI HỮU CĂN BỔN (6), TỰ NHIÊN QUANG SẮC THAM HỒI (7) CHUYỂN BIẾN TỐI THẮNG.

Giải: Tự tính của chư Bồ-tát được giữ gìn không biến đổi, chân như bổn tính thật sự thanh tịnh trong trắng, chư vị có cái tâm nguyện cao cả trên thì cầu đạo giải thoát, dưới thì hóa độ chúng sanh, vì thế nên cái tâm của chư vị thanh tịnh như như bất động, an nhiên tự tại, có thể chỉ trong một sát-na hoát nhiên khai ngộ, minh tâm thấy tính. Sau khi khai ngộ thông đạt thì cảnh giới nhất chân pháp giới từ trong tự tính hiển hiện, hoàn toàn hiểu

rõ, thông đạt cái tự tính bản thể của vũ trụ vạn hữu. Chư Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc được sự gia trì của sức mạnh oai thần của Đức Phật A-di-đà, đức năng của tự tính liền hiển hiện tự nhiên phóng ra vô lượng hào quang, những hào quang đó chen đan nhau dung hợp thành một thể, hào quang thiên biến vạn hóa, trong hào quang lại hóa hiện vô số Phật, chư Phật lại phóng ra vô số hào quang; các hào quang và hóa Phật đó có năng lực độ khắp chúng sanh mười phương, từ phàm phu chuyển thành Phật đó chính là sự kiện chuyển biến tối thù thắng.

Chú: 1) *Bảo thủ: Giữ gìn không biến đổi.*

2) *Chân chân: Chữ “Chân” trước chỉ bản tính, Chân như: Chữ “Chân” sau là chỉ chân tuyện đổi.*

3) *Tịnh định an lạc: Chỉ như như bất động, an nhiên tự tại.*

4) *Nhứt đản khai đạt minh triệt: Nhứt đản có nghĩa là bỗng nhiên; Khai đạt là khai ngộ, thông đạt; Minh triệt là thấu triệt.*

5) *Tự nhiên tướng: Chỉ nhất chân pháp giới, bản nhiên thanh tịnh.*

6) *Tự nhiên chi hữu căn bản: Tự nhiên: cảnh giới sự tướng của vũ trụ vạn vật. Căn bản tức bản thể tự tánh.*

7) *Tham hôi: Tham có nghĩa là chen đan; Hôi có nghĩa là biến hóa không cùng.*

KINH

UẤT ĐAN (1) THÀNH THẮT BẢO, HOÀNH LÂM (2) THÀNH

**VẠN VẬT. QUANG TINH MINH CÂU XUẤT, THIÊN HẢO THÙ
VÔ TỶ; TRƯỚC Ư VÔ THƯỢNG HẠ (4) ĐỘNG ĐẠT VÔ BIÊN
TẾ (5)**

Giải: Tất cả những vật chất thọ dụng ở Bắc-câu-lô châu đều do bảy báu tự nhiên mà thành, ở đó hình dung một cách tự nhiên về y báo chánh báo của thế giới Cực lạc, (cũng tự nhiên thành tựu) đều do nguyện lớn của Phật A-di-đà cùng tâm thanh tịnh của chư Bồ-tát vãng sanh về thế giới Cực Lạc tự nhiên thành tựu. Nhân vì tự tâm thanh tịnh của chư Bồ-tát ở Cực Lạc, nên cái chân thiện mỹ của hết thủy vạn sự vạn vật ở thế giới Cực Lạc hoàn toàn hiện ra, những loại thù thắng ấy thì thế giới của chư Phật mười phương không thể so sánh.

Cái tâm của chư Bồ-tát của thế giới Cực Lạc đều thanh tịnh, bình đẳng, minh tâm thấy tính nên trí tuệ của tự tính tự nhiên hiện ra rất ráo tròn đầy; trước hết thấy vạn pháp của thế giới mười phương hiểu rõ, thấu triệt không có bờ mé.

Kinh văn đến đây đều ca ngợi cái tự tính, công đức chân thật của chư Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc.

Chú: 1) Uất-đan: Tiếng Ấn Độ một tên khác của Bắc-câu-lô châu

2) Hoành lām: Hoành là chỉ mười phương; lām là thu gồm.

3) Quang tinh minh: Chính là chân thiện mỹ.

4) *Trước u vô thượng hạ: Trước (âm trú): sáng tỏ; Vô thượng hạ: chỉ pháp bình đẳng; câu này chỉ mình tâm thấy tính.*

5) *Động đạt vô biên tế: Thông suốt không bờ mé.*

KINH

NGHI CÁC CẦN TINH TẤN, NỖ LỰC TỰ CẦU CHI, TẮT ĐẮC SIÊU TUYỆT (1) KHỨ, VĂNG SANH VÔ LƯỢNG THANH TỊNH A DI ĐÀ PHẬT QUỐC. HOÀNH TIỆT Ư NGŨ THÚ (2), ÁC ĐẠO TỰ BẾ TÁI, VÔ CỰC CHI THẮNG ĐẠO (3), DỊCH VĂNG NHI VÔ NHƠN; KỶ QUỐC BẤT NGHỊCH VI, TỰ NHIÊN (1) SỞ KHIÊN TÙY.

Giải: Đức Phật khuyên mỗi chúng ta nên tinh cần, nỗ lực cầu vãng sanh. Chúng ta chỉ cần nỗ lực thì có thể được vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Sau khi được vãng sanh, được thân cận với Đức Phật A-di-đà và tất nhiên là vượt qua sáu đường ác, đường ác tự nhiên lấp kín. Thế giới Cực Lạc tốt đẹp như vậy, vãng sanh cũng không khó, thế mà không ai nghĩ đến; rất dễ được vãng sanh về thế giới Cực Lạc nhưng vì sao không ai nghĩ đến? Chỉ nhân vì chúng sanh từ vô thủy kiếp đến nay tập khí ác, phiền não quá nhiều nên chướng ngại, không sanh khởi nguyện lớn mong cầu vãng sanh về Cực Lạc.

Chú: 1) *Siêu tuyệt: Thoát khỏi luân hồi, đoạn tuyệt sống chết.*

2) *Hoành tiệt: Vượt qua. Ngũ thú: Chỉ luân hồi sáu đường.*

3) *Vô cực chi thắng đạo: Chỉ niệm Phật vãng sanh thành Phật.*

4) *Tự nhiên: Chỉ cái tập khí ác đi theo với mạng sống.*

KINH

QUYÊN CHÍ (1) NHƯỢC HƯ KHÔNG, CẦN HÀNH CẦU ĐẠO ĐỨC (2) KHẢ ĐẮC CỰC TRƯỜNG SANH, THỌ LẠC VÔ HỮU CỰC, HÀ VI TRƯỚC THẾ SỰ, HIẾU HIỂU (3) ƯU VÔ THƯỜNG.

Giải: Chúng ta nên buông bỏ hết thảy thế gian, buông bỏ thân tâm thế giới, giống như hư không chẳng lập một pháp nào; một tâm, một ý niệm Phật chỉ cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, không thối chuyển thành Phật, sau khi vãng sanh thì hạnh phúc an lạc, thọ mạng giống như Phật không cùng tận, vãng sanh đạt được lợi ích thù thắng không thể so sánh nhưng vì sao chúng ta lại cứ tham trước danh lợi thế gian, tham trước năm dục, sáu trần ? Tất cả những thứ đó đều vô thường, hà tất phải mãi suy nghĩ lo âu ?

Chú: 1) *Quyên chí: Buông bỏ mọi dục vọng mong cầu thế gian.*

2) *Đạo đức: Đạo là chỉ cái nhân trì danh niệm Phật; Đức là chỉ kết quả vãng sanh Tịnh độ.*

3) *Hiếu hiếu: Thái độ cạnh tranh.*

*

PHẨM THỨ BA MƯƠI BA KHUYẾN DỤ SÁCH TẤN

Giải: Mở đầu phẩm này, Thế Tôn vì chúng ta mà thuyết minh các trạng huống của thế giới Ta-bà. Nghiệp chướng tập khí sâu nặng của chúng sanh, ba độc thiêu đốt, chìm nổi trong sáu đường, khổ đau không nói hết; vì thế Đức Phật khuyến dụ chúng ta nhàm chán, áp ly nẻo khổ, dừng mọi việc ác, làm mọi điều lành; khích lệ chúng ta tinh tấn hành đạo, cầu sanh Tịnh độ.

KINH

THẾ NHÂN CỘNG TRANH BẤT CẤP CHI VỤ, Ư THỮ KỊCH ÁC CỤC KHỔ (1) CHI TRUNG, CẦN THÂN DOANH VỤ (2), DĨ TỰ CẤP TẾ TÔN TY, THAM PHÚ, THIỂU TRƯỞNG, NAM NỮ, LỤY NIỆM TÍCH LỰ (3), VI TÂM TẮU SỬ (4).

Giải: Người đời khu xử bởi vọng tâm dính vào những việc không liên quan, còn đối với sự sống chết, thoát khỏi 3 cõi là lớn lại không quan tâm. Nhân đó ở trong cuộc đời tối ác, tối khổ đau, tự mình lao đao, lặn đận kinh doanh, tạo tác nhưng không thể nào đầy đủ lòng ham muốn; vô luận là sang hay hèn, giàu khó, nam nữ, các giai tầng xã hội đều khu xử bởi vọng tâm, ngày nào cũng tính toán trăm phương ngàn kế; mỗi khởi tâm, động niệm, tất cả việc làm hơn một nửa là lợi mình hại người.

Chú: 1) *Kịch ác cục khổ:* Kịch ác là chỉ mười nghiệp ác; Cục khổ là khổ báo của đời ngũ trược.

2) *Cần thân doanh vụ: Lao đao lận đận trong kinh doanh lao động.*

3) *Lụy niệm tích lự: Lụy niệm có nghĩa là nhớ lại quá khứ; Tích lự là sự ưu tư tương lai.*

4) *Vi tâm tâu sử: Khu xử bởi vọng tâm.*

KINH

VÔ ĐIỀN ƯU ĐIỀN, VÔ TRẠCH ƯU TRẠCH, QUYẾN THUỘC TÀI VẬT, HỮU VÔ ĐỒNG ƯU, HỮU NHẤT THIỂU NHẤT, TỬ DỤC TẾ ĐẲNG, THÍCH TIỂU CỤ HỮU, HỤU ƯU PHI THƯỜNG (1), THỦY HỎA THỊNH TẶC, OÁN GIA TRÁI CHỦ, PHÂN ĐIỀU KIẾP ĐOẠT, TIÊU TÁN MA DIỆT (2)

Giải: Hết thấy chúng sanh đối với ruộng vườn nhà cửa, tài vật thì không lúc nào không nghĩ đến việc tranh thủ. Sau khi có thì lại lo mất, có cái này rồi thì lại nghĩ đến việc có cái khác, mong mỗi giống như mọi người; khi vừa có đủ thì cũng vừa lo sợ mọi tai nạn ụp đến ngoài ý muốn, thí dụ lũ lụt cuốn mất, hỏa hoạn thiêu cháy, trộm cắp cướp đoạt, oan gia trái chủ...

Chú: 1) Hựu ưu phi thường: Lo sợ những tai hại đột xuất ngoài ý muốn.

2) *Ma diệt: Tiêu diệt, thân tâm mòn mỏi, tài vật mất mát.*

KINH

TÂM KIÊN Ý CỐ (1), VÔ NĂNG TÚNG XẢ (2) MỆNH CHUNG

**KHÍ QUYÊN, MẠC THÚY TÙY GIẢ, THAM PHÚ ĐỒNG NHIÊN,
ƯU KHỔ VẠN ĐOAN.**

Giải: Cái tâm kiên lặn của chúng sanh thì rất ngoan cố, không thể buông bỏ những cái đã có, nhưng lại đến lúc lâm chung, phải bỏ lại toàn bộ, không mang theo một vật nào. Hiện tượng ấy không kể hạng giàu nghèo, sang hèn đều như nhau, mọi người đều có những nỗi lo lắng khổ đau vô tận.

Chú: 1) Tâm kiên ý cố: Tâm keo lãn cố chấp.

2) Vô năng túng xả: Không buông bỏ được.

KINH

**THẾ GIAN NHÂN DÂN, PHỤ TỬ HUYNH ĐỆ, PHU PHỤ THÂN
THUỘC ĐƯƠNG TƯƠNG KÍNH ÁI, VÔ TƯƠNG TẦNG TẬT,
HỮU VÔ TƯƠNG THÔNG (1) VÔ ĐẮC THAM TÍCH. NGÔN SẮC
THƯỜNG HÒA MẠC TƯƠNG VI LỆ (2), HOẶC THỜI TÂM
TRANH (3) HỮU SỞ NHUẾ NỘ, HẬU THỂ CHUYỂN KỊCH, TRÍ
THÀNH ĐẠI OÁN, THẾ GIAN CHI SỰ, CÁNH TƯƠNG HOẠN
HẠI, TUY BẮT LÂM THỜI ỨNG CẤP TƯƠNG PHÁ.**

Giải: Người đời, giữa cha con, anh em, vợ chồng thân thuộc thì nên tôn trọng kính ái lẫn nhau, không nên giận hờn tật đổ nhau; trong đời sống và tinh thần thì nên ai ủi giúp đỡ lẫn nhau; khi nhận thì không nên tham nhiều, cho thì không nên keo lãn, tiếc nuối. Thái độ nói năng thường giữ gìn khoan hòa, không nên phản bội nhau, khi có điều gì làm cho giận hờn, sân nộ không nói ra cứ

tích lũy ở trong lòng ngày càng nhiều, từ những việc oán giận nhỏ nhoi biến thành thù hận lớn. Sự tình của thế gian chính là từ đó mà sinh ra tai hại, tuy là quả báo chưa hiện ra nhưng cũng cần tìm cách mà hóa giải.

Chú: 1) *Hữu vô tương thông*: Hữu vô là chỉ tài vật có không; tương thông là giúp đỡ lẫn nhau.

2) *Vi lệ*: Vi là vi bội; lệ là hung ác.

3) *Tâm tranh*: Trong lòng có điều gì không thể nhân nhượng.

KINH

NHƠN TẠI ÁI DỤC CHI TRUNG, ĐỘC SANH ĐỘC TỬ, ĐỘC KHỨ ĐỘC LAI, KHỔ LẠC TỰ ĐƯƠNG, VÔ HỮU ĐẠI GIÁ; THIỆN ÁC BIẾN HÓA, TRUY TRỤC SỞ SANH (1), ĐẠO LỘ BẤT ĐỒNG, HỘI KIẾN VÔ KỶ. HÀ BẤT Ư CƯỜNG KIẾN THỜI, NỖ LỤC TU THIỆN DỤC HÀ ĐÃI HỒ ?

Giải: Con người ở trong thế giới Ta-bà sống chết, nhân vì ái dục quá nặng, trong sáu nẻo luân hồi, tự tạo nghiệp thì tự nhận lấy quả báo. Nghiệp của mỗi người tạo thì không giống nhau, khi nghiệp không giống nhau thì nhận quả báo cũng khác nhau; vì thế sanh ra bất luận là đường nào đều tự sanh, tự chết, tự đến, tự đi không bè bạn, chẳng những như thế, tự mình tạo nghiệp tự mình nhận lấy quả báo không có ai thay thế cho mình.

Vả lại, cái tâm niệm thiện ác của chúng sanh thay đổi rất nhanh, nghiệp nhân thiện ác nó cứ theo với sanh

mạng mà chiêu cảm quả báo. Một mai đọa vào luân hồi, do vì con đường của mỗi người khác nhau, có muốn gặp lại cũng không dễ gì gặp được; dù có gặp được nhau thì người nào cũng đã thay đổi mặt mày dáng dấp không còn có thể nhận ra nhau. Vì thế, Thế Tôn khích lệ người đời vì sao khi thân thể còn khỏe mạnh lại không nỗ lực đoạn trừ ác, tu thiện, niệm Phật cầu sanh tịnh độ mà còn đợi đến lúc nào ?

Chú: 1) *Truy trục sở sanh: Chỉ quả báo cứ chạy theo không bỏ, tùy theo nghiệp nhân thiện ác mà nhận quả báo thiện ác.*

KINH

THẾ NHƠN THIỆN ÁC TỰ BẤT NĂNG KIẾN, CÁT HUNG HỌA PHƯỚC CÁNH CÁC TÁC CHI, THÂN NGU THẦN ÁM (1), CHUYỂN THỌ DƯ GIÁO (2), ĐIÊN ĐẢO TƯƠNG TỤC, VÔ THƯỜNG CĂN BẢN (3), MÔNG MINH ĐỀ ĐỘT (4) BẤT TÍN KINH PHÁP; TÂM VÔ VIỄN LỰ, CÁC DỤC KHOÁI Ý; MÊ Ư SÂN NHUẾ, THAM Ư TÀI SẮC, CHUNG BẤT HỮU CHỈ, AI TAI KHẢ THƯƠNG.

Giải: Người đời không thể phân biệt thế nào là ác, thế nào là thiện, đối với việc thiện tất được vui vẻ, phước báo; làm việc ác tất gặp tai ương, với đạo lý và sự thật chân tướng ấy người đời bị mê hoặc không tin nên càng tạo thêm nhiều việc ác. Cái nguyên nhân căn bản của việc tạo nghiệp ác chính là do sự ngu muội của thân

tâm, tinh thần tăm tối, không có trí tuệ; trước tà chánh không phân biệt rõ ràng, không tin nhân quả, không tin vào chánh đạo; trước tà thuyết ngoại đạo thì ngược lại họ lại dễ tin. Như thế cứ liên tục điên đảo, luân hồi sống chết, không có kỳ hạn ra khỏi.

Sở dĩ người đời hồ đồ cố chấp như vậy là do vì không tin vào Kinh pháp, không tiếp nhận những lời dạy của Đức Phật và chư Bồ-tát, không suy nghĩ sâu xa mà chỉ cần khoái lạc trước mắt, thích thú chỉ nhất thời. Tình huống ấy là do mê hoặc, sân nhuế tham tài sắc mà không dừng tạo nghiệp ác. Đức Phật thấy rõ hiện tượng nhân quả chen đan nhau nên vì người đời mà cảm thán thương thay.

Chú: 1) *Thân ngu thần ám*: Thân ngu: tự thân ngu muội, tạo nghiệp ác; thần ám: tinh thần tăm tối, không có trí tuệ.

2) *Chuyển thọ dư giáo*: Là vấn đề thoát khỏi sống chết.

3) *Vô thường căn bản*: Vô thường: chỉ sáu nẻo luân hồi; căn bản do tham sân si tạo 10 nghiệp ác.

4) *Mông minh đề đột*: Mông minh là mơ hồ không rõ. Đề đột là xung đột.

KINH

TIÊN NHƠN BÁT THIỆN (1) BÁT THỨC ĐẠO ĐỨC, VÔ HỮU

NGŨ (2) GIẢ, THÙ VÔ QUÁI GIẢ, TỬ SANH CHI THỨ, THIÊN ÁC CHI ĐẠO, ĐÔ BẮT CHI TÍN, VỊ VÔ HỮU THỊ.

Giải: Các vị tiền bối trong quá khứ không gặp được Phật pháp nên không biết cái chân tướng của vũ trụ nhân sanh, tạo tác nhiều nghiệp ác. Họ không nhận thức Phật pháp, không biết học Phật cũng không có Thiện tri thức dẫn đường cho họ, như tình huống ấy thì chẳng lạ lùng gì; nhưng có hạng người có nhân duyên thấy nghe Phật pháp nhưng đối với sáu nẻo luân hồi, sự thật của nhân quả thiện ác báo ứng họ không tin, cho rằng căn bản không hề có sự tình như vậy, vì thế họ mới tạo nghiệp ác.

Chú: 1) *Tiên nhơn bất thiện: Chỉ tổ tiên quá khứ không hiểu Phật pháp.*

2) *Ngũ : Có âm là Ngọc, nghĩa là cho biết.*

KINH

CÁNH TƯƠNG CHIÊM THỊ, THẢ TỰ KIẾN CHI, HOẶC PHỤ KHỐC TỬ, HOẶC TỬ KHỐC PHỤ, HUYNH ĐỆ PHỤ PHỤ, CÁNH TƯƠNG KHỐC KHẤP, NHẤT TỬ NHẤT SANH, ĐIỆT TƯƠNG CỐ LUYẾN, ƯU ÁI KẾT PHƯỚC (2), VÔ HỮU GIẢI THỜI, TỬ TƯỚNG ÂN HẢO, BẮT LY TÌNH DỤC, BẮT NĂNG THÂM TỬ THỰC KẾ, CHUYÊN TỊNH HÀNH ĐẠO, NIÊN THỌ TOÀN TẬN (3), VÔ KHẢ NẠI HÀ; HOẶC ĐẠO GIẢ CHÚNG, NGỘ ĐẠO GIẢ THIỂU, CÁC HOÀI SÁT ĐỘC, ÁC KHÍ MINH MINH (4), VỊ VỌNG HƯNG SỰ, VỊ NGHỊCH THIÊN ĐỊA (5), TỬ Ý TỘI CỰC,

ĐÓN ĐOẠT KỶ THỌ, HẠ NHẬP ÁC ĐẠO, VÔ HỮU XUẤT KỶ.

Giải: Như trên đã nói, chỉ cần quan sát kỹ hiện tượng sống chết ly biệt của thế gian thì chẳng khó khăn gì để không thấy rõ; lúc lâm chung, hoặc cha khóc con, hoặc con khóc cha, anh em chồng vợ khóc nhau; người này kẻ kia quyến luyến nhau không thể nào buông bỏ được. Những hiện tượng ấy đều là những khổ đau sống chết ly biệt. Đó là do tình thương yêu giống như sợi dây trời buộc nhau không có lúc giải thoát; nhưng người đời ngược lại không biết những yêu thương tình dục đó đều là cái gốc khổ của luân hồi lục đạo. Trước tình huống ấy, nếu không suy nghĩ cho kỹ càng để lo tính toán, rồi sau đó quyết định tìm cho mình một pháp môn tu học cho một đời, cầu sanh Tịnh độ, chờ đến lúc mạng sống chấm dứt thì biết làm sao.

Trước đạo lý và sự thật ấy, người mê thì vô số, kẻ giác ngộ thì rất ít, nhân vì đã tạo tác nhiều nghiệp ác vì thế, thế gian đầy áp tà khí, tối tăm không thấy rõ. Tất cả điều đó chỉ vì tham, sân, si mà tạo nghiệp ác, đi ngược lại cái ý tốt của trời đất quý thần và cái tự tính vốn có, cứ tạo ác không kiêng kỵ, đúng là đã đạt đến cái chỗ đại ác, vì vậy mà trời đất quý thần tất nhiên là đoạt cái mạng sống; quả báo sau khi chết quyết định là đường ác không có kỳ hạn ra khỏi.

Chú: 1) Diệt tương cô luyến: Diệt có nghĩa là thay nhau.

Diệt tương cố luyện là lưu luyện nhau.

2) *Ưu ái kết phước: Tình yêu thương như sợi dây trời buộc nhau.*

3) *Toàn tâm: Kết thúc lập tức.*

4) *Ác khí minh minh: Ác khí tức tà khí, còn minh minh là tối tăm không rõ.*

5) *Vi nghịch thiên địa: Thiên địa chỉ trời đất quý thần, cũng đại biểu cho bản tính. Ngược với trời đất quý thần cũng là trái với bản tính.*

KINH

NHƯỢC TAO (1) ĐƯƠNG THỰC TƯ KẾ, VIỄN LY CHÚNG ÁC, THẠCH KỶ THIÊN GIẢ, CẦN NHI HÀNH CHI, ÁI DỤC VINH HOA BÁT KHẢ THƯỜNG BẢO, GIAI ĐƯƠNG BIỆT LY, VÔ KHẢ LẠC GIẢ, ĐƯƠNG CẦN TINH TẤN, SANH AN LẠC QUỐC (2), TRÍ TUỆ MINH ĐẠT CÔNG ĐỨC THÙ THẮNG VẬT ĐẮC TÙY TÂM SỞ DỤC, KHUY PHỤ KINH GIỚI (3) TẠI NHÂN HẬU GIẢ.

Giải: Đức Phật nói với đại chúng trong pháp hội: quý vị nên suy nghĩ kỹ, tính toán nên xa rời mọi việc ác, tuyên chọn việc lành, nỗ lực tinh cần thực hành. Nên biết rằng mọi ái dục vinh hoa của thế gian đều không thể giữ lâu dài, tất cả đều biệt ly; thực tế không đem lại hạnh phúc chân chính cho con người. Quý vị nên cần phẩn niệm Phật, cầu sanh về nước Cực Lạc, một mai sanh về thế giới Cực Lạc thì sẽ đạt được trí tuệ sáng suốt, thành tựu công đức thù thắng.

Sau cùng Thế Tôn khuyên mọi người không nên chạy theo dục vọng tham sân si của tự thân mà phụ với những lời dạy của Đức Phật ở trong Kinh, làm mất cơ hội thành Phật; cho dù tương lai gặp lại pháp môn ấy mà cầu sanh thì cũng rơi lại ở đằng sau người khác.

Chú: 1) *Nhược tao*: Đây là thuật ngữ ở triều đại nhà Hán có nghĩa là chửi rủa.

2) *An lạc quốc*: Chỉ nước Cực Lạc.

3) *Khuy phụ kinh giới*: Khuy là không tròn đầy; Phụ thông thường chỉ việc khiếm khuyết về giải, hành.

*

PHẨM THỨ BA MƯƠI BỐN TÂM ĐẮC KHAI MINH

Phẩm này sau khi Bồ-tát Di-lặc nghe Đức Phật giáo giới, tâm ý khai mở, ngài hiểu những lời dạy của Đức Phật. Vì thế nên cái tên của phẩm Kinh này là Tâm Đắc Khai Minh.

KINH

DI LẶC BẠCH NGÔN, PHẬT NGŨ GIÁO GIỚI THẬM THÂM,
THẬM THIỆN, GIAI MONG TỪ ÂN GIẢI THOÁT ƯU KHỔ;
PHẬT VI PHÁP VƯƠNG (1) TÔN SIÊU QUẦN THÁNH (2)
QUANG MINH TRIỆT CHIẾU ĐỘNG ĐẠT VÔ CỰC; PHỔ VỊ
NHẤT THIẾT THIÊN NHƠN CHI SƯ. KIM ĐẮC TRỊ PHẬT,
PHỤC VĂN VÔ LƯỢNG THỌ THANH (3) MA (4) BẤT HOAN
HỖ, TÂM ĐẮC KHAI MINH.

Giải: Bồ-tát Di-lặc bạch với Đức Phật: những gì Thế Tôn đã dạy đạo lý vô cùng sâu xa, phương pháp thì vô cùng khéo léo; hết thấy chúng sanh đều nhận được tình thương và ân huệ của Thế Tôn. Đạt được giải thoát khỏi những khổ đau của ba cõi, sáu đường, Thế Tôn là vị pháp vương, từ bi trí tuệ vượt qua hàng thánh nhân, tối tôn, tối thượng, hào quang trí tuệ của Thế Tôn chiếu khắp mười phương không giới hạn vì thế mà xứng đáng vị Đạo Sư của hết thấy trời người.

Bồ-tát Di-lặc vô cùng mừng vui bởi hôm nay được

gặp Đức Thế Tôn, lại được nghe đến danh hiệu A-di-đà Phật, được nghe (Kinh Vô Lượng Thọ) khiến cho mọi người được mở tâm ý, hiểu rõ bản tính vốn đầy đủ Phật trí. Vì thế mọi người trong pháp hội không ai không hoan hỷ.

Chú: 1) Khai minh: Hiểu rõ, khai tỏ.

2) Pháp vương: Vương có nghĩa là tự chủ, tự tại. Đức Phật ở trong nhất thiết pháp đắc tự tại nên gọi là “pháp vương”.

3) Tôn siêu quần thánh: Quần thánh là sơ quả Tiểu thừa trở lên; Đại thừa viên giáo thì từ sơ địa trở lên. Đức Phật là vị Đạo Sư của 9 pháp giới, vượt qua tất cả thánh nhân.

4) Vô lượng thọ thanh: Danh hiệu A-di-đà Phật lại còn chỉ Kinh Vô Lượng Thọ).

5) Ma: Không.

KINH

PHẬT CÁO DI LẶC, KÍNH Ứ PHẬT GIÁ THỊ VI ĐẠI THIÊN,
THẬT ĐƯƠNG NIỆM PHẬT, TIẾT ĐOẠN HỒ NGHI, BẠT CHỮ
ÁI DỤC, ĐỔ CHỨNG ÁC NGUYÊN. DU BỘ TAM GIỚI VÔ SỞ
QUÁI NGẠI; KHAI THỊ CHÁNH ĐẠO, ĐỘ VỊ ĐỘ GIÁ.

Giải: Đức Phật nói với Bồ-tát Di-lặc: Người cung kính Phật đều là hạng người có căn lành lớn, nên thực sự niệm Phật, đoạn trừ cái tâm nghi hoặc, nhổ sạch mọi

danh văn lợi hưởng, tham trước năm dục, sáu trần; trừ hết tâm bất thiện tham, sân, si; tâm tật đố, tâm kiêu mạn, tâm mình người, tâm cuồng vọng, tâm khinh người, tâm tà kiến, tâm cống cao cho đến tất cả căn nguyên của tội ác; tuy đi trong ba cõi nhưng không hề bị vướng mắc chướng ngại, vì chúng sanh mà diễn nói phương pháp, đạo lý thành Phật, hóa độ cho hàng chúng sanh chưa giác ngộ.

KINH

NHUỘC TAO ĐƯƠNG TRI THẬP PHƯƠNG NHÂN DÂN, VĨNH KIẾP DĨ LAI, TRIỂN CHUYỂN NGŨ ĐẠO, ƯU KHỔ BẤT TUYỆT; SANH THỜI KHỔ THỐNG, LÃO DIỆC KHỔ THỐNG, BỆNH CỤC KHỔ THỐNG, TỬ CỤC KHỔ THỐNG, ÁC KHỨU BẤT TỊNH, VÔ KHẢ LẠC GIẢ, NGHI TỰ QUYẾT ĐOÁN (1) TẢY TRỪ TÂM CẤU, NGÔN HÀNH TRUNG TÍN (2) BIỂU LÝ TƯƠNG ƯNG NHƠN NĂNG TỰ ĐỘ CHUYỂN TƯƠNG CHUNG TẾ.

Giải: Phật nói quý vị nên biết rằng nhân dân trong mười phương thế giới từ vô số kiếp cho đến nay triển chuyển trong sáu đường, sống chết luân hồi, đau khổ không dứt. Ở đây Đức Phật đưa ra một số nỗi khổ: khi sanh ra đau khổ, già yếu cũng đau khổ, lúc bệnh hoạn lại khổ hơn và khi chết lại càng khổ hơn nhiều, vả lại thân thể bất tịnh hôi hám, không khả lạc. Những điều đó đều là chân tướng sự thật ở trước mắt; ở đây Thế Tôn cũng khuyên mọi người nên cương quyết rửa sạch những dơ dáy ở trong tâm. Hạng người như thế chắc chắn là tự

giải thoát được, cũng có thể triển chuyển độ cho người khác, khuyên mọi người đoạn ác tu thiện.

Chú: 1) *Quyết đoán: Kiên quyết đoạn trừ.*

2) *Trung tín: Hết lòng với trách nhiệm, giữ chữ tín.*

KINH

CHÍ TÂM CẦU NGUYỆN, TÍCH LŨY THIỆN BỒN, TUY NHẤT THỂ TINH TẤN CẦN KHỔ, TU DU NHÀN NHĨ, HẬU SANH VÔ LƯỢNG THỌ QUỐC, KHOÁI LẠC VÔ CỰC, VĨNH BẠT SANH TỬ CHI BỒN, VÔ PHỤC KHỔ NÃO CHI HOẠN, THỌ THIÊN VẠN KIẾP (1) TỰ TẠI TÙY Ý.

Giải: Nhất tâm cầu nguyện vãng sanh Tịnh độ, tích lũy công đức, đoạn trừ ác, tu thiện; tuy cần khổ tu hành trong một đời, chẳng qua chỉ trong một thời gian rất ngắn mà thôi, tương lai được vãng sanh về thế giới Cực Lạc, khả dĩ đạt được an lạc hạnh phúc vô cùng tận, đồng thời mãi mãi thoát khỏi luân hồi, không còn phiền não, khổ, ưu, mạng sống vô lượng, tất cả thọ dụng, sự tu hành và hóa độ cho kẻ khác tu hành chứng quả, tất cả đều tùy ý tự tại.

Chú: 1) *Thọ thiên vạn kiếp: Ở đây biểu thị mạng sống vô lượng.*

KINH

NGHI CÁC TINH TẤN, CẦU TÂM SỞ NGUYỆN, VÔ ĐẮC NGHI HỐI, TỰ VI QUÁ CỬU (1) SANH BỈ BIÊN ĐỊA (2), THẮT BẢO THÀNH TRUNG, Ư NGŨ BÁCH TUẾ THỌ CHỮ ÁCH GIẢ.

Giải: Đức Phật khuyên mỗi chúng ta cần nỗ lực tinh tấn chuyên tu cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, không được hoài nghi, hối hận; có hoài nghi hối hận là lỗi lầm của tự thân, tương lai vãng sanh vào trong thành biên địa của thế giới Cực Lạc, trong thời gian 500 năm không được gặp Phật, không nghe được pháp, đó là khổ nạn mà hạng chúng sanh ấy phải nhận.

Chú: 1) *Quá cứu: Lỗi lầm.*

2) *Biên địa: Tức là nghi thành ở biên địa mà đoạn Kinh văn dưới đây nói đến.*

KINH

DI LẶC BẠCH NGÔN: THỌ PHẬT MINH HỐI CHUYÊN TINH TU HỌC, NHƯ GIÁO PHỤNG HÀNH, BÁT CẢM HỮU NGHI.

Giải: Bồ-tát Di-lặc bạch Thế Tôn: Hôm nay con được nghe những lời giáo giới của Thế Tôn, con quyết định chuyên tinh tu học, phụng hành như chánh pháp, phát nguyện vãng sanh về cõi Tịnh độ của Đức Phật Di-đà. Trước những lời dạy của Thế Tôn, con không dám nghi ngờ.

*

PHẨM THỨ BA MƯƠI LĂM
TRỌC THẾ (1) ÁC KHỔ (2)

Giải: Phẩm Kinh này Thế Tôn dạy chúng ta, khuyên chúng ta cần phải tìm hiểu rõ cái chân tướng sự thật của thế gian, nhận thức rõ ràng hoàn cảnh hiện thực; cần đoạn ác tu thiện thì mới ly khổ đắc lạc.

Chú: 1) *Trọc thế:* Ngũ trọc ác thế.

2) *Ác khổ:* Năm ác, năm thiêu đốt.

KINH

PHẬT CÁO DI LẶC, NHỮ ĐẰNG NĂNG Ư THỬ THẾ, ĐOAN TÂM CHÁNH Ý, BÁT VI CHỨNG ÁC, KHAM VI ĐẠI ĐỨC, SỞ DĨ GIẢ HÀ, THẬP PHƯƠNG THẾ GIỚI, THIỆN ĐA ÁC THIỂU, DỊ KHẢ KHAI HÓA, TUY THỬ NGŨ ÁC THẾ GIAN TỐI VI KỊCH KHỔ; NGÃ KIM Ư THỬ TÁC PHẬT, GIÁO HÓA QUẦN SANH LINH XÃ NGŨ ÁC (1), KHỨ NGŨ THỐNG (2) LY NGŨ THÊU (3), HÀNG HÓA KỶ Ý, LINH TRÌ NGŨ THIỆN (4) HOẠCH KỶ PHƯỚC ĐỨC.

Giải: Kẻ nào ở trong cuộc đời ngũ trược mà chánh tâm thành ý, không tạo tác nghiệp ác thì gọi là đại đức, vì sao ? Nhân vì chư Phật trong mười phương thế giới nhiều thiện ít ác nên dễ dàng khai hóa; duy chỉ có cuộc đời ngũ trược là vô cùng khổ đau. Ta nay thị hiện thành Phật tại đó để giáo hóa hết thảy chúng sanh khiến cho họ vứt bỏ năm ác, trừ khử năm nỗi đau, mãi mãi xa lìa

năm thiêu đốt, hàng phục ác niệm tham sân si, chuyển hóa hết thảy chúng sanh, dắt dẫn chúng sanh thọ trì năm điều lành (năm giới), dạy cho chúng sanh như thế nào để nhận được phước đức.

Chú: 1) Ngũ ác: Giết hại, trộm cắp, dâm dục, nói láo, uống rượu.

2) Ngũ thống: Tức là những nỗi khổ đau phải tiếp nhận trong cuộc đời này cùng mọi tai nạn gặp phải.

3) Ngũ thiêu: Là quả báo, ở đây chỉ khổ báo nga quỷ, súc sanh, địa ngục.

4) Ngũ thiện: Là năm giới.

KINH

HÀ ĐẲNG VI NGŨ ? KỶ NHẤT GIẢ THẾ GIAN CHƯ CHÚNG SANH LOẠI, DỤC VI CHÚNG ÁC, CƯỜNG GIẢ PHỤC NHƯỢC, CHUYỂN TƯƠNG KHẮC TẶC (1) TÀN HẠI SÁT THƯƠNG, ĐIỆT TƯƠNG THÔN ĐẠM (2) BẤT TRI VI THIỆN (3) HẬU THỌ ƯƠNG PHẠT, CỐ HỮU CÙNG KHẮT, CÔ ĐỘC (4) TỬNG MANH, ÁM Á (5), SI ÁC (6), UÔNG CUỒNG (7) GIAI NHÂN TIỀN THẾ BẤT TÍN ĐẠO ĐỨC, BẤT KHẲNG VI THIỆN.

Giải: Dưới đây Đức Phật vì chúng ta mà trình bày năm ác, năm nỗi đau, năm thiêu đốt. Thế nào là năm loại ? Một là ác giết hại; hết thảy chúng sanh trên đời vì muốn đầy đủ những ham muốn tự thân nên tạo tác nhiều nghiệp ác, mạnh hiếp yếu, cái gọi là thịt non ăn mạnh, tất cả điều đó chỉ nhân vì không biết làm việc lành.

Hậu quả của việc tạo nghiệp ác thì nhất định phải nhận lấy tai ương, vì thế nên ở cuộc đời mới có hạng người nghèo khó xin ăn, cô độc, đui, điếc, câm, tật nguyền; tất cả hậu quả đó nhân vì kiếp trước không tin nhân quả, tạo nghiệp ác, không chịu giữ giới sát, phóng sanh, ăn chay, khuyến thiện.

Chú: 1) *Chuyển tương khắc tặc*: *Chuyển tương*: Hồ tương; *khắc tặc*: hạn chế giết hại.

2) *Diệt tương thôn đạm*: *Câu xé lẫn nhau*.

3) *Vi thiện*: Chỉ không giết hại, phóng sanh, ăn chay.

4) *Cô độc*: Tuổi trẻ mồ côi cha mẹ gọi là cô; tuổi già mất con cái gọi là độc.

5) *Ám á*: Câm.

6) *Si ác*: Xấu xí.

7) *Vượng cường*: Tật nguyền điên loạn.

KINH

KỶ HỮU TÔN QUÝ (1), HÀO PHÚ (2), HIỀN MINH (3), TRƯỞNG GIẢ, TRÍ DŨNG TÀI ĐẠT (4) GIAI DO TÚC THỂ TỬ HIẾU, TU THIỆN, TÍCH ĐỨC SỞ TRÍ.

Giải: Trên cuộc đời cũng có hạng người tôn quý, giàu sang, hiền minh, trí dũng tài ba, hạng người này đều do trong đời quá khứ tu từ hiếu hạnh làm nhiều việc lành, tích tụ đức độ nên ngày nay nhận được quả lành.

Chú: 1) *Tôn quý: Chỉ địa vị cao sang, mọi người kính trọng.*

2) *Hào phú: Giàu sang.*

3) *Hiền minh: Có đạo đức, trí tuệ.*

4) *Trí dũng tài đạt: Người có tài nghệ, trí tuệ và sức mạnh.*

KINH

THẾ GIAN HỮU THỦ MỤC TIỀN HIỆN SỰ THỌ CHUNG CHI HẬU, NHẬP KỲ U MINH (1) CHUYỂN SANH THỌ THÂN, CẢI HÌNH DỊCH ĐẠO; CỔ HỮU NÊ LÊ CẦM THỦ, QUYÊN PHI NHU ĐỘNG CHI THUỘC. THÍ NHƯ THẾ PHÁP LAO NGỤC, KỊCH KHỔ CỤC HÌNH, HỒN THẦN MỆNH TINH (2), TÙY TỘI THỦ HƯỚNG, SỞ THỌ THỌ MỆNH HOẶC TRƯỜNG HOẶC ĐOẢN, TƯƠNG TÔNG CỘNG SANH, CÁNH TƯƠNG BÁO THƯỞNG, ƯƠNG ÁC VỊ TẬN, CHUNG BẮT ĐẮC LY, TRIỂN CHUYỂN KỲ TRUNG, LỤY KIẾP NAN XUẤT, NAN ĐẮC GIẢI THOÁT, THỐNG BẮT KHẢ NGÔN.

Giải: Thế gian có những việc giết hại cùng với những quả báo đời này, vì thế sau khi chết tự nhiên phải đọa vào đường ác tùy theo nghiệp lực mà nhận lấy hình hài; thay đổi cái thân hình, từ cái thân người biến thành cái thân của đường ác. Do đó mà có địa ngục, ngạ quỷ, cầm thú loại bay, loại đi bằng hai chân hay nhiều chân, nhiều thứ thân hình khác nhau. Điều đó cũng giống như nhà tù thế gian, nhận chịu mọi cực hình đau đớn, thần hồn của vị ấy tùy theo nghiệp ác mà chịu khổ đau của 3 đường

ác, mạng sống thì có dài có ngắn. Oan gia trái chủ trong quá khứ đuổi theo đời đời cùng sanh vào một chỗ để trả cái mối oan cừu của đời trước; nếu như chưa trả hết nghiệp báo thì cuối cùng cũng không thoát khỏi, chắc chắn là triển chuyển ở trong ba đường ác khó mà ra khỏi, thật khó được giải thoát; nổi khổ đau ấy khó mà hình dung bằng ngôn ngữ.

Chú: 1) *U minh*: Chỉ ba đường ác.

2) *Hồn thần mệnh tinh*: Chính là linh hồn mà người đời nói đến, trong đạo Phật gọi là thần thức.

KINH

THIÊN ĐỊA CHI GIAN (1) TỰ NHIÊN HỮU THỊ, TUY BẤT TỨC THỜI BẠO ỨNG (2), THIỆN ÁC HỘI ĐƯƠNG QUY CHI.

Giải: Giữa đất trời mọi việc nhân quả tự nhiên như hình với bóng, tất nhiên có báo ứng như vậy; tuy không bị báo ứng tức khắc nhưng báo ứng nhân quả thiện ác là chân thật không hư ngụy. Khi nhân duyên hội hợp thì sẽ nhận lấy báo ứng.

Chú: 1) *Thiên địa chi gian*: Chỉ trong ba cõi sáu đường.

2) *Báo ứng*: Có nghĩa là mạnh mẽ, khẩn cấp.

KINH

KỲ NHỊ GIẢ, THẾ GIAN NHÂN DÂN, BẤT THUẬN PHÁP ĐỘ (1), XA DÂM (2) KIÊU TÚNG, NHIỆM TÂM TỰ DỤC (3), CƯ THƯỢNG BẤT MINH, TẠI VỊ BẤT CHÍNH, HẨM NHÂN OAN

UÔNG, TỒN HẠI TRUNG LƯƠNG, TÂM KHẨU CÁC DỊ, CƠ NGUY (4) ĐA ĐOAN, TÔN TY TRUNG NGOẠI (5) CẠNH TƯỚNG KHI CUÔNG, SÂN NHUẾ NGU SI DỤC TỰ HẬU KỶ; DỤC THAM ĐA HỮU, LỢI HẠI THẮNG PHỤ, KẾT PHẦN THÀNH THÙ, PHÁ GIA VONG THÂN BẤT CỐ TIỀN HẬU.

Giải: Hai là chỉ trộm cắp, người đời không dựa vào luật pháp, kiêu mạn, xa xỉ, phóng túng, chạy theo những tham dục bản thân. Là người lãnh đạo, lợi dụng quyền thế, hại người lợi mình, gây họa cho đất nước, hại dân. Ở chức quyền mà đời sống không chân chính, gây oan uổng hãm hại kẻ khác, giết hại kẻ hiền lương. A dua xu nịnh, tâm miệng bất nhất, đầu cơ tích trữ dối trá hư ngụy. Bất luận là hạng trưởng bối hay văn bối, người thân, người dưng đều bị người ta khinh thường. Sân nhuế, ngu si cứ tăng mãi cái lòng tham thu hút tài sản của kẻ khác, mong cho bản thân giàu sang nhân đó mà sản sinh ra xung đột lợi hại tranh dành lẫn nhau; thế là kết nhãn thành oán thù, không rõ cái đạo lý nhân trước quả sau và chân tướng sự thật.

Chú: 1) Pháp độ: Luật pháp, pháp chế,

2) Xa dâm: Dâm dục quá mức.

3) Tư: Phóng túng.

4) Cơ nguy: Cơ tâm xảo trá.

5) Trung ngoại: Trung là người nhà, ngoại là người ngoài.

KINH

PHÚ HỮU KIÊN TÍCH, BẤT KHẲNG THÍ DŨ, ÁI BẢO THAM TRỌNG, TÂM LAO THÂN KHỔ, NHƯ THỊ TRÍ CẠNH, VÔ NHẤT TÙY GIÁ, THIỆN ÁC, HỌA PHÚC, TRUY MỆNH SỞ SANH, HOẶC TẠI LẠC XỨ (1) HOẶC NHẬP KHỔ ĐỘC (2) HỮU HOẶC KIẾN THIỆN TÀNG BÁNG, BẤT TƯ MỘ CẬP (3); THƯỜNG HOÀI ĐẠO TÂM HY VỌNG (4) THA LỢI, DỤNG TỰ CUNG CẤP TIÊU TÁN PHỤC THỦ.

Giải: Trên cuộc đời có một hạng người giàu có nhưng lại rất keo lặn tiếc nuối tiền tài của cải, không hề mang của cải cho người khác. Ái dục kiên cố, lòng tham rất nặng, suốt đời cứ cố giữ tài sản, cứ như vậy cho đến lúc mệnh chung, tài sản của vị ấy vẫn không hề mất mát, duy chỉ có nghiệp lực thiện ác, họa phúc cả một đời chi phối vị ấy đến sáu nẻo luân hồi. Trọn đời làm việc lành thì được phước, kiếp sau tái sanh vào chỗ an vui; còn trọn đời làm việc ác thì bị tai họa, đời sau tái gặp khổ độc.

Lại nữa, hoặc thấy người khác làm việc thiện thì ganh ghét, phỉ báng không có lòng kính mộ, hạng người như vậy thường mang cái tâm xâm đoạt, hy vọng cướp đoạt của cải phi nghĩa để bản thân tiêu xài, tiêu xài hết lại làm việc ác tiếp.

Chú: 1) Lạc xứ: Chỉ ba đường lành.

2) Khổ độc: Báo ứng đau khổ, chỉ ba đường ác.

3) Mộ cập: Kính mộ.

4) Hy vọng: Mong được.

KINH

THẦN MINH KHẮC THỨC (1), CHUNG NHẬP ÁC ĐẠO, TỰ HỮU TAM ĐỒ VÔ LƯỢNG KHỔ NÃO, TRIỂN CHUYỂN KỶ TRUNG, LUY KIẾP NAN XUẤT, THỐNG BÁT KHẢ NGÔN.

Giải: Người tạo nhiều tội nghiệp như thế thì thiên thần ghi chép việc thiện ác rồi tống giao cho Diêm la vương. Ở trong thức A-lại-gia của vị ấy cũng giữ lại những tội nghiệp mà vị ấy đã tạo tác; sau khi chết nhất định là đọa vào ba đường ác, tự nhiên có khổ báo của ba đường, khổ đau vô lượng. Cứ thế mà triển chuyển trong ba đường qua nhiều kiếp khó ra khỏi, nỗi khổ đau ấy không thể nào dùng ngôn ngữ mà diễn đạt được.

Chú: 1) Thần minh khắc thức: Thần minh ở đây chỉ A-lại-gia thức; khắc là nhất định còn thức có nghĩa là ghi chép.

KINH

KỶ TAM GIẢ, THẾ GIAN NHÂN DÂN, TƯƠNG NHÂN KÝ SANH (1), THỌ MẠNG KỶ HÀ. BÁT LƯƠNG CHI NHƠN, THÂN TÂM BẤT CHÍNH, THƯỜNG HOÀI TÀ ÁC, THƯỜNG NIỆM DÂM DẬT (2), PHIỀN MÃN HUNG TRUNG (3), TÀ THÁI NGOẠI DẬT, PHÍ TỔN GIA TÀI, SỰ VI PHI PHÁP, SỞ DƯƠNG CẦU GIẢ NHI BÁT KHẮNG VI.

Giải: Người đời do nghiệp nhân liên hệ với nhau mà cùng sinh ra trên đời, mạng sống có là bao; hạng người bất lương, thân tâm bất chính, thường mang tâm tà ác

độc địa, thường chìm đắm trong dâm dục phóng đãng, phiền não dục vọng, thái độ tà dâm phóng đãng hiện rõ ra bên ngoài; hao phí của cải để làm những việc dâm dục, đáng lý nên tìm cầu chánh nghiệp lại không chịu làm.

Chú: 1) *Tương nhân ký sanh*: Chỉ chúng sanh do nghiệp nhân qua lại mà sinh ra trên đời.

2) *Dâm dật*: Tà dâm, phóng đãng.

3) *Phiền não hung trung*: Là chỉ ngọn lửa dục vọng thiêu đốt bên trong, bụng nóng tâm điên cuồng.

KINH

HỤU HOẶC GIAO KẾT (1) TỤ HỘI, HƯNG BINH TƯƠNG PHẠT, CÔNG KIẾP SÁT LỤC (2), CƯỚNG ĐOẠT BÁCH HIẾP (3), QUY CẤP THÊ TỬ, CỤC THÂN TÁC LẠC, CHÚNG CỘNG TẦNG ÁP, HOẠN NHI KHỔ CHI.

Giải: Hoặc là câu kết bạn ác, tụ tập hạng tà ác, hưng binh đánh phá lẫn nhau, xâm lược giết hại, dùng võ lực để uy hiếp, cướp đoạt trắng trợn, làm vô số việc ác. Dùng của cải cướp đoạt làm vui lòng vợ con, thả mình vào thanh sắc để hưởng lạc thú; do đó mà mọi người trong xã hội đều hận thù lên án, vì thế nên gặp phải tai họa khổ đau vô cùng tận, đó là nói đến báo ứng của đời này.

Chú: 1) *Giao kết*: Câu kết.

2) Sát lục: Ở đây chỉ việc dùng thương, mâu để giết người. Lục: Lấy vật có mũi nhọn để đâm nhau.

3) Bách hiệp: Chỉ việc lấy sức mạnh để uy hiếp cường bực.

KINH

NHƯ THỊ CHI ÁC, TRƯỚC (1) Ủ NHƠN QUỶ, THẦN MINH KÝ THỨC TỰ NHẬP TAM ĐỒ, VÔ LƯỢNG KHỔ NÃO, TRIỂN CHUYỂN KỲ TRUNG, LỤY KIẾP NAN XUẤT, THỐNG BÁT KHẢ NGÔN.

Giải: Hạng người ác ấy, người đời sau cùng với trời đất quỷ thần đều thấy rõ ác hành của họ, vả lại A-lại-gia thức đều thu giữ các chủng tử của nghiệp ác, trời thần cũng ghi chép tội hành của họ. Sau khi chết tự nhiên bị đọa vào ba đường khổ não vô lượng, cứ thế mà triển chuyển trong ba đường nhiều kiếp khó ra khỏi; thứ khổ đau ấy không thể nào dùng ngôn ngữ mà diễn đạt được.

Chú: 1) Trước: Dính mắc.

KINH

KỲ TỬ GIẢ, THẾ GIAN NHÂN DÂN BÁT NIỆM TU THIÊN, LƯƠNG THIẾT, ÁC KHẨU, VỌNG NGÔN, Ý NGŨ; TÀNG TẬT THIÊN NHƠN, BẠI HOẠI HIỀN MINH, BÁT HIẾU PHỤ MẪU, KHINH MẠN SƯ TRƯỞNG, BẰNG HỮU VÔ TÍN, NAN ĐẮC THÀNH THẬT.

Giải: Đoạn thứ tư nói về vọng ngữ ác, người đời do

không thấy rõ cái chân tướng của vũ trụ nhân sinh, mê ở danh lợi mà không nghĩ đến việc tu hành tích đức. Nói hai lưỡi gây chia rẽ, tạo thị phi, ngôn từ thô ác làm cho kẻ khác khổ đau phiền não; khinh mạn người, mở miệng ra là nói lời không thật; lại còn khéo dùng hoa ngôn xảo ngữ nói những lời thêu dệt. Hạng người này thường ganh ghét người hiền việc tốt, chuyên phá hoại người tốt việc tốt, khinh miệt người đời, đối với hạng người hiền mình mất hết niềm tin, hạng người ấy thường bất hiếu với cha mẹ, kiêu mạn với thầy, đối với bạn bè thì không tin dùng, khó mà thấy được sự thành thật của họ.

KINH

**TÔN QUÝ TỰ ĐẠI, VỊ KỶ HỮU ĐẠO, HOÀNH HÀNH UY THẾ,
XÂM DỊCH VU NHÂN, DỤC NHÂN ÚY KÍNH, BÁT TỰ TÀM CỤ.**

Giải: Do họ vận dụng nhiều thủ đoạn để người khác tin tưởng nên thường cho mình là tự tôn tự đại, bảo rằng bản thân có đạo đức thế là đại vọng ngữ, thọ khổ báo vô cùng to lớn, nhân vì người ấy đã dắt dẫn chúng sanh đi vào con đường tà vạy. Lại còn thấy họ cậy thế khinh người, hoành hành bá đạo; muốn mọi người phải cúi đầu nghe lệnh, chỉ có ta là trên hết, ngày ngày tạo nhiều nghiệp ác mà không biết xấu hổ sợ hãi.

KINH

**NAN KHẢ HÀNG HÓA, THƯỜNG HOÀI KIÊU MẠN LẠI KỶ
TIỀN THẾ, PHƯỚC ĐỨC DOANH HỘ, KIM THẾ VI ÁC, PHƯỚC**

ĐỨC TẬN DIỆT THỌ MẠNG CHUNG TẬN, CHƯ ÁC NHIỀU QUÝ.

Giải: Đức Phật nói hạng người này, tập nhiễm quá nặng khó mà giáo hóa, hàng phục; họ không thay đổi cái tập khí kiêu mạn, thường hoành hành một thời, tất cả đều do nhiều phước đức vị ấy đã tu ở kiếp trước giúp cho vị ấy không thất bại; nhưng kiếp này làm việc ác, khi mà quả báo lành của nhiều kiếp trước hết rồi thì thiện thần rời khỏi vị ấy, vì thế khi vị ấy mệnh chung, ác nghiệp hiện tiền rồi có ý tưởng tai nạn không đến.

KINH

HỤU KỲ DANH TỊCH (1), KÝ TẠI THẦN MINH, ƯƠNG CỬU KHIÊN DẪN, VÔ TÔNG XÃ LY, ĐẢN ĐẮC TIỀN HÀNH, NHẬP VÀO HỎA HOẠCH, THÂN TÂM THÔI TOẠI, THẦN HÌNH KHỔ CỤC, ĐƯƠNG TƯ CHI THỜI, HỐI PHỤC HÀ CẬP.

Giải: Thần minh ghi chép lại tội trạng của người làm việc ác thành một hồ sơ cá nhân, vị ấy không thể nào trốn thoát chỉ có thể đi theo vị thần bước vào ngục vạc dầu, thân tâm đau đớn như bị nghiền nát; đến khi đó hối hận cũng không kịp.

Chú: 1) Danh tịch: Hồ sơ cá nhân.

KINH

KỲ NGŨ GIẢ, THẾ GIAN NHÂN DÂN, ĐỒ Ỗ GIẢI ĐÀI, BÁT KHẲNG TÁC THIỆN, TRỊ THÂN TU NGHIỆP, PHỤ MẪU GIÁO HÓI, VI LỆ PHẢN NGHỊCH, THÍ NHƯ OÁN GIA, BÁT NHƯ VÔ

TỬ, PHỤ AN VI NGHĨA, VÔ HỮU BÁO THƯỜNG.

Giải: Đây là đoạn thứ năm, người xưa có hai cách giảng, một là nói âm tử ác, hai là nói nghiệp, ba ác (tham, sân, si). Đủ thấy rằng ý nghĩa của một phẩm Kinh này xác thực là đầy đủ ý nghĩa của năm giới, thập thiện.

Tiết Kinh này nói: hạng người bất thiện ở thế gian, tâm không có chủ kiến, phạm có việc gì thì do dự, phóng dật, giải đãi, duy chỉ muốn mình yên ổn, tự tư, tự lợi không chịu tu sửa cái thân làm việc lành, không nghĩ đến đời sống chân chính, không nghe lời dạy dỗ của cha mẹ mà có thái độ hung hăng chống báng khiến cho cha mẹ có con mà như oan gia, vì thế mà nói rằng chẳng bằng không có con cái. Đứa con ác như vậy, vong ân bội nghĩa đối với cha mẹ mà không hề có cái tâm báo đáp.

KINH

PHÓNG TỬ, DU TÁN, CHẢM TỬU, ĐỔ MỸ LỖ ÁP, ĐỂ ĐỘT, BẤT THỨC NHÂN TÌNH, VÔ NGHĨA VÔ LỄ, BẤT KHẢ GIÁN HIỂU, LỤC THÂN QUYẾN THUỘC, TƯ DỤNG HỮU VÔ, BẤT NĂNG ƯU NIỆM, BẤT DUY PHỤ MẪU CHI AN, BẤT TỒN SỰ HỮU CHI NGHĨA.

Giải: Hạng người ác ấy, ngày ngày sống phóng dăng, tản mạn, rượu chè say sưa, thích ăn miếng ngon, chiếm giữ quá độ, lòng tham không mệt mỏi, thái độ ngu si, cuồng loạn, do vì không biết nên mới làm việc ác, nhân

đó mà không hiểu được tình người, không lẽ không nghĩa chẳng còn cách nào mà khuyên dẫn; hạng người này với người thân trong gia đình, đối với những thứ nhu yếu trong đời sống hàng ngày như là gạo, củi, dầu, muối... vị ấy không cần hay biết; đối với ân của cha mẹ, nghĩa của thầy bạn cũng thản nhiên nhi nhien.

KINH

Ý NIỆM THÂN KHẨU, TĂNG VÔ NHẤT THIỆN, BẤT TÍN CHƯ PHẬT KINH PHÁP, BẤT TÍN SANH TỬ THIỆN ÁC, DỤC HẠI CHÂN NHÂN, ĐẤU LOẠN TĂNG CHÚNG. NGU SIMÔNG MUỘI, TỰ VI TRÍ TUỆ, BẤT TRI SANH SỞ TÔNG LAI, TỬ SỞ THÚ HƯỚNG, BẤT NHÂN BẤT THUẬN, HY VỌNG TRƯỜNG SANH.

Giải: Hạng người ác này trong tâm thường khởi lên niệm ác, miệng thường nói ác, thân thường làm việc ác, chưa bao giờ làm một điều lành. Họ không tin vào lời dạy của Đức Phật, không tin sống chết luân hồi, không tin vào cái đạo lý sự thật và nhân quả báo ứng. Thường mang ác ý với các bậc chân nhân có tu có chứng và hạng người hiền đạt trong xã hội.

Đối với vấn đề hòa hợp của hàng xuất gia như pháp tu học trong Phật giáo, họ vận dụng những lời nói thù địch, hai lưỡi hầu gây ly gián, chia rẽ khiến cho tăng chúng bất hòa, không thể tu học như pháp gọi là phá hòa hợp tăng. Hạng người làm việc ác như thế quả thật

là những kẻ ngu si, vô trí, ngược lại tự cho mình có trí tuệ thật đáng thương.

Đúng là hết sức ngu si, không tin nhân quả ba đời, vì thế nên họ không hay biết mạng sống này từ đâu đến, sau khi chết đi về đâu; chỉ biết sống là tự tư tự lợi mà chẳng cần biết lợi người nên mới đãi nhân tiếp vật bất nhân bất thuận mà lại mơ tưởng đến việc trường sanh bất tử.

KINH

**TỪ TÂM GIÁO HỐI, NHI BÁT KHẢNG TÍN. KHỔ KHẨU DỮ
NGŨ, VÔ ÍCH KỲ NHƠN, TÂM TRUNG BẾ TÁI, Ý BÁT KHAI
GIẢI. ĐẠI MỆNH TƯƠNG CHUNG, HỐI CỤ GIAO TRÍ; BÁT
DỰ TU THIỆN, LÂM THỜI NÃI HỐI, HỐI CHI Ư HẬU TƯƠNG
HÀ CẬP HỒ.**

Giải: Kẻ ngu si làm nhiều việc ác ấy, trong lòng họ bị che lấp, tuy có nghe lời nói của bạn hiền nhưng họ không hề hiểu rõ, đúng là hạng người ngu muội, quả là nỗi đau của cả một đời. Sinh ra trên đời mà như không có mặt, lo mà tu tập, tương lai khi giờ lâm chung đến với họ thì cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh hiện ra trước mắt; khi ấy dù có hối hận, sợ hãi thì cũng đã muộn màng không còn kịp nữa.

KINH

THIÊN ĐỊA CHI GIAN, NGŨ ĐẠO PHÂN MINH, THIỆN ÁC BÁO

ỨNG, HỌA PHƯỚC TƯƠNG THỪA, THÂN TỰ ĐƯƠNG CHI, VÔ THÙY ĐẠI GIẢ.

Giải: Từ đây trở xuống ba đoạn Kinh văn ngắn, Đức Phật vì chúng ta mà tổng kết năm ác, năm nỗi đau, năm sợ hãi thiêu đốt. Đức Phật dạy: giữa cõi trời đất năm đường (thiên đạo, nhân đạo, địa ngục đạo, ngạ quỷ đạo, súc sanh đạo) phân chia rõ ràng đó là thuyết minh về vũ trụ của chúng sanh hữu tình, tổng quát có năm loại khác nhau (cũng là nói sáu đường, bởi vì trong thiên đạo lại phân ra một loại nữa là A-tu-la, vì thế năm đường và sáu đường hoàn toàn giống nhau) trong đó khổ lạc, thiện ác, người người đều thấy. Nghiệp nhân như vậy, quả báo như vậy không mảy may sai chạy, có tạo tác, có báo ứng, có cảm tất có ứng.

Vì vậy, họa phước mà chúng ta nhận trước mắt đều là những báo ứng của nghiệp nhân trong nhiều đời quá khứ. Đời người ở thế gian, nghiệp mà chúng ta đã tạo ra có cả thiện ác, lúc thọ báo ứng có lạc trước khổ sau hay khổ trước lạc sau, khổ lạc đều gánh lấy; làm việc thiện thì được phước, làm việc ác thì bị họa tất cả đều tự làm tự nhận, không ai có thể thay thế được.

KINH

THIỆN NHÂN HÀNH THIỆN, TÒNG LẠC NHẬP LẠC, TÒNG MINH NHẬP MINH, ÁC NHÂN HÀNH ÁC, TÒNG KHỔ NHẬP KHỔ, TÒNG MINH NHẬP MINH; THÙY NĂNG TRI GIẢ, ĐỘC PHẬT TRI NHĨ.

Giải: Đức Phật dạy người hiền thì làm việc lành, tích lũy việc lành ở đời trước, đời này được sanh vào gia đình tôn quý, trọn đời được hưởng giàu sang, sống lâu, sự nghiệp thuận lợi thành công; đó là từ lạc đến lạc. Vì vậy lại thường ưa thích bố thí, tu nhiều phước tuệ, niệm Phật vãng sanh tịnh độ, đó là từ sáng đến sáng.

Nếu là người ác làm nghiệp ác, tất là bị ác báo, ắt là từ khổ đến khổ; lại nhân vị ấy ngu muội vô tri, không tin chánh pháp không làm việc lành là tãm tối; còn như tạo nhiều nghiệp ác, sau khi chết bị đọa vào đường ác, há không phải là từ khổ đến khổ, từ tối tãm đến tối tãm đó sao ? Đạo lý và chân tướng sự thật của năm nẻo luân hồi, các nhà tôn giáo thời xưa của Ấn Độ biết rõ là đương nhiên, không biết cũng là dĩ nhiên; những sự kiện này duy chỉ có Đức Phật Thích-ca mới biết rõ ngọn nguồn.

KINH

GIÁO NGŨ KHAI THỊ, TÍN HÀNH GIÁ THIỂU, SANH TỬ BẤT HỮU, ÁC ĐẠO BÁT TUYỆT, NHƯ THỊ THỂ NHƠN NAN KHẢ CỤ TẬN; CỐ HỮU TỰ NHIÊN TAM ĐỒ VÔ LƯỢNG KHỔ NÃO TRIỂN CHUYỂN KỲ TRUNG. THẾ THẾ LUY KIẾP VÔ HỮU XUẤT KỲ, NAN ĐẮC GIẢI THOÁT, THỔNG BÁT KHẢ NGÔN.

Giải: Phật-đà thanh tịnh, bình đẳng, từ bi thương tưởng chúng sanh nên xuất hiện ở thế gian giáo hóa chúng sanh, vì chúng sanh mà thuyết minh về cái sự thật chân tướng của vũ trụ nhân sinh, dạy cho chúng sanh nên xử

thế, đãi nhân, tiếp vật như thế nào; chỉ vì chúng sanh ngu si, kẻ biết tin và thực hành thì rất ít; vì vậy nhân vì chúng sanh không tin lời Phật dạy, mãi làm việc ác không ngừng nên phải chịu sống chết luân hồi mãi không ngưng, khổ báo của đường ác cũng không bao giờ chấm dứt. Người đời ngu muội nên mới sai quấy, nỗi khổ đau của quả báo thật là ngôn ngữ khó mà nói hết.

Lại nữa, nhân nghiệp cảm hiện ra nên mới có ba đường, khổ não vô lượng cứ quay cuồng trong ba nẻo mà chịu báo ứng, sống chết trong vô lượng kiếp không có kỳ hạn ra khỏi, khó mà giải thoát, nỗi khổ đau không thể nói được; đó là năm thiêu đốt.

KINH

NHƯ THỊ NGŨ ÁC, NGŨ THỔNG, NGŨ THIÊU THÍ NHƯ ĐẠI HỎA, PHẦN THIÊU NHÂN THÂN, NHƯỢC NĂNG TỰ Ư KỶ TRUNG NHỨT TÂM CHẾ Ý. ĐOAN THÂN CHÁNH NIỆM NGÔN HẠNH TƯƠNG PHÓ, SỞ TÁC CHÍ THÀNH, ĐỘC TÁC CHƯ THIỆN, BÁT VI CHÚNG ÁC, THÂN ĐỘC ĐỘ ÁC, HOẠCH KỶ PHƯỚC ĐỨC, KHẢ ĐẮC TRƯỜNG THỌ, NÊ HOÀN CHI ĐẠO, THỊ VI NGŨ ĐẠI THIÊN GIÁ.

Giải: Từ đây đến cuối đoạn này, Đức Phật khuyên chúng ta thay đổi mà tu hành. Năm ác là tạo tác nhân ác, năm nỗi khổ đau là báo ứng đời này, năm thiêu đốt là quả báo của ba đường. Thí dụ năm thiêu đốt là như ngọn lửa lớn thiêu thân thể; Đức Phật dạy: nếu có người nào ở

trong năm đau khổ, năm thiêu đốt mà chuyên tâm nhất chí khắc chế ba ác tham, sân, si; ngôn hạnh lại nhất trí, thành thật không làm việc ác, làm tất cả việc lành; hạng người như thế tất là được phước thoát khỏi sống chết, đời này được sống lâu, tương lai dựa vào niệm Phật vãng sanh, thành Phật không thối chuyển thì mới thực là năm điều lành lớn.

Phẩm này Đức Phật dạy cho chúng sanh thấy rõ báo ứng thiện ác, mang cái nghiệp vãng sanh của tông tịnh độ quyết là không phải nghiệp sở tạo trước mắt. Kinh Niết-bàn nói: “kẻ đồ tể biết liệng bỏ dao mổ là thành Phật ngay” vì vậy nên biết rằng thành Phật tức là liệng bỏ cái dao mổ, nếu như một mặt niệm Phật, một mặt làm việc ác thì quyết định không được vãng sanh.

*

PHẨM THỨ BA MƯƠI SÁU TRÙNG TRÙNG HỒI MIỄN

Giải: Phẩm này một lần nữa Thế Tôn vì chúng ta mà hiển thị nhân ác quả báo ác, chúng ta cần cảnh giác, giữ gìn. Sau cùng khuyên chúng ta cần tu chính thân tâm, không quên công phu tu học.

KINH

PHẬT CÁO DI LẶC, NGŨ NGŨ NHỮ ĐẰNG, NHƯ THỊ NGŨ ÁC, NGŨ THỐNG, NGŨ THIÊU, TRIỂN CHUYỂN TƯƠNG SANH CẢM HỮU PHẠM THỦ, ĐƯƠNG LỊCH ÁC THỨ.

Giải: Đức Phật nói với Bồ-tát Di Lặc cùng với đại chúng trong pháp hội, trước đây đã nói tới khổ báo của năm ác, năm đau đớn và năm thiêu đốt; nhân quả báo ứng triển chuyển cùng sanh. Nhân kết quả, quả sanh nhân, chen đan nhau không dứt, càng về sau càng đau khổ. Ở đây Đức Phật đặc biệt cảnh giác chúng ta, nếu chúng sanh nào phạm vào năm ác thì tương lai chắc chắn bị đọa vào đường ác, chịu khổ đau nhiều kiếp khó ra khỏi.

KINH

HOẶC KỶ KIM THẾ, TIÊN BỊ (1) BỆNH ƯƠNG, TỬ SANH BẤT ĐẮC, THỊ CHÚNG KIẾN CHI, HOẶC Ứ THỌ CHUNG NHẬP TAM ÁC ĐẠO, SÀU THỐNG KHỐC ĐỘC (2) TỰ TƯƠNG TIÊU NHIÊN (3).

Giải: Do ở quá khứ tạo năm ác, vì vậy đời này gặp phải tai ương bệnh khổ; bệnh khổ khiến vị ấy muốn sống không được, cầu chết cũng không được, rồi mọi người đều trông thấy hiện tượng đó; đó là họa báo hiện tại. Vị ấy sau khi chết quyết định đọa vào ba đường ác, chịu báo ứng của năm thiêu đốt.

Chú: 1) *Bị:* Có nghĩa là phải nhận.

2) *Sâu thông:* Sâu, u, bi, khổ, nã. *Khốc độc:* độc hại khốc liệt.

3) *Tự tương tiêu nhiên:* Sở cảm nghiệp lực đã tạo tác. Ngọn lửa ba độc tham, sân, si thiêu đốt trong tâm.

KINH

CỘNG KỶ OAN GIA, CÁNH TƯƠNG SÁT THƯƠNG, TÔNG TIỂU VI KHỞI, THÀNH ĐẠI KHỔN KỊCH (1). GIAI DO THAM TRƯỚC TÀI SẮC, BÁT KHẲNG THI HUỆ, CÁC DỤC TỰ KHOÁI, VÔ PHÚC KHÚC TRỰC (2), SI DỤC SỞ BÁCH, HẬU KỶ TRANH LỢI. PHÚ QUÝ VINH HOA, ĐƯƠNG THỜI KHOÁI Ý, BÁT NĂNG NHẪN NHỤC, BÁT VỤ TU THIỆN, UY THỂ VÔ KỶ, TÙY DĨ MA DIỆT (3).

Giải: Sau khi bị quả báo ba đường, khi mà oan gia trái chủ từ nhiều kiếp trước tụ hội trách phạt, hải tội rồi tàn sát lẫn nhau. Hết thấy oán hận đều do nghiệp nhân nhỏ bé nhưng vì si ác mà diễn biến thành nạn lớn; tất cả là do tham dục chấp trước tiếng tăm, lợi dưỡng năm dục, sáu trần, không biết bố thí, chỉ mưu đồ hưởng lạc cho

bản thân mà chẳng cần chú ý gì đến thị phi công thẳng; đều do vô minh, ngu si, tham sân bức bách mà tạo tác thành tội nặng. Con người ai cũng mong mỗi ngày đủ tiện nghi, liềm mình tranh đoạt, khi đạt được giàu sang phú quý thì khoái lạc một thời mà thôi; vì cái lợi nhỏ trước mắt mà không nhân nhục, không biết tiếp tục tu hành, tuy ở quá khứ có tu phước tích lũy căn lành đạt được uy thế giàu sang trước mắt nếu không tu lành thì phước báo của người ấy tùy theo nghiệp ác mà hết sạch.

Chú: 1) *Khôn kịch*: Không cách nào thoát khỏi khổ khổ kịch liệt.

2) *Khúc trực*: Là có lý và không có lý.

3) *Ma diệt*: Tiêu diệt.

KINH

THIÊN ĐẠO THI TRƯỜNG (1) TỰ NHIÊN TRÁC CỬ (2), VINH VINH TÙNG TÙNG (3) ĐƯƠNG NHẬP KỲ TRUNG. CỔ KIM HỮU THỊ THỐNG TAI KHẢ THƯƠNG.

Giải: Định luật nhân quả vận hành chen đan nhau là một loại hiện tượng tự nhiên; gieo nhân tức là có quả báo, đó không phải là có một chủ thể, nếu như làm việc ác quá sâu nặng thì quả báo hiện ngay đó là thái độ sợ hãi, thất thố, không chỗ nương tựa, trong lòng không yên ổn; hạng người này chắc chắn là tùy theo nghiệp mà đọa vào ba đường ác. Đó là định luật nhân quả báo ứng chen đan nhau từ xưa đến nay đều như thế cả, chư

Phật Bồ-tát thấy rõ nỗi khổ đau từ ba đường ác nên vô cùng thương xót nhưng không thể làm gì được. Nhân quả báo ứng đều tự làm tự nhận, tuy chư Phật Bồ-tát thì đại từ đại bi cũng không có cách nào chịu khổ đau thay cho chúng sanh.

Chú: 1) Thiên đạo: Cái lý tự nhiên. Thi trường: Chỉ sự vận hành.

2) Trác cử: Chính hợp.

3) Vinh vinh: Chỉ sự cô độc không chỗ nương tựa.

KINH

NHỮ ĐẰNG ĐẮC PHẬT KINH NGŨ, THỤC TỬ DUY CHI, CÁC TỰ ĐOAN THỦ (1) CHUNG THÂN BẤT ĐÃI, TÔN THÁNH KÍNH THIỆN, NHÂN TỬ BÁC ÁI (2), ĐƯƠNG CẦU ĐỘ THẾ, BẠT ĐOẠN SANH TỬ CHÚNG ÁC CHI BỒN. ĐƯƠNG LY TAM ĐỒ, ƯU BỐ KHỔ THỐNG CHI ĐẠO.

Giải: Đức Phật dạy: Chư vị đã được nghe những lời giáo giới của Phật, hãy suy nghĩ và thể hội, mỗi người tự nghiêm chỉnh y giáo phụng hành trọn đời không giải đãi.

Nếu tôn trọng Thánh hiền, kính trọng các vị thiện tri thức, tôn sư trọng đạo, lấy lòng nhân từ bác ái đối đãi với hết thảy chúng sanh, cầu nguyện có được phương pháp thoát khỏi luân hồi sống chết, nhờ sạch gốc mọi khổ đau sống chết sáu đường, đoạn trừ tham trước, năm dục sáu trần cho đến vọng tưởng phân biệt phiền não; như thế thì có thể thoát khỏi khổ não, sợ hãi, đau đớn

của ba đường khổ.

Chú: 1) *Đoạn thủ*: Chỉ thái độ cung kính tiếp nhận giáo giới của Đức Phật, hoàn toàn y giáo phụng hành.

2) *Bác ái*: Tâm từ bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh.

KINH

NHƯỢC TAO TÁC THIỆN, VÂN HÀ ĐỆ NHẤT, ĐƯƠNG TỰ ĐOAN TÂM, ĐƯƠNG TỰ ĐOAN THÂN NHĨ MỤC KHẨU TÝ, GIAI ĐƯƠNG TỰ ĐOAN, THÂN TÂM TỊNH KHIẾT, DỮ THIỆN TƯƠNG ỨNG, VẬT TÙY THỊ DỤC, BẮT PHẠM CHỮ ÁC, NGÔN SẮC ĐƯƠNG HÒA THÂN HÀNH ĐƯƠNG CHUYÊN, ĐỘNG TÁC CHIÊM THỊ, AN ĐỊNH TỪ VI.

Giải: Chư vị làm việc lành, trước hết cần cái gì ? Thứ nhất là cần giữ tâm thanh tịnh, thân hành phải đầy đủ oai nghi, tai mắt miệng lưỡi đều phải tôn thủ sự hướng dẫn của chư Phật, tinh tấn thực hành, ra sức cầu tự trang nghiêm, thực hiện thân tâm thanh tịnh, trong sạch, tương ưng với thân, tuyệt đối không tùy theo phiền não của tự thân, tập khí, tái phạm các việc ác. Nên tôn thủ thọ giữ năm giới mười điều lành, đối với mọi người cần hòa ái, vui vẻ, tu hành thì cần chuyên tu một pháp môn, huân tập lâu dài, đi, đứng, nằm, ngồi nhất cử nhất động đều phải an định không bức bách.

KINH

TÁC SỰ THƯƠNG TỐT (1), BẠI HỐI TẠI HẬU. VỊ CHI BẮT ĐẾ

(2), VONG KỶ CÔNG PHU (3).

◦ *Giải:* Nếu như làm việc mà bàng hoàng thất thố, tương lai nhất định là thất bại hối hận. Nếu lời nói không thận trọng, chân thật thì mất sạch công phu đã tu hành.

Chú: 1) *Thương tốt: Vội vã.*

2) *Đế: Thận trọng, chân thật.*

3) *Vong kỳ công phu: Vong là mất; công phu là chỉ công phu tu hành.*

*

PHẨM THỨ BA MƯƠI BẢY NHƯ BÀN ĐẮC BẢO

Giải: Phẩm này lấy thí dụ mà thuyết minh; ở đây Đức Phật thuyết minh về nhân lành quả lành, giúp cho chúng ta hiểu rằng tu hành được phước báo. Những lời giáo giới của Đức Phật cũng như người cùng khổ mà được châu báu.

KINH

NHŨ ĐẰNG QUẢNG THỰC ĐỨC BỒN, VẬT PHẠM ĐẠO CẨM (1), NHÃN NHỤC TINH TẤN, TỬ TÂM CHUYÊN NHẤT, TRAI GIỚI THANH TỊNH, NHẤT NHẬT NHẤT ĐẠ, THẮNG TẠI VÔ LƯỢNG THỌ QUỐC VI THIÊN BÁCH TUẾ, SỞ DĨ GIẢ HÀ, BỈ PHẬT QUỐC ĐỘ, GIAI TÍCH ĐỨC CHÚNG THIỆN, VÔ HÀO PHÁT CHI ÁC.

Giải: Phật dạy: Chư vị cần trồng cây công đức, chính là tu hành các điều lành, không ngược lại chân lý, phạm cấm giới. Thực hành nhẫn nhục như đất, tiếp thu tất cả mà vẫn tinh tấn không thối thất, lấy cái tâm yêu thương mà đối đãi với tất cả chúng sanh, tu học chuyên nhất không pha trộn. Ở trong mọi hoàn cảnh dù hoặc ác liệt, nếu như giữ gìn trai giới, lấy cái tâm thanh tịnh mà tu hành trong một ngày đêm còn hơn cả trăm năm tu hành ở thế giới Cực Lạc, vì sao? Nhân vì chúng sanh ở cõi nước của Đức Phật A-di-đà đều tu hành tích lũy công

đức không một mảy may nhân duyên tạo ác, ngược lại ở trong cuộc đời ác trước mà tu hành thì vô cùng quý giá khó được.

Chú: 1) Vật phạm đạo cấm: Không trái đạo lý, không phạm giới cấm.

KINH

Ư THỦ TU THIÊN, THẬP NHẬT THẬP DẠ, THẮNG Ứ THA PHƯƠNG CHƯ PHẬT QUỐC TRUNG, VI THIÊN THIÊN TUẾ, SỞ DĨ GIẢ HÀ, THA PHƯƠNG PHẬT QUỐC, PHƯỚC ĐỨC TỰ NHIÊN VÔ TẠO ÁC CHI ĐỊA.

Giải: Nếu như ở trong đời ngũ trước này mà tu tập mười ngày đêm, vượt hơn cả các cõi nước Phật khác đến hơn cả 1000 năm vì sao ? Nhân vì ở các cõi nước Phật khác phước đức là tự nhiên không có nơi nào tạo việc ác cả, còn chúng sanh ở đời ác trước mà biết tu hành thì thật quý khó có được.

KINH

DUY THỦ THẾ GIAN, THIÊN THIỂU ÁC ĐA, ẨM KHỔ THỰC ĐỘC (1), VỊ THƯỜNG NINH TỨC (2), NGÔ AI NHỮ ĐẰNG, KHỔ TÂM HỐI DỤ, THỌ DỮ KINH PHÁP TẮT TRÌ TƯ CHI, TẮT PHỤNG HÀNH CHI, TÔN TY, NAM NỮ, QUYẾN THUỘC, BẰNG HỮU CHUYÊN TƯƠNG GIÁO NGŨ, TỰ TƯƠNG ƯỚC KIỂM, HÒA THUẬN NGHĨA LÝ, HOAN LẠC TỬ HIẾU.

Giải: Duy chỉ có thế giới của chúng ta, người tu hành

thì ít kẻ tạo ác lại nhiều, con người trong cuộc sống đời thường, ngày ngày đều chịu rất nhiều khổ đau đều theo sự chi phối của phiền não tham sân si, tạo tác nhiều nghiệp ác từ xưa đến nay chưa hề ngưng nghỉ. Đức Phật thương tưởng chúng ta nên hết lời hiểu dụ, giáo giới, truyền thọ cho chúng ta phương pháp (ở đây chỉ bộ Kinh này) để ly khổ đắc lạc.

Sau khi tiếp nhận Kinh này cần tư duy nghĩa lý của Kinh, kế đó mới y giáo phụng hành. Đem những lợi ích của giác ngộ bản thân trao cho hết thảy chúng sanh và thân thuộc bạn bè để cùng hưởng thọ, tự thân cần tự ước thúc, kiểm điểm, phản tỉnh mọi hành vi, tư tưởng sai lầm, ra sức sửa đổi làm cho mới. Thái độ đối với người với vật, với sự việc cần phải tùy thuận hòa mục, không trái với nghĩa lý; thế mới đạt được một đời sống hoan hỷ, hạnh phúc, rồi lại lấy tâm từ bi, tâm hiếu thuận mà đối đãi với hết thảy chúng sanh đó mới thực sự tu hành cái đạo Bồ-tát, hành cái hạnh của Bồ-tát vậy.

Chú: 1) *Âm khổ thực độc*: Đây là thí dụ, thuyết minh rằng con người mỗi ngày phải chịu khổ đau tạo nghiệp không ngưng nghỉ. Khổ là ba khổ, tám khổ; độc là ba độc tham sân si.

2) *Ninh tức*: An ninh ngưng dừng.

KINH

SỞ TÁC NHƯ PHẠM, ẤT TỰ HỐI QUÁ, KHỬ ÁC TỰU THIỆN,

TRIỆU VĂN TỊCH CẢI, PHỤNG TRÌ KINH GIỚI NHƯ BÀN ĐẮC BẢO. CẢI VĂNG TU LAI, SÁI TÂM DỊCH HÀNH (1) TỰ NHIÊN CẢM GIÁNG (2), SỞ NGUYỆN CHIẾP ĐẮC.

Giải: Ngôn hạnh, cử chỉ nếu đã vi phạm thì tự sám hối, đoạn trừ ác theo thiện, lúc nào cũng phản tỉnh lời nói, hành động của bản thân; khi phát hiện sai trái thì lập tức sửa đổi, phụng hành những lời dạy ở trong Kinh điển cũng tự như kẻ nghèo khó được vật báu, mọi cực khổ ngưng ngay, từ đây vui thú không còn lo âu nữa, đó là ví dụ cái diệu dụng thù thắng của Kinh.

Nếu như sửa đổi những ác hành trong quá khứ từ đây mở đầu cho việc nỗ lực tu hành, rửa sạch mọi ô nhiễm ở trong tâm, thay đổi tất cả mọi hành vi sai lầm của bản thân, như thế ắt là tự nhiên cảm được sự gia bị của chư Phật, phạm bất cứ nguyện cầu gì đều cũng được tròn đầy, đó chính là có cầu tất ứng.

Chú: 1) Sai tâm dịch hành: Rửa sạch ô nhiễm trong tâm, chuyển ác hướng thiện, bỏ tà theo chính.

2) Tự nhiên cảm giáng: Như pháp tu hành thì tự nhiên cảm ứng đạo giao với Phật, được Phật gia trì.

3) Sở nguyện chiếp đắc: Là nói bất cứ cầu nguyện gì cũng đều đạt đến.

**KINH
PHẬT SỞ HÀNH XỨ (1), QUỐC ÁP KHUU TỰ, MA BẮT MÔNG**

HÓA, THIÊN HẠ HÒA THUẬN, NHỰT NGUYỆT THANH MINH, PHONG VŨ DĨ THỜI, TAI LỆ BẮT KHỞI (2), QUỐC PHONG DÂN AN, BINH QUA (3) VÔ DỤNG. SÙNG ĐỨC HƯNG NHÂN (4), VỤ TU LỄ NHƯỜNG (5), QUỐC VÔ ĐẠO TẶC, VÔ HỮU OAN UÔNG, CƯỜNG BẮT LĂNG NHƯỢC, CÁC ĐẮC KỲ SỞ.

Giải: Đoạn này thuyết minh về những thành quả của nội dung giáo dục của Phật đà. Đức Phật dạy phạm vi mà giáo dục của Phật đà có thể thực hiện, lớn là một quốc gia, đô thị, một thị trấn nhỏ, làng thôn người người đều tiếp nhận sự cảm hóa của Phật giáo; đều biết đoạn trừ ác, làm lành, ắt là cả thiên hạ được an lành, mọi người hòa mục, tương thân tương ái.

Mặt trời mặt trăng cùng các thiên thể khác vận hành theo quy luật, mưa thuận gió hòa không có những hiện tượng thất thường, thiên thời địa lợi, nhân hòa, không có những tai ương tự nhiên. Nước giàu dân yên, ai có chỗ đó, thiên hạ thái bình, tự nhiên sẽ không ai bị tai họa chiến tranh. Và cái xã hội đó, người người đều biết đề cao đạo đức, xử thế đãi nhân đều mở rộng nhân từ; các hoạt động hàng ngày có trật tự, đều lấy lễ mà cư xử với nhau; mọi người đều tôn trọng việc công phép nước; lấy thành tín mà cư xử, lại càng không lấy mạnh hiếp yếu khiến cho mọi người đều an cư lạc nghiệp.

Chú: 1) Phật sở hành xứ: Chỉ chỗ mà nội dung giáo dục của Đức Phật thực thi.

2) *Tại lệ bất khởi*: *Tại* là tai họa, *Lệ* là định lệ; Đó là nói đến không có các tai nạn ôn dịch.

3) *Bình qua*: *Thí dụ chiến tranh*.

4) *Sùng đức hưng nhân*: *Tôn trọng đạo đức, thực thi nhân chính*.

5) *Lễ nhường*: *Lễ* là lễ nghĩa, *nuông* là khiêm nhường không tranh dành.

KINH

NGÃ AI NHỮ ĐẰNG, THÂM Ư PHỤ MẪU NIỆM TỬ, NGÃ Ư THỮ THỂ TÁC PHẬT, DĨ THIỆN CÔNG (1) ÁT BẠT SANH TỬ CHI KHỔ, LINH HOẠCH NGŨ ĐỨC (2) THĂNG VÔ VI CHI AN (3).

Giải: Phật dạy Như Lai thương tưởng chúng sanh, cái tâm từ ái của Như Lai còn hơn cả tình thương của cha mẹ đối với con cái. Như Lai thị hiện, thành Phật ở trong thế giới này để trao truyền nhiều pháp lành cho chúng sanh lấy đó để đối trị với hết thấy phiền não, mãi mãi nhỏ sạch các khổ đau của sống chết luân hồi, hướng dẫn người đời tu hành năm điều lành để được năm đức; không ngừng hướng thượng thăng hoa và cuối cùng tất định đạt đến quả vị Phật.

Chú: 1) *Công có nghĩa là đối trị*.

2) *Ngũ đức*: *Năm giới*.

3) *Thăng vô vi chi an*: *Thăng* là thăng hoa còn *vô vi chi an* để chỉ việc vãng sanh thành Phật.

KINH

NGÔ BAN NÊ HOÀN (1) KINH ĐẠO TIỆM DIỆT (2) NHÂN DÂN XU NGUY, PHỤC VI CHÚNG ÁC, NGŨ THIÊU NGŨ THỐNG, CỬU HẬU CHUYỂN KỊCH, NHỮ ĐẰNG CHUYỂN TƯƠNG GIÁO GIỚI, NHƯ PHẬT KINH PHÁP, VÔ ĐẮC PHẠM GIÁ.

Giải: Phật dạy: Sau khi Như Lai nhập diệt, những Kinh điển mà Như Lai đã nói trong 49 năm sẽ bị con người hiểu sai, biến chất, dần dà không còn có mặt trên thế gian, khi ấy tư tưởng hành vi của con người đều hư ngụy, không thật. Những tập khí vô minh, phiền não nội tại, thêm vào ảnh hưởng của những ngoại duyên ác nên lại tạo tác nhiều nghiệp ác. Xã hội sẽ loạn lạc bất an, cuộc sống của con người vô cùng khốn khổ, các hiện tượng ấy càng ác liệt.

Các vị có duyên nên được gặp bộ Kinh này, biết phương pháp ly khổ đặc lạ, cần phải nói cho nhau, cùng khích lệ nhau tu học theo phương pháp mà Phật đã nói ở trong Kinh, y giáo phụng hành quyết không được vi phạm; có duyên được nghe pháp như vậy là vô cùng thù thắng hiếm có nên biết để mà trân trọng.

Chú: 1) Ban nê-hoàn: Âm dịch chữ Ấn Độ, Trung văn dịch là “Viên tịch”, có nghĩa là công đức thanh tịnh, tròn đầy tịch diệt.

2) Kinh đạo tiệm diệt: Phật pháp dần dà không còn. Đó là nói đến Chánh pháp của Phật đến thời kỳ mạt pháp trở về sau không còn nữa.

KINH

DI LẶC BỒ TÁT HỢP CHUỖNG BẠCH NGÔN, THỂ NHÂN ÁC KHỔ, NHƯ THỊ NHƯ THỊ. PHẬT GIAI TỪ AI TẮT ĐỘ THOÁT CHI, THỌ PHẬT TRÙNG HỐI BẮT CẢM VI THẮT.

Giải: Khi ấy Bồ-tát Di-lặc chấp tay bạch với Đức Phật: người đời không biết nên đã tạo năm điều ác mà phải chịu năm nỗi đau đớn, năm thiêu đốt, tất cả đều như Thế Tôn đã dạy hoàn toàn giống nhau. Thế Tôn lấy tâm đại từ đại bi thương tưởng chúng sanh, mong cho hết thảy chúng sanh trong kiếp này mãi mãi thoát khỏi sống chết luân hồi, niệm Phật vãng sanh tịnh độ, đó là nguyện vọng của Thế Tôn.

Bồ-tát Di-lặc cũng là đại biểu cho chúng ta, biểu thị thái độ tiếp nhận hết những lời giáo giới của Đức Phật, không dám làm ngược lại, không dám quên Đức Phật đã hết lời giáo giới.

*

PHẨM THỨ BA MƯƠI TÁM LỄ PHẬT HIỆN QUANG

Giải: Phẩm Kinh này nói đến việc Đức Phật A-di-đà và Đức Phật Thích-Ca-mâu-ni từ bi gia bị cho đại chúng trong pháp hội được thấy y báo, chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc.

KINH

PHẬT CÁO A NAN, NHƯỢC TAO DỤC KIẾN VÔ LƯỢNG THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC (1), CẬP CHỦ BỒ TÁT A LA HÁN ĐẲNG SỞ CƯ QUỐC ĐỘ, ÚNG KHỞI TÂY HƯƠNG, ĐƯƠNG NHỰT MỘT XỨ, CUNG KÍNH ĐẢNH LỄ XUNG NIỆM NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT.

Giải: Thế Tôn nói với A-nan, các thầy có muốn nhìn thấy cõi nước mà Đức Phật A-di-đà cùng với chư Bồ-tát, A-la-hán đang ở hay không ? Nếu như muốn thấy thì nên hướng mặt về phương Tây, cũng là hướng mặt trời lặn, cung kính đánh lễ, một lòng xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật.

Chú: 1) Vô lượng thanh tịnh bình đẳng giác: Một danh hiệu khác của Phật A-di-đà.

KINH

A NAN TỨC TÒNG TỌA KHỞI, DIỆN TÂY HỢP CHƯỞNG, ĐẢNH LỄ BẠCH NGÔN: NGÃ KIM NGUYỆN KIẾN CỰC LẠC THẾ GIỚI A-DI-ĐÀ PHẬT, CÚNG DƯỜNG PHỤNG SỰ, CHỨNG

CHÚ THIÊN CẢN, ĐÁNH LỄ CHI GIAN, HỐT KIẾN A-DI-ĐÀ PHẬT, DUNG NHAN QUẢNG ĐẠI, SẮC TƯỚNG ĐOAN NGHIÊM NHƯ HOÀNG KIM SƠN, CAO XUẤT NHẤT THIẾT CHỨ THẾ GIỚI THƯỢNG. HỤY VĂN THẬP PHƯƠNG THẾ GIỚI CHỨ PHẬT NHƯ LAI, XUNG DƯƠNG TÁN THÁN A DI ĐÀ PHẬT CHỦNG CHỦNG CÔNG ĐỨC, VÔ NGẠI, VÔ ĐOẠN (1).

Giải: Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, hướng mặt về phương Tây cung kính đánh lễ rồi thưa: con nay mong được thấy thế giới Cực Lạc Tây phương A-di-đà Phật để được phụng sự cúng dường, trồng nhiều căn lành. Trong khi Tôn giả đang đánh lễ bỗng nhiên Đức Phật A-di-đà hiện ra trước mặt Tôn giả A-nan, thân tướng cao lớn, ở giữa hư không với sắc tướng trang nghiêm, chẳng khác nào ngọn núi màu vàng ròng cao hơn cả hết thảy núi non trên đời; khi ấy còn được nghe những lời ca ngợi tán dương Đức Phật A-di-đà của chư Phật mười phương về vô số công đức của Phật Di-đà, những lời ca ngợi tán dương không ngưng dừng, không chướng ngại.

Chú: 1) Vô ngại vô đoạn: Ở đây là chỉ mười phương Như Lai diễn nói bốn vô ngại, tán thán như vậy cho đến hết đời vị lai không ngưng dừng.

KINH

A NAN BẠCH NGÔN, BỈ PHẬT TỊNH SÁT ĐẮC VỊ TĂNG HỮU, NGÃ DIỆC NGUYỆN LẠC SANH Ư BỈ ĐỘ. THẾ TÔN CÁO NGÔN KỶ TRUNG SANH GIẢ, DĨ TĂNG THÂN CẬN VÔ LƯỢNG CHƯ

**PHẬT, THỰC CHỨNG ĐỨC BỒN, NHỮ DỤC SANH BỈ, UNG
ĐƯƠNG NHẤT TÂM QUY Y CHIÊM NGƯỠNG.**

Giải: Tôn giả A-nan bạch Phật: Thế giới Cực Lạc thanh tịnh trang nghiêm xưa nay con chưa từng được nghe qua và được thấy, con cũng nguyện được sanh về thế giới Cực Lạc. Thế Tôn nói cho A-nan biết: Phàm chúng sanh nào sanh về Tây phương Cực Lạc đều đã từng được thân gần, cúng dường Đức Phật Vô Lượng Thọ, gieo trồng nhiều gốc công đức; thầy muốn sanh về thế giới Cực Lạc thì cần “một lòng trở về nương tựa, chiêm ngưỡng Đức Phật A-di-đà”. Đó là Thế Tôn trao cho Tôn giả A-nan phương pháp cầu sanh tịnh độ, nên học tập.

KINH

**TÁC THỊ NGŨ THỜI, A DI ĐÀ PHẬT TỨC Ư CHƯỜNG TRUNG
PHÓNG VÔ LƯỢNG QUANG PHỔ CHIẾU NHẤT THIẾT CHƯ
PHẬT THẾ GIỚI, THỜI CHƯ PHẬT QUỐC GIAI TẮT MINH
HIỆN NHƯ XỨ NHẤT TÂM. DĨ A DI ĐÀ PHẬT THỦ THẮNG
QUANG MINH, CỰC THANH TỊNH CỐ, Ư THỦ THẾ GIỚI SỞ
HỮU HẮC SƠN, TUYẾT SƠN, KIM CƯƠNG, THIẾT VI ĐẠI TIỂU
CHƯ SƠN, GIANG HÀ, TÙNG LÂM THIÊN NHƠN CUNG ĐIỆN,
NHẤT THIẾT CẢNH GIỚI VÔ BÁT CHIẾU KIẾN.**

Giải: Trong lúc Đức Phật Thích-ca đang nói thì từ trong bàn tay của Đức Phật A-di-đà phóng ra hào quang vô lượng chiếu khắp hết thủy côi nước Phật; nhờ sự gia trì của hào quang Phật nên mọi người ở trong pháp hội đều

tự mắt thấy tất cả cõi nước chư Phật mười phương như ở ngay trước mặt. Nhờ hào quang thù thắng của Phật A-di-đà vô cùng thanh tịnh nên chiếu tỏ cảnh vật, sông núi của thế giới ấy như núi đen, núi tuyết, núi kim cương, thiết vi cùng tất cả núi rừng, sông ngòi lớn nhỏ khác, cung điện của chư thiên, tất cả mọi cảnh giới không chỗ nào không chiếu thấu.

KINH

THÍ NHƯ NHẬT XUẤT MINH CHIẾU THẾ GIAN, NÃI CHÍ NÊ LÊ, KHÊ CỐC, U MINH (1) CHI XỬ, TẮT ĐẠI KHAI TỊCH, GIAI ĐỒNG NHẤT SẮC; DO NHƯ KIẾP THỦY (2) DI MÃN THẾ GIỚI, KỶ TRUNG VẠN VẬT TRẦM MỘT BẤT HIỆN, DỤC DƯỠNG HẠO HẢN, DUY KIẾN ĐẠI THỦY. BỈ PHẬT QUANG MINH DIỆC PHỤC NHƯ THỊ. THANH VẢN BỒ TÁT, NHẤT THIẾT QUANG MINH, TẮT GIAI ẮN BẾ; DUY KIẾN PHẬT QUANG MINH DIỆU HIỂN HÁCH.

Giải: Hào quang của Đức Phật cũng giống như ánh sáng mặt trời xuất hiện chiếu khắp thế giới, cho đến khe hang, tất cả chỗ tối tăm đều chiếu rõ một màu vàng; cũng giống như nước đầy khắp thế giới, tất cả vạn vật đều không hiện ra mà chỉ nhìn thấy toàn là nước, hào quang của Đức Phật A-di-đà cũng giống như thí dụ ấy. Nơi nào mà hào quang của Phật chiếu đến đều là màu vàng, vả lại khi Đức Phật phóng hào quang thì hào quang của Thanh văn, Bồ-tát đều không thấy nữa mà chỉ thấy nước và nước không bờ mé; hào quang của Phật A-di-đà thí

dụ như thế. Nơi nào mà hào quang của Đức Phật chiếu đến đều một màu vàng, vả lại một khi mà Đức Phật phóng hào quang thì hào quang của hàng Thanh văn, Bồ-tát đều không hiện ra được mà chỉ thấy hào quang sáng ngời của Đức Phật, hào quang không thể sánh.

Chú: 1) *Nê-lê, kê cốc, u minh: Nê-lê là địa ngục đạo, kê cốc là chỉ súc sanh đạo trong nhân vì ở trong khe hang có cả rồng rắn, u minh là chỉ ngạ quỷ đạo.*

2) *Kiếp thủy: Một trong ba tai nạn mà Kinh Phật nói đến, nạn nước.*

KINH

THỦ HỘI TỨ CHÚNG (1), THIÊN LONG BÁT BỘ, NHƠN PHI NHƠN ĐẰNG, GIAI KIẾN CỰC LẠC THẾ GIỚI CHỨNG CHỨNG TRANG NGHIÊM, A DI ĐÀ PHẬT Ư BỈ CAO TỌA, UY ĐỨC NGUY NGUY, TƯỚNG HẢO QUANG MINH, THANH VĂN BỒ TÁT VI NHIỀU CUNG KÍNH. THÍ NHƯ TU DI SƠN VƯƠNG (3) XUẤT Ư HẢI DIỆN, MINH HIỆN CHIẾU DIỆU, THANH TỊNH BÌNH CHÍNH VÔ HỮU TẠP UẾ, CẬP DỊ HÌNH LOẠI (4). DUY THỊ CHÚNG BẢO TRANG NGHIÊM, THÁNH HIỀN CỘNG TRÚ.

Giải: Trong pháp hội này, bốn chúng đệ tử, thiên long bát bộ cho đến quỷ thần hộ pháp đều trông thấy các thứ trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, chư vị thấy Đức Phật A-di-đà ngồi trên tòa sen, oai đức cao ngất, hào quang tướng tốt; lại thấy chư Thanh văn, Bồ-tát đệ tử của Đức Phật doanh vây Đức Di-đà, ví như ngọn núi

Tu-di vua của núi xuất hiện trên mặt biển chiếu diệu sáng ngời mà thanh tịnh yên ổn rộng lớn bằng phẳng, không pha tạp cấu uế và các thứ dị hình. Hoàn cảnh vật chất đều do các thứ trân báu hợp thành, chư vị thánh hiền đều cùng ở trong đó.

Chú: 1) *Tứ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.*

2) *Thiên long bát bộ: Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la già.*

3) *Tu-di sơn vương: Núi Tu-di cao hơn hết thảy mọi ngọn núi khác nên gọi là Tu-di sơn vương.*

4) *Dị hình loại: Ngoài nhân đạo còn có các loại thân hình không giống nhau.*

KINH

A NAN CẬP CHƯ BỒ TÁT CHÚNG ĐẲNG GIAI ĐẠI HOAN HỖ, DŨNG DƯỢC TÁC LỄ, DĨ ĐẦU TRƯỚC ĐỊA XŨNG NIỆM NAM MÔ A DI ĐÀ TAM MIỆU TAM PHẬT ĐÀ (1).

Giải: Tôn giả A-nan cùng với chư Bồ-tát trong pháp hội nhìn thấy Đức Phật Di-đà và thế giới Cực Lạc đều sanh tâm đại hoan hỷ; đại chúng đều nhảy nhót cung kính đánh lễ, nãi vốc gieo xuống đất cùng niệm Nam mô A-di-đà Phật.

Chú: 1) *Nam mô A-di-đà tam-miêu-tam Phật-đà: Chính là Nam mô A-di-đà Phật, nghĩa của Trung văn là trở về*

nương tựa Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

KINH

CHƯ THIÊN NHÂN DÂN DĨ TRÍ QUYÊN PHI NHU ĐỘNG, ĐỒ TỬ QUANG GIẢ, SỞ HỮU TẬT KHỔ MẠC BẮT HỮU CHỈ; NHẤT THIẾT HỮU NÃO, MẠC BẮT GIẢI THOÁT. TẮT GIAI TỬ TÂM TÁC THIÊN, HOAN HỠ KHOÁI LẠC, CHUNG KHÁNH CẦM SẮT, KHÔNG HÀU NHẠC KHÍ BẮT CỔ TỰ NHIÊN GIAI TÁC NGŨ ÂM, CHƯ PHẬT QUỐC TRUNG, CHƯ THIÊN NHÂN DÂN CÁC TRÌ HOA HƯƠNG LAI Ư HỮ KHÔNG TÁN TÁC CỨNG DƯƠNG.

Giải: Chư thiên nhân dân ở ba cõi cho đến các loài động vật bay, loài bò sát, hết thấy chúng sanh thấy được hào quang của Phật thì mọi khổ đau đều ngưng, mọi ưu sầu phiền não đều được giải thoát; lúc ấy đều giống như chư Phật, Bồ-tát, đều đầy đủ tâm từ bi làm việc lành, hoan hỷ, hạnh phúc; các loại nhạc khí như chuông, khánh, đàn, địch, không cần phải có người gảy đàn mà tự nhiên phát ra năm âm giao hưởng; chư thiên nhân dân trong cõi nước Phật đều cầm hoa đến giữa hư không cung kính cúng dường Đức Phật.

KINH

NHĨ THỜI CỤC LẠC THẾ GIỚI, QUÁ Ư TÂY PHƯƠNG BÁCH THIÊN CÂU CHỈ NA DO THA QUỐC DĨ PHẬT UY LỰC, NHƯ ĐỐI MỤC TIỀN, NHƯ TỊNH THIÊN NHÂN, QUÁN NHẤT TẦM ĐỊA. BỈ KIẾN THỦ ĐỘ, DIỆC PHỤC NHƯ THI, TẮT ĐỔ TA BÀ

**THẾ GIỚI, THÍCH CA NHƯ LAI CẬP TỖ KHEO CHÚNG VI
NHIỀU THUYẾT PHÁP.**

Giải: Thế giới Cực Lạc cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật. Lấy sức mạnh oai thần của Phật gia trì nên thấy rõ như ở trước mắt, như thiên nhãn thanh tịnh thấy rõ trong một tầm mắt, đại chúng ở thế giới Cực Lạc thấy thế giới Ta-bà cũng rõ ràng như vậy. Chư vị thấy Đức Thích-ca Thế Tôn cùng chư vị Tỳ-kheo trong pháp hội cùng doanh vây nghe Đức Phật nói pháp.

*

PHẨM THỨ BA MƯƠI CHÍN TỬ THỊ THUẬT KIẾN

Giải: Phẩm Kinh này chủ yếu là nói về Bồ-tát Di-lặc thuật lại cảnh giới mà Ngài đã thấy, vì chúng ta mà chứng minh về y báo, chánh báo của thế giới Cực Lạc là chân thật không hư ngụy.

KINH

NHÍ THỜI PHẬT CÁO A NAN CẬP TỬ THỊ BỒ TÁT, NHỮ KIẾN CỰC LẠC THẾ GIỚI, CUNG ĐIỆN LÂU CÁC, TUYỀN TRÌ, LÂM THỤ, CỤ TÚC VI DIỆU THANH TỊNH TRANG NGHIÊM PHỦ. NHỮ KIẾN DỤC GIỚI CHƯ THIÊN, THƯỢNG TRÍ SẮC CỨU CÁNH THIÊN (1) VŨ CHƯ HƯƠNG HOA, BIẾN PHẬT SÁT PHỦ. A NAN ĐỐI VIẾT DUY NHIÊN (2) DĨ KIẾN.

Giải: Khi ấy Đức Phật nói với Tôn giả A-nan và Bồ-tát Di-lặc cùng đại chúng trong hội: chư vị có tự mắt nhìn thấy các thứ ở thế giới Cực Lạc như cung điện, lầu gác, hồ, hàng cây cùng tất cả cảnh vật trang nghiêm, hình sắc thù thắng không ? Chư vị có nhìn thấy chư thiên ở Dục giới, cho đến hết thấy chư thiên ở cõi trời Sắc cứu cánh không ? Tất cả đều ở giữa không trung rải trăm ngàn hương hoa và vô số kỹ nhạc cúng dường Đức Phật A-di-đà khắp cõi nước Cực Lạc, chư vị có nhìn thấy không ? Tôn giả A-nan cung kính thưa: bạch Thế Tôn con có thấy, những gì Thế Tôn dạy đại chúng đều nhìn thấy cả.

Chú: 1) *Sắc cứu cánh thiên: Tầng trời 18, cao nhất của Sắc giới.*

2) *Duy nhiên: Biểu thị lòng cung kính trả lời.*

KINH

NHŨ VĂN A DI ĐÀ PHẬT ĐẠI ÂM (1), TUYÊN BỐ NHẤT THIẾT THẾ GIỚI, HÓA CHÚNG SANH PHỦ, A NAN ĐỐI VIẾT, DUY NHIÊN DĨ VĂN.

Giải: Thế Tôn hỏi Tôn giả A-nan, các vị có nghe chăng âm thanh nói pháp của Đức Phật A-di-đà vang vọng khắp mười phương thế giới, giáo hóa hết thảy chúng sanh ? Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn có, chúng con đều nghe cả.

Chú: 1) *Đại âm: Chỉ âm thanh thuyết pháp của Đức Phật vang vọng đến tận hư không khắp pháp giới, không nơi nào không nghe, đồng thời độ khắp hết thảy chúng sanh thành Phật.*

KINH

PHẬT NGÔN NHŨ KIẾN BỈ QUỐC TỊNH HẠNH CHI CHÚNG (1) DU XỨ HƯ KHÔNG, CUNG ĐIỆN TÙY THÂN, VÔ SỞ CHƯỞNG NGẠI, BIẾN TRÍ THẬP PHƯƠNG CÚNG DƯỜNG CHƯ PHẬT PHỦ; CẬP KIẾN BỈ ĐẲNG NIỆM PHẬT TƯƠNG TỤC PHỦ. PHỤC HỮU CHÚNG ĐIỀU, TRÚ HƯ KHÔNG GIỚI XUẤT CHỪNG CHỪNG ÂM, GIAI THỊ HÓA TÁC, NHŨ TẮT KIẾN PHỦ, TỪ THỊ BẠCH NGÔN, NHŨ PHẬT SỞ THUYẾT NHẤT NHẤT GIAI KIẾN.

Giải: Các vị có thấy chãng chư Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc du hành ở hư không. Chư vị mang theo cung điện chõ ở của chư vị mà không chướng ngại. Các vị thấy chãng, chư vị Bồ-tát phi hành đến khắp mười phương để cúng dường chư Phật. Các vị có nghe chư vị Bồ-tát niệm Phật liên tục không ? Lại còn có các loài chim ở giữa hư không phát ra nhiều thứ âm thanh; tất cả những hiện tượng ấy đều do Đức Phật A-di-đà biến hóa mà thành. Các vị đều thấy hết hay không ? Bồ-tát Di-lặc thay mặt toàn thể đại chúng trong pháp hội bạch:

– Dạ có, dạ có. Y hết những gì Thế Tôn đã dạy, toàn thể chúng con đều thấy rõ.

Chú: 1) Tịnh hạnh chi chúng: Đại chúng hành trì đầy đủ thanh tịnh. Ở đây chỉ chư Bồ-tát của thế giới Cực Lạc.

KINH

PHẬT CÁO DI LẶC BỈ QUỐC NHÂN DÂN HỮU THAI SANH (1) GIẢ, NHỮ PHỤC KIẾN PHỦ. DI LẶC BẠCH NGÔN: THẾ TÔN, NGÃ KIẾN CỰC LẠC THẾ GIỚI NHÂN TRÚ THAI GIẢ, NHƯ DẠ MA THIÊN (2), XỨ Ư CUNG ĐIỆN. HỮU KIẾN CHÚNG SANH Ư LIÊN HOA NỘI KẾT GIÀ PHU TỌA (3) TỰ NHIÊN HÓA SANH, HÀ NHÂN DUYÊN CỐ, BỈ QUỐC NHÂN DÂN HỮU THAI SANH GIẢ, HỮU HÓA SANH GIẢ.

Giải: Thế Tôn hỏi Bồ-tát Di-lặc: Các vị có thấy chãng thế giới Cực Lạc có thai sanh ? Bồ-tát Di-lặc thưa: bạch Thế Tôn, con thấy ở thế giới Cực Lạc có hạng người trú

thai, như thiên nhơn ở cõi trời Dạ-ma sống khoái lạc trong cung điện. Con cũng thấy hàng chúng sanh vãng sanh về thế giới Cực Lạc đều ngồi kết già trong hoa sen, tự nhiên hóa sanh. Như vậy là do nhân duyên gì mà chúng sanh ở thế giới Cực Lạc có thai sanh và hóa sanh?

Chú: 1) *Thai sanh*: Thai sanh ở đây là thí dụ thuyết minh nhân vì cái tâm nghi hoặc mà niệm Phật vãng sanh đến vùng biên địa ở trong thai hoa, không được gặp Phật nghe pháp; không giống thai sanh của thế giới chúng ta.

2) *Dạ-ma thiên*: Tầng trời thứ ba của Đục giới.

3) *Già phu tọa*: Ngồi kết già, biểu hiện thân tâm trang nghiêm.

*

PHẨM THỨ BỐN MƯƠI BIÊN ĐỊA NGHI THÀNH

Giải: Phẩm Kinh này thuyết minh về nguyên nhân của hàng chúng sanh vãng sanh về thế giới Cực Lạc ở trong thai sanh, theo đó khuyên mọi người tin nguyện sâu, chớ sanh tâm nghi ngờ, một lòng cầu sanh Tịnh độ để khỏi đọa vào nghi thành ở biên địa đến 500 năm không thể gặp Phật nghe pháp, không đắc tự tại.

Chú: 1) *Nghi thành:* Lấy cái tâm nghi hoặc mà niệm Phật, vãng sanh vào thế giới Cực Lạc ở trong cung điện bảy báu, nhân cái chỗ đó dành cho hạng chúng sanh chưa dứt trừ tâm nghi ở nên gọi là “nghi thành”.

KINH

PHẬT CÁO TỬ THỊ, NHƯỢC HỮU CHÚNG DANH DĨ NGHI HOẶC TÂM TU CHƯ CÔNG ĐỨC, NGUYỆN SANH BỈ QUỐC, BẤT LIỄU PHẬT TRÍ (1), BẤT TƯ NGHI TRÍ (2), BẤT KHẢ XUNG TRÍ (3), ĐẠI THỪA QUẢNG TRÍ (4), VÔ ĐẲNG VÔ LUÂN TỐI THƯỢNG THẮNG TRÍ (5), Ư THỬ CHƯ TRÍ NGHI HOẶC BẤT TÍN; DO TÍN TỘI PHƯỚC TU TẬP THIÊN BỒN, NGUYỆN SANH KỲ QUỐC.

Giải: Thế Tôn nói cho Bồ-tát Di-lặc biết, nếu có chúng sanh nào lấy cái tâm nghi hoặc, tuy cũng niệm Phật không ngừng, phát nguyện vãng sanh Tịnh độ; nhưng hạng chúng sanh ấy không rõ Phật trí, không tư nghị trí,

bất khả xưng trí, đại thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí, đối với các quả địa Như Lai trí tuệ tròn đầy, họ không chân thật lý giải, tâm còn nghi ngờ. Nhưng hạng chúng sanh ấy lại có niềm tin sâu xa ở sáu nẻo luân hồi là tội là khổ, vãng sanh về thế giới Cực Lạc là phước, là lạc; nhân đó mà tu thiện, phát nguyện vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

Chú: 1) *Bất liễu Phật trí: Không thể tin hiểu trí tuệ của Phật.*

2) *Bất tư nghị trí: Trí tuệ của Đức Phật sâu xa không thể lường được tức là “Thành sở tác trí”.*

3) *Bất khả xưng trí: Trí tuệ của Đức Phật quá nhiều không thể lấy ngôn ngữ mà nói hết được, tức là “Diệu quan sát trí”.*

4) *Đại thừa quảng trí: Trí tuệ của Đức Phật sâu rộng, đầy đủ hết thảy pháp môn tức là “Bình đẳng tính trí”.*

5) *Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí: Trí tuệ của Phật tối cao, tối thượng rốt ráo tròn đầy không thể nào so sánh, đây là “Đại viên cảnh trí”.*

KINH

PHỤC HỮU CHÚNG SANH, TÍCH TẬP THIỆN CĂN HY CẦU PHẬT TRÍ, PHỔ BIẾN TRÍ, VÔ ĐẲNG TRÍ, UY ĐỨC QUẢNG NGẠI BẤT TƯ NGHỊ TRÍ (1), Ứ TỰ THIỆN CĂN BẤT NĂNG SANH TÍN. CỐ Ứ VÃNG SANH THANH TỊNH PHẬT QUỐC, Ý CHÍ DO DỰ VÔ SỞ CHUYÊN CỨ, NHIÊN DO TỰC NIỆM

BÁT TUYỆT, KẾT KỲ THIÊN NGUYỆN VI BỒN, TỤC ĐẮC VĂNG SANH.

Giải: Lại có một hạng chúng sanh tích tập căn lành mong cầu trí tuệ của Phật, phổ biến trí, vô đẳng trí, uy đức quảng đại bất tư nghị trí, nhưng bản thân họ không có lòng tin, vì thế khi được vãng sanh về cõi nước của Phật thì tín nguyện không kiên cố, không chuyên y cứ nhưng lại thường niệm Phật không dứt, lấy công đức niệm Phật cùng với sức mạnh của tâm nguyện vẫn có thể được vãng sanh.

Chú: 1) *Phổ biến trí:* Là Đại thừa quảng trí ở trên. Vô đẳng trí cũng là Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí.

KINH

THỊ CHỦ NHƠN ĐẲNG DĨ THỦ NHƠN DUYÊN, TUY SANH BỈ QUỐC BÁT NĂNG TIỀN TRÍ VÔ LƯỢNG THỌ SỞ, ĐẠO CHỈ (1) PHẬT QUỐC GIỚI BIÊN, THẮT BẢO THÀNH TRUNG, PHẬT BÁT SỬ NHỈ THÂN HÀNH SỞ TÁC, TÂM TỰ THÚ HƯỚNG; DIỆC HỮU BẢO TRÌ LIÊN HOA, TỰ NHIÊN THỌ THÂN, ẨM THỰC KHOÁI LẠC NHƯ ĐẠO LỢI THIÊN.

Giải: Ở trên nói đến hai hạng chúng sanh, một là đối với Phật trí có nghi ngờ, một hạng nữa đối với căn lành của tự thân có nghi hoặc. Vì thế tuy họ được vãng sanh về thế giới Cực Lạc nhưng cũng không thể tham gia vào pháp hội của Đức Phật A-di-đà, cũng không được gặp Phật nghe pháp; sanh ở biên giới của cõi nước Phật ở

trong thành bảy báu. Đó không phải Đức Phật khiến họ như vậy, mà hoàn toàn do nghi chướng trong tâm của họ mà sanh ở chỗ biên địa cũng tự nhiên hóa sanh vào hoa sen bảy báu, tình trạng khoái lạc về việc ăn uống của họ cũng như thiên nhơn ở cung trời Đao-lợi.

Chú: 1) *Đạo chỉ: Dừng lại.*

KINH

Ư KỲ THÀNH TRUNG, BÁT NĂNG ĐẮC XUẤT, SỞ CƯ XÁ TRẠCH TẠI ĐỊA, BÁT NĂNG TÙY Ý CAO ĐẠI; Ư NGŨ BÁCH TUẾ THƯỜNG BÁT KIẾN PHẬT, BÁT VĂN KINH PHÁP, BÁT KIẾN BỒ TÁT THANH VĂN THÁNH CHÚNG. KỲ NHƠN TRÍ TUỆ BÁT MINH, TRI KINH PHỤC THIỂU TÂM BÁT KHAI GIẢI, Ý BÁT HOAN LẠC, THỊ CỐ Ư BỈ, VỊ CHI THAI SANH.

Giải: Họ sống trong nghi thành không thể ra ngoài; cung điện mà hạng chúng sanh ấy sống trên mặt đất không thể lớn nhỏ tùy ý. Trong thời gian 500 năm họ không thể gặp Phật, không được nghe Phật nói pháp, không được thấy Thánh chúng Thanh văn, Bồ-tát cứu phẩm vãng sanh. Nhân vì trong tâm họ còn nghi chướng, vì vậy trí tuệ của họ rất khó mà khai sáng; họ hiểu biết rất ít nghĩa lý của Kinh điển; không thể khai tâm, ý giải, không thể sanh khởi cái tâm vui thú. Do vì nhân duyên như trên nên gọi họ là thai sanh.

KINH

NHƯỢC HỮU CHÚNG SANH MINH TÍN PHẬT TRÍ NÃI CHÍ

THẮNG TRÍ (1) ĐOẠN TRỪNGHI HOẶC, TÍN KỶ THIÊN CĂN, TÁC CHƯ CÔNG ĐỨC, CHỈ TÂM HỒI HƯƠNG. GIAI Ư THẮT BẢO HOA TRUNG TỰ NHIÊN HÓA SANH, GIÀ PHU NHI TỌA, TU DU CHI KHOẢNH, THÂN TƯỚNG QUANG MINH, TRÍ TUỆ CÔNG ĐỨC NHƯ CHƯ BỒ TÁT, CỤ TÚC THÀNH TỰU. DI LẶC ĐƯƠNG TRI, BỈ HÓA SANH GIẢ, TRÍ TUỆ THẮNG CỐ.

Giải: Nếu có hạng chúng sanh hiểu rõ, tin tưởng sâu xa vào trí tuệ tròn đầy của Phật cho đến cả 4 loại trí tuệ thù thắng, đoạn trừ nghi hoặc, tin tưởng sâu xa vào căn lành của bản thân, tinh cần tu lục độ vạn hạnh, trì danh niệm Phật, trồng nhiều công đức rồi đem công đức đã tu tập hồi hướng cầu nguyện vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Lúc lâm chung trong một thời gian rất ngắn đều được Đức Phật tiếp dẫn tự nhiên hóa sanh ở trong hoa bảy báu. Ngồi kiết già, sắc thân tướng tốt hào quang, trí tuệ, công đức đều giống như chư Bồ-tát, thành tựu đầy đủ. Nay Di-lặc cùng các vị nên biết rằng chư Bồ-tát chín phẩm vãng sanh đều do nhân duyên của trí tuệ thù thắng.

Chú: 1) Thắng trí: Chỉ Phật trí, phổ biến trí, vô đẳng trí, uy đức quảng đại bất tư nghị trí.

KINH

KỶ THAI SANH GIẢ, NGŨ BÁCH TUỆ TRUNG BẤT KIẾN TAM BẢO (1), BẤT TRI BỒ TÁT PHÁP THỨC, BẤT ĐẮC TU TẬP CÔNG ĐỨC, VÔ NHÂN PHỤNG SỰ VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT, ĐƯƠNG TRI THỦ NHƠN, TÚC THỂ CHI THỜI, VÔ HỮU TRÍ TUỆ, NGHI HOẶC SỞ TRÍ.

Giải: Nếu như chúng sanh nào sanh vào nghi thành ở biên địa thì trong thời gian 500 năm không thấy được Tam bảo, không biết mọi phương thức tu hành sinh hoạt của chư Bồ-tát cũng không thể tu tập công đức, không có nhân duyên hầu hạ Đức Phật A-di-đà. Nên biết rằng kẻ nào vãng sanh đến biên địa, trong nhiều đời quá khứ, kẻ đó không có trí tuệ lại còn nghi ngờ căn lành của tự thân và trí tuệ lớn tròn đầy của Phật; vì thế mà phải vãng sanh vào nghi thành ở biên địa.

Chú: 1) Bất kiến Tam bảo: Ở đây là không được thấy Phật A-di-đà, chư Bồ-tát và nghe Đức Phật nói pháp.

*

PHẨM THỨ BỐN MƯƠI MỐT HOẶC TẬN KIẾN PHẬT

Giải: Phẩm này nói hạng chúng sanh sanh ở biên địa, nhất định là phải đoạn trừ cái tâm nghi hoặc thì mới hoa nở thấy Phật.

KINH

THÍ NHƯ CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG, HỮU THẮT BẢO NGỤC, VƯƠNG TỬ ĐẮC TỘI, CẨM BÉ KỶ TRUNG; TÙNG LẦU Ỗ ĐIỆN (1), BẢO TRƯỞNG KIM SÀNG, LAN SONG ÁP TỌA, DIỆU SỨC KỶ TRẦN. ẨM THỰC, Y PHỤC NHƯ CHUYỂN LUÂN VƯƠNG, NHI DĨ KIM SÀO HỆ KỶ LƯƠNG TÚC, CHƯ TIÊU VƯƠNG TỬ NINH LẠC THỦ PHỦ. TỬ THỊ BẠCH NGÔN, PHỦ DÃ THẾ TÔN, BỈ U HỆ THỜI (2) TÂM BẮT TỰ TẠI, ĐẢN DĨ CHỪNG CHỪNG PHƯƠNG TIỆN, DỤC CẦU XUẤT LY CẦU CHƯ CẬN THẦN, CHUNG BẮT TÒNG TÂM. LUÂN VƯƠNG HOAN HỖ PHƯƠNG ĐẮC GIẢI THOÁT.

Giải: Thí như vị Chuyển luân thánh vương xây dựng nhà lao bảy báu, một khi các vương tử phạm tội thì giam giữ ở trong đó. Trong nhà giam ấy có cả nhà lầu, cung điện đều trang trí rất hoa lệ. Bên trong có cả giường vàng, màn báu cho đến mọi thứ đều bằng bảy báu hợp thành. Về việc hưởng thụ đời sống vật chất ăn uống cũng giống như Chuyển luân vương chỉ khác là hai chân bị trói bởi dây vàng. Như thế thì vị tiêu vương tử có

thích thú ở trong đó không ?

Bồ-tát Di-lặc thưa: Bạch Thế Tôn, không còn thích thú. Bởi trong lúc các vương tử bị giam giữ, mất tự do tâm không tự tại, chỉ nghĩ đến nhiều phương pháp làm sao để được ra khỏi nhà tù bảy báu. Vị vương tử ấy nhờ các vị đại thần gần gũi với vua cha cuối cùng cũng không được như nguyện; đợi cho đến lúc nào tâm lý của vua Chuyển luân húng khởi thì mới mong thoát ra khỏi.

Chú: 1) Ý điện: Cung điện trang trí hoa lệ.

2) U hệ: Giam tù.

KINH

PHẬT CÁO DI LẶC THỬ CHỮ CHÚNG SANH DIỆC PHỤC NHƯ THỊ. NHƯỢC HỮU ĐẠO ƯNGHI HỐI, HY CẦU PHẬT TRÍ CHÍ QUẢNG ĐẠI TRÍ (1), Ư TỰ THIỆN CẦN BẤT NĂNG SANH TÍN. DO VĂN PHẬT DANH, KHỞI TÍN TÂM CỐ, TUY SANH BỈ QUỐC Ư LIÊN HOA TRUNG BẤT ĐẮC XUẤT HIỆN. BỈ XỬ HOA THAI DO NHƯ VIÊN UYÊN CUNG ĐIỆN CHI TƯỚNG. HÀ DĨ CỐ, BỈ TRUNG THANH TỊNH VÔ CHỮ UẾ ÁC. NHIÊN Ư NGŨ BÁCH TUẾ TRUNG, BẤT KIẾN TAM BẢO, BẤT ĐẮC CÚNG DƯỜNG PHỤNG SỰ CHỮ PHẬT, VIỄN LY NHẤT THIẾT THÙ THẮNG THIỆN CĂN (2). DĨ THỬ VI KHỔ, BẤT SANH HÂN LẠC.

Giải: Đức Phật nói cho Bồ-tát Di-lặc biết hạng chúng sanh sanh về biên địa ở trong nghi thành cũng giống như vị vương tử ở trong ngục bảy báu. Đối với sự kiện cầu đắc Phật trí họ còn hoài nghi, hối hận hoặc là đối

với những căn lành bản thân họ không tin tưởng. Tuy họ còn những nghi ngờ như vậy nhưng họ lại tin tưởng vào pháp môn niệm Phật vãng sanh về thế giới Cực Lạc, cũng đầy đủ Tín, Nguyện, Hành vì thế mà được vãng sanh.

Tuy được vãng sanh về thế giới Cực Lạc nhưng ở trong thai hoa, không được lập tức thấy Phật nghe pháp; họ sanh hoạt ở trong thai hoa cũng như đang sống trong cung điện vườn hoa, vì sao ? Nhân vì họ ở trong thai hoa hoàn toàn thanh tịnh, không ô nhiễm, cũng không có việc ác, sống trong hoàn cảnh vô cùng thanh tịnh, an lạc. Cũng giống như thí dụ vị vương tử phạm tội bị giam giữ trong nhà tù bảy báu, họ có muốn ra khỏi thì phải một thời gian dài 500 năm, không được thấy Phật, không được nghe pháp, cũng không thấy được Bồ-tát chín phẩm vãng sanh; vì thế nên cũng không được cúng dường, hầu hạ Phật, không có duyên tu tập hết thảy căn lành thù thắng. Hạng chúng sanh ấy lấy đó làm khổ đau nên đời sống ở biên địa họ không có cảm nhận thích thú hạnh phúc.

KINH

NHƯỢC THỦ CHÚNG SANH THỨC KỲ TỘI BỒN (1) THÂM TỰ HỐI TRÁCH (2) CẦU LY BỈ XÚ, VĂNG TÍCH THẾ TRUNG, QUÁ THẤT (3) TẬN DĨ NHIÊN HẬU NÃI XUẤT, TỨC ĐẮC VĂNG NGHỆ VÔ LƯỢNG THỌ SỞ, THÍNH VĂN KINH PHÁP, CỬU CỬU DIỆT ĐƯƠNG KHAI GIẢI HOAN HỖ, DIỆT ĐẮC BIẾN CÚNG VÔ LƯỢNG CHƯ PHẬT, TU CHƯ CÔNG ĐỨC.

Giải: Hạng chúng sanh vãng sanh đến biên địa nếu như biết rõ nguyên nhân sanh ở biên địa của bản thân thì phát nguyện sám hối tự trách những lỗi lầm của mình rồi cầu ra khỏi nghi thành ở biên địa. Do có sức mạnh của sự sám hối chờ đến lúc nào đoạn sạch toàn bộ nghi hoặc trong nhiều đời quá khứ sau đó mới ra khỏi.

Ra khỏi biên địa lập tức được thân gần với Đức Phật A-di-đà, nghe Thế Tôn giảng Kinh nói pháp; các chúng sanh từ chỗ biên địa ra, tuy là được nghe Đức Phật giảng Kinh nói pháp nhưng cần phải trải qua một thời gian huân tập thì mới hiểu và thể ngộ pháp của Thế Tôn nói, sanh tâm hoan hỷ; lúc ấy họ cũng có năng lực đi khắp để cúng dường Đức Phật A-di-đà cùng chư Phật, tu tập nhiều loại công đức.

Chú: 1) Tội bốn: Chỉ cho hai loại nghi hoặc như đã nói ở trước.

2) Hối trách: Sám hối, tự trách mình.

3) Quá thật: Chỉ cái tâm nghi hoặc.

KINH

NHỮ A DẬT ĐA, ĐƯƠNG TRI NGHI HOẶC Ư CHƯ BỒ TÁT VỊ ĐẠI TỔN HẠI, VỊ THẤT ĐẠI LỢI, THỊ CỔ ƯNG ĐƯƠNG MINH TÍN (1) CHƯ PHẬT VÔ THƯỢNG TRÍ TUỆ.

Giải: Đức Phật nói cho Bồ-tát Di-lặc biết rằng nên biết là hai loại nghi hoặc mà chư Bồ-tát mang đến có tổn hại rất lớn chỉ cần có hoài nghi thì cả trọn kiếp không đạt

được lợi ích lớn, không thành Phật. Vì thế cần phải hiểu rõ và tin tưởng vào trí tuệ của chư Phật vô thượng.

Chú: 1) *Minh tín: Hiểu rõ, tin tưởng, không nghi ngờ.*

KINH

TỬ THỊ BẠCH NGÔN VÂN HÀ THỬ GIỚI NHẤT LOẠI CHÚNG SANH, TUY DIỆC TU THIÊN NHI BẮT CẦU SANH. PHẬT CÁO TỬ THỊ, THỬ ĐẲNG CHÚNG SANH, TRÍ TUỆ VI THIÊN, PHÂN BIỆT TÂY PHƯƠNG BẮT CẬP THIÊN GIỚI THỊ DĨ PHI LẠC BẮT CẦU SANH BỈ.

Giải: Bồ-tát Di-lặc bạch Đức Thế Tôn vì sao có một hạng chúng sanh, tuy họ cũng tu thiện nhưng lại không cầu sanh về thế giới Cực Lạc ? Đức Phật dạy loại chúng sanh ấy do trí tuệ nông cạn, phân biệt thế giới Cực Lạc không hơn thiên giới vì thế nên họ không thích cầu sanh Cực Lạc.

KINH

TỬ THỊ BẠCH NGÔN, THỬ ĐẲNG CHÚNG SANH HƯ VONG PHÂN BIỆT, BẮT CẦU PHẬT SÁT HÀ MIỄN LUÂN HỒI. PHẬT NGÔN BỈ ĐẲNG SỞ CHỪNG THIÊN CĂN, BẮT NĂNG LY TƯỚNG, BẮT CẦU PHẬT HUỆ, THÂM TRƯỚC THẾ LẠC NHÂN GIAN PHƯỚC BÁO, TUY PHỤC TU PHƯỚC CẦU NHƠN, THIÊN QUẢ ĐẮC BÁO CHÍ THỜI NHẤT THIẾT PHONG TÚC, NHI VỊ NĂNG XUẤT TAM GIỚI NGỤC TRUNG. GIẢ SỬ PHỤ MÃU THÊ TỬ, NAM NỮ QUYẾN THUỘC DỤC TƯƠNG CỨU MIỄN, TÀ KIẾN NGHIỆP VƯƠNG (1) VỊ NĂNG XÃ LY THƯỜNG XỬ LUÂN HỒI NHI BẮT TỰ TẠI.

Giải: Bồ-tát Di-lặc lại thỉnh vấn Đức Phật, hạng chúng sanh phân biệt Tây phương không bằng thiên giới nhân vì họ có hư vọng phân biệt vì thế họ không cầu nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc, thế thì hạng chúng sanh ấy làm thế nào để thoát khỏi luân hồi ? Đức Phật đáp: hàng chúng sanh này niệm niệm không quên căn lành đã tu tập, không cầu trí tuệ chân thật, tham hưởng thụ phước báo thế gian, vì thế tuy họ có tu phước nhưng ước mong của họ lại là phước báo trời, người. Khi được phước báo thì tất cả những thứ cần thiết đều đầy đủ theo ý nguyện nhưng cuối cùng thì không thoát khỏi ngục tù ba cõi. Giả sử như có cha mẹ, vợ con, anh em thân thuộc muốn cứu họ thoát khỏi luân hồi nhưng vì tà tri, tà kiến phân biệt chấp trước của họ quá nặng, những thứ đó trở buộc họ nên không cách nào buông bỏ được, vì thế nên thường ở trong luân hồi không được tự tại.

Chú: 1) Tà kiến nghiệp vương: Tà kiến nghiệp là chỉ các nghiệp do tà tri, tà kiến phân biệt chấp trước, thí dụ chúng là chủ tể.

KINH

NHỮ KIẾN NGU SI CHI NHƠN, BÁT CHỦNG THIÊN CĂN, ĐẢN DĨ THẾ TRÍ THÔNG BIỆN, TĂNG ÍCH TÀ TÂM (1). VÂN HÀ XUẤT LY SANH TỬ ĐẠI NẠN (2).

Giải: Các vị hãy nhìn hạng người ngu si, họ không vun trồng căn lành mà chỉ lấy tài năng, trí tuệ thế gian của

họ làm tăng trưởng tà tri, tà kiến. Hạng người ấy hằng ngày tạo nghiệp ác thì làm sao mà ra khỏi biển khổ sống chết ?

Chú: 1) *Tà tâm: Chỉ tà tri, tà kiến.*

2) *Sanh tử đại nạn: Chỉ luân hồi sáu đường.*

KINH

PHỤC HỮU CHÚNG SANH TUY CHÚNG THIỆN CĂN, TÁC ĐẠI PHƯỚC ĐIỀN, THỦ TƯỚNG PHÂN BIỆT, TÌNH CHẤP THÂM TRỌNG, CẦU XUẤT LUÂN HỒI CHUNG BẤT NĂNG ĐẮC.

Giải: Lại còn một hạng chúng sanh tuy có trông căn lành, tu ruộng phước rộng lớn, trì danh hiệu Phật, nhưng họ lại từng niệm không quên những việc tốt mà họ đã làm rồi phân biệt, chấp trước mười phần sâu nặng. Như thế thì dù có tâm cầu ra khỏi luân hồi cũng không thể được.

KINH

NHƯỢC DĨ VÔ TƯỚNG TRÍ TUỆ (1) THỰC CHÚNG ĐỨC BỒN, THÂN TÂM THANH TỊNH VIỄN LY PHÂN BIỆT, CẦU SANH TỊNH SÁT, THỨ PHẬT BỒ ĐỀ ĐƯƠNG SANH PHẬT SÁT, VĨNH ĐẮC GIẢI THOÁT.

Giải: Nếu như lấy cái trí tuệ của vô tướng mà trông hết thấy công đức căn lành, chuyên niệm danh hiệu A-di-đà Phật thì thân-tâm sẽ được thanh tịnh, xa rời vọng tưởng, phân biệt chấp trước, khi ấy chỉ còn tâm niệm niệm cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, hướng tới Bồ-đề vô thượng;

tu học được như thế thì trong một kiếp quyết định
vãng sanh thành Phật mãi mãi thoát khỏi khổ đau
của luân hồi.

*Chú: 1) Vô tướng trí tuệ: Vô tướng chính là không chấp
trước đối với pháp thế gian và Phật pháp. Cái tâm không
chấp trước ấy chính là cái tâm thanh tịnh; do tâm thanh
tịnh mà khởi trí tuệ nên gọi là vô tướng trí tuệ.*

*

PHẨM THỨ BỐN MƯƠI HAI BỒ TÁT VÃNG SANH

Giải: Phẩm Kinh này Thế Tôn vì chúng ta mà giới thiệu về trạng huống niệm Phật vãng sanh của chư Bồ-tát vô lượng vô biên mười phương thế giới, vì chúng ta mà Thế Tôn đưa ra nhiều chứng minh.

KINH

DI LẶC BỒ TÁT BẠCH PHẬT NGÔN, KIM THỦ TA BÀ THẾ GIỚI CẬP CHƯ PHẬT SÁT BÁT THỐI BỒ TÁT ĐƯƠNG SANH CỰC LẠC QUỐC GIẢ. KỶ SỐ KỶ HÀ.

Giải: Bồ-tát Di-lặc hướng về Đức Phật thỉnh giáo: Hiện tại chư vị Bồ-tát bất thối ở thế giới Ta-bà và các thế giới khác, tương lai muốn vãng sanh về Tây phương Cực Lạc, số lượng của chư vị nhiều hay ít.

KINH

PHẬT CÁO DI LẶC, Ư THỦ THẾ GIỚI HỮU THẮT BÁCH NHỊ THẬP ỨC BỒ TÁT, DĨ TẦNG CÚNG DƯƠNG VÔ SỐ CHƯ PHẬT. THỰC CHỨNG ĐỨC BỔN ĐƯƠNG SANH BỈ QUỐC, CHƯ TIÊU HẠNH BỒ TÁT (1) TU TẬP CÔNG ĐỨC ĐƯƠNG VÃNG SANH GIẢ BÁT KHẢ XUNG KẾ.

Giải: Đức Phật nói với Bồ-tát Di-lặc: Ở thế giới Ta-bà có 720 ức vị Bồ-tát từng cúng dường vô số chư Phật trong quá khứ, đã vun trồng vô lượng căn lành công

đức, tương lai chắc chắn được vãng sanh về Cực Lạc tịnh độ; hàng hạnh nhỏ Bồ-tát cũng có vô số vô lượng, chư vị cũng từng tu tập công đức, tương lai cũng được vãng sanh; về nhân số thì không thể nào tính toán được.

Chú: 1) *Tiểu hạnh Bồ-tát: Chỉ các vị Bồ-tát bất thối trở xuống.*

KINH

BÁT ĐÁN NGÃ SÁT CHƯ BỒ TÁT ĐẲNG VÃNG SANH BỈ QUỐC, THA PHƯƠNG PHẬT ĐỘ DIỆC PHỤC NHƯ THI. TÔNG VIỄN CHIẾU PHẬT SÁT, HỮU THẬP BÁT CÂU CHỈ NA DO THA BỒ TÁT MA HA TÁT (1) SANH BỈ QUỐC ĐỘ. ĐÔNG BẮC PHƯƠNG BẢO TẠNG PHẬT SÁT, HỮU CỬU THẬP ỨC BÁT THỐI BỒ TÁT ĐƯƠNG SANH BỈ QUỐC. TÔNG VÔ LƯỢNG ÂM PHẬT SÁT, QUANG MINH PHẬT SÁT, LONG THIÊN PHẬT SÁT, THẮNG LỤC PHẬT SÁT, SƯ TỬ PHẬT SÁT, LY TRẦN PHẬT SÁT, ĐỨC THỦ PHẬT SÁT, NHÂN VƯƠNG PHẬT SÁT, HOA TRÀNG PHẬT SÁT, BÁT THỐI BỒ TÁT ĐƯƠNG VÃNG SANH GIẢ, HOẶC SỐ THẬP BÁCH ỨC HOẶC SỐ BÁCH THIÊN ỨC NÃI CHÍ VẠN ỨC.

Giải: Chẳng những vô số chư Bồ-tát của thế giới Ta-bà trong tương lai vãng sanh về thế giới Cực Lạc mà còn chư Bồ-tát của các thế giới khác cũng được vãng sanh như vậy. Từ cõi nước của Đức Phật Viễn Chiếu, hàng hạnh nhỏ Bồ-tát và chư vị Đại Bồ-tát gồm 18 vạn ức tương lai được vãng sanh. Phương Đông Bắc, cõi nước của Đức Phật Bảo Tạng có 90 ức Bồ-tát bất thối sẽ được

vãng sanh trong tương lai; từ cõi nước của Phật Vô Lượng Âm, cõi nước Phật Quang Minh, cõi nước Phật Long thiên, cõi nước Phật Thắng Lực, cõi nước Phật Sư Tử, cõi nước Phật Ly Trần, cõi nước Phật Đức Thủ, cõi nước Phật Nhân Vương, Phật Hoa Tràng, chư Bồ-tát bất thối ở trong mỗi cõi nước ấy tương lai sẽ được vãng sanh hoặc là mười trăm ức hoặc trăm ngàn ức cho đến cả vạn ức.

Chú: 1) *Ma-ha-tát: Đại Bồ-tát.*

KINH

KỲ ĐỆ THẬP NHỊ PHẬT DANH VÔ THƯỢNG HOA, BỈ HỮU VÔ SỐ CHƯ BỒ TÁT CHỨNG GIAI BẤT THỐI CHUYỂN. TRÍ TUỆ DŨNG MÃNH, DĨ TĂNG CÚNG DƯƠNG VÔ LƯỢNG CHƯ PHẬT, CỤ ĐẠI TINH TẤN, PHÁT THỨ NHẤT THỪA (1) Ư THẮT NHẬT TRUNG, TỨC NĂNG NHIẾP THỦ BÁCH THIÊN ỨC KIẾP, ĐẠI SĨ SỞ TU KIÊN CỐ CHI PHÁP TƯ ĐẲNG BỒ TÁT GIAI DƯƠNG VĂNG SANH.

Giải: Cõi nước Phật thứ 12 mang tên là Vô Thượng Hoa có vô số Bồ-tát trong cõi nước ấy đều đã chứng đắc quả vị không thối chuyển. Trí tuệ dũng mãnh trong vô lượng kiếp, chư vị từng cúng dường vô lượng chư Phật; trong tu học chư vị đều đầy đủ đại tinh tấn, phát tâm hướng đến pháp môn thành Phật; chư vị đều có năng lực chỉ trong bảy ngày chư vị nắm giữ tất cả pháp công đức của trăm ngàn ức kiếp mà chư vị Đại sĩ đã tu học; chư vị Bồ-tát ấy tương lai sẽ vãng sanh.

Chú: 1) Phát thú nhất thừa: Phát tâm hướng đến pháp môn thành Phật.

KINH

KỶ ĐỆ THẬP TAM PHẬT DANH VIẾT VÔ ÚY, BỈ HỮU THẮT BÁCH CỬU THẬP ÚC ĐẠI BỒ TÁT CHÚNG, CHƯ TIỂU BỒ TÁT CẬP TỖ KHEO ĐẲNG, BẮT KHẢ XƯNG KẾ GIAI ĐƯƠNG VÃNG SANH.

Giải: Vị Phật thứ 13 mang tên là Vô Úy, trong cõi nước của ngài có 790 ức vị Đại Bồ-tát. Ngoài ra hàng tiểu Bồ-tát và hàng Tỳ-kheo 4 chúng thì số lượng không thể đếm, chư vị đều sẽ vãng sanh.

KINH

THẬP PHƯƠNG THẾ GIỚI CHƯ PHẬT DANH HIỆU, CẬP BỒ TÁT CHÚNG ĐƯƠNG VÃNG SANH GIẢ, ĐẢN THUYẾT KỶ DANH, CÙNG KIẾP BẮT TẬN.

Giải: Danh hiệu của chư Phật trong mười phương thế giới cũng như tên của cõi nước cho đến nhân số của hàng Bồ-tát sẽ vãng sanh, nếu như nói rõ ra thì phải trải qua một thời gian vô lượng kiếp cũng không nói hết. Dù thấy rằng thế giới Cực Lạc phương Tây quả thật là hết thảy chư Phật mười phương đều tán thán là Thánh địa tu học của hết thảy chư Đại Bồ-tát. Chúng ta trong đời này có nhân duyên xin chớ lầm lẫn.

Phần chánh tông của Kinh đến tiết này đã nói xong.

*

PHẨM THỨ BỐN MƯỜI BA PHI THỊ TIÊU THỪA

Giải: Từ phẩm 43 đến phẩm 48 là phần lưu thông của Kinh. Phẩm này Thế Tôn dạy cho chúng ta biết rằng những ai tu tập pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc không phải là hạng chúng sanh mang căn tính của Tiêu thừa. Nhân vì pháp môn ấy là Đại thừa, mà còn là Đại thừa trong Đại thừa, Nhất thừa trong Nhất thừa, là pháp môn vô thượng vi diệu.

KINH

**PHẬT CÁO TỪ THỊ, NHỮ QUÁN, BỈ CHƯ BỒ TÁT MA HA TÁT,
THIỆN HOẠCH LỢI ÍCH.**

Giải: Đức Phật nói với Bồ-tát Di-lặc: Thầy xem hết thấy Bồ-tát lớn nhỏ trong mười phương thế giới vãng sanh đến thế giới Cực Lạc liền khéo nhận được lợi ích chân thật một kiếp bình đẳng thành Phật.

KINH

**NHƯỢC HỮU THIỆN NAM TỬ, THIỆN NỮ NHƠN ĐẮC VĂN A
DI ĐÀ PHẬT DANH HIỆU NĂNG SANH NHẤT NIỆM HỖ ÁI
CHI TÂM, QUY Y CHIÊM LỄ, NHƯ THUYẾT TU HÀNH,
ĐƯƠNG TRI THỦ NHƠN VI ĐẮC ĐẠI LỢI, ĐƯƠNG HOẠCH
NHƯ THƯỢNG SỞ THUYẾT CÔNG ĐỨC TÂM VÔ HẠ LIỆT (1),
DIỆC BÁT CỐNG CAO, THÀNH TỰU THIỆN CĂN TÁT GIAI**

**TĂNG THƯỢNG, ĐƯƠNG TRI THỦ NHƠN PHI THỊ TIÊU THỪA,
Ư NGÃ PHÁP TRUNG, ĐẮC SANH ĐỆ NHẤT ĐỆ TỬ.**

Giải: Nếu như có người đàn ông hay đàn bà nào có đầy đủ Tín, Nguyện, Hành được nghe danh hiệu A-di-đà Phật rồi khởi sanh một niệm tâm hoan hỷ, tốt lành, quy y chiêm lễ, nương dựa vào những lời Phật dạy như pháp tu hành, nên biết rằng người ấy liền được vãng sanh Tịnh độ, một kiếp thành Phật và đáng nhận được vô số lợi ích công đức như Kinh đã nói đến.

Thế Tôn lại còn biểu minh cho thấy người tu hành niệm Phật không còn cái tâm tự ty, cũng không cống cao ngạo mạn mà lúc nào, nơi nào cũng khiêm cung đức độ, thật sự niệm Phật như vậy sẽ thành tựu tăng thêm căn lành, vị ấy nhất định không phải là căn tính của Tiểu thừa; chẳng những không phải là hạng Tiểu thừa mà ở đây, Thế Tôn còn tán thán vị ấy “ở trong Chánh pháp của Ta và được gọi là người học trò số một”, thực tế thì ở trong phần thứ nhất của Kinh này, tên của Tôn giả Kiều Trần Như được ghi vào hàng đầu.

KINH

**THỊ CỐ CÁO NHỮ THIÊN NHƠN THẾ GIAN A TU LA ĐĂNG
(1) ƯNG ĐƯƠNG ÁI LẠC TU TẬP SANH HY HỮU TÂM; Ư THỦ
KINH TRUNG SANH ĐẠO SỬ (2) TƯỜNG; DỤC LINH VÔ
LƯỢNG CHÚNG SANH, TỐC TẬT AN TRÚ, ĐẮC BÁT THỐI
CHUYỂN (3). CẬP DỤC KIẾN BỈ QUẢNG ĐẠI TRANG NGHIÊM,
NHIẾP THỌ THÙ THẮNG PHẬT SÁT, VIÊN MÃN CÔNG ĐỨC**

GIẢ, ĐƯƠNG KHỞI TINH TẤN, THỈNH THỦ PHÁP MÔN VỊ CẦU PHÁP CỐ, BÁT SANH THỐI KHUẤT XU NGUY (4) CHI TÂM.

Giải: Vì thế Như Lai nói cho các vị biết, đại chúng trời, người, A-tu-la tham gia vào pháp hội nên nhiệt tâm, thích thú tu tập pháp môn ấy, đối với pháp niệm Phật thành Phật này sanh khởi cái tâm hy hữu khó gặp. Lấy bộ Kinh này mà làm cái chỗ trở về nương tựa của bản thân; lấy Kinh này làm vị Đạo Sư thật sự của chính mình bất luận là khởi tâm động niệm hay hành vi tư tưởng của mình đều lấy Kinh này làm tiêu chuẩn, chớ làm trái thì chúng sanh vô lượng vô biên mới có thể nhanh chóng chứng đắc quả vị không thối chuyển.

Còn như muốn thấy được cõi nước Cực Lạc vi diệu, thù thắng trang nghiêm rộng lớn của Đức Phật A-di-đà, muốn được tròn đầy công đức thì nên tăng gia tinh tấn, nỗ lực tiếp nhận pháp môn niệm Phật cầu nguyện vãng sanh vì cầu vãng sanh thành Phật nên không thể sanh khởi cái tâm thối chuyển, xu ngụy.

Chú: 1) *Thiên nhưn thể gian A-tu-la đẳng:* Câu này chỉ chúng sanh của sáu đường tham gia pháp hội.

2) *Đạo Sư:* Tôn xưng với Đức Phật; Đức Phật có năng lực dắt dẫn chúng sanh phá mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc.

3) *Tốc tạt an trú đắc bất thối chuyển:* Tốc tạt là rất nhanh; An trú đắc bất thối chuyển là không cần trải

qua thời gian dài mà chỉ cần sanh đến Tây phương tịnh độ tức thì viên chúng ba bất thối, an trú ở trong cảnh giới Phật.

4) Thối thất xu ngụy: Thối thất là tâm thối lùi, hồi hận. Xu ngụy là a dua, hư ngụy không thật.

KINH

THIỆT NHẬP ĐẠI HỎA BÁT ỨNG NGHI HỐI. HÀ DĨ CỐ, BỈ VÔ LƯỢNG ỨC CHƯ BỒ TÁT ĐẲNG, GIAI TẮT CẦU THỦ VI DIỆU PHÁP MÔN, TÔN TRỌNG THÍNH VĂN BÁT SANH VI BỘI. ĐA HỮU BỒ TÁT DỤC VĂN THỦ KINH NHI BÁT NĂNG ĐẮC THỊ CỐ NHŨ ĐẲNG ỨNG CẦU THỦ PHÁP.

Giải: Giả như gặp phải tai nạn lửa lớn cũng không nên hoài nghi, hối hận. Vì sao vậy ? Nhân vì vô số Bồ-tát trong mười phương thế giới đều mong cầu pháp môn vi diệu này, thường tôn trọng nghe, tha thiết tin tưởng và y giáo phụng hành, đối với nội dung giáo giới của Kinh này đừng sanh tâm đi ngược lại.

Có thể nhiều vị Bồ-tát trong mười phương thế giới mong được nghe Kinh này (Kinh Vô Lượng Thọ), pháp môn niệm Phật ấy, chớ ngại vì không đầy đủ nhân duyên nên không thể đạt được. Vì thế chư vị có nhân duyên gặp được thì nên nhận thức tu học, nên nỗ lực cầu đạt được lợi ích công đức của pháp này thì mới có thể trong đời này thành tựu tròn đầy Phật đạo vô thượng.

*

PHẨM THỨ BỐN MƯƠI BỐN THỌ BỒ ĐỀ KÝ

Giải: Phẩm Kinh này Thế Tôn thọ ký thành Phật đối với những ai tin tưởng phụng hành Kinh này, cũng chính là chứng minh trong tương lai quyết định thành Phật, vô cùng hiếm có.

KINH

NHUỘC Ư LẠI THẾ NÃI CHÍ CHÁNH PHÁP DIỆT THỜI, ĐƯƠNG HỮU CHÚNG SANH THỰC CHƯ THIỆN BỒN DĨ TÀNG CÚNG DƯƠNG VÔ LƯỢNG CHƯ PHẬT. DO BỈ NHƯ LẠI GIA UY LỰC CỐ, NĂNG ĐẮC NHƯ THỊ QUẢNG ĐẠI PHÁP MÔN, NHIẾP THỦ THỌ TRÌ, ĐƯƠNG HOẠCH QUẢNG ĐẠI NHẤT THIẾT TRÍ TRÍ (1) Ư BỈ PHÁP TRUNG, QUẢNG ĐẠI THẮNG GIẢI (2) HOẠCH ĐẠI HOAN HỖ QUẢNG VỊ THA THUYẾT THƯỜNG LẠC TU HÀNH.

Giải: Nếu ở trong đời vị lai cho đến khi Chánh pháp của Phật-đà diệt, ở trong 12.000 năm ấy, nếu như có chúng sanh nào vun trồng căn lành niệm Phật đã nhiều đời từng cúng dường vô lượng chư Phật, do sự gia trì sức mạnh của oai thần của chư Phật khiến cho vị ấy trong một đời gặp được pháp môn rộng lớn này (Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ).

Sau khi gặp được, hoan hỷ tin nhận những lời dạy ở trong Kinh, nắm giữ thì chắc chắn đạt được cái trí tuệ nhất thiết trí, hiểu rõ pháp môn này một cách triệt để,

sanh tâm hoan hỷ; sau đó đem cái lợi ích vì người khác mà rộng nói, khuyên mọi người thường vui thích tu tập pháp môn ấy.

Chú: 1) *Nhất thiết trí trí: Chỉ cái trí tuệ chân thật tròn đầy.*

2) *Quảng đại thắng giải: Hiểu biết triệt để.*

KINH

CHƯ THIỆN NAM TỬ CẬP THIỆN NỮ NHƠN NĂNG Ư THỊ PHÁP, NHƯỢC DĨ CẦU, HIỆN CẦU, ĐƯƠNG CẦU GIẢ GIAI HOẠCH THIỆN LỢI. NHỮ ĐẰNG ƯNG ĐƯƠNG AN TRÚ VÔ NGHI, CHỨNG CHƯ THIỆN BỒN, ƯNG THƯỜNG TỰ TẬP SỬ VÔ NGHI ĐÁI; BÁT NHẬP NHẤT THIẾT CHỨNG LOẠI TRÂN BẢO THÀNH TỰU LAO NGỤC (1).

Giải: Các vị đàn ông đàn bà đối với pháp môn niệm Phật vãng sanh, hoặc đã cầu được hoặc là đương cầu hoặc là sẽ cầu pháp này trong tương lai đều nhận được lợi ích thù thắng, vãng sanh thành Phật không thối chuyển. Chư vị cần tin tưởng, kiên định chớ có nghi ngờ pháp môn ấy, tích lũy công đức, thường tu hành học tập khiến cho trong tâm không có nghi ngờ, chướng ngại; như vậy thì mới khỏi bị mê lạc trong tất cả trần bấu của tù ngục ba cõi.

Chú: 1) *Lao ngục: Ở đây thí dụ ba cõi như nhà tù.*

KINH

A ĐẠT ĐA, NHƯ THỊ ĐẰNG LOẠI ĐẠI UY ĐỨC GIẢ (1) NĂNG

**SANH PHẬT PHÁP QUẢNG ĐẠI DI MÔN (2) DO Ư THỬ PHÁP
BẮT THÍNH VĂN CỔ, HỮU NHẤT ỨC BỒ TÁT THỐI CHUYỂN
A NẬU ĐA LA TAM MIỆU TAM BỒ ĐỀ.**

Giải: Đức Phật nói cho Bồ-tát Di-lặc biết như trên đã nói về chư Bồ-tát tu học các pháp môn Đại thừa tuy có khả năng khai thị Phật pháp nhưng do chưa có duyên được nghe pháp môn Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà mà đã có một ức vị Bồ-tát đang trên đường đưa đến thành Phật; các vị Bồ-tát ấy bị thối thất cái tâm Bồ-đề vô thượng.

Chú: 1) Đại uy đức giả: Chỉ người tu học pháp môn Đại thừa.

2) Quảng đại di môn: Các pháp môn Đại thừa ngoài pháp môn Tịnh độ.

KINH

**NHƯỢC HỮU CHÚNG SANH Ư THỬ KINH ĐIỂN, THỬ TẢ,
CÚNG DƯƠNG, THỌ TRÌ, ĐỘC TỤNG, Ư TU DU KHOẢNH VỊ
THA ĐIỂN THUYẾT, KHUYẾN LINH THÍNH VĂN, BẮT SANH
ƯU NÃO NÃI CHÍ TRÚ DẠ TƯ DUY BỈ SÁT, CẬP PHẬT CÔNG
ĐỨC Ư VÔ THƯỢNG ĐẠO CHUNG BẮT THỐI CHUYỂN.**

Giải: Thảng như có kẻ đối với Kinh này, mà phát tâm ghi chép lại, cúng dường, thọ giữ, đọc tụng thì liền trong một thời gian rất ngắn gọn cơ hội ngẫu nhiên cũng nên vì người ấy mà diễn giảng, khuyên họ nghe để không sanh phiền não, ưu khổ cho đến ngày đêm nhớ nghĩ đến thế giới Cực Lạc, nhớ nghĩ đến công đức của Phật A-di-

đà thì vị ấy trên con đường Phật đạo thành Phật chắc chắn là không bị thối chuyển.

KINH

BỈ NHÂN LÂM CHUNG, GIẢ SỬ TAM THIÊN ĐẠI THIÊN THẾ GIỚI MÃN TRUNG ĐẠI HÒA, DIỆC NĂNG SIÊU QUÁ SANH BỈ QUỐC ĐỘ, THỊ NHƠN DĨ TẦNG TRỊ QUÁ KHỨ PHẬT, THỌ BỒ ĐỀ KÝ; NHẤT THIẾT NHƯ LAI ĐỒNG SỞ XƯNG TÁN THỊ CỐ ỨNG ĐƯƠNG SANH TÂM TÍN THỌ, TRÌ TỤNG, THUYẾT HÀNH.

Giải: Người nào y giáo phụng hành thì người ấy lúc lâm chung, giả sử nơi nào trong ba ngàn đại thiên thế giới bị nạn lửa lớn, vị ấy cũng đều tránh khỏi, đồng thời có đủ thuận lợi vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Vì sao ? Nhân vì vị ấy từng cúng dường vô lượng Phật trong quá khứ, chư Phật Như Lai vì vị ấy mà thọ ký, được hết thủy chư Phật tán thán. Do những lợi ích thù thắng trên, vì thế các vị nên chuyên tâm tin nhận, trì tụng, tuyên nói và phụng hành Kinh này.

*

PHẨM THỨ BỐN MƯƠI LĂM ĐỘC LƯU THỨ KINH

Giải: Đức Phật ở trong phẩm Kinh này, đặc biệt Ngài hiển thị lòng đại từ đại bi của Thế Tôn sau khi Phật pháp diệt lại giữ Kinh này trên thế gian 100 năm để phổ độ hết thấy tội khổ chúng sanh.

KINH

NGÔ KIM VỊ CHƯ CHÚNG SANH THUYẾT THỨ KINH PHÁP, LINH KIẾN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT CẬP KỲ QUỐC ĐỘ NHẤT THIẾT SỞ HỮU, SỞ ĐƯƠNG VI GIẢ GIAI KHẢ CẦU CHI, VÔ ĐẮC DĨ NGÃ DIỆT ĐỘ CHI HẬU, PHỤC SANH NGHI HOẶC.

Giải: Đức Phật Thích-ca-mâu-ni nói, hôm nay Ta vì hết thấy chúng sanh mà nói Kinh: “Đại thừa Vô Lượng Trang Nghiêm, Thanh Tịnh, Bình Đẳng Giác” chính là mong muốn tất cả chúng sanh đều thấy được Đức Phật A-di-đà cho đến vô số trang nghiêm thù thắng của thế giới Cực Lạc; vì thế chư vị cần phải học tập. Đó là phát nguyện vãng sanh, đó là mọi người đều có thể cầu được, không đợi đến sau khi Như Lai nhập Niết-bàn đối với Kinh này lại sanh khởi cái tâm nghi hoặc.

KINH

ĐƯƠNG LAI CHI THẾ (1) KINH ĐẠO DIỆT TẬN. NGÃ DĨ TỬ BI AI MÃN, ĐẶC LƯU THỨ KINH CHỈ TRÚ BÁCH TUẾ; KỲ HỮU

CHÚNG SANH TRỊ TƯ KINH GIẢ, TÙY Ý SỞ NGUYỆN GIẢI KHẢ ĐẮC ĐỘ.

Giải: Tương lai đến thời mạt pháp (sau khi Đức Phật nhập diệt 12.000 năm) tất cả Kinh luận phương pháp mà Đức Phật đã tuyên nói đều bị tiêu diệt ở thế giới này. Khi ấy Như Lai lấy tâm đại từ bi thương tưởng chúng sanh rồi dùng oai thần để gia trì, đặc biệt tiếp tục giữ Kinh này lưu thông ở thế gian 100 năm. Chúng sanh trong thời gian này, nếu gặp được bộ Kinh ấy thì hãy y giáo phụng hành, hoan hỷ, tín nguyện cầu sanh về thế giới Cực Lạc đều có thể được độ thoát.

Chú: 1) *Đương lai chi thế:* Chỉ sau khi Đức Phật Thích-ca-mâu-ni thị hiện diệt độ, pháp vận của Phật có ba thời kỳ: chánh pháp, tượng pháp và mạt pháp, cộng gần 12.000 năm.

KINH

NHƯ LAI HÙNG THẾ (1) NAN TRỊ NAN KIẾN. CHÚ PHẬT KINH ĐẠO (2) NAN ĐẮC NAN VĂN. NGỘ THIỆN TRI THỨC (3) VĂN PHÁP NAN HÀNH, THỦ DIỆT VI NAN NHƯỢC VĂN TƯ KINH, TÍN LẠC THỌ TRÌ, NAN TRUNG CHI NAN VÔ QUÁ THỦ NAN.

Giải: Đức Phật thị hiện giữa thế gian này vô cùng khó gặp khó thấy. Những Kinh điển và phương pháp tu hành mà Thế Tôn đã dạy cũng vô cùng khó được nghe; dù có muốn được gặp các bậc thiện tri thức cũng không dễ

dàng. Có gặp và được bậc thiện tri thức hướng dẫn, sau khi nghe pháp lại không y giáo phụng hành, có phụng hành cũng khó đắc. Nếu như nghe đến bộ Kinh ấy, pháp môn niệm Phật vãng sanh ấy mà tin tưởng một cách chân chính, hoan hỷ thọ trì đó là điều khó khăn trong những điều khó khăn và không có việc khó nào có thể so sánh kịp.

Chú: 1) *Hung thế*: Là xuất hiện ở đời.

2) *Đạo* là chỉ cái lý luận tu hành và phương pháp.

3) *Thiện tri thức*: Chỉ hàng chánh tri chánh kiến, như pháp tu hành, kẻ có khả năng dắt dẫn chúng sanh ở trên con đường lành.

KINH

NHƯỢC HỮU CHÚNG SANH ĐẮC VĂN PHẬT THANH (1) TỪ TÂM THANH TỊNH, DŨNG DƯỢC HOAN HỖ Y MẠO VI KHỞI (2) HOẶC LỆ XUẤT GIẢ, GIAI DO TIỀN THẾ TĂNG TÁC PHẬT ĐẠO, CỔ PHI PHẠM NHƠN.

Giải: Nếu như có chúng sanh nào nghe đến danh hiệu Nam mô A-di-đà Phật mà sanh khởi tâm từ bi, tâm thanh tịnh; đồng thời trong lòng sung sướng vui vẻ, hoặc giả toát mồ hôi, thậm chí vì cảm động mà rơi nước mắt. Chúng sanh nào mà có các hiện tượng đó đều là do ở kiếp trước từng là kẻ tu hành niệm Phật, vì thế vị ấy không phải là hạng người phổ thông.

Chú: 1) *Phật thanh: Chỉ niệm danh hiệu Nam mô A-di-đà Phật.*

2) *Y mao vi khởi: Toát mồ hôi, dựng tóc.*

KINH

**NHUỘC VĂN PHẬT HIỆU, TÂM TRUNG HỒ NGHI Ứ PHẬT
KINH NGŨ ĐÔ VÔ SỞ TÍN. GIAI TÒNG ÁC ĐẠO TRUNG LAI,
TÚC ƯƠNG VỊ TẬN, VỊ ĐƯƠNG ĐỘ THOÁT, CỔ TÂM HOÀI
NGHI BẤT TÍN HƯỚNG NHÍ.**

Giải: Nếu như nghe đến danh hiệu Nam mô A-di-đà Phật, trong lòng sanh hoài nghi, đối với những gì nói ở trong Kinh Phật đều không tin, Đức Phật nói hạng người ấy đến từ ba đường ác, tập khí ác ở đời quá khứ chưa hết, cả cuộc đời họ không thể nào được giải thoát nhân vì tâm họ còn hồ nghi không chịu tin tưởng vào pháp môn niệm Phật vãng sanh thành Phật.

*

PHẨM THỨ BỐN MƯƠI SÁU CẦN TU KIÊN TRÌ

Giải: Phẩm này Thế Tôn phó chúc đại chúng tinh tấn tu tập, cần phải kiên trì tôn thủ những lời Phật dạy ở trong Kinh, y giáo phụng hành, cần phải phát tâm cứu giúp hết thảy chúng sanh.

KINH

PHẬT CÁO DI LẶC, CHƯ PHẬT NHƯ LAI VÔ THƯỢNG CHI PHÁP (1) THẬP PHƯƠNG VÔ ÚY, VÔ NGẠI, VÔ TRƯỚC, THẬM THÂM CHI PHÁP (2) CẬP BA LA MẬT ĐĂNG BỒ TÁT CHI PHÁP (3) PHI DI KHẢ NGỘ; NĂNG THUYẾT PHÁP NHƠN DIỆC NAN KHAI THỊ. KIÊN CỐ THÂM TÍN THỜI DIỆC NAN TAO. NGÃ KIM NHƯ LÝ TUYÊN THUYẾT NHƯ THỊ QUẢNG ĐẠI VI DIỆU PHÁP MÔN, NHẤT THIẾT CHƯ PHẬT CHI SỞ XŨNG TÁN PHÓ CHÚC NHŨ ĐĂNG TÁC ĐẠI THỦ HỘ.

Giải: Đức Phật nói với Bồ-tát Di-lặc và đại chúng: Tất cả đại pháp vô thượng Niết-bàn của Như Lai cho đến mười lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại biện, tự tại dung thông, không thủ trước, tất cả đại pháp Niết-bàn của chư Phật Như Lai cho đến sáu ba-la-mật, pháp thế gian, xuất thế gian của chư Bồ-tát không dễ gì gặp được; tuy có đại đức Pháp sư có tài giảng Kinh nói pháp nhưng đối với các pháp môn ấy cũng khó mà dùng ngôn ngữ, văn tự để mà khai thị.

Nếu có người nào ở trong pháp môn niệm Phật thành Phật khó tin này mà sanh khởi niềm tin vững chắc, hạng người ấy thật khó gặp; nay Như Lai như lý tuyên nói pháp môn niệm Phật rộng lớn vì diệu ấy thật là vì hết thảy mười phương chư Phật đã tán thán. Nay Như Lai đem pháp môn ấy phó chúc cho các thầy, các thầy cần phải đem hết sức mà gìn giữ bộ Kinh này, y giáo phụng hành, vì mọi người mà diễn nói để được lợi ích rộng lớn cho chúng sanh.

Chú: 1) Vô thượng chi pháp: Chỉ phương pháp trì danh niệm Phật của Kinh, còn trong tất cả Đại thừa giáo ắt là chỉ đến pháp Niết-bàn vô thượng rốt ráo.

2) Thập lực vô úy, vô ngại vô trước thậm thâm chi pháp: Quả vị tròn đầy đức năng mà chư vị đã chứng đắc:

3) Ba-la-mật đẳng Bồ-tát chi pháp: Chỉ pháp của các vị Đại thừa Bồ-tát.

KINH

VỊ CHƯ HỮU TÌNH TRƯỜNG DẠ (1) LỢI ÍCH MẠC LINH CHÚNG SANH LUÂN ĐỌA NGŨ THỨ BỊ THỌ ÁCH KHỔ, ỨNG CẦN TU HÀNH TÙY THUẬN NGÃ GIÁO, ĐƯƠNG HIẾU Ư PHẬT THƯỜNG NIỆM SỰ AN, ĐƯƠNG LINH THỊ PHÁP CỨU TRÚ BẤT DIỆT, ĐƯƠNG KIÊN TRÌ CHI VÔ ĐẮC HỦY THẮT, VÔ ĐẮC VI VỌNG, TĂNG GIẢM KINH PHÁP.

Giải: Để lợi ích cho tất cả chúng sanh hữu tình thoát khỏi đêm dài tối tăm, không để cho chúng sanh phải bị

đọa vào trong sáu nẻo luân hồi chịu khổ báo, các vị hãy tinh cần tu tập, thọ trì, đọc tụng vì mọi người mà diễn nói, tùy thuận giáo pháp của Như Lai. Nên hiếu kính Phật, thường nhớ đến ân Thầy để cho bộ Kinh này còn mãi không bị diệt vong; nên có niềm tin kiên cố, gìn giữ chớ để mất; đối với giáo lý hành quả của Kinh không được để hư hoại, không được thêm hay bớt Kinh văn.

Chú: 1) Trường dạy: Là thí dụ cho luân hồi sáu đường.

KINH

**THƯỜNG NIỆM BÁT TUYỆT ÁC ĐẮC ĐẠO TIỆP (1) NGÃ PHÁP
NHƯ THỊ, TÁC NHƯ THỊ THUYẾT, NHƯ LAI SỞ HÀNH DIỆC
UNG TÙY HÀNH CHỪNG TU PHƯỚC CẦU SANH TỊNH SÁT.**

Giải: Đức Phật lại phó chúc các thầy nên thường tụng bộ Kinh ấy, thường niệm A-di-đà Phật không để gián đoạn. Nếu như thật sự phát tâm, niệm niệm liên tục thì rất nhanh chóng vãng sanh thành Phật bất thối chuyển. Phương pháp tu hành của Như Lai là như vậy, vì thế Như Lai tuyên nói như vậy; đại nguyện đại hạnh của Như Lai, các thầy cũng nên tùy sức tùy phần mà thực hành; cần trông phước tu lành, lấy tiêu chuẩn đó mà cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc chắc chắn đạt đến thành tựu.

*

PHẨM THỨ BỐN MƯƠI BẢY PHƯỚC HUỆ THỈ KHAI

Giải: Phẩm Kinh này lại một lần nữa thuyết minh, tất cả chúng sanh do đời quá khứ đã tu phước, tu tuệ, thành thực căn lành thì mới được nghe đến bộ Kinh này và tiếp nhận pháp môn niệm Phật.

KINH

NHĨ THỜI THẾ TÔN NHI THUYẾT TỤNG VIẾT:
NHƯỢC BÁT VĂNG TÍCH TU PHƯỚC TUỆ
Ư THỦ CHÁNH PHÁP BÁT NĂNG VĂN
DĨ TÀNG CÚNG DƯỜNG CHƯ NHƯ LAI
ẮT NĂNG HOAN HỖ TÍN THỦ SỰ
ÁC KIÊU GIẢI ĐÃI CẬP TÀ KIẾN
NAN TÍN NHƯ LAI VI DIỆU PHÁP
THỈ NHƯ MANH NHƠN HẰNG XỬ ÁM
BÁT NĂNG KHAI ĐẠO Ư THA LỘ.

Giải: Khi ấy Thế Tôn tụng lại phương thức và nói rằng nếu trong đời quá khứ không tu phước tuệ, thì không thể được nghe bộ Kinh này, tiếp nhận pháp môn tịnh độ. Do trong nhiều đời quá khứ đã từng cúng dường chư Phật Như Lai thì nay mới hoan hỷ tin tưởng pháp môn ấy, còn như kẻ tạo mười nghiệp ác, kiêu ngạo giải đãi cho đến tà tri, tà kiến thì thật khó mà tin vào pháp môn tịnh độ vi diệu mà Thế Tôn đã nói, cũng giống như người mù ở trong bóng tối lâu dài thì không thể dẫn đường cho

kẻ khác chính xác.

KINH

**DUY TÀNG Ư PHẬT THỰC CHÚNG THIỆN
CỨU THẾ CHI HẠNH PHƯƠNG NĂNG TU
VĂN DĨ THỌ TRÌ CẬP THƯ TẢ
ĐỌC TỤNG TÁN DIỄN TỊNH CÚNG DƯỜNG**

*

**NHƯ THỊ NHẤT TÂM CẦU TỊNH PHƯƠNG
QUYẾT ĐỊNH VÃNG SANH CỰC LẠC QUỐC
GIẢ SỬ ĐẠI HỎA MÃN TAM THIÊN
THỪA PHẬT UY ĐỨC TẮT NĂNG SIÊU**

Giải: Duy chỉ có hạng người từng ở chỗ Phật vô lượng rộng trồng nhiều căn lành thì mới chân chính phát tâm tiếp tục huệ mạng của Phật, cứu độ hết thảy khổ nạn chúng sanh đồng thời hoàn toàn tin tưởng tiếp nhận pháp môn tịnh độ, y giáo phụng hành, phổ biến rộng rãi Kinh điển, lại còn đọc tụng Kinh điển mỗi ngày, vì mọi người mà giảng giải, lấy lợi ích thù thắng cúng dường đại chúng.

Như hạng người nói trên nhất tâm nhất ý cầu sanh về thế giới Cực Lạc nhất định được vãng sanh.

Giả sử như trong ba ngàn đại thiên thế giới có tai nạn lửa lớn thì hạng chúng sanh ấy cũng không bị ảnh hưởng, nhờ vào bốn nguyện oai thần của chư Phật gia trì tất cả đều được độ thoát vãng sanh thành Phật.

KINH

NHƯ LAI THÂM QUẢNG TRÍ TUỆ HẢI

**DUY PHẬT DỮ PHẬT NÃI NĂNG TRI
THANH VĂN ỨC KIẾP TƯ PHẬT TRÍ
TẬN KỶ THẦN LỰC MẠC NĂNG TRẮC**

*

**NHƯ LAI CÔNG ĐỨC PHẬT TỰ TRI
DUY HỮU THỂ TÔN NĂNG KHAI THỊ
NHÂN THÂN NAN ĐẮC PHẬT NAN TRI
TÍN TUỆ VĂN PHÁP NAN TRUNG NAN**

Giải: Trí tuệ của Như Lai cũng giống như biển, sâu rộng không bờ bến, duy chỉ có Phật với Phật mới hiểu triệt để còn hàng Thanh văn dùng thời gian cả ức kiếp để suy lường trí tuệ của Phật, dù đem hết trí lực thần thông cũng không thể trắc lường được.

Công đức quả địa của Như Lai chỉ có cảnh giới của Phật thì mới liễu tri, cũng chỉ có Phật thì mới nói ra rõ ràng; được làm thân người tuy đã khó, gặp được Phật lại càng khó hơn. Nghe đến pháp môn tịnh độ mà tin tưởng, thọ trì là việc khó trong tất cả việc khó, không thể so sánh cái khó này được.

KINH

**NHƯỢC CHƯ HỮU TÌNH ĐƯƠNG TÁC PHẬT
HÀNH SIÊU PHỔ HIỀN ĐĂNG BỈ NGẠN
THỊ CỐ BÁC VĂN CHƯ TRÍ SĨ (1)
ƯNG TÍN NGÃ GIÁO NHƯ THẬT NGÔN (2)**

Giải: Nếu như có chúng sanh hữu tình nào y chiếu đầy đủ vào nội dung Kinh này mà tin tưởng, thiết tha thực

hành ở trong đời này tất là thành Phật; sự hành trì của vị ấy quả thật là lớn hơn cả thành tựu tu học trong nhiều kiếp của Bồ-tát Phổ Hiền, quyết định sang bờ bên kia. Vì thế Đức Phật lấy lòng từ bi khuyên dụ hàng Đại thừa Bồ-tát học rộng nghe nhiều, hạng người có trí tuệ chân chính nên tin tưởng vào lời nói chân thật của Đức Phật.

Chú: 1) *Bác văn chư trí sĩ: Học rộng nghe nhiều, hạng người có trí tuệ. Ở đây chỉ đến người tu học các pháp môn Đại thừa khác.*

2) *Như thật ngôn: Lời nói tương ứng với chân tướng sự thật.*

KINH

**NHƯ THỊ DIỆU PHÁP (1) HẠNH THÍNH VĂN
ƯNG THƯỜNG NIỆM PHẬT NHI SANH HỮ
THỌ TRÌ QUẢNG ĐỘ SANH TỬ LƯU
PHẬT THUYẾT THỦ NHƠN CHÂN THIỆN HỮU (2)**

Giải: Diệu pháp như vậy khó gặp khó được nghe, khó tin, hôm nay chúng ta có hạnh phúc mới được nghe thì nên thường niệm Phật mà sanh tâm vui mừng; chẳng những bản thân thọ trì đọc tụng mà còn độ thoát sống chết, rồi lại phổ biến rộng rãi Kinh này khuyên mọi người niệm Phật ra khỏi sống chết. Hạng người ấy Đức Phật ca ngợi là hạng thiện tri thức.

Chú: 1) *Như thị diệu pháp: Chỉ Kinh này.*

2) *Chân thiện hữu: Thực là thiện tri thức.*

PHẨM THỨ BỐN MƯƠI TÁM VĂN KINH HOẠCH ÍCH

Giải: Phẩm sau cùng của Kinh này, chủ yếu là nói đến đời sau khi đại chúng trong pháp hội nghe Đức Phật Thích-ca-mâu-ni tuyên giảng Kinh Vô Lượng Thọ thu được lợi ích không thể nghĩ bàn.

KINH

NHỊ THỜI THẾ TÔN THUYẾT THỦ KINH PHÁP, THIÊN NHƠN THẾ GIAN HỮU VẠN NHỊ THIÊN NA DO THA ỨC CHÚNG SANH VIỄN LY TRẦN CẤU ĐẮC PHÁP NHÃN TỊNH, NHỊ THẬP ỨC CHÚNG SANH ĐẮC A NA HÀM QUẢ, LỤC THIÊN BÁT BÁCH TỖ KHEO CHỮ LẬU DĨ TẬN TÂM ĐẮC GIẢI THOÁT.

Giải: Khi ấy Thế Tôn giảng vừa xong bộ Kinh thì trời người ở cõi Ta-bà thế giới có 12.000 na-do-tha ỨC CHÚNG SANH VIỄN LY PHIÊN NÃO ĐẮC PHÁP NHÃN TỊNH (chúng A-la-hán); hai mươi ỨC CHÚNG SANH ĐẮC QUẢ VỊ A-NA-HÀM; sáu ngàn tám trăm TỖ-KHEO đoạn hết phiền não, kiến hoặc, tư hoặc mãi mãi thoát khỏi ba cõi, tâm ý khai giảng chúng đắc quả vị A-la-hán.

KINH

TỨ THẬP ỨC BỒ TÁT Ư VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ, TRÚ BÁT THỐI CHUYỂN DĨ HOÀNG THỆ CÔNG ĐỨC NHỊ TỰ TRANG NGHIÊM; NHỊ THẬP NGŨ ỨC CHÚNG SANH ĐẮC BÁT THỐI NHÃN (1).

Giải: Bồ-tát có bốn mươi ức vị, đối với đạo vô thượng Bồ-đề an trú ở nơi sự thật chân tướng mà đặc không thối chuyển; chư vị lấy công đức của 48 nguyện lợi ích cho chúng sanh và tự trang nghiêm. Có 25 ức chúng sanh chúng đặc vô sanh pháp nhãn (thất địa trở lên).

Chú: 1) Bất thối nhãn: Niệm niệm đều không thối chuyển, tương đương với niệm không thối.

KINH

TỨ VẠN ÚC NA DO THA BÁCH THIÊN CHÚNG SANH Ư VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ VỊ TẶNG PHÁT Ý, KIM THỈ SƠ PHÁT, CHỨNG CHỦ THIỆN CĂN, NGUYỆN SANH CỰC LẠC KIẾN A DI ĐÀ PHẬT, GIAI ĐƯƠNG VÃNG SANH BỈ NHƯ LAI ĐỘ, CÁC Ư DỊ PHƯƠNG (1) THỨ ĐỆ THÀNH PHẬT ĐỒNG DANH DIỆU ÂM NHƯ LAI.

Giải: Có bốn vạn ức na-do-tha trăm ngàn chúng sanh xưa nay chưa phát tâm muốn thành Phật quả vô thượng, sau khi nghe Đức Phật nói pháp môn này thì mới bắt đầu phát tâm tu các căn lành, phát nguyện vãng sanh về thế giới Cực Lạc, tương lai mỗi vị đến mười phương và kế tiếp nhau thành Phật cùng một danh hiệu Diệu Âm Như Lai.

Chú: 1) Dị phương: Chỉ mười phương thế giới.

KINH

PHỤC HỮU THẬP PHƯƠNG PHẬT SÁT NHƯỢC HIỆN TẠI SANH, CẬP VỊ LAI SANH, KIẾN A DI ĐÀ PHẬT GIẢ, CÁC HỮU

**BÁT VẠN CÂU CHỈ NA DO THA NHƠN ĐẮC THỌ KÝ PHÁP
NHÃN THÀNH VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ. BỈ CHỦ HỮU TÌNH GIAI
THỊ A DI ĐÀ PHẬT TỨC NGUYỆN NHÂN DUYÊN, CÂU ĐẮC
VÃNG SANH CỤC LẠC THẾ GIỚI.**

Giải: Lại có mười phương cõi Phật, có người hiện tại
vãng sanh, có người tương lai vãng sanh thấy được Đức
Phật A-di-đà; mỗi thế giới như vậy có tám vạn na-do-
tha chúng sanh được Phật thọ ký, đắc pháp nhãn vô
thượng, thành tựu Phật đạo, chúng sanh niệm Phật của
mười phương cõi nước Phật do ở quá khứ có nhân duyên
sâu dày với Đức Phật A-di-đà nên đều vãng sanh đến
thế giới Cực Lạc.

KINH

**NHĨ THỜI TAM THIÊN ĐẠI THẾ GIỚI LỤC CHỦNG CHẤN
ĐỘNG, TỊNH HIỆN CHỦNG CHỦNG HY HỮU THẦN BIẾN
PHÓNG ĐẠI QUANG MINH PHỔ CHIẾU THẬP PHƯƠNG.
PHỤC HỮU CHỦ THIÊN, Ứ HƯ KHÔNG TRUNG TÁC DIỆU
ÂM NHẠC, XUẤT TÙY HỖ THANH. NÃI CHÍ SẮC GIỚI CHỦ
THIÊN, TẮT GIAI ĐẮC VÃN, HÂN VỊ TẶNG HỮU VÔ LƯỢNG
DIỆU HOA PHÂN PHÂN NHI GIÁNG.**

Giải: Lúc ấy ba ngàn đại thiên thế giới có sáu loại chấn
động và xuất hiện vô số điềm lành hiếm có. Phật phóng
đại hào quang chiếu khắp mười phương, lại còn có chư
thiên ở giữa không trung diễn tấu âm nhạc vi diệu, phát
ra âm thanh tùy hỷ ca ngợi; thậm chí chư thiên ở cõi trời

Sắc giới cũng nghe được Thế Tôn nói Kinh này, chư vị đều tán thán rằng diệu pháp ấy xưa nay chưa từng được nghe qua và rải xuống vô số hoa quý để cúng dường trang nghiêm đạo tràng.

KINH

TÔN GIÁ A NAN, DI LẶC BỒ TÁT CẬP CHƯ BỒ TÁT THANH VẤN, THIÊN LONG BÁT BỘ, NHẤT THIẾT ĐẠI CHÚNG VĂN PHẬT SỞ THUYẾT, GIAI ĐẠI HOAN HỖ TÍN THỌ PHỤNG HÀNH.

Giải: Tôn giả A-nan và Bồ-tát Di-lặc cùng chư Bồ-tát, chúng Thanh văn, thiên long bát bộ và tất cả đại chúng tham gia pháp hội, sau khi mọi người nghe xong bộ Kinh này đều mười phần hoan hỷ, tin tưởng, tiếp thọ, thiết thực dựa vào những lời giáo giới ở trong Kinh mà tu hành.

*

MỤC LỤC

- Lời giới thiệu	trang	05
- Tựa của người dịch		08
- Tựa		10
- Đề Kinh		15
- Phẩm 1: PHÁP HỘI THÁNH CHÚNG		22
- Phẩm 2: ĐỨC TÔN PHỔ HIỀN		46
- Phẩm 3: ĐẠI GIÁO DUYÊN KHỞI		55
- Phẩm 4: PHÁP TẠNG NHÂN ĐỊA		71
- Phẩm 5: CHÍ TÂM TINH TẤN		80
- Phẩm 6: PHÁT ĐẠI THỆ NGUYỆN		113
- Phẩm 7: TẮT THÀNH CHÁNH GIÁC		121
- Phẩm 8: TÍCH CÔNG LỤY ĐỨC		131
- Phẩm 9: VIÊN MÃN THÀNH TỰU		135
- Phẩm 10: GIAI NGUYỆN TÁC PHẬT		137
- Phẩm 11: QUỐC GIỚI NGHIÊM TỊNH		143
- Phẩm 12: QUANG MINH BIẾN CHIẾU		149
- Phẩm 13: THỌ CHÚNG VÔ LƯỢNG		153
- Phẩm 14: BẢO THỤ BIẾN QUỐC		156
- Phẩm 15: BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG		162
- Phẩm 16: ĐƯỜNG XÁ LÂU QUÁN		166
- Phẩm 17: TUYỀN TRÌ CÔNG ĐỨC		175
- Phẩm 18: SIÊU THỂ HY HỮU		178
- Phẩm 19: THỌ DỤNG CỤ TỨC		182
- Phẩm 20: ĐỨC PHONG HOA VŨ		185
- Phẩm 21: BẢO LIÊN PHẬT QUANG		188

- Phẩm 22: QUYẾT CHỨNG CỤC QUẢ	188
- Phẩm 23: THẬP PHƯƠNG PHẬT TÁN	191
- Phẩm 24: TAM BỒI VÃNG SANH	194
- Phẩm 25: VÃNG SANH CHÁNH NHÂN	202
- Phẩm 26: LỄ CÚNG THÍNH PHÁP	210
- Phẩm 27: CA THÁN PHẬT ĐỨC	221
- Phẩm 28: ĐẠI SĨ THẦN QUANG	225
- Phẩm 29: NGUYỄN LỤC HOÀNG THÂM	228
- Phẩm 30: BỒ TÁT TU TRÌ	233
- Phẩm 31: CHÂN THẬT CÔNG ĐỨC	241
- Phẩm 32: THỌ LẠC VÔ CỤC	248
- Phẩm 33: KHUYẾN DỤ SÁCH TÁN	259
- Phẩm 34: TÂM ĐẮC KHAI MINH	269
- Phẩm 35: TRỌC THÊ ÁC KHỔ	274
- Phẩm 36: TRÙNG TRÙNG HỐI MIỄN	293
- Phẩm 37: NHƯ BÀN ĐẮC BẢO	299
- Phẩm 38: LỄ PHẬT HIỆN QUANG	307
- Phẩm 39: TỬ THỊ THUẬT KIẾN	315
- Phẩm 40: BIÊN ĐỊA NGHI THÀNH	319
- Phẩm 41: HOẶC TẬN KIẾN PHẬT	325
- Phẩm 42: BỒ TÁT VÃNG SANH	333
- Phẩm 43: PHI THỊ TIỂU THỪA	337
- Phẩm 44: THỌ BỒ ĐỀ KÝ	341
- Phẩm 45: ĐỘC LƯU THỦ KINH	345
- Phẩm 46: CẦN TU KIÊN TRÌ	349
- Phẩm 47: PHƯỚC HUỆ THỈ KHAI	352
- Phẩm 48: VẤN KINH HOẠCH ÍCH	356

Bạn Đồng Tu Tinh Độ
Kinh Biểu

Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Đệ Tử và Chúng Sanh
Đồng sanh Cực Lạc Quốc
Nam Mô A Di Đà Phật



Nam Mô A Di Đà Phật



NGŨ KHOA TỊNH ĐỘ

*Chân
Thành*

1. TAM PHÚC

- * Phúc báu nơn thiên
- * Hiếu dưỡng phụ mẫu
- * Phụng sự sư trưởng
- * Từ tâm bất sát
- * Tu thập thiện nghiệp

2. LỤC HÒA KINH

- * Kiến hòa đồng giải
- * Thân hòa đồng trụ
- * Giới hòa đồng tu
- * Khẩu hòa vô tranh
- * Ý hòa đồng duyệt
- * Lợi hòa đồng quân

*Nhìn
Thấu*

*Thanh
Tịnh*

* Phúc báu nhị thừa

- * Thọ trì tam quy
- * Giữ gìn cấm giới
- * Không phạm oai nghi

3. TAM HỌC

- * Giới
- * Định
- * Huệ

*Buông
Hả*

*Bình
Đẳng*

* Phúc báu đại thừa

- * Phát Bồ Đề Tâm
- * Thâm tín nhân quả
- * Đọc tụng đại thừa
- * Khuyến tấn hành giả

4. LỤC ĐỘ

- * Bồ thí
- * Trì giới
- * Nhẫn nhục
- * Tinh tấn
- * Thiển định
- * Trí tuệ

*Tự
Tại*

*Chánh
Giác*

**5. THẬP ĐẠI NGUYÊN VƯƠNG CỦA
PHỔ HIẾN BỒ TÁT**

- * Lễ kính Chư Phật
- * Xưng tán Như Lai
- * Quảng tu cúng dường
- * Sám hối nghiệp chướng
- * Tùy hỷ công đức
- * Thỉnh chuyển pháp luân
- * Thỉnh Phật trụ thế
- * Thường tùy Phật học
- * Tùy thuận chúng sanh
- * Phổ giai hồi hướng

*Tùy
Duyên*

*Từ
Bi*

*Niệm
Phật*



Học Vì Nhân Sư - Hành Vì Thế Phạm

Bạn Đồng Tu Tịnh Độ

Kinh Biểu

FREE DISTRIBUTION

“**W**herever the Buddha’s teachings have flourished,
either in cities or countrysides,
people would gain inconceivable benefits.
The land and people would be enveloped in peace.
The sun and moon will shine clear and bright.
Wind and rain would appear accordingly,
and there will be no disasters.
Nations would be prosperous
and there would be no use for soldiers or weapons.
People would abide by morality and accord with laws.
They would be courteous and humble,
and everyone would be content without injustices.
There would be no thefts or violence.
The strong would not dominate the weak
and everyone would get their fair share.”

※ **THE BUDDHA SPEAKS OF
THE INFINITE LIFE SUTRA OF
ADORNMENT, PURITY, EQUALITY
AND ENLIGHTENMENT OF
THE MAHAYANA SCHOOL** ※

Praise of Amita Buddha

Amita Buddha,
The Lord with the greatest vows,
His mercy, compassion,
delight and abandonment immeasurable,
Between His eyebrows always emits white-curved radiance.
He delivers sentient beings so they may enter
His Western Pure Land of Ultimate Bliss,
Where the pond of eight-virtue water
grows lotuses of nine grades,
And where marvelous seven-jewelled trees form rows.
If the Tathagata's sacred epithets are propagated,
He will receive us and lead us to
His Western Pure Land of Ultimate Bliss.
If Amita Buddha's holy name is invoked and praised,
We all vow to go to
His Western Pure Land of Ultimate Bliss.

Amita Buddha all in golden color,
With form, features and radiance unequalled,
White curls winding like the five Sumeru Mountains,
And purple eyes as clear as the four great seas.
In His aura are transformed Buddhas in countless millions,
And transformed Bodhisattvas, also, in limitless number;
Forty-eight vows He made to enlighten sentient beings.
And to enable all nine grades to reach the other shore.
Blessed be the Most Compassionate One
of the Western Pure Land of Ultimate Bliss,
Amita Buddha.

Taking Refuge with Bodhichitta

**I go for refuge, until I am enlightened,
to the Buddha, the Dharma and the Sangha.
Through the merit I create by practicing giving and the other
perfections,
may I quickly attain the state of Buddhahood for the benefit of
all sentient beings.**

The Prayers of the Bodhisattva

**With the wish to free all beings,
I will always go for refuge
to the Buddha, Dharma and Sangha
till I reach full enlightenment.
Enthused by the compassion and wisdom,
Today, in Buddha's presence,
I generate the Mind of Enlightenment,
for the sake of all sentient beings.
For as long as space remains,
and as long as sentient being remain,
until then, may I too remain
to dispel the sufferings of all beings.**

With bad advisors forever left behind,
From paths of evil he departs for eternity,
Soon to see the Buddha of Limitless Light
And perfect Samantabhadra's Supreme Vows.

The supreme and endless blessings
of Samantabhadra's deeds,
I now universally transfer.
May every living being, drowning and adrift,
Soon return to the Pure Land of Limitless Light!

*** The Vows of Samantabhadra ***

I vow that when my life approaches its end,
All obstructions will be swept away;
I will see Amitabha Buddha,
And be born in His Western Pure Land of
Ultimate Bliss and Peace.

When reborn in the Western Pure Land,
I will perfect and completely fulfill
Without exception these Great Vows,
To delight and benefit all beings.

*** The Vows of Samantabhadra Avatamsaka Sutra ***

